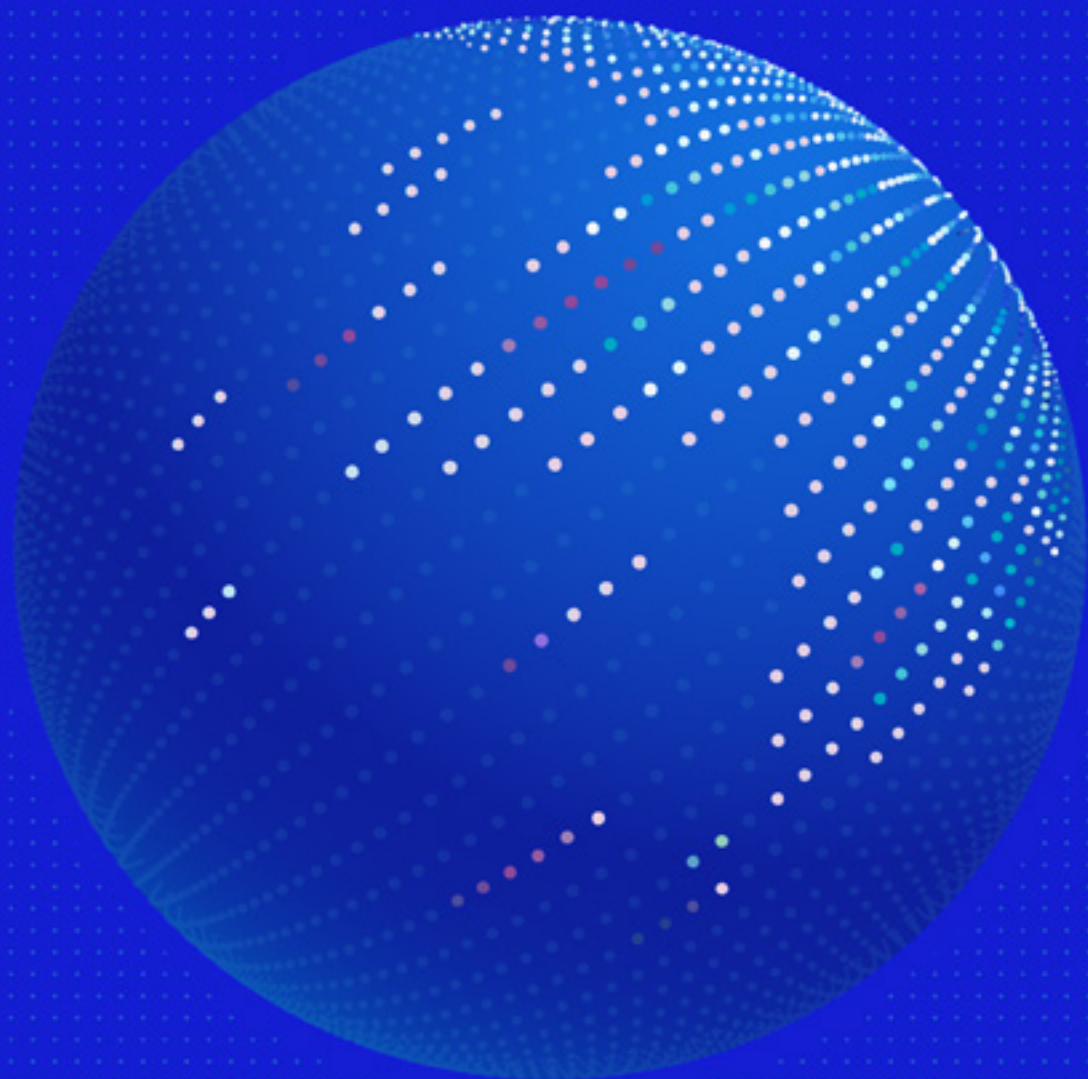




Báo cáo thường niên 2024

DOANH NGHIỆP SỐ

TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH DẪN ĐẦU

**DOANH NGHIỆP SỐ
TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH DẪN ĐẦU**

Mục lục

08 - 15

- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 10 Thông điệp của Tổng Giám Đốc
- 12 Dấu ấn 2024

18 - 65

Tổng quan về MB năm 2024

- 18 Thông tin chung
- 25 Mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh
- 48 Chiến lược và định hướng phát triển
- 52 Công tác quản lý rủi ro

68 - 107

Tình hình hoạt động của MB năm 2024

- 68 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 84 Tổ chức và nhân sự
- 92 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 98 Tình hình tài chính của MB năm 2024
- 104 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

110 - 133

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

- 110 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 128 Tình hình tài chính
- 132 Trách nhiệm về môi trường và xã hội

136 - 147

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ngân hàng

- 136 Tình hình hoạt động của Ngân hàng
- 144 Hoạt động của Ban điều hành
- 145 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

150 - 207

Báo cáo phát triển bền vững

- 150 Thông điệp phát triển bền vững
- 152 Thông tin báo cáo phát triển bền vững
- 153 Mục tiêu và định hướng phát triển bền vững của MB
- 170 Quản trị phát triển bền vững tại MB
- 172 Báo cáo của Ban Điều hành về trách nhiệm Môi trường - Xã hội
- 174 Trụ cột Khách hàng
- 186 Trụ cột Môi trường
- 192 Trụ cột Xã hội
- 202 Trụ cột Quản trị

210 - 249

Quản trị Công ty

- 210 Hội đồng Quản trị
- 230 Ban Kiểm soát
- 236 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
- 238 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

252 - 359

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

- 252 Thông tin chung
- 255 Báo cáo của Ban Điều hành
- 256 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 258 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- 262 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất
- 264 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 267 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Danh mục từ viết tắt

AI	Trí tuệ nhân tạo	CQQLNN	Cơ quan quản lý nhà nước	KYC	Định danh khách hàng (Know Your Customer)	QTCT	Quản trị công ty
ALM	Quản lý cân bằng giữa tài sản và nguồn vốn	CRM	Máy nộp và rút tiền tự động	LCR	Loan coverage ratio (Tỷ lệ bao phủ nợ xấu)	QTKD	Quản trị kinh doanh
AMC	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội	CSAT	Chỉ số hài lòng của khách hàng	LDR	Tổng dư nợ cho vay/ nguồn vốn huy động	QTRR	Quản trị rủi ro
API	Giao diện lập trình ứng dụng	CSR	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	LGD	Tỷ trọng tổn thất ước tính	RM	Quan hệ khách hàng
APP MB	App dành cho khách hàng cá nhân của MB	CTTV	Công ty thành viên	LNTT	Lợi nhuận trước thuế	ROA	Tỷ suất lợi nhuận / tổng tài sản
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á	ĐGD	Điểm giao dịch	LNG	Liên Ngân hàng	ROE	Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu
ATM	Máy rút tiền tự động	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	MB247	Tổng đài giải đáp hỗ trợ khách hàng 24/7	RPA	Tự động hóa quy trình bằng rô-bốt
AUM	Tổng tài sản quản lý	ĐVKD	Đơn vị kinh doanh	MTV	Một thành viên	RRHĐ	Rủi ro hoạt động
BaaS	Banking as a Service	eKYC	Định danh khách hàng điện tử (Electronic Know Your Customer)	Net-zero	Phát thải ròng bằng “0”	RT	Rửa tiền
BCTC	Báo cáo tài chính	ESG	Môi trường – Xã hội - Quản trị	NFC	Xác thực sinh trắc học	SBV	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
BCTN	Báo cáo thường niên	ESOP	Phát hành cổ phiếu cho CBNV trong ngân hàng	NFI	Thu nhập phí thuận	SCF	Tài chính chuỗi cung ứng
BDH	Ban điều hành	EU	Liên minh Châu Âu EU	NH	Ngân hàng	SKD	Sản xuất kinh doanh
BDS	Bất động sản	EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	NHNN	Ngân hàng nhà nước	SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
BHXX	Bảo hiểm xã hội	FCRM	Quản trị rủi ro phòng chống tội phạm tài chính	NHQG	Ngân hàng quốc gia	SVCK	So với cùng kỳ
BIZ MB	App dành cho khách hàng doanh nghiệp của MB	FDI	Vốn đầu tư nước ngoài	NHTM	Ngân hàng thương mại	TC&TP	Tiêu cực và tội phạm
BKS	Ban kiểm soát	FTA	Hiệp định thương mại tự do	NHTMCP	Ngân Hàng thương mại cổ phần	TCT	Tổng công ty
BLĐ	Ban lãnh đạo	FYPB	Doanh số bán mới	NHTW	Ngân hàng trung ương	TCTD	Tổ chức tín dụng
BMFF	Quỹ Đầu tư tăng trưởng Bordier - MB Flagship	GCC	Hội đồng điều phối Tập đoàn	NIM	Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/Biên lãi ròng	TGD	Tổng giám đốc
BQP	Bộ quốc phòng	GĐ	Giám đốc	NII	Thu nhập lãi thuần	TMCP	Thương mại cổ phần
BRICS	Khối BRICS	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	NPL	Tỷ lệ nợ xấu	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CAGR	Mức tăng trưởng bình quân	GRI	Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu	NPS	Chỉ số trung thành của khách hàng	TOI	Tổng thu nhập hoạt động
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn	GSO	Tổng cục thống kê Việt Nam	NPTQTCT	Người phụ trách quản trị công ty	TP TCKT	Trái phiếu Tổ chức kinh tế
CASA	Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn	GTCG	Giấy tờ có giá	NQ	Nghị quyết	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
CBNV	Cán bộ nhân viên	HĐQT	Hội đồng quản trị	NSFR	Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng	TTKB	Tài trợ khủng bố
CBQL	Cán bộ quản lý	ICAAP	Quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ	NSLD	Năng suất lao động	TTPBVKHDHL	Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt
CCCD	Căn cước công dân	ICMA	Hiệp hội thị trường vốn quốc tế	NSNN	Ngân sách nhà nước	TTTM	Tài trợ thương mại
CCTG	Chứng chỉ tiền gửi	IFRS	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	OCR	Trích xuất dữ liệu tự động	TV	Thành viên
CĐ	Cổ đông	IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế	PCRT	Phòng chống rửa tiền	UB	Chuyên viên chăm sóc khách hàng
CEO	Tổng giám đốc	IB	Ngân Hàng Đầu tư	PCTN	Phòng, chống tham nhũng	UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
CES	Chỉ số nỗ lực/dễ dàng tiếp cận sản phẩm của ngân hàng	IR	Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư	PD	Xác suất vỡ nợ	UBKT	Ủy ban kiểm toán
CGBB	Chuyển giao bắt buộc	ISO	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế	PDTD	Phê duyệt tự động	UN	Liên hợp quốc
CIB	Khối khách hàng lớn	ISO/IEC	Các hệ thống quản lí an toàn thông tin	POS	Máy bán hàng cầm tay	VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
CIR	Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động	KH	Khách hàng	PTBV	Phát triển bền vững	VDL	Vốn điều lệ
CN/PGD	Chi nhánh/ Phòng giao dịch	KHCN	Khách hàng cá nhân	PTGD	Phó tổng giám đốc	XNK	Xuất nhập khẩu
CNTT	Công nghệ thông tin	KHDN	Khách hàng doanh nghiệp	QĐ	Quyết định	YEA	Tỷ suất tài sản sinh lời
COF	Chi phí vốn	KKH BQ	Không kỳ hạn bình quân	QDNB	Quy định nội bộ		
COSO	Ủy ban Chống gian lận khi lập BCTC thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ	KNK	Khí nhà kính	QDPL	Quy định pháp luật		
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	KSV	Kiểm soát viên	QLRR	Quản lý rủi ro		
CQ KTT	Cơ quan Kinh tế trưởng	KTNB	Kiểm toán nội bộ	QR	Mã phản hồi nhanh		

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư,
Đối tác và Khách hàng,

Năm 2024 đi qua với nhiều biến động về địa chính trị và kinh tế trên toàn Thế giới. Bức tranh nền kinh tế với những gam màu đối lập giữa tăng trưởng, lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt và sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam tiếp tục giữ vững đà phát triển với GDP cả năm đạt 7,09% nhờ các chính sách linh hoạt, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng trưởng bền vững và hội nhập quốc tế của Chính phủ. Trong ngành tài chính – ngân hàng, **chuyển đổi số** tiếp tục là xu hướng tất yếu. Sự thay đổi nhanh chóng trong hành vi khách hàng, sự mở rộng của hệ sinh thái tài chính – công nghệ, và áp lực cạnh tranh không chỉ đến từ các ngân hàng truyền thống mà còn từ các nền tảng Fintech và doanh nghiệp số.

Mặc dù đã trải qua năm 2024 nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm cao cùng với sự ủng hộ của các cơ quan quản lý, quý vị cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và khách hàng, MB đã khép lại một năm khá thành công với cột mốc quan trọng khi **tổng tài sản của MB lần đầu tiên đạt mốc 1 triệu tỷ đồng, đạt 1.129 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 19,5%**. Cấu trúc tài sản tiếp tục được phát triển theo hướng gia tăng khả năng sinh lời khi tỷ trọng cho vay khách hàng, đặc biệt khách hàng cá nhân, được nâng cao và thu hẹp tỷ trọng các cấu phần có tỷ lệ sinh lời thấp hơn. Tổng dư nợ tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN) đạt hơn 811 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 24,5%. Đáng chú ý, dù mở rộng tín dụng nhanh, MB vẫn duy trì tỷ lệ nợ xấu ổn định ở mức thấp 1,6% đối với tập đoàn và 1,4% đối với riêng ngân hàng, thấp hơn mặt bằng chung của ngành. Huy động khách hàng, bao gồm chứng chỉ tiền gửi, đạt 806 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 20% so với năm 2023, là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong số các ngân hàng niêm yết. Đồng thời MB duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn cao nhất trong nhóm các ngân hàng niêm yết, đạt 281 nghìn tỷ, chiếm 39,3% trong tổng tiền gửi khách hàng.

Với kết quả đó, MB duy trì vị thế **Top 4** về quy mô tổng tài sản, tín dụng, huy động, và lợi nhuận trước thuế so với các ngân hàng niêm yết. Tổng thu nhập hoạt động đứng thứ 5 và NFI đứng thứ 6. Về các chỉ tiêu hiệu quả, tỷ lệ CASA duy trì vị thế Top 1, ROE và ROA nằm trong Top 2, NIM đứng thứ 3, CIR thấp thứ 3. Bên cạnh những thành tích về duy trì đà tăng trưởng về quy mô, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động, cũng như kiểm soát tốt chất lượng tài sản, MB đã thành công trong hành trình chuyển đổi số. Năm 2024, ngân hàng đã thu hút thêm 4,1 triệu người dùng mới trên ứng dụng MBBank, nâng tổng số khách hàng lên trên 30,2 triệu khách và hiện nay 98,6% giao dịch của ngân hàng được thực hiện trên kênh số. Không chỉ đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng, MB còn khẳng định **vai trò tiên phong trong thực hiện các sáng kiến ESG, dẫn dắt xu hướng tài chính xanh**, thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội và tăng cường quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế.

Môi trường kinh doanh năm 2025 đối mặt với một số rủi ro đến từ các yếu tố bất định từ môi trường quốc tế, đặc biệt là chính sách thuế quan dưới nhiệm kỳ Trump 2.0 và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, xu hướng phân mảnh, phân cực, cạnh tranh giữa các quốc gia, khu vực gia tăng. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với trọng tâm là trí tuệ nhân tạo AI tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu vào đời sống xã hội, tạo ra sự phát triển bùng nổ trên Thế giới. Chúng tôi nhận định sẽ là xu hướng tất yếu của tương lai. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 ở trên 8%, lạm phát dự kiến ở mức khoảng 4,5%, với động lực đến từ sự tăng trưởng của các trụ cột như đầu tư, tiêu dùng, bán lẻ, cùng với đà tăng trưởng của xuất khẩu và hỗ trợ của dòng vốn FDI. Những sáng kiến mới đến từ kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và quá trình tinh gọn bộ máy hành chính của Chính phủ sẽ là những yếu tố mới giúp nền kinh tế bứt phá trong năm 2025, tạo đà, tạo lực, tạo thế cho giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng ở mức 2 con số.

Bối cảnh đó đặt ngành ngân hàng vào vị trí trọng tâm, đóng vai trò chiến lược trong sự phát triển kinh tế giai đoạn tới. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% trong năm 2025 để phục vụ tăng trưởng

kinh tế, chúng tôi dự báo nguồn doanh thu lợi nhuận của các ngân hàng niêm yết tăng trưởng khoảng 16%, tương đương mức tăng trưởng dư nợ của toàn nền kinh tế. Chúng tôi kiên định trở thành **"Doanh nghiệp số, tập đoàn tài chính dẫn đầu"**, ưu tiên phát triển bền vững, củng cố chất lượng hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn, MB sẽ tiếp tục bám sát các mục tiêu Chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, chú trọng xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, triển khai chuyển đổi số toàn diện, với các mục tiêu tài chính cụ thể như sau:

Tổng tài sản tăng 20-22%, dư nợ tăng 22-24% và tùy thuộc theo giới hạn của NHNN, huy động khách hàng (gồm CCTG) tăng 23-24%, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn. Lợi nhuận trước thuế tăng ~10%, tỷ lệ NPL ≤1,7%, duy trì vị thế Top 3 NHTM hàng đầu về ROE, ROA.

Đến 2029, MB đặt mục tiêu phục vụ 40 triệu khách hàng và tăng trưởng Tổng tài sản bình quân khoảng 14%/năm (giai đoạn 2024-2029), dư nợ và huy động tăng khoảng 15%, tùy theo giới hạn của NHNN, Lợi nhuận trước thuế tăng ~12% và tỷ lệ nợ xấu ≤2%, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động ROE, ROA, CIR trong Top đầu và tuân thủ các quy định của NHNN và Pháp luật.

Để đạt được điều đó, MB sẽ thúc đẩy các sáng kiến/chuyển dịch đảm bảo các mục tiêu đến 2026, chuẩn bị cơ sở và nền tảng xây dựng chiến lược phát triển tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo như sau:

- Tăng cường chỉ đạo, định hướng các đơn vị trong ngân hàng và công ty thành viên thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh cũng như triển khai các sáng kiến theo chiến lược phát triển của tập đoàn. Tăng cường hiệp lực tập đoàn để khai thác hiệu quả hệ sinh thái giữa MB và các công ty thành viên, nâng cao đóng góp của các công ty thành viên vào doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn MB; định hướng chỉ tiêu hiệu quả (ROE) của các công ty thành viên, phấn đấu ~ Top 3 ngành.
- Quản trị ngân hàng với các tiêu chuẩn cao, gắn với hiệu quả điều hành, phát triển nhanh bền vững, tiết kiệm chi phí, quản trị chặt chẽ nợ xấu, đảm bảo thúc

đẩy kế hoạch kinh doanh trọng yếu năm; quản trị chặt chẽ hoạt động đầu tư và tối ưu ngân sách đầu tư đảm bảo quản trị rủi ro và đảm bảo hiệu quả về tài chính.

- Ổn định cơ cấu cổ đông và xây dựng giá trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng quản trị điều hành và kiện toàn các quy chế về quản trị, điều hành phù hợp quy định pháp luật hiện hành và thông lệ tiên tiến.
- Quy hoạch, nâng cao hiệu quả hệ thống mạng lưới. Hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới chi nhánh tại các địa phương và các khu vực có tiềm năng lớn. Tiếp tục tận dụng cơ hội phát triển quy mô, phạm vi thông qua các nền tảng số, Smartbank và các cơ hội hợp tác với các đối tác, cổ đông chiến lược trong việc khai thác hiệu quả tập khách hàng của các bên.

Cuối cùng, chúng tôi luôn ý thức rằng thành công của MB hôm nay là kết quả của sự tin tưởng và đồng hành từ Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và hơn 18.600 cán bộ nhân viên tập đoàn. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo ngân hàng, tôi xin trân trọng ghi nhận sự đóng góp của tất cả các bên, tôi cũng xin cam kết kiên định với chiến lược đã đề ra và hướng tới những thành tựu cao hơn, xa hơn đưa MB vươn tầm khu vực.

Xin trân trọng cảm ơn!



Ông LƯU TRUNG THÁI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Quân đội

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư,
Đối tác và Khách hàng,

Năm 2024 ghi dấu mốc quan trọng với việc MB kỷ niệm 30 năm thành lập và thành công chinh phục 30 triệu khách hàng, cột mốc này không chỉ thể hiện sự tin tưởng của khách hàng mà còn đánh dấu một bước đột phá mới, đưa MB bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ hơn, hướng tới mục tiêu cao hơn trong hành trình phát triển bền vững. Với tầm nhìn **trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu**, MB đã, đang và sẽ tiếp tục tiên phong trong chuyển đổi số, đổi mới sản phẩm và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Vị thế Top đầu, vững bền tăng trưởng

Tại MB, chúng tôi tập trung vào việc tối ưu hóa các mô hình kinh doanh nền tảng, đẩy mạnh hiệp lực tập đoàn, thúc đẩy bán chéo để mở rộng quy mô, thị phần, tự động hóa hoạt động vận hành, tối ưu chi phí, đảm bảo CIR < 30%, quy hoạch và tăng hiệu quả kinh doanh kênh phân phối và cải tiến chất lượng dịch vụ theo điểm chạm. Nhờ đó, MB tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định với các chỉ tiêu kinh doanh trọng tâm đạt và vượt mức kế hoạch: Tổng tài sản MB đã vượt mốc 1 triệu tỷ đồng, quy mô tín dụng ngân hàng (gồm Dư nợ & TPDN) trên 811 nghìn tỷ đồng, huy động vốn (gồm CCTG) đạt khoảng 806 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, MB đứng đầu thị trường về tốc độ tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ CASA. Chất lượng tín dụng được chú trọng kiểm soát với tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng mẹ chỉ ở mức 1,4%. Các chỉ số sinh lời tiếp tục ở mức cao khẳng định vị thế Top đầu ngành, trong khi ngân hàng cũng tiên phong triển khai ESG toàn diện, với dư nợ tín dụng xanh chiếm 8,5% tổng dư nợ.

Chuyển đổi số mạnh mẽ, nâng cao hiệu suất

Để đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng trên, **MB đã và đang không ngừng nghiên cứu, phát triển, cải tiến trong lĩnh vực chuyển đổi số**. Cụ thể, MB tập trung nâng cấp các quy trình hướng đến tăng tỷ lệ tự động hóa và rút ngắn thời gian xử lý, đầu tư, tự chủ được các hệ thống, tự phát triển hơn 1.335 API, đồng thời ứng dụng AI vào các quy trình tư vấn, rà soát và thẩm định với độ chính xác lên tới 90-95%. Đặc biệt, hơn 50% giao dịch tại Contact Center đã được xử lý qua Callbot/Chatbot, giúp nâng cao hiệu suất hoạt động. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng phát triển hệ sinh thái Wealth Management và Landstock, cùng nhiều mini app trên App MBBank nhằm cung cấp thêm giá trị cho khách hàng.

Phát triển bền vững, hài hòa lợi ích

MB nhận thức rõ ràng những thách thức do biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên đang đe dọa tương lai chung, từ đó đề ra các mục tiêu và hành động cụ thể tác động tích cực lên môi trường và xã hội. Trong năm, MB tích cực tham gia hơn 111 chương trình an sinh xã hội, đóng góp hơn 400 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường; trong đó chiến dịch HiGreen - Trường Sa xanh do MB đầu mối tổ chức thu hút hơn 52.000 người tham gia chạy, tích lũy 4,7 triệu km đối ứng 10 tỷ đồng ngân sách tài trợ trồng 100.000 cây xanh tại quần đảo Trường Sa. Tập đoàn cũng đóng góp Ngân sách Nhà nước năm qua trên 8.600 tỷ đồng và 7.200 tỷ đồng với riêng Ngân hàng, triển khai hỗ trợ lãi suất trong lĩnh vực tín dụng xanh. MB còn chú trọng đến

lợi ích của cổ đông, khách hàng, người lao động và trách nhiệm xã hội. Ngân hàng đảm bảo quyền lợi cổ đông với cổ tức bằng tiền mặt 5% và cổ phiếu 15%. Chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện, giúp chỉ số hài lòng khách hàng đạt 90,3 điểm. MB cũng tiên phong trong chế độ đãi ngộ nhân sự, thu hút và giữ chân nhân tài. MB được vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất - ghi nhận những đóng góp của Ngân hàng trong quá trình phát triển 30 năm qua.

Tiếp thêm nguồn lực, nâng cao tầm vóc

Một trong những dấu ấn quan trọng của MB trong năm 2024 là việc tiếp nhận Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) (hiện đã đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - MBV) theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được Chính phủ phê duyệt vào ngày 17/10/2024. MB lên kế hoạch ưu tiên nguồn lực từ phát triển kinh doanh, nguồn vốn, công nghệ, nhân sự... để hỗ trợ thành viên mới của Tập đoàn. Song song với đó, MB cũng chú trọng vào nghiên cứu tiềm năng địa bàn và mở rộng mạng lưới, đến cuối năm 2024, MB có 321 điểm giao dịch mạng lưới hoạt động (bao gồm nước ngoài), cùng với hệ thống 100 SmartBank và 478 máy nộp và rút tiền tự động (CRM), mang đến trải nghiệm thuận tiện cho khách hàng. MB cũng tích cực xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác lớn trong và ngoài nước, đồng thời phát triển Trung tâm FDI nhằm mở rộng hợp tác với các tập đoàn hàng đầu thế giới.

Hướng tới năm 2025, kinh tế Việt Nam kỳ vọng tăng trưởng 8%, với động lực từ

công nghệ cao, năng lượng tái tạo, FDI và cải cách hành chính, MB tiếp tục đẩy mạnh **chuyển đổi số toàn diện**, tối ưu hóa đầu tư, quản trị rủi ro và nâng cao hiệu quả tài chính, hướng tới mục tiêu **Top 3 ngân hàng dẫn đầu về chuyển đổi số tại Đông Nam Á**. Năm 2025, chiến lược thương hiệu MB triển khai với thông điệp **"Bền vững - Hiện đại"**, tích hợp ESG trong hoạt động dài hạn, nâng cao quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, giảm chi phí và nợ xấu. Tiếp tục mở rộng quy mô bằng cách hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới chi nhánh tại các địa phương và các khu vực có tiềm năng, phát triển quy mô, phạm vi thông qua các nền tảng số, Smartbank và hợp tác với các đối tác, cổ đông chiến lược, phối hợp hỗ trợ thành viên mới của Tập đoàn là MBV trong việc tháo gỡ các khó khăn, từng bước nâng cao năng lực hoạt động.

Tuy chặng đường phía trước còn nhiều thách thức, tôi tin rằng với nền tảng vững chắc đã được xây dựng trong xuyên suốt 30 năm qua, cùng với sự đồng lòng và quyết tâm mạnh mẽ của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, MB sẽ kiên cường vượt qua mọi thách thức, giữ vững nhiệt huyết và tinh thần sẵn sàng để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong năm 2025. Xin gửi lời cảm ơn chân thành và kính chúc Quý vị dồi dào sức khỏe, gặt hái nhiều thành công và tràn đầy hạnh phúc!

Xin trân trọng cảm ơn!



Ông PHẠM NHƯ ÁNH

Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội



Dấu ấn 2024

Các giải thưởng đạt được trong năm 2024



**DOANH NGHIỆP
CHUYỂN ĐỔI SỐ XUẤT SẮC**
(Vietnam Digital Awards 2024)



**TOP 500 DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á**
(Fortune)



**DOANH NGHIỆP CÓ
MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC
BỀN VỮNG**
(Tập chí HR Asia)



**NGÂN HÀNG TIÊU BIỂU VỀ
TÍN DỤNG XANH**
(Tập đoàn dữ liệu Quốc tế - IDG)



**TOÀ NHÀ HỘI SỞ MB - ĐẠT 5 SAO
TOÀ NHÀ SỬ DỤNG
NĂNG LƯỢNG XANH**
(Sở Công thương TP. Hà Nội)



**ĐƠN VỊ QUẢN TRỊ RỦI RO
KIỂU MẪU**
(Celent)



**DOANH NGHIỆP
KINH DOANH XUẤT SẮC
CHÂU Á**
(APEA x Snowball)



**NGÂN HÀNG NGOẠI HỐI
TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM**
(Business Achievement Awards 2024)



**TOP 25 THƯƠNG HIỆU
NIÊM YẾT DẪN ĐẦU**
(Forbes Việt Nam)

Các hoạt động nổi bật



**HOÀN THÀNH VÀ XÁC THỰC ĐỘC LẬP
CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG LCR VÀ NSFR THEO
CHUẨN MỰC BASEL III**



**THỰC HIỆN 111 CHƯƠNG TRÌNH CSR,
SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP: 400 TỶ ĐỒNG,
TĂNG 62% SO VỚI NĂM 2023**



**CHUỖI HOẠT ĐỘNG
KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY THÀNH LẬP MB**

Các con số nổi bật về kinh doanh

TỔNG TÀI SẢN

1.128.801 TỶ VND

19,5% SO VỚI 2023

TÍN DỤNG (gồm Dư nợ và TPDN)

811.142 TỶ VND

24,5% SO VỚI 2023

HUY ĐỘNG (gồm CCTG)

805.674 TỶ VND

20% SO VỚI 2023

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

28.829 TỶ VND

10% SO VỚI 2023

TỔNG ĐÓNG GÓP VÀO
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TẬP ĐOÀN MB

8,6 NGHÌN TỶ VND

NGÂN HÀNG MB

7,2 NGHÌN TỶ VND

Các con số nổi bật về ESG

TỔNG DƯ NỢ XANH

65.063 TỶ VND

4,5 lần
SO VỚI 2020

TỶ TRỌNG DƯ NỢ XANH

8,5%

1%

DOANH SỐ CHI TIÊU THẺ
HIGREEN ĐÓNG GÓP VÀO
CÁC DỰ ÁN CSR

734.676 TỶ VND

DƯ NỢ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ
RỦI RO CHO MÔI TRƯỜNG

100.000 CÂY XANH

CHO TRƯỜNG SA THÔNG QUA
CHIẾN DỊCH HIGREEN

BAN HÀNH KHUNG
TÀI CHÍNH XANH
THEO CHUẨN MỰC
QUỐC TẾ

Thành tựu chuyển dịch số

6,2 TỶ GIAO DỊCH

Qua kênh số một cách ổn định, an toàn
và bảo mật tuyệt đối

98,6%

Khách hàng của MB đã lựa chọn
giao dịch qua kênh số, và tỷ lệ
giao dịch thành công đạt tới 99,96%

Top 1 VỀ QUY MÔ
NAPAS

Dẫn đầu trong việc áp dụng công nghệ số
trong ngành ngân hàng tại Việt Nam

VÒNG TAY THANH TOÁN
STELLAR

Vòng tay thanh toán tiên phong tại Việt
Nam, kết hợp hai chip debit (ghi nợ) và
credit (ghi có) trong cùng một thiết kế,
mang lại trải nghiệm thanh toán 5.0
nhANH chóng, tiện lợi và an toàn. Với
thiết kế đa dạng với màu sắc và bộ
charm cá tính, phù hợp với nhiều phong
cách người dùng

DỊCH VỤ BAAS
- BANKING AS A SERVICE

MB tiên phong triển khai BaaS tại Việt
Nam, cung cấp các dịch vụ thiết yếu như
thông báo biến động số dư tài khoản theo
thời gian thực trên hệ thống của doanh
nghiệp, hỗ trợ thu/chí hộ, thanh toán qua
mã QR tĩnh/động từ tất cả các ứng dụng
ngân hàng trong liên minh NAPAS, và
thu hộ qua tài khoản định danh cho các
công ty chứng khoán, bảo hiểm và doanh
nghiệp có hình thức hoạt động B2B (hình
thức giao dịch giữa doanh nghiệp và
doanh nghiệp)...

PHẦN MỀM
BÁN HÀNG MSELLER

Giải pháp toàn diện giúp quản lý cửa
hàng và tối ưu quy trình bán hàng,
mang lại hiệu quả vượt trội cho chủ cửa
hàng và nhân viên. Với mục tiêu mang
đến trải nghiệm người dùng mượt mà,
mSeller nổi bật với các tính năng hiện
đại như thanh toán QR động và hệ
thống iMenu. Nhờ iMenu, khách hàng
có thể dễ dàng gọi món và thanh toán
tự động ngay trên thiết bị của mình, tiết
kiệm thời gian và nâng cao sự tiện lợi
trong mỗi lần giao dịch

BE THE SKY

Thẻ ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tích
hợp thẻ membership fandom

Mức xếp hạng tín nhiệm của các tổ chức quốc tế

MBB luôn nhận được đánh giá cao của các tổ chức xếp hạng quốc tế

	Fitch Ratings
2024	BB (ổn định)
2023	BB (ổn định)
2022	BB- (tích cực)
2021	B+ (ổn định)
2020	B+ (tiêu cực)

1

Tổng quan về MB năm 2024

18 Thông tin chung

25 Mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh

48 Chiến lược và định hướng phát triển

52 Công tác quản lý rủi ro

Thông tin chung

Thông tin khái quát



THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch bằng tiếng Việt	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
Tên giao dịch quốc tế	Military Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	Ngân hàng Quân đội (MB)
Mã giao dịch SWIFT	MSCB VNVX
Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/10/2018; Quyết định số 236/QĐ-NHNN ngày 14/02/2025 v/v sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân đội.
Vốn điều lệ	53.063.241 triệu đồng
Vốn chủ sở hữu	117.059.581 triệu đồng

Địa chỉ trụ sở chính	Tòa nhà MB, số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024 62661088
Số fax	024 62661080
Website	www.MBBank.com.vn
Email	Info@MBBank.com.vn
Mã cổ phiếu	MBB
Mệnh giá cổ phần	10.000 VNĐ
Tổng số cổ phần	5.306.324.052 cổ phiếu
Danh sách các Hiệp hội mà Ngân hàng tham gia	• Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) • Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) • Hiệp hội Nghiên cứu thị trường liên ngân hàng Việt Nam (VIRA)

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



I LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG

Từ một ngân hàng chỉ với 25 nhân sự và 20 tỷ đồng vốn điều lệ, sau 30 năm, MB chuyển mình thành một tập đoàn tài chính đa lĩnh vực, không ngừng tăng tốc chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu mang tới cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất. Năm 2024 đánh dấu cột mốc 30 năm thành lập của MB, Ngân hàng tự hào thông báo đã hoàn thành và xác thực độc lập công cụ đo lường LCR và NSFR theo chuẩn mực Basel III. Đồng thời, ngân hàng cũng ghi nhận dấu mốc 6,2 tỷ giao dịch qua kênh số, một thành tựu vượt bậc - Tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc, kiên định với tầm nhìn trở thành “Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu”, đồng thời thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với chiến lược ESG toàn diện, hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng, môi trường và xã hội.

Các giai đoạn phát triển

Ngày 4/11/1994, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) được thành lập với số vốn gần 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội. Trong mười năm đầu hoạt động (1994–2004), MB đã xác định chiến lược kinh doanh và xây dựng thương hiệu của ngân hàng. Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.



Thời kì này, MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược, với hàng loạt các giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô, phát triển mạng lưới, đầu tư vào công nghệ, nâng cao quản trị toàn hàng... Góp phần đưa MB trở thành một trong những tập đoàn tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay. Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.



GIẢI ĐOẠN “MỞ LỐI”

1994
–
2004

GIẢI ĐOẠN TẠO CƠ SỞ VỮNG CHẮC

2005
–
2009

CHÍNH THỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

2010
–
2016

Ngày 1/11/2011, MB đã thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu MBB trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Trong bối cảnh nền kinh tế bước vào giai đoạn khó khăn, ngành ngân hàng dưới áp lực tái cấu trúc mạnh mẽ, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn, đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong Top 3 Ngân hàng thương mại cổ phần không do nhà nước nắm cổ phần chi phối vào năm 2013.

Với những thành quả đạt được, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất vào năm 2014 và Danh hiệu Anh Hùng Lao động vào năm 2015.



NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI, TIẾN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ

2017
–
2021

Trong giai đoạn này, dù gặp nhiều khó khăn bởi đại dịch Covid-19, MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh và đánh dấu bước chuyển mình thay đổi Nhận diện thương hiệu mới thành công từ năm 2019. Với hình ảnh một ngân hàng năng động, trẻ trung, Top 2 thương hiệu được yêu thích nhất, giá trị thương hiệu của MB đã tăng gấp đôi, lọt vào Top 300 thương hiệu ngân hàng có giá trị và mạnh nhất thế giới (theo báo cáo Banking 500 năm 2022 của Brand Finance). MB tự hào tiếp tục nằm trong Top doanh nghiệp đạt lợi nhuận trên 10.000 tỷ đồng, Top 5 các Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.



TĂNG TỐC SỐ – HẤP DẪN KHÁCH HÀNG – HIỆP LỰC TẬP ĐOÀN – AN TOÀN BỀN VỮNG

2022
–
2024

Giai đoạn 2022–2026, MB tiếp tục trên con đường chuyển đổi số mạnh mẽ hơn với Phương châm “Tăng tốc số – Hấp dẫn khách hàng – Hiệp lực tập đoàn – An toàn bền vững”. Năm 2022, MB đã xuất sắc về đích với vị trí Top 5 về lợi nhuận, Top đầu về tỷ suất sinh lời trên vốn và nằm trong Top đầu về các chỉ số an toàn, chất lượng tín dụng. Năm 2023, MB đạt được các danh hiệu, giải thưởng uy tín: Top 3 về lợi nhuận trong hệ thống các Ngân hàng thương mại và Top 2 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam và là một trong số ít các ngân hàng có hệ sinh thái đầy đủ nhất và số hóa đồng bộ nhất Việt Nam. Năm 2024, được sự tin tưởng của Quân ủy trung ương, Bộ Quốc phòng, MB đã thực hiện chuyển giao nhân sự cấp cao thành công, mở ra một chương mới cho sự phát triển của Ngân hàng.



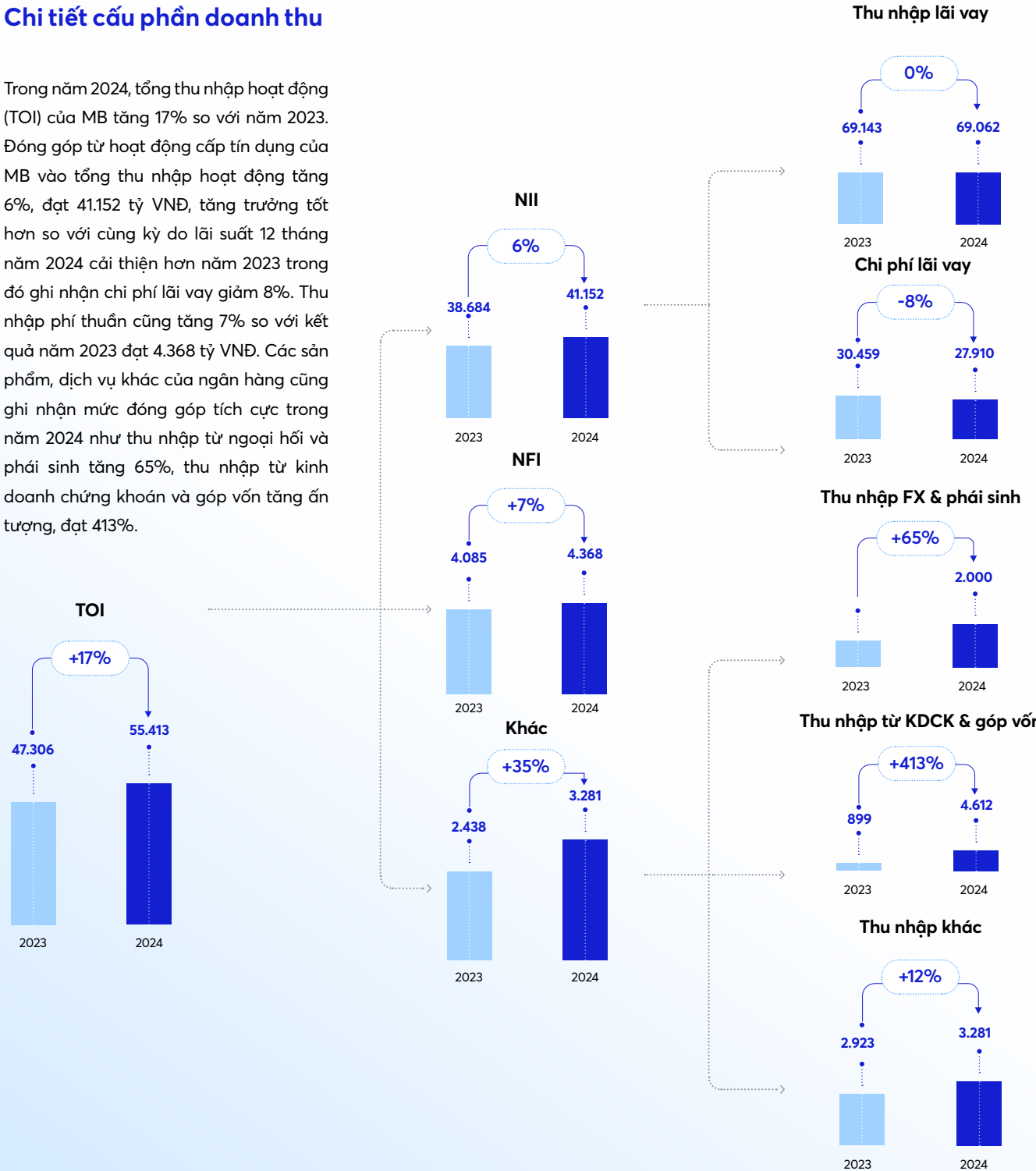
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

MB thực hiện các loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/10/2018; Quyết định số 236/QĐ-NHNN ngày 14/02/2025 v/v sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân đội, bao gồm các hoạt động chính phục vụ khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp như: Hoạt động huy động vốn, Hoạt động cấp tín dụng, Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, Các sản phẩm và dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chi tiết cấu phần doanh thu

Trong năm 2024, tổng thu nhập hoạt động (TOI) của MB tăng 17% so với năm 2023. Đóng góp từ hoạt động cấp tín dụng của MB vào tổng thu nhập hoạt động tăng 6%, đạt 41.152 tỷ VNĐ, tăng trưởng tốt hơn so với cùng kỳ do lãi suất 12 tháng năm 2024 cải thiện hơn năm 2023 trong đó ghi nhận chi phí lãi vay giảm 8%. Thu nhập phí thuận cũng tăng 7% so với kết quả năm 2023 đạt 4.368 tỷ VNĐ. Các sản phẩm, dịch vụ khác của ngân hàng cũng ghi nhận mức đóng góp tích cực trong năm 2024 như thu nhập từ ngoại hối và phái sinh tăng 65%, thu nhập từ kinh doanh chứng khoán và góp vốn tăng ấn tượng, đạt 413%.



Địa bàn kinh doanh

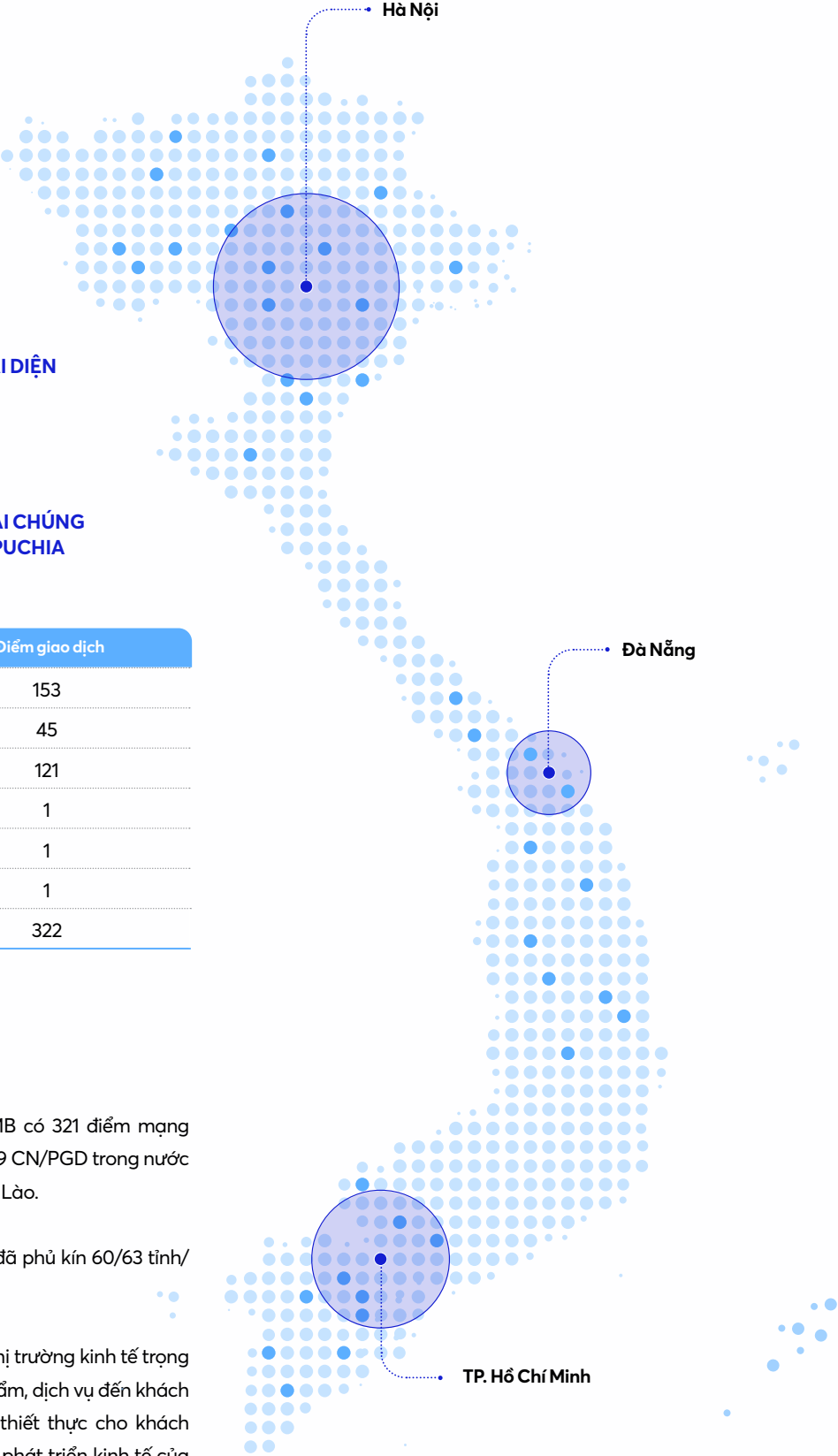


Vùng miền	Điểm giao dịch
Khu vực Miền Bắc	153
Khu vực Miền Trung	45
Khu vực Miền Nam	121
Lào	1
Cộng hòa Liên bang Nga	1
Campuchia	1
Tổng	322

Đến tháng 12/2024, hệ thống mạng lưới MB có 321 điểm mạng lưới hoạt động, bao gồm 01 Hội sở chính, 319 CN/PGD trong nước (tăng 5 CN và 8 PGD so với 2023), 01 CN tại Lào.

Tại Việt Nam, hệ thống mạng lưới của MB đã phủ kín 60/63 tỉnh/thành phố của cả nước.

Mạng lưới của MB được phát triển tại các thị trường kinh tế trọng điểm, tiềm năng nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng một cách tốt nhất, mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng, đóng góp hiệu quả, bền vững vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Hệ thống mạng lưới của MB luôn được đánh giá là hệ thống hoạt động hiệu quả nhất trong ngành ngân hàng. Năm 2024, quy mô huy động vốn và dư nợ của MB tăng trưởng nhanh với tốc độ gần gấp đôi tốc độ tăng trưởng bình quân của toàn ngành, LNTT bình quân trên mỗi điểm giao dịch của MB cũng đạt cao nhất trong các ngân hàng đóng góp ~70% LNTT MB.



Dịch vụ tài chính và các sản phẩm cốt lõi

Với mục tiêu mang đến trải nghiệm dịch vụ xuất sắc, kết nối khách hàng thông qua các dịch vụ thông minh, thuận tiện của Ngân hàng số, MB phát triển đa dạng các mảng dịch vụ Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp bao gồm:

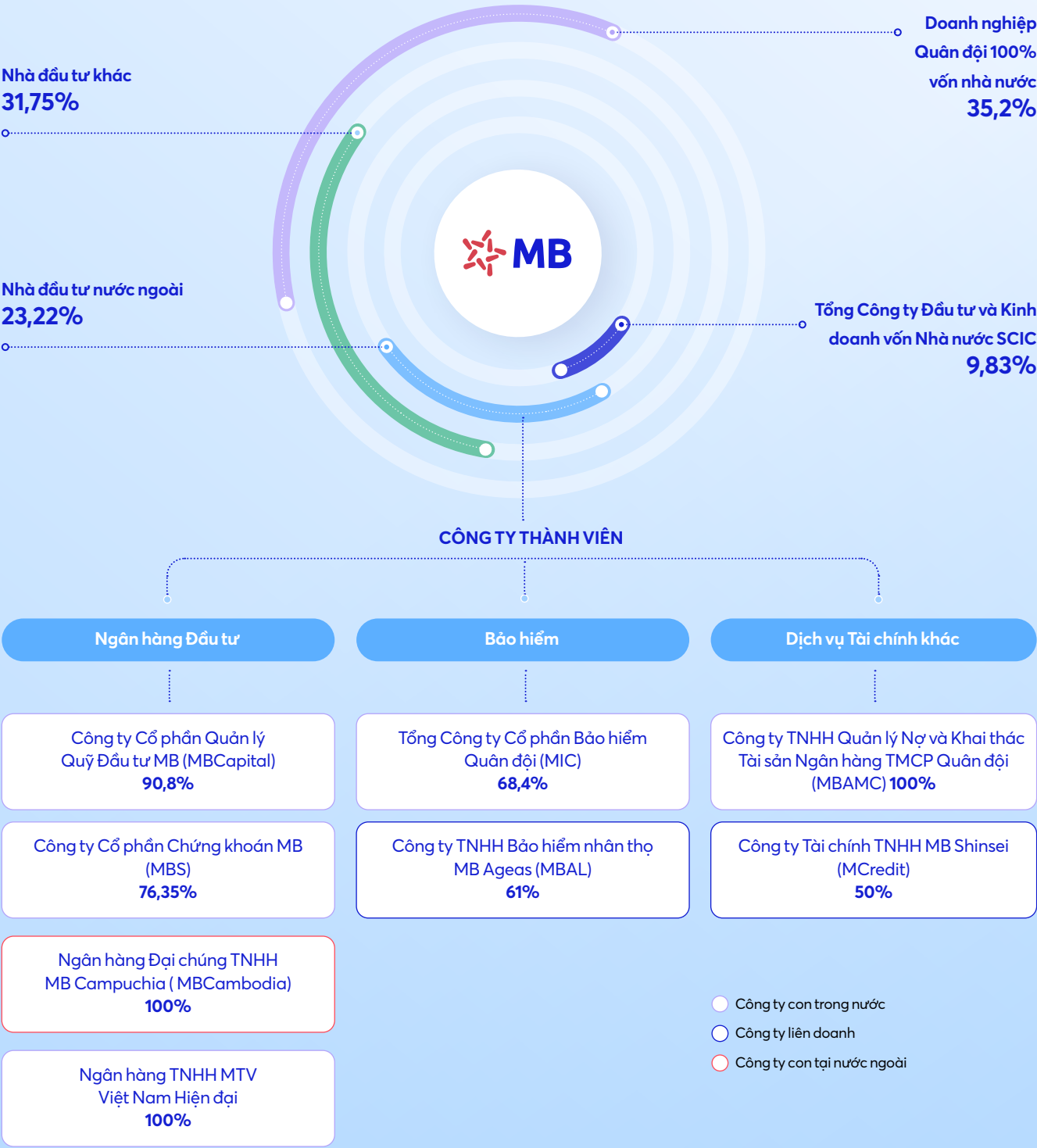
Khách hàng cá nhân	Khách hàng doanh nghiệp	
- Tiền gửi - Ngân hàng số - Dịch vụ thẻ - Chuyển tiền, thanh toán - Bảo hiểm nhân thọ - Dịch vụ khác	- Tiền gửi & Đầu tư - Ngân hàng số - Các dịch vụ thu hộ, trả lương, nộp thuế điện tử - Tín dụng & bảo lãnh - Thanh toán quốc tế & tài trợ thương mại - Tài khoản và gói tài khoản	- Thị trường tiền tệ & vốn - Sản phẩm ngoại hối và ngân hàng đầu tư (Sản phẩm dành cho doanh nghiệp lớn) - Sản phẩm và chính sách dành cho khách hàng FDI (Sản phẩm dành cho doanh nghiệp lớn) - Thư tín dụng, bảo lãnh, nhờ thu, cấp tín dụng, hợp vốn (Sản phẩm dành cho khách hàng định chế)



Mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh

Tổ chức kinh doanh

CƠ CẤU SỞ HỮU, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT





Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MBCapital)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Tầng 12, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư
Vốn điều lệ thực góp	356,17 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB	90,8%



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Tầng 7-8, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán
Vốn điều lệ thực góp	5.728,13 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB	76,35%



Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Số 146, Đại lộ Preah Norodom, P. Tonle Basak, Q. Chamkar Mon, Phnom Penh, Campuchia
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Ngân hàng thương mại
Vốn điều lệ thực góp	76.552.197 USD
Tỷ lệ sở hữu của MB	100%



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Tầng 5-6, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Kinh doanh bảo hiểm Phi nhân thọ
Vốn điều lệ thực góp	1.726,7 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB	68,4%



Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Tầng 15, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính
Vốn điều lệ thực góp	1.500 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB	61%



Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Số 3 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Quản lý nợ, tư vấn thẩm định và khai thác tài sản
Vốn điều lệ thực góp	665,9 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB	100%



Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	Tầng 9, 10, 11, 12, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tài chính tiêu dùng
Vốn điều lệ thực góp	1.600 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB	50%



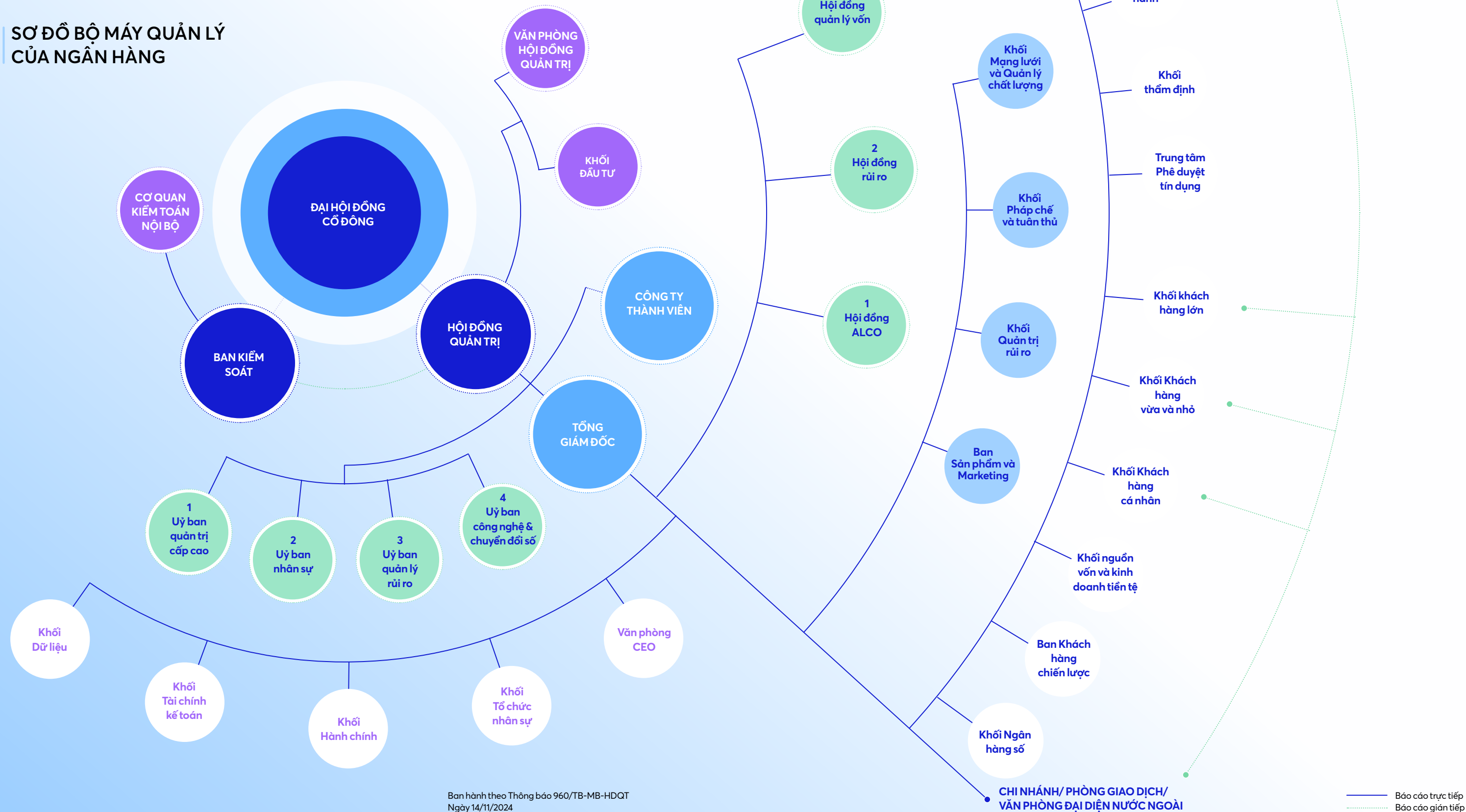
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV)	
Mối quan hệ	Công ty con
Địa chỉ	199 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Ngân hàng
Vốn điều lệ thực góp	
Tỷ lệ sở hữu của MB	100%

Tổ chức kinh doanh

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị MB áp dụng là mô hình công ty cổ phần tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, tại Điều 137, khoản 1a và Luật các tổ chức tín dụng (2024). Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG



I THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT



Ông **LƯU TRUNG THÁI** • Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 7.021.308	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Hawaii (Hoa Kỳ)
Tỉ lệ sở hữu 0,132%		Cử nhân Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng
		Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 12/04/2023
Ông Lưu Trung Thái đã có gần 30 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó TGD. Từ năm 2011 đến 04/2014, Ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. ĐHĐCĐ năm 2013 đã tín nhiệm bầu Ông làm Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Với những đóng góp của mình, Ông được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 tiếp tục tín nhiệm bầu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024. Ông được HĐQT tín tưởng giao trọng trách là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD MB từ năm 2017 đến 12/4/2023. Ông được bầu là Chủ tịch HĐQT MB do ông Lê Hữu Đức xin từ nhiệm vị trí Chủ tịch MB theo nguyện vọng cá nhân.

Bà **VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG** • Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 3.762.897	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng
Tỉ lệ sở hữu 0,071%	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit).	Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2019
Bà Vũ Thị Hải Phương đã công tác tại MB được 30 năm. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó TGD (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới và Kênh phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng BKS MB, Bà đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Bà là chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro 02 nhiệm kỳ và là người được ủy quyền công bố thông tin của MB.



Bà **NGUYỄN THỊ HẢI LÝ** • Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh 1974	Số lượng cổ phần 145.815	Cử nhân quản trị Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,003%	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Trưởng Ban Đầu tư tài chính – Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông và Quân đội (Viettel).	Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà Nguyễn Thị Hải Lý đã trải qua 26 năm ở các vị trí cán bộ quản lý chủ chốt tại Viettel như: Phó TGD, Phó Chủ tịch, Chủ tịch Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel, Trưởng ban Đầu tư xây dựng của Viettel ... Bà được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB với kỳ vọng sẽ thúc đẩy, mở rộng hoạt động hợp tác, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên trong lĩnh vực kết hợp với viễn thông, thúc đẩy, nâng cao năng lực Công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm liên kết viễn thông.



Ông **VŨ THÀNH TRUNG** • Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 1.078.203	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc tế Nhật Bản
Tỉ lệ sở hữu 0,02%	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Chủ tịch HĐQT MBV	Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Ông Vũ Thành Trung đã có gần 14 năm công tác tại MB Group. Ông từng là Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh Văn phòng CEO. Năm 2017, Ông Vũ Thành Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số. Dưới sự dẫn dắt của Ông, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Ông Trung được tín nhiệm, bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kì 2024-2029 và là Giám đốc Khối phụ trách hoạt động Khối Ngân hàng số.

Ông **PHẠM NHƯ ẮNH** • Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc

Thành viên điều hành

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 3.834.738	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ
Tỉ lệ sở hữu 0,072%		Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Ông Phạm Như Ánh có gần 20 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/5/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.



Ông **LÊ VIỆT HẢI** • Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 1.490.647	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học California Miramar
Tỉ lệ sở hữu 0,028%	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2019
Ông Lê Việt Hải đã công tác tại MB hơn 30 năm. Ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị. Ông được ĐHĐCĐ thường niên tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT chuyên trách 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029.



Bà **VŨ THÁI HUYỀN** • Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 532.210	Cử nhân Kế toán Trường Đại học Kinh tế quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,01%		Chứng chỉ Kế toán trưởng Bộ Tài chính

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2019
Bà Vũ Thái Huyền có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và kế toán tổng hợp. Bà Huyền từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đến 04/2021 và Trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đến 12/2021. Bà là người đại diện vốn của SCIC tại MB và thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại MB từ 01/2022.

Ông **PHẠM DOÃN CƯƠNG** • Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 0	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học University of Sunderland, Anh
Tỉ lệ sở hữu 0%		Cử nhân Quản trị kinh doanh Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Ông Phạm Doãn Cương có 20 năm công tác tại Tập đoàn Công nghiệp và viễn thông Quân đội với các vị trí Cán bộ quản lý, là nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm tại các thị trường nước ngoài quan trọng của Viettel. Ông là nhân sự chủ chốt trong lĩnh vực mobile-money của Viettel, và được ĐHĐCĐ MB tín nhiệm bầu chọn với sự tin tưởng có thể hỗ trợ MB trong phát triển công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện thành công Chiến lược chuyển đổi Số mà Ngân hàng đã đề ra.



Bà **HOÀNG THỊ THU HIỀN** • Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 0	Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0%	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Phó GD chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà Hoàng Thị Thu Hiền có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đầu tư, giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh; Phó phòng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và các Công ty thành viên. Bà cũng có kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng khi công tác tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Bà Hiền được tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 – 2029 với kỳ vọng sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác, kinh doanh giữa Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và MB Group trong các lĩnh vực: cảng biển, vận tải biển, dịch vụ tàu biển, logistic, đóng tàu...



Ông **VŨ XUÂN NAM** • Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Năm sinh 1987	Số lượng cổ phần 0	Kỹ sư – Học viện Kỹ thuật quân sự
Tỉ lệ sở hữu 0%		Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Ông Vũ Xuân Nam có 13 năm gắn bó và giữ các vị trí quản lý như Trợ lý, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, phụ trách mảng đầu tư của Tổng công ty trực thăng Việt Nam. Ông Nam được tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029, tin tưởng sẽ thúc đẩy hợp tác, kinh doanh giữa MB Group và Tổng Công ty trực thăng Việt Nam trong các lĩnh vực: dịch vụ vận tải/hàng không, dầu khí, cơ khí, bay thương mại/du lịch.

Ông **HOÀNG VĂN SÂM** • Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên không điều hành

Năm sinh 1960	Số lượng cổ phần 0	Tiến sĩ Tài chính – tiền tệ Học viện Tài chính
Tỉ lệ sở hữu 0%		Cử nhân Luật Kinh tế, Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Tiến sĩ Kinh tế Hoàng Văn Sâm là nhân sự có kiến thức sâu về kinh tế, luật kinh tế với 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, giám sát tài chính, tài chính ngân sách, quản lý nhà nước. Ông được ĐHĐCĐ MB tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2024 – 2029.



(*) Danh sách thành viên HĐQT được cập nhật đến tháng 3 năm 2025.

I THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Ủy ban Quản trị Cấp cao



Ông **LƯU TRUNG THÁI** • Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Chủ nhiệm Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 7.021.308	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Hawaii (Hoa Kỳ)
Tỉ lệ sở hữu 0,132%		Cử nhân Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng
		Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ông Lưu Trung Thái đã có gần 30 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên năm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó TGD. Từ năm 2011 đến 04/2014, Ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. ĐHĐCĐ năm 2013 đã tín nhiệm bầu Ông làm Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Với những đóng góp của mình, Ông được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 tiếp tục tín nhiệm bầu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024. Ông được HĐQT tin tưởng giao trọng trách là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD MB từ năm 2017 đến 12/4/2023. Ông được bầu là Chủ tịch HĐQT MB do ông Lê Hữu Đức xin từ nhiệm vị trí Chủ tịch MB theo nguyện vọng cá nhân.

Bà **VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 3.762.897	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng
Tỉ lệ sở hữu 0,071%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng

Bà Vũ Thị Hải Phương đã công tác tại MB được 30 năm. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó TGD (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới và Kênh phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng BKS MB, Bà đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Bà là chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro 02 nhiệm kỳ và là người được ủy quyền công bố thông tin của MB.



Ông **VŨ THÀNH TRUNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 1.078.203	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc tế Nhật Bản
Tỉ lệ sở hữu 0,02%		Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương

Ông Vũ Thành Trung đã có gần 14 năm công tác tại MB Group. Ông từng là Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh Văn phòng CEO. Năm 2017, Ông Vũ Thành Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số. Dưới sự dẫn dắt của Ông, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Ông Trung được tín nhiệm, bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kì 2024-2029 và là Giám đốc Khối phụ trách hoạt động Khối Ngân hàng số.

Bà **NGUYỄN THỊ HẢI LÝ** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1974	Số lượng cổ phần 145.815	Cử nhân quản trị Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,003%		Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Bà Nguyễn Thị Hải Lý đã trải qua 26 năm ở các vị trí cán bộ quản lý chủ chốt tại Viettel như: Phó TGD, Phó Chủ tịch, Chủ tịch Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel, Trưởng ban Đầu tư xây dựng của Viettel ... Bà được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB với kỳ vọng sẽ thúc đẩy, mở rộng hoạt động hợp tác, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên trong lĩnh vực kết hợp với viễn thông, thúc đẩy, nâng cao năng lực Công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm liên kết viễn thông.





Ông **PHẠM NHƯ' ÁNH** • Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 3.834.738	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ
Tỷ lệ sở hữu 0,072%		Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ông Phạm Như Ánh có gần 20 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/5/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Ông **LÊ VIẾT HẢI** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 1.490.647	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học California Miramar
Tỷ lệ sở hữu 0,028%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng
		Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ông Lê Viết Hải đã công tác tại MB hơn 30 năm. Ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị. Ông được ĐHĐCĐ thường niên tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT chuyên trách 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029.



Bà **VŨ THÁI HUYỀN** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 532.210	Cử nhân Kế toán Trường Đại học Kinh tế quốc dân
Tỷ lệ sở hữu 0,01%		Chứng chỉ Kế toán trưởng Bộ Tài chính

Bà Vũ Thái Huyền có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và kế toán tổng hợp. Bà Huyền từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đến 04/2021 và Trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đến 12/2021. Bà là người đại diện vốn của SCIC tại MB và thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại MB từ 01/2022.



Ủy ban nhân sự



Ông **LƯU TRUNG THÁI** • Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Chủ nhiệm Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 7.021.308	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Hawaii (Hoa Kỳ)
Tỷ lệ sở hữu 0,132%		Cử nhân Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng
		Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ông Lưu Trung Thái đã có gần 30 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó TGD. Từ năm 2011 đến 04/2014, Ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. ĐHĐCĐ năm 2013 đã tín nhiệm bầu Ông làm Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Với những đóng góp của mình, Ông được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 tiếp tục tín nhiệm bầu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024. Ông được HĐQT tín tưởng giao trọng trách là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD MB từ năm 2017 đến 12/4/2023. Ông được bầu là Chủ tịch HĐQT MB do ông Lê Hữu Đức xin từ nhiệm vị trí Chủ tịch MB theo nguyện vọng cá nhân.

Bà **VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 3.762.897	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng
Tỷ lệ sở hữu 0,071%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng

Bà Vũ Thị Hải Phượng đã công tác tại MB được 30 năm. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó TGD (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới và Kênh phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng BKS MB, Bà đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Bà là chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro 02 nhiệm kỳ và là người được ủy quyền công bố thông tin của MB.



Ông **VŨ THÀNH TRUNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 1.078.203	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc tế Nhật Bản
Tỷ lệ sở hữu 0,02%		Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương

Ông Vũ Thành Trung đã có gần 14 năm công tác tại MB Group. Ông từng là Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh Văn phòng CEO. Năm 2017, Ông Vũ Thành Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số. Dưới sự dẫn dắt của Ông, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Ông Trung được tín nhiệm, bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kì 2024-2029 và là Giám đốc Khối phụ trách hoạt động Khối Ngân hàng số.



Bà **NGUYỄN THỊ HẢI LÝ** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1974	Số lượng cổ phần 145.815	Cử nhân quản trị Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỷ lệ sở hữu 0,003%		Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Bà Nguyễn Thị Hải Lý đã trải qua 26 năm ở các vị trí cán bộ quản lý chủ chốt tại Viettel như: Phó TGD, Phó Chủ tịch, Chủ tịch Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel, Trưởng ban Đầu tư xây dựng của Viettel ... Bà được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB với kỳ vọng sẽ thúc đẩy, mở rộng hoạt động hợp tác, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên trong lĩnh vực kết hợp với viễn thông, thúc đẩy, nâng cao năng lực Công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm liên kết viễn thông.

Ông **PHẠM NHƯ ÁNH** • Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 3.834.738	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ
Tỷ lệ sở hữu 0,072%		Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ông Phạm Như Ánh có gần 20 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/5/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.



Ông **LÊ VIẾT HẢI** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 1.490.647	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học California Miramar
Tỷ lệ sở hữu 0,028%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng
		Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ông Lê Viết Hải đã công tác tại MB hơn 30 năm. Ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị. Ông được ĐHĐCĐ thường niên tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT chuyên trách 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029.

Ủy ban Quản lý Rủi ro



Bà **VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Chủ nhiệm Ủy ban

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 3.762.897	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng
Tỷ lệ sở hữu 0,071%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng

Bà Vũ Thị Hải Phương đã công tác tại MB được 30 năm. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó TGD (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới và Kênh phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng BKS MB, Bà đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Bà là chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro 02 nhiệm kỳ và là người được ủy quyền công bố thông tin của MB.

Ông **VŨ THÀNH TRUNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 1.078.203	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc tế Nhật Bản
Tỷ lệ sở hữu 0,02%		Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương

Ông Vũ Thành Trung đã có gần 14 năm công tác tại MB Group. Ông từng là Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh Văn phòng CEO. Năm 2017, Ông Vũ Thành Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số. Dưới sự dẫn dắt của Ông, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Ông Trung được tín nhiệm, bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kì 2024-2029 và là Giám đốc Khối phụ trách hoạt động Khối Ngân hàng số.



Ông **HOÀNG VĂN SÂM** • Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Năm sinh 1960	Số lượng cổ phần 0	Tiến sĩ Tài chính – tiền tệ Học viện Tài chính
Tỷ lệ sở hữu 0%		Cử nhân Luật Kinh tế - ĐH Luật Hà Nội

Tiến sĩ Kinh tế Hoàng Văn Sâm là nhân sự có kiến thức sâu về kinh tế, luật kinh tế với 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, giám sát tài chính, tài chính ngân sách, quản lý nhà nước. Ông được ĐHĐCĐ MB tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2024 – 2029.



Ông **PHẠM NHƯ ÁNH** • Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 3.834.738	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ
Tỉ lệ sở hữu 0,072%		Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ông Phạm Như Ánh có gần 20 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/5/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.



Bà **VŨ THÁI HUYỀN** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 532.210	Cử nhân Kế toán Trường Đại học Kinh tế quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,01%		Chứng chỉ Kế toán trưởng Bộ Tài chính

Bà Vũ Thái Huyền có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và kế toán tổng hợp. Bà Huyền từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đến 04/2021 và Trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đến 12/2021. Bà là người đại diện vốn của SCIC tại MB và thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại MB từ 01/2022.

Ông **PHẠM DOÃN CƯƠNG** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 0	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học University of Sunderland, Anh
Tỉ lệ sở hữu 0%		Cử nhân quản trị kinh doanh - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ông Phạm Doãn Cương có 20 năm công tác tại Tập đoàn Công nghiệp và viễn thông Quân đội với các vị trí Cán bộ quản lý, là nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm tại các thị trường nước ngoài quan trọng của Viettel. Ông là nhân sự chủ chốt trong lĩnh vực mobile-money của Viettel, và được ĐHĐCĐ MB tín nhiệm bầu chọn với sự tin tưởng có thể hỗ trợ MB trong phát triển công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện thành công Chiến lược chuyển đổi Số mà Ngân hàng đã đề ra.



Ông **LÊ VIẾT HẢI** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 1.490.647	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học California Miramar
Tỉ lệ sở hữu 0,028%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng
		Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ông Lê Viết Hải đã công tác tại MB hơn 30 năm. Ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị. Ông được ĐHĐCĐ thường niên tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT chuyên trách 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029.



Bà **PHẠM THỊ TRUNG HÀ** • Phó Tổng Giám đốc/GD QTRR Tập đoàn
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 2.750.449	Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc Dân
Tỉ lệ sở hữu 0,052%		Cử nhân Kinh tế Học viện Ngân hàng

Bà Phạm Thị Trung Hà có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Hà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Tháng 04/2011, bà Hà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Hiện bà Hà đang quản lý Khối Quản trị rủi ro và là Giám đốc rủi ro Tập đoàn.

Ủy ban Công nghệ và chuyển đổi số



Ông **VŨ THÀNH TRUNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Chủ nhiệm Ủy ban

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 1.078.203	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc tế Nhật Bản
Tỉ lệ sở hữu 0,02%		Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương

Ông Vũ Thành Trung đã có gần 14 năm công tác tại MB Group. Ông từng là Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh Văn phòng CEO. Năm 2017, Ông Vũ Thành Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số. Dưới sự dẫn dắt của Ông, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Ông Trung được tín nhiệm, bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kì 2024-2029 và là Giám đốc Khối phụ trách hoạt động Khối Ngân hàng số.

Bà **VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG** • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 3.762.897	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng
Tỉ lệ sở hữu 0,071%		Cử nhân Tài chính - Tín dụng Học viện Ngân hàng

Bà Vũ Thị Hải Phương đã công tác tại MB được 30 năm. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó TGĐ (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới và Kênh phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng BKS MB, Bà đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Bà là chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro 02 nhiệm kỳ và là người được ủy quyền công bố thông tin của MB.



Ông **PHẠM NHƯ ÁNH** • Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 3.834.738	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ
Tỉ lệ sở hữu 0,072%		Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ông Phạm Như Ánh có gần 20 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/5/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.



Ông **PHẠM DOÃN CƯƠNG** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 0	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học University of Sunderland, Anh
Tỉ lệ sở hữu 0%		Cử nhân quản trị kinh doanh - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ông Phạm Doãn Cường có 20 năm công tác tại Tập đoàn Công nghiệp và viễn thông Quân đội với các vị trí Cán bộ quản lý, là nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm tại các thị trường nước ngoài quan trọng của Viettel. Ông là nhân sự chủ chốt trong lĩnh vực mobile-money của Viettel, và được ĐHCĐ MB tín nhiệm bầu chọn với sự tin tưởng có thể hỗ trợ MB trong phát triển công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện thành công Chiến lược chuyển đổi Số mà Ngân hàng đã đề ra.



Ông **VŨ XUÂN NAM** • Thành viên Hội đồng Quản trị • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1987	Số lượng cổ phần 0	Kỹ sư – Học viện Kỹ thuật quân sự
Tỉ lệ sở hữu 0%		Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Quốc dân

Ông Vũ Xuân Nam có 13 năm gắn bó và giữ các vị trí quản lý như Trợ lý, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, phụ trách mảng đầu tư của Tổng công ty trực thăng Việt Nam. Ông Nam được tín nhiệm bầu là Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029, tin tưởng sẽ thúc đẩy hợp tác, kinh doanh giữa MB Group và Tổng Công ty trực thăng Việt Nam trong các lĩnh vực: dịch vụ vận tải/hàng không, đầu khí, cơ khí, bay thương mại/du lịch.



Bà **PHẠM THỊ TRUNG HÀ** • Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc rủi ro Tập đoàn
• Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 2.750.449	Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc Dân
Tỉ lệ sở hữu 0,052%		Cử nhân Kinh tế Học viện Ngân hàng

Bà Phạm Thị Trung Hà có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Hà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Tháng 04/2011, bà Hà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Hiện bà Hà đang quản lý Khối Quản trị rủi ro và là Giám đốc rủi ro Tập đoàn.



Ông **NGUYỄN XUÂN HỌC** • Phó Tổng Giám đốc/GĐ CNTT Tập đoàn • Thành viên Ủy ban

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 911.520	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Bách Khoa Hà Nội
Tỷ lệ sở hữu 0,017%		Cử nhân Toán tin ứng dụng Đại học Bách Khoa Hà Nội

Ông Nguyễn Xuân Học đã có hơn 21 năm kinh nghiệm công tác tại MB. Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Phát triển CBS, Trưởng phòng Quản trị Công nghệ thông tin (mô hình 2012 – 2017), Phó Giám đốc Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (mô hình 2012 – 2017), Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin tập đoàn. Từ tháng 03/2022, Ông Học được bổ nhiệm Thành viên BDH kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn. Với những thành tích tại mảng công việc được phân công, tháng 7/2024 ông Học được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin tập đoàn MB.



Bà **PHẠM THỊ QUỲNH** • Giám đốc Khối Dữ liệu • Thành viên không có quyền biểu quyết

Năm sinh 1980	Tiến sĩ Công nghệ thông tin Đại học Bách Khoa Hà Nội
	Thạc sĩ Công nghệ thông tin Đại học Bách Khoa Hà Nội
	Cử nhân Công nghệ thông tin Đại học Bách Khoa Hà Nội

Bà Phạm Thị Quỳnh đã có 10 năm là Giảng viên Khoa CNTT – Đại học Sư phạm Hà Nội; 10 năm làm việc tại FPT với vị trí Chuyên gia công nghệ tập đoàn FPT, Giám đốc Trung tâm phân tích dữ liệu FPT. Bà Quỳnh gia nhập MB tháng 3/2022 giữ vị trí Giám đốc Khối Dữ liệu.

I THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐHĐCĐ năm 2024 đã thông qua bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 05 thành viên là các nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo/quản lý nhiều năm về các mảng hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ngay sau ĐHĐCĐ, ngày 15/6/2024, BKS MB đã tổ chức họp và bầu Bà Lê Thị Lợi làm Trưởng BKS, bầu Bà Nguyễn Thị An Bình làm Phó Trưởng BKS nhiệm kỳ 2024-2029.

BKS đã kiện toàn tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ BKS trên nguyên tắc phát huy kiến thức/năng lực chuyên môn và kinh nghiệm lãnh đạo/quản lý của các thành viên, đảm bảo công tác giám sát toàn diện hoạt động của Ngân hàng (MB) theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD), Điều lệ MB, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và các quy định khác liên quan.

Bà **LÊ THỊ LỢI** • Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 2.930.517	Tiến sĩ Kinh tế Học viện Tài chính Hà Nội
Tỷ lệ sở hữu 0,055%		Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng
		Cử nhân Kinh tế Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội



Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà đã có 30 năm kinh nghiệm và đã làm việc tại MB từ những ngày đầu thành lập. Bà Lợi đã từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Trưởng phòng tài chính Kế toán, Phó Giám đốc Chi nhánh MB Điện Biên Phủ, Giám đốc Tài chính MB và Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính MB, Trưởng Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2019-2024.

Bà **NGUYỄN THỊ AN BÌNH** • Phó Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh 1972	Số lượng cổ phần 3.100.041	Tiến sĩ kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỷ lệ sở hữu 0,058%		Thạc sĩ kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
		Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà đã có 30 năm kinh nghiệm và đã gắn bó với MB từ ngày đầu thành lập. Bà Bình đã từng nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc MB, lãnh đạo các mảng nghiệp vụ quan trọng như Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Pháp chế, Xây dựng cơ bản; phó Trưởng BKS MB giai đoạn 2020-2024.



Bà **ĐỖ THỊ TUYẾT MAI** • Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 501.705	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine
Tỷ lệ sở hữu 0,009%		Chứng chỉ CMA Australia, CPIA Australia
		Cử nhân Kinh tế Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Bà đã có 27 năm kinh nghiệm tại MB, từng là người phụ trách/Trưởng Kiểm toán nội bộ của MB từ năm 2007 đến năm 2019, sau đó là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024.



Ông **ĐỖ VĂN TIẾN** • Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh 1970	Số lượng cổ phần 128.780	Cử nhân ngành Tài chính Học viện Ngân hàng
Tỷ lệ sở hữu 0,0024%		

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Ông Đỗ Văn Tiến đã có 18 năm kinh nghiệm tại MB, từng nhiều năm liên đảm nhiệm các vị trí quan trọng của MB như Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc phê duyệt tín dụng (Cấp 2).

Bà **NGUYỄN THỊ NGUYỆT HÀ** • Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 245.922	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
Tỷ lệ sở hữu 0,005%		Chứng chỉ CPIA Australia
		Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà đã có 20 năm kinh nghiệm làm việc tại MB và đã nhiều năm liên giữ các vị trí chủ chốt của MB như Phó phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Giám đốc Khối Kiểm soát nội bộ, Trưởng Kiểm toán nội bộ.



THAY ĐỔI CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT, CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT VÀ BKS:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Lý do/Cơ sở pháp lý
Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT không điều hành	Ngày bổ nhiệm từ: 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày: 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Ông Trần Trung Tín	Thành viên độc lập	Ngày bổ nhiệm từ: 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Ông Phạm Như Ánh	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Ông Phạm Doãn Cương	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Ông Vũ Xuân Nam	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên HĐQT độc lập	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên HĐQT MB Nhiệm kì 2024-2029
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên BKS	Ngày bổ nhiệm từ: 27.04.2019 Ngày miễn nhiệm từ 15.06.2024	Kết thúc nhiệm kì
Ông Đỗ Văn Tiến	Thành viên BKS	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên BKS MB Nhiệm kì 2024-2029
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên BKS	Ngày bổ nhiệm từ 15.06.2024	Thành viên BKS MB Nhiệm kì 2024-2029

(*) Danh sách thay đổi các thành viên HĐQT, ủy ban trực thuộc HĐQT và BSK được cập nhật đến tháng 3 năm 2025

Chiến lược và định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của ngân hàng

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

"Top 3 thị trường về hiệu quả, hướng đến Top đầu Châu Á"

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2022 – 2026



SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

30 TRIỆU



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN

23% /NĂM

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ROE ĐẠT ~20 – 23%



DOANH THU KÊNH SỐ

50%

DOANH THU ĐƯỢC TẠO RA TỪ CÁC NỀN TẢNG SỐ

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC 2025

Năm 2025, MB kiên định với mục tiêu trở thành "Doanh nghiệp số, tập đoàn tài chính dẫn đầu", ưu tiên phát triển bền vững, củng cố chất lượng hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn, MB sẽ tiếp tục bám sát các mục tiêu Chiến lược giai đoạn 2022 – 2026, chú trọng xây dựng văn hóa Doanh nghiệp số, triển khai chuyển đổi số toàn diện.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG NGẮN, TRUNG VÀ DÀI HẠN



| PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025



Bám sát theo phương châm **"Tăng tốc - Thực chất - Hiệu quả"**, các chương trình hành động trọng tâm năm 2025 của MB bao gồm:

- Giám sát thực chất các sáng kiến Chiến lược
- Quản trị ngân hàng với các tiêu chuẩn cao
- Quản trị nhân sự và các CTTV đảm bảo các chiến lược phát triển
- Nâng cao đóng góp của CTTV vào doanh thu, lợi nhuận Tập đoàn

- Ổn định cơ cấu cổ đông và xây dựng giá trị doanh nghiệp
- Duyệt quy hoạch (3 năm), nâng cao hiệu quả hệ thống mạng lưới
- Hoàn thành Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến 2025
- Đầu tư, hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số, kinh doanh số, tài sản số

| CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

Chiến lược trung hạn của MB được xây dựng trên cơ sở **Tập trung vào trải nghiệm của khách hàng; Sáng tạo ra các giá trị mới phục vụ khách hàng** từ đó **gia tăng giá trị cho MB**. Xuyên suốt theo đó là một văn hóa quản trị thống nhất dựa trên các yếu tố:

- **Tăng tốc – An toàn:** Tăng tốc số, đón bắt nhanh, tận dụng triệt để, khai thác hiệu quả công nghệ, nhu cầu khách hàng, đồng thời đảm bảo an toàn bền vững cho hệ thống.
- **Hấp dẫn khách hàng:** Xây dựng trải nghiệm xuất sắc - Xuất phát từ nhu cầu và vượt tới kỳ vọng của khách hàng.
- **Hiệp lực tập đoàn:** Toàn Tập đoàn kết nối, xây dựng trải nghiệm số One ID; đề xuất giá trị tập đoàn xuất sắc

| ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2024-2029

MB PHẤN ĐẤU PHỤC VỤ

40 TRIỆU KHÁCH HÀNG

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG TỔNG TÀI SẢN BÌNH QUÂN KHOẢNG

14% /NĂM

DƯ NỢ VÀ HUY ĐỘNG TĂNG KHOẢNG

15%

Trong giai đoạn 2024-2029, MB phấn đấu phục vụ 40 triệu khách hàng và đặt mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản bình quân khoảng 14%/năm, dư nợ và huy động tăng khoảng 15%, tùy theo giới hạn của NHNN, lợi nhuận trước thuế tăng ~12% và tỷ lệ nợ xấu =<2%, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động ROE, ROA, CIR trong Top đầu và tuân thủ các quy định của NHNN và pháp luật.

Bên cạnh đó, MB định hướng xây dựng tổ chức dài hạn "Là Tổ chức phát triển bền vững", và mục tiêu là thực hành ESG tiên tiến, hướng tới tương lai Net zero, củng cố chất lượng các mặt hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển, bám sát các mục tiêu chiến lược, chú trọng xây dựng văn hoá doanh nghiệp số và bứt phá trên hành trình trở thành ngân hàng xanh. Điều này thể hiện qua việc MB không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời thúc đẩy các giải pháp tài chính xanh, duy trì tỷ trọng tín dụng xanh tại MB 8-10%/năm, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, và đồng hành cùng khách hàng trong hành trình phát triển bền vững.



Công tác quản lý rủi ro

Tổng quan về công tác Quản lý rủi ro (QLRR) trong năm

TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ RỦI RO TẠI MB

Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 v/v Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 v/v Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài, NHNN ban hành đã giúp các tổ chức tín dụng (TCTD), trong đó có MB kiên toàn và nâng cao năng lực quản trị rủi ro, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế và hoạt động an toàn, hiệu quả. Trong năm 2024, Thông tư số 22/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 41 có hiệu lực từ 01/07/2024 đã góp phần tháo gỡ nhiều

khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư số 41 và sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm phù hợp mục tiêu, định hướng chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đã phê duyệt phương án chuyển giao Oceanbank (MBV) cho MB từ ngày 17/10/2024, OceanBank trở thành một thành viên mới của MB sẽ được tái cơ cấu với chiến lược phát triển dài hạn và được đầu tư bài bản, hướng đến một ngân hàng hiện đại, an toàn và bền vững.

Với tầm nhìn chiến lược trở thành **tập đoàn tài chính, doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện** giai đoạn 2022 – 2026, MB xác định quản trị rủi ro thông minh và vượt trội luôn là nền tảng trọng yếu ở các

giai đoạn chiến lược. Là ngân hàng tiên phong ứng dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, đến nay, MB trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên đáp ứng tiêu chuẩn Basel II cho cả 3 trụ cột từ năm 2020. Tháng 6/2024, trong khuôn khổ phạm vi dự án Basel III, PwC đã rà soát độc lập, đánh giá và công nhận MB tuân thủ các quy định của Basel III trong việc đo lường LCR, NSFR. Quá trình triển khai nền tảng quản trị rủi ro được MB thực hiện thống nhất, triệt để, toàn diện, chủ động nghiên cứu, vừa làm vừa thử nghiệm, ứng dụng và tinh chỉnh nhanh vào thực tiễn kinh doanh. Năm 2024, MB đã vinh dự nhận giải thưởng Quản trị rủi ro kiểu mẫu - Model Risk Manager từ Celent, đứng chung hàng ngũ với các tổ chức hàng đầu thế giới như HSBC, BNP Paribas.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO

Hội đồng quản trị (HDQT)

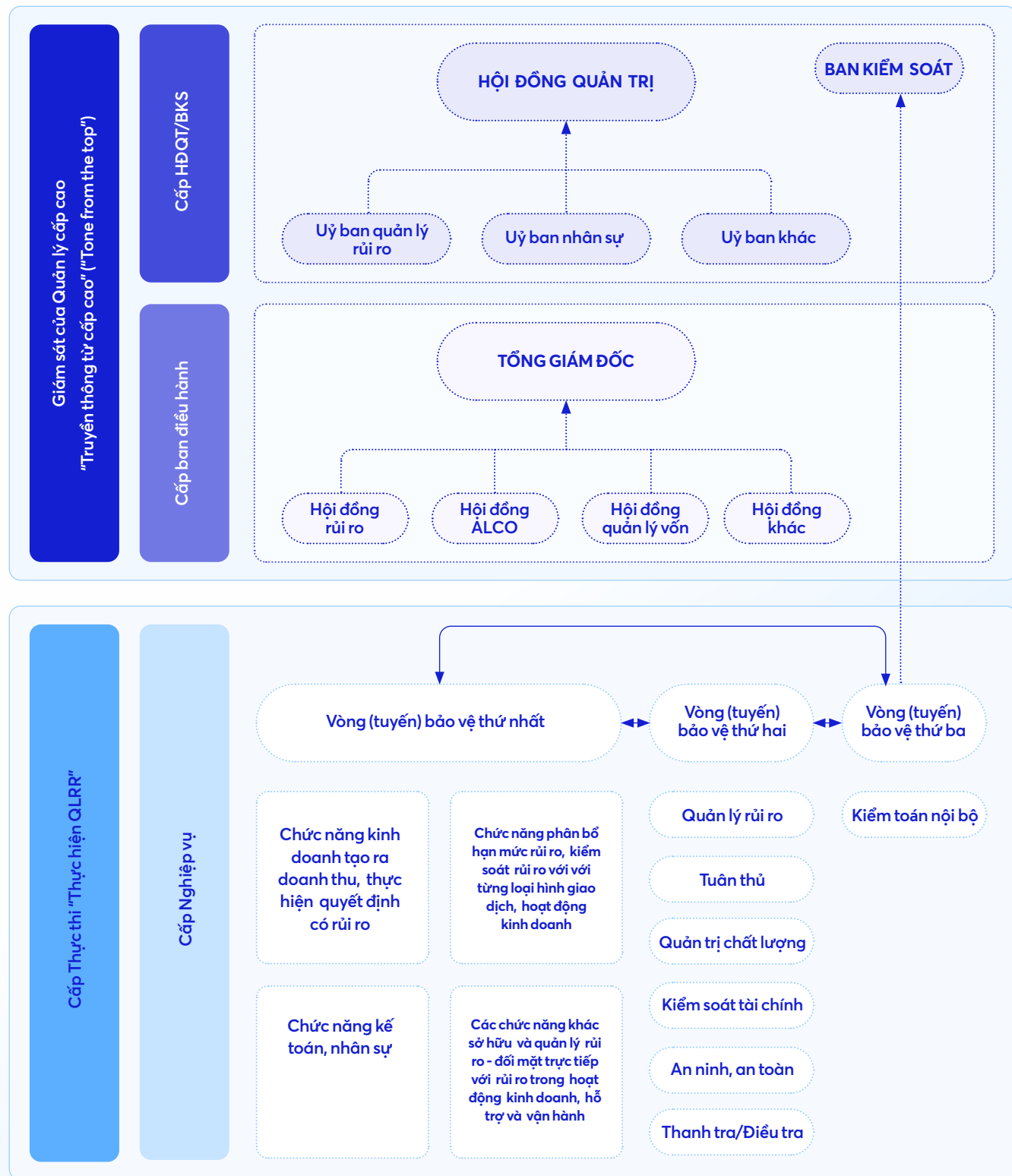
Ban hành chính sách, chiến lược, khẩu vị rủi ro và các văn bản khác thuộc cấp HDQT về quản lý rủi ro tín dụng; Chỉ đạo kiểm tra, giám sát TGD về công tác Quản lý rủi ro; Xây dựng văn hóa Quản lý rủi ro trong ngân hàng; ... với sự tham mưu, giúp việc của Ủy ban Quản lý rủi ro.

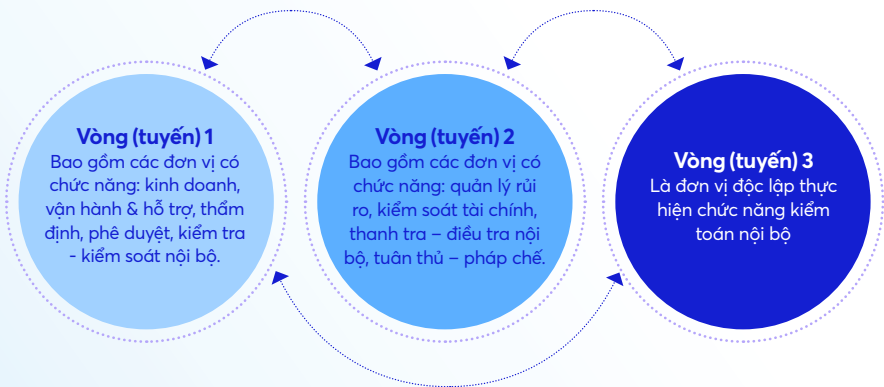
Ban Kiểm Soát (BKS)

Khuyến nghị HDQT về hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro tín dụng thông qua chỉ đạo, giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ.

Tổng Giám Đốc (TGD)

Tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy định,... của HDQT về công tác Quản lý rủi ro đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với định hướng của HDQT và khẩu vị rủi ro của MB, như: ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn,...; Triển khai các yêu cầu quản lý rủi ro; xây dựng, giám sát hạn mức rủi ro; xây dựng, kiểm định hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; Nhận diện, đo lường rủi ro, cảnh báo sớm rủi ro hiệu quả, kịp thời thông qua các công cụ; Triển khai văn hóa Quản lý rủi ro;... với sự tham mưu, giúp việc của Hội đồng Quản lý rủi ro.





KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO

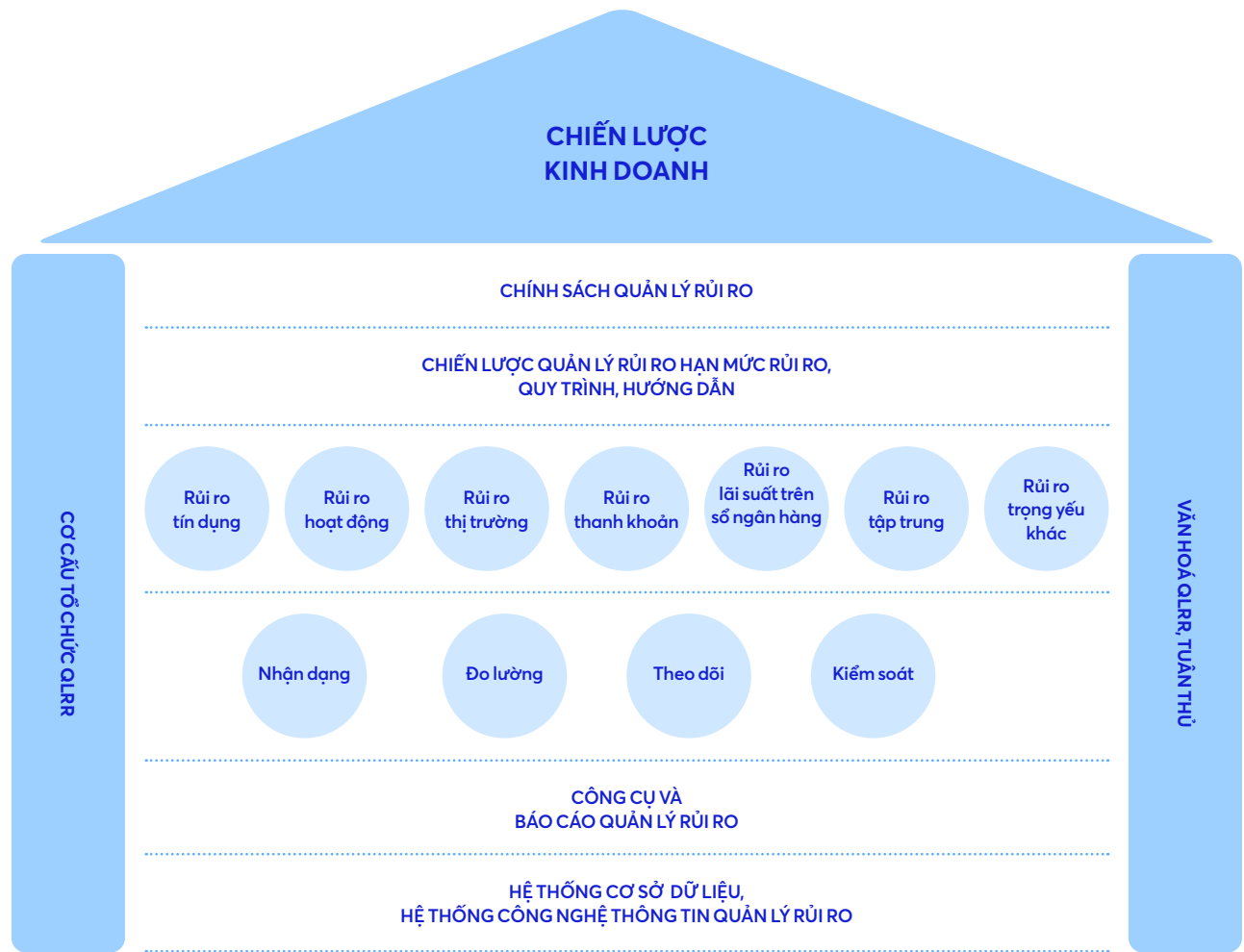
Khung quản trị rủi ro tại MB được xây dựng phù hợp với chiến lược kinh doanh của ngân hàng, lợi ích của các cổ đông trên cơ sở đánh giá, phân tích các bối cảnh bên ngoài, bối cảnh nội bộ và các nguồn lực sẵn có của MB nhằm đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO và quy định của Ngân hàng nhà nước. Chính sách quản lý rủi ro của MB và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB và được cập nhật định kỳ phù hợp với chiến lược kinh doanh và thực tiễn hoạt

Với việc tuân thủ các nội dung quy định tại Thông tư 13 của NHNN và áp dụng các thông lệ của Ủy ban Basel, MB tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tăng ý thức trách nhiệm của toàn Ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Trong đó, các khâu tiềm ẩn rủi ro xung đột lợi ích (bán hàng, thẩm định, phê duyệt và vận hành) được thực hiện bởi các đơn vị độc lập nhau, đảm bảo khách quan, minh bạch. Đồng thời, để kiểm soát tốt rủi ro, hạn chế phát sinh lỗi do sai sót/cố ý vi phạm. MB đã ứng dụng các hệ thống công nghệ tiến tiến, tổ chức tập trung tại Hội sở các chức năng: thẩm định, phê duyệt, vận hành, kế toán – tài chính, nhân sự, công nghệ thông tin. Theo đó, các chi nhánh, đơn vị kinh doanh của MB được giải phóng nguồn lực tối đa để phát triển kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát khi quy mô kinh doanh và khối lượng giao dịch/số lượng khách hàng ngày càng lớn.

Tại MB, các tuyến bảo vệ triển khai công việc đảm bảo tính độc lập nhưng vẫn có sự phối hợp, trao đổi thông tin thường xuyên với nhau, trên cơ sở tư vấn, phản biện và hỗ trợ nhau kiểm soát rủi ro, cùng hướng tới mục tiêu chung của MB.

động của ngân hàng. Nguyên tắc, cơ chế quản lý và các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.

Tại MB, hoạt động giám sát và báo cáo được triển khai bao gồm các báo cáo rủi ro nội bộ đến HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro và báo cáo hàng năm về quản lý rủi ro gửi NHNN, trong đó các báo cáo luôn cập nhật kịp thời các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý rủi ro, nhận diện các rủi ro mới phát sinh tại MB và toàn Tập đoàn, là cơ sở để các cấp thẩm quyền ra quyết định trong toàn ngân hàng.



VĂN HÓA RỦI RO TẠI MB

MB luôn đề cao và kiên định xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Năm 2024, hoạt động truyền thông văn hóa rủi ro, các thông tin cảnh báo sớm, các dấu hiệu rủi ro, các giới hạn rủi ro được cung cấp chính xác, kịp thời đến các đơn vị sở hữu rủi ro (vòng bảo vệ thứ nhất), góp phần nâng cao nhận thức của đơn vị kinh doanh tại Chi nhánh và các đơn vị quản lý trực dọc tại Hội sở như: thường xuyên cập nhật và chuyển hóa

các bài học kinh nghiệm quản trị rủi ro dưới dạng các hình thức dễ tiếp cận và thu hút (video, truyện tranh,...) trên trang web học tập và đào tạo nội bộ; truyền thông các công văn cảnh báo đến toàn hệ thống khi có các tình huống vi phạm; khuyến nghị đối với các rủi ro tiềm ẩn phát sinh có ảnh hưởng toàn hàng.

Hàng năm, MB tổ chức các chương trình dành cho cán bộ nhân viên bao gồm đào tạo cán bộ nguồn và các chương trình luân chuyển trải nghiệm (Hội sở - Chi nhánh và giữa các Chi nhánh) trong đó nội dung đào tạo và chia sẻ liên quan đến Quản trị rủi ro luôn nhận được sự quan tâm của cán bộ nhân viên, khẳng định văn hóa quản trị rủi ro luôn được chú trọng và đồng hành cùng hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

Trước xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chuyển dịch ngân hàng số nói riêng của MB, quản trị rủi ro đang ngày càng củng cố vững chắc và chuyển dịch để đảm bảo quản trị hiệu quả những rủi ro phát sinh từ các mô hình kinh doanh mới. Với những nỗ lực trong thời gian qua, sự bài bản trong triển khai và sự ủng hộ cao của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Ngân hàng, sự quyết tâm đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, quản trị rủi ro tại MB chắc chắn sẽ có những bước tiến mới, thay đổi mạnh mẽ về chất và thể hiện tốt vai trò là một trong hai nền tảng vững chắc giúp MB khẳng định vị trí tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực thông lệ và công cụ, mô hình tiên tiến về quản trị rủi ro, đồng hành thúc đẩy các giá trị cùng kinh doanh, đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững, hiệu quả.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Rủi ro về môi trường kinh tế

Năm 2024, nền kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro đáng kể. Chính sách tài chính, tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt ở nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí vay và tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Xung đột địa chính trị, đặc biệt là tình hình căng thẳng ở Trung Đông đe dọa, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng toàn cầu. Đồng thời, xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những yếu tố này tạo ra một bức tranh kinh tế thế giới đầy thách thức, đòi hỏi các quốc gia phải có chiến lược linh hoạt và thích ứng để duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh mới.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 có nhiều điểm sáng như: các cân đối vĩ mô được đảm bảo, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đạt 7,09%, cao nhất trong khu vực ASEAN, lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 3,6%, tỷ giá tăng song vẫn trong tầm kiểm soát, mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm. Tuy vậy, nền kinh tế phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn như:

- Rủi ro, thách thức từ bên ngoài vẫn hiện hữu trong bối cảnh kinh tế Việt Nam có độ mở lớn với thế giới
- Các động lực tăng trưởng truyền thống như xuất khẩu, tiêu dùng cuối cùng, sản xuất công nghiệp, đầu tư tư nhân phục hồi chậm, chất lượng tăng trưởng chưa cải thiện.
- Tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và các doanh nghiệp yếu kém còn chậm, thể chế động lực tăng trưởng mới còn chậm ban hành.
- Hoạt động doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn cả về đầu ra, khả năng hấp thụ và tiếp cận vốn.
- Tín dụng tăng trưởng chậm, nợ xấu tăng
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản và vàng còn nhiều rủi ro

NĂM 2024, NỀN KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG

7,09%

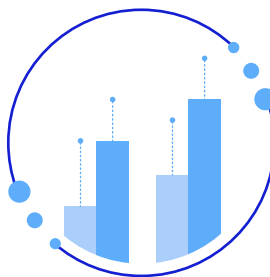
DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG CỦA KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025

8%

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức của môi trường quốc tế và trong nước, MB luôn chủ động phân tích, đánh giá kịp thời và xây dựng kịch bản ứng phó linh hoạt trước những biến động nhanh, bất thường của thị trường, trên cơ sở tuân thủ các chính sách điều hành của Chính phủ, NHNN và các cơ quan chức năng. Từ đó, hoạt động của MB luôn được đảm bảo an toàn, thông suốt và hiệu quả.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng khoảng 8% theo kịch bản cơ sở và lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức khoảng 4,5-5% trong năm 2025 nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro, thách thức từ bối cảnh quốc tế được dự báo bao gồm:

- Nhiều đầu tàu kinh tế thế giới suy yếu. Trong báo cáo triển vọng kinh tế thế giới mới nhất của IMF vào tháng 1/2025, kinh tế Mỹ dự báo tăng trưởng 2,7%, giảm so với 2,8% năm 2024. Kinh tế EU tăng trưởng ở mức thấp, chỉ đạt 1,0%. Đà phục hồi của kinh tế Trung Quốc chỉ đạt 4,6%, thấp hơn so với mức tăng 4,8% của năm 2024.
- Xung đột địa chính trị, xu hướng phân cực, cạnh tranh giữa các quốc gia, khu vực gia tăng tiếp tục tác động đến chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu.
- Rủi ro chính sách thuế quan dưới nhiệm kỳ Trump 2.0 và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.
- Dù lạm phát đang trên đà hạ nhiệt, nhưng Ngân hàng Trung ương các nước vẫn thận trọng duy trì mặt bằng lãi suất ở mức cao cho đến khi lạm phát về mức mục tiêu.
- Biến đổi khí hậu với thời tiết khắc nghiệt, cực đoan cản trở đà phục hồi kinh tế tại nhiều nước, khu vực.



Một số rủi ro, thách thức của nội tại nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025:

- Kinh tế quốc tế phục hồi chậm, một số khu vực, quốc gia, đặc biệt là các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, tăng trưởng chậm làm giảm lực cầu xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng và du lịch quốc tế.
- Những điểm nghẽn chưa thể giải quyết như mô hình tăng trưởng kinh tế, cơ cấu nền kinh tế còn chưa hợp lý, phụ thuộc nhiều vào dòng vốn FDI, chất lượng tăng trưởng chưa cao, khả năng chống chịu với các cú sốc bên ngoài còn yếu.
- Thách thức từ quá trình cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy hành chính.
- Việt Nam vẫn đi sau trong xu thế phát triển công nghệ và mô hình kinh doanh mới của thế giới.
- Vấn đề già hóa dân số, sự nổi lên của tầng lớp trung lưu và sự phát triển của khoa học công nghệ đòi hỏi thể chế chính trị phải minh bạch hơn, trách nhiệm và giải trình cao hơn.
- Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường.

Theo đó, MB quyết tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra, nghiêm túc thực hiện theo định hướng điều hành của Chính phủ và NHNN, đảm bảo MB hoạt động thông suốt, an toàn, đóng góp cho sự phát triển của ngành ngân hàng và nền kinh tế. Thông qua việc chủ động linh hoạt điều chỉnh trong công tác định hướng cũng như điều hành thực tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong điều kiện thị trường thay đổi liên tục, đồng thời phân tích các kịch bản tác động tới hoạt động kinh doanh và có phương án hành động để nhanh chóng thích ứng, làm chủ các tình huống phát sinh, giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng.

Rủi ro tín dụng



Rủi ro tín dụng bao gồm:

- Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với MB, ngoại trừ rủi ro tín dụng đối tác. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác. Trong đó, đối tác (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh NHNN) có giao dịch với Ngân hàng Thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài trong giao dịch tự doanh; giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ; tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Năm 2024, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã ban hành mới, sửa đổi, bổ sung nhiều quy định pháp lý, thông tư dưới Luật có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động ngân hàng. MB đã chủ động cập nhật và điều chỉnh các quy định liên quan đến cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng, nhằm bảo đảm quá trình cấp tín dụng diễn ra thông suốt và hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu pháp lý hiện hành. Các hoạt động tín dụng của MB trong năm 2024 tiếp tục gắn chặt với chiến lược kinh doanh, đảm bảo hiệu quả và bền vững.

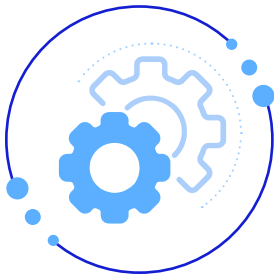
Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng được triển khai đồng bộ từ hệ thống khung chính sách, quy trình quản lý rủi ro tín dụng (theo dõi, đo lường và kiểm soát rủi ro) cũng như các công cụ/mô hình đo

lường rủi ro tín dụng; chủ động phân tích, chú trọng công tác cảnh báo sớm rủi ro tín dụng để có hành động kịp thời, phù hợp; Chức năng nhiệm vụ của cá nhân, bộ phận trong các giao dịch, quy trình cấp tín dụng được xây dựng, cũng như giám sát chặt chẽ thông qua mô hình 3 vòng (tuyến) bảo vệ, không phát sinh các xung đột: Các đơn vị vòng (tuyến) bảo vệ thứ nhất thực hiện triển khai hoạt động cấp tín dụng, tuân thủ theo các nguyên tắc, định hướng theo chiến lược, giới hạn theo hạn mức rủi ro tín dụng đã được phê duyệt; Các đơn vị vòng (tuyến) bảo vệ thứ hai thực hiện thiết lập các hạn mức, công cụ, theo dõi, đo lường, và giám sát hạn mức rủi ro tín dụng định kỳ theo các ngưỡng cảnh báo; đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ (tối thiểu hàng quý) hoặc đột xuất tới các cấp quản lý. Tuyến (vòng)

bảo vệ thứ ba thực hiện thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của MB.

Tăng trưởng tín dụng của MB năm 2024 phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước phân giao (tăng trưởng đạt 24,33%) và định hướng chiến lược giai đoạn 2022 – 2026 của MB. Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt (tỷ lệ nợ xấu trước liên đới CIC 1,43%), trích lập dự phòng đầy đủ đảm bảo nguồn tài chính sẵn sàng bù đắp cho các sự kiện rủi ro phát sinh (tỷ lệ dự phòng/nợ xấu riêng lẻ ở mức 95%). Công tác thu hồi nợ xấu được đẩy mạnh, quyết liệt các giải pháp xử lý đảm bảo cơ cấu danh mục hợp lý, hiệu quả.

Rủi ro hoạt động



Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng. Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

MB xác định rõ mục tiêu của quản trị rủi ro hoạt động trong ngân hàng nhằm (i) Giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ ngân hàng, cổ đông và khách hàng (ii) Kiểm soát RRHD nằm trong các ngưỡng giới hạn RRHD được Ban lãnh đạo NH phê duyệt (iii) Nhận diện sớm các RRHD tiềm ẩn, đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp, hiệu quả, giúp phòng ngừa rủi ro phát sinh (iv) Phát hiện kịp thời các RRHD phát sinh, triển khai nhanh, hiệu quả các biện pháp xử lý, kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa tổn thất tài chính, phi tài chính cho ngân hàng (v) Đảm bảo nhận diện, đo lường, giám sát, kiểm soát đầy đủ các loại sự kiện rủi ro hoạt động.

Nhằm thực hiện công tác quản trị rủi ro hoạt động bài bản theo thông lệ quốc tế, MB đã thực hiện các công tác sau:

- Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chính sách áp dụng cho rủi ro hoạt động theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, đảm bảo nguyên tắc quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro của MB, như Chiến lược quản trị rủi ro hoạt động – được tích hợp trong Chính sách quản lí rủi ro chung cấp HĐQT, Quy định xử lý các trường hợp khẩn cấp, Quy chế quản trị rủi ro hoạt động, Quy trình quản trị rủi ro hoạt động.
- Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích. Vòng (tuyến) 1 bao gồm nhóm chức năng kinh doanh/vận hành/hỗ trợ, nhân sự, công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ; Vòng (tuyến) 2 bao gồm nhóm chức năng quản lý rủi ro, tuân thủ, thanh tra, tài chính; Vòng (tuyến) 3 là hoạt động kiểm toán nội bộ. Vai trò, trách nhiệm của các



cấp trong quản lý rủi ro hoạt động được quy định rõ ràng đảm bảo vai trò giám sát của quản lý cấp cao (HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc) tới mọi mặt của hoạt động quản lý rủi ro hoạt động, với sự tham mưu, giúp việc tích cực của các Ủy ban, Hội đồng.

- Công tác quản trị rủi ro hoạt động được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống thông qua các công cụ quản trị rủi ro hoạt động bao gồm (i) thu thập dữ liệu tổn thất (LDC), (ii) tự xác định/đánh giá RRHD và các biện pháp kiểm soát đang được áp dụng (RCSA), (iii) xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro chính (KRIs), (iv) phân tích các phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra giúp MB chủ động kiểm soát, đầy đủ, kịp thời RRHD trong tất cả các hoạt động kinh doanh, sản phẩm, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý khác của ngân hàng.

Ngay sau khi ban hành các văn bản quy định liên quan tới quản lý rủi ro hoạt động, MB đã tổ chức triển khai sâu, rộng tới toàn bộ các đơn vị, các cán bộ nhân viên trong Ngân hàng đảm bảo các đơn vị hiểu đúng, hiểu đầy đủ về định hướng quản trị của Ban lãnh đạo Ngân hàng; về chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, từng cá nhân; về cách thức, công cụ để quản lý rủi ro hoạt động và các chỉ tiêu khẩu vị/hạn mức rủi ro hoạt động cần kiểm soát, tuân thủ.

Bên cạnh đó, hiểu rõ vai trò của bảo hiểm có thể là một trong những công cụ hỗ trợ, giúp cho MB có nguồn bù đắp cho tổn thất khi phát sinh rủi ro hoạt động bên cạnh việc triển khai các giải pháp phòng ngừa rủi ro mang tính chủ động (đặc biệt những rủi ro khách quan do nguyên nhân bên ngoài), thời gian qua MB đã tiến hành mua bảo hiểm cho 1 số loại rủi ro như bảo hiểm cho tiền trong kho, bảo hiểm cho tiền trên đường vận chuyển; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm cho ATM nếu bị phá hoại; bảo hiểm cho các trường hợp thẻ của khách hàng bị skimming, bảo hiểm cho các trường hợp mất tiền trong tài khoản và thẻ liên quan tới liên lạc điện tử

giả mạo, bảo hiểm an ninh mạng trong các trường hợp tổn thất tài sản dữ liệu, gián đoạn hoạt động kinh doanh...

Năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn cùng với việc chuyển đổi các sản phẩm/dịch vụ sang kênh Số, khả năng phát sinh rủi ro hoạt động, đặc biệt là rủi ro gian lận có xu hướng tăng lên, được sự ủng hộ của Ban lãnh đạo Ngân hàng, MB đã triển khai và hoàn thành dự án **Dự án Phòng chống tội phạm tài chính (FCRM)** với 02 trụ cột chính là **Phòng chống gian lận và Phòng chống rửa tiền**, trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin toàn diện và hiện đại, cũng như các phương pháp luận tiên tiến trên thế giới về phòng chống gian lận, phòng chống rửa tiền; bảo vệ ngân hàng và Khách hàng khỏi các rủi ro phát sinh từ các hoạt động tội phạm tài chính, đặc biệt là các tội phạm sử dụng công nghệ cao và mạng Internet như gian lận trực tuyến, tấn công mạng, và rửa tiền qua các đồng tiền kỹ thuật số... Hệ thống có khả năng phân tích dữ liệu lớn để phát hiện tội phạm gian lận, rửa tiền trên đa dạng các mảng hoạt động Ngân hàng; giúp đảm bảo an toàn cho giao dịch của khách hàng và ngân hàng. Hệ thống kết hợp giữa rule base và mô hình máy học, kết hợp giữa giám sát realtime, near realtime và batch để tăng tính chính xác, kịp thời, toàn diện của cảnh báo. Các mô hình và kịch bản giám sát của hệ thống đều đang đạt chỉ tiêu kiểm soát chất lượng ở mức tốt so với thông lệ thị trường (tỷ lệ phát hiện chủ động cao, tỷ lệ cảnh báo giả thấp).

Thông qua việc triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động một cách toàn diện, bám sát thông lệ tiên tiến trên thế giới, năm 2024, công tác quản lý rủi ro hoạt động đã được kiểm soát tốt, các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro hoạt động của Ngân hàng được cải thiện theo hướng tích cực so với kết quả năm 2022 và 2023, nằm trong ngưỡng giới hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Rủi ro thị trường



Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. **Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro lãi suất, Rủi ro ngoại hối, Rủi ro giá cổ phiếu, Rủi ro giá hàng hóa.**

MB xây dựng khung quản lý rủi ro thị trường là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức. Rủi ro thị trường được quản lý theo quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, và báo cáo, trong điều kiện bình thường và điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất.

Rủi ro thị trường được đánh giá, nhận dạng toàn diện trong các giao dịch, sản phẩm, trạng thái trên Sổ kinh doanh của MB, được đo lường và giám sát trong ngày giao dịch thông qua hạn mức và các ngưỡng cảnh báo.

Các hạn mức rủi ro thị trường đang được MB quản lý bao gồm hạn mức về trạng thái mở, hạn mức dừng lỗ, hạn mức độ nhạy theo hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01),

hạn mức giá trị rủi ro ước tính của một khoản đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định (Var)... để lượng hóa các tác động từ biến động của tỷ giá, lãi suất tới trạng thái rủi ro và lợi nhuận của danh mục. Việc đo lường giám sát hạn mức hàng ngày sẽ giúp MB có các biện pháp kịp thời để giảm thiểu rủi ro từ biến động thị trường và tác động tới lợi nhuận của hoạt động kinh doanh.

Năm 2024, bên cạnh việc rà soát, định kỳ cập nhật chính sách, quy chế, quy trình, MB cũng tập trung hoàn thiện nâng cấp hệ thống đo lường, quản lý rủi ro thị trường, đã được đơn vị kiểm toán độc lập xác thực công cụ đo lường rủi ro thị trường theo tiêu chuẩn Basel III.

MB được Celent - Công ty hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và tư vấn cho ngành công nghiệp dịch vụ tài chính vinh danh là Đơn vị QTRR kiểu mẫu (Model Risk Manager) trong việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý rủi ro để có thể giám sát rủi ro near-realtime và nâng cao năng lực hỗ trợ ra quyết định.

Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

Tại MB, HĐQT và BDH đánh giá cao tầm quan trọng và cần thiết của hoạt động Phòng chống rửa tiền, Tài trợ khủng bố, Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL)/Tuân thủ Cấm vận, do đó, luôn dành sự quan tâm, đầu tư, giám sát chặt chẽ đối với việc xây dựng và triển khai các biện pháp PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL/Tuân thủ Cấm vận.

Theo đó, công tác PCRT/TTKB tại MB được triển khai theo nguyên tắc: (1) Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định MB trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chống lạm quyền, lợi dụng việc PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL/Tuân thủ Cấm vận để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; (2) Các



biện pháp PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL/Tuân thủ Cấm vận phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời, các hành vi RT & TTKB & TTPBVKHDHL và vi phạm cấm vận phải được xử lý nghiêm minh.

MB xác định rõ mục tiêu của hoạt động PCRT/TTKB trong ngân hàng: (1) Đảm bảo MB tuân thủ quy định của pháp luật và tiệm cận thông lệ quốc tế; (2) Ngăn chặn việc các kênh kinh doanh, các sản phẩm/dịch vụ của MB bị lợi dụng như một kênh/công cụ cho hoạt động RT & TTKB & TTPBVKHDHL và vi phạm cấm vận; (3) Bảo vệ thanh danh, uy tín của MB trước khách hàng, đối tác và ngăn ngừa tổn thất về tài chính có thể xảy ra.

Ngoài ra, với vai trò là công ty mẹ của 8 công ty hoạt động trong mọi phương diện tài chính (bao gồm: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội – MBAMC, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB - MBCapital, Công ty cổ phần Chứng khoán MB – MBS, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội – MIC, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB AGEAS – MBAL, Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei – MCredit, Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia và Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại MBV), MB luôn định hướng các công ty con phải tuân thủ theo nguyên tắc PCRT/TTKB của công ty mẹ, đảm bảo xây dựng một tập đoàn có một ý chí chung, mục tiêu chung trong hoạt động PCRT/TTKB.

Để đạt được những mục tiêu đó, HĐQT và BDH MB luôn ý thức được việc thực thi PCRT/TTKB tại mỗi tổ chức tài chính sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến công cuộc PCRT/TTKB của quốc gia nói riêng và thế giới nói chung. Ý thức này cũng đã được truyền tải đầy đủ đến tập thể CBNV ngân hàng và các công ty con, tạo ra sự lan tỏa về ý thức PCRT/TTKB trong toàn Ngân hàng giúp việc thực thi các biện pháp PCRT/TTKB triệt để, thống nhất và hiệu quả hơn.

Hoạt động PCRT dựa trên 2 trụ cột chính là Nhận biết Khách hàng và Giám sát giao dịch của khách hàng. Quá trình nhận biết khách hàng gồm thu thập, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng và phân loại rủi ro được các Chi nhánh quản lý khách hàng của MB triển khai và thực hiện một cách thận trọng, thường xuyên, liên tục. Quá trình giám sát giao dịch khách hàng được thực hiện trước/trong/sau giao dịch nhằm phát hiện, từ chối các giao dịch không thuộc chính sách chấp nhận giao dịch của MB và cảnh báo liên tục các trường hợp đáng ngờ lợi dụng sản phẩm/dịch vụ ngân hàng cho các hoạt động rửa tiền. Việc thực thi hiệu quả không thể thiếu công cụ được trang bị tới các cán bộ nhân viên nhằm hỗ trợ quá trình thực hiện. Theo đó, Hệ thống Phòng chống rửa tiền của MB được cung cấp bởi đối tác hàng đầu trên thế giới (Oracle) với đầy đủ các cấu phần giúp nhận biết Khách hàng trong suốt quá trình quan hệ của KH tại MB và giám sát giao dịch của khách hàng với các loại danh sách cấm vận/cảnh báo và các kịch bản đáng ngờ về giao dịch giúp quản trị rủi ro RT & TTKB & TTPBVKHDHL và vi phạm cấm vận nhanh chóng, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ tiên tiến của quốc tế.

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do:

- Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất
- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn.
- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau.
- Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

MB xây dựng khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức...; Triển khai quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm

bảo quy trình quản trị với các phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở đáp ứng các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2024, MB tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật các chính sách, quy trình, phương pháp luận đo lường rủi ro, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng như trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile), Thay đổi thu nhập lãi thuần (Change in net income - ΔNII), Thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu (Change in economic value of equity - ΔEVE)... theo Basel II và hướng tới đáp ứng Basel III.

Ngoài ra MB đã triển khai dự án ALM ứng dụng trong công tác quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đáp ứng thông lệ quốc tế.

Rủi ro thanh khoản



Rủi ro thanh khoản là rủi ro do:

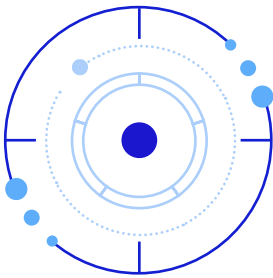
- Ngân hàng ngoài không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc
- Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng.

MB xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản: là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức...; Rủi ro thanh khoản được quản lý theo quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, và báo cáo, trong điều kiện kinh doanh thông thường, điều kiện kinh doanh có khủng hoảng và điều kiện kinh doanh có triển khai sản phẩm mới cũng như thị trường mới; đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và

thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Năm 2024, ngoài việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày, MB chủ động thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. Các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng mà Ngân hàng sử dụng được thiết kế ở các cấp độ và quy mô khác nhau. Các tình huống "diễn tập" giúp MB đưa ra khuyến nghị và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản trên cơ sở nhận diện, đánh giá khả năng khủng hoảng thanh khoản và đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo thanh khoản cho MB và phù hợp với các mức độ và kịch bản khủng hoảng thanh khoản.

Bên cạnh đó, MB được đơn vị kiểm toán độc lập xác thực công cụ đo lường LCR, NSFR theo chuẩn mức Basel III trong công tác quản trị, điều hành; Đồng thời triển khai dự án ALM ứng dụng trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản tiến gần hơn tới các chuẩn mực quốc tế.

Rủi ro tập trung



Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động tự doanh, MB đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung và hạn mức tập trung giao dịch tự doanh theo đối tác giao dịch, sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đồng thời xây dựng các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh để áp dụng hạn mức tập trung giao dịch tự doanh đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác.

Rủi ro mô hình



Rủi ro mô hình: là rủi ro từ những quyết định dựa trên việc sử dụng không chính xác thông tin đầu ra của mô hình, các lỗi này có thể xuất phát từ quá trình xây dựng, triển khai hệ thống, hoặc ứng dụng mô hình. Rủi ro mô hình có thể dẫn đến tổn thất tài chính, ra quyết định kinh doanh thiếu tính chiến lược, hoặc ảnh hưởng tới danh tiếng của ngân hàng.

Quản lý rủi ro mô hình trong ngân hàng góp phần hỗ trợ kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, v.v. Mục tiêu của ngân hàng trong việc quản lý rủi ro mô hình là nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa danh mục đầu tư, đảm bảo tuân thủ quy định.

Tại MB, quản trị rủi ro luôn đồng hành và ứng dụng mạnh mẽ các mô hình, công cụ đo lường rủi ro để kết nối giữa nhu cầu kinh doanh và quản trị, đảm bảo phục vụ đa dạng các nhu cầu của ngân hàng, đặc biệt các hoạt động kinh doanh trọng tâm (ngân hàng số, chuyển dịch bán lẻ).

Trong nhiều năm MB đã xây dựng thành công tập hợp lớn gần 180 các mô hình bao gồm: các mô hình ứng dụng các lĩnh vực kinh doanh bao quát toàn bộ hành trình của tất cả các phân khúc khách hàng; các mô hình phục vụ hoạt động tài chính, các mô hình phục vụ tuân thủ IFRS9; các mô hình phục vụ công tác quản trị rủi ro. Các mô hình đều có độ tin cậy cao, được kiểm nghiệm chắc chắn, hỗ trợ tối ưu hóa, tăng cường tự động

hóa toàn bộ quy trình cấp tín dụng đến khách hàng. Đặc biệt, kết quả của các mô hình ứng dụng kinh doanh theo phân khúc khách hàng và cả theo sản phẩm đã giúp ngân hàng đưa ra các quyết định hiệu quả hơn trong quá trình lựa chọn khách hàng ngay từ đầu vào, thẩm định phê duyệt tín dụng, chuẩn hóa thông tin mẫu biểu đối với các phân khúc đặc biệt là KHCN và doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp tối ưu trải nghiệm cho khách hàng. Hệ thống Scoring triển khai đồng bộ từ khâu tiếp xúc khách hàng, thẩm định, phê duyệt, giám sát khoản vay và thu hồi nợ, đồng thời được kết nối với 02 nền tảng số App MBBank (dành cho KHCN) và BIZ MBBank (dành cho KHDN) đã hỗ trợ thu hút được số lượng khách hàng mới đột phá, giúp dẫn đầu thị trường về số lượng khách hàng mới sử dụng nền tảng số và tốc độ tăng trưởng số lượng giao dịch. MB tiếp tục phát triển các mô hình, công cụ cho phép khách hàng tự phục vụ toàn bộ trên 02 nền tảng APP và BIZ. Mục tiêu tỷ lệ phê duyệt tự động đối với khoản vay KHCN và SME siêu nhỏ lên đến mức 75%.

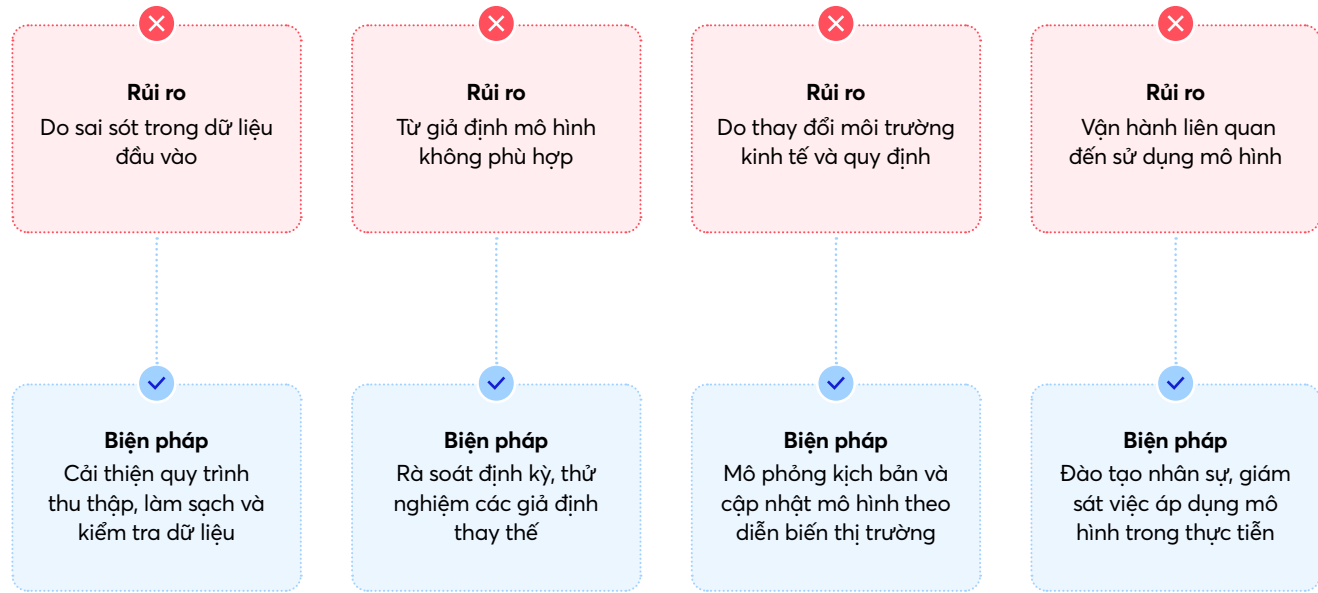
Tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế và chuẩn mực hàng đầu để nâng cao quy trình quản trị rủi ro. Các mô hình phục vụ cho công tác quản trị và tuân thủ IFRS9 giúp ngân hàng quản trị được các tình huống về tài chính, kinh tế hoàn thành các yêu cầu về Basel III và IFRS9. Kết quả của mô hình PD, LGD, LGD được ứng dụng để tính toán giá trị tổn thất ước tính dự kiến, đo đạc cụ thể lợi ích của từng khách

hàng mang lại, cân bằng với rủi ro ước tính của Khách hàng. Bên cạnh đó, mô hình cảnh báo sớm rủi ro – Early Warning Signal cho phép nhận diện các khách hàng có dấu hiệu suy giảm tài chính, khả năng trả nợ kịp thời có các giải pháp ứng xử phù hợp để hỗ trợ khách hàng phục hồi và kịp thời xử lý thu hồi nợ. Mô hình

Collection scorecard và phương pháp thu hồi nợ mới đáp ứng chiến lược bán lẻ của Tập đoàn giai đoạn 2022-2026, giảm 25% tỉ lệ tỷ lệ NPL cho danh mục bán lẻ so với không áp dụng các chiến lược, tối ưu hóa năng suất thu hồi nợ, giảm chi phí vận hành cũng như nâng cao trải nghiệm khách hàng.

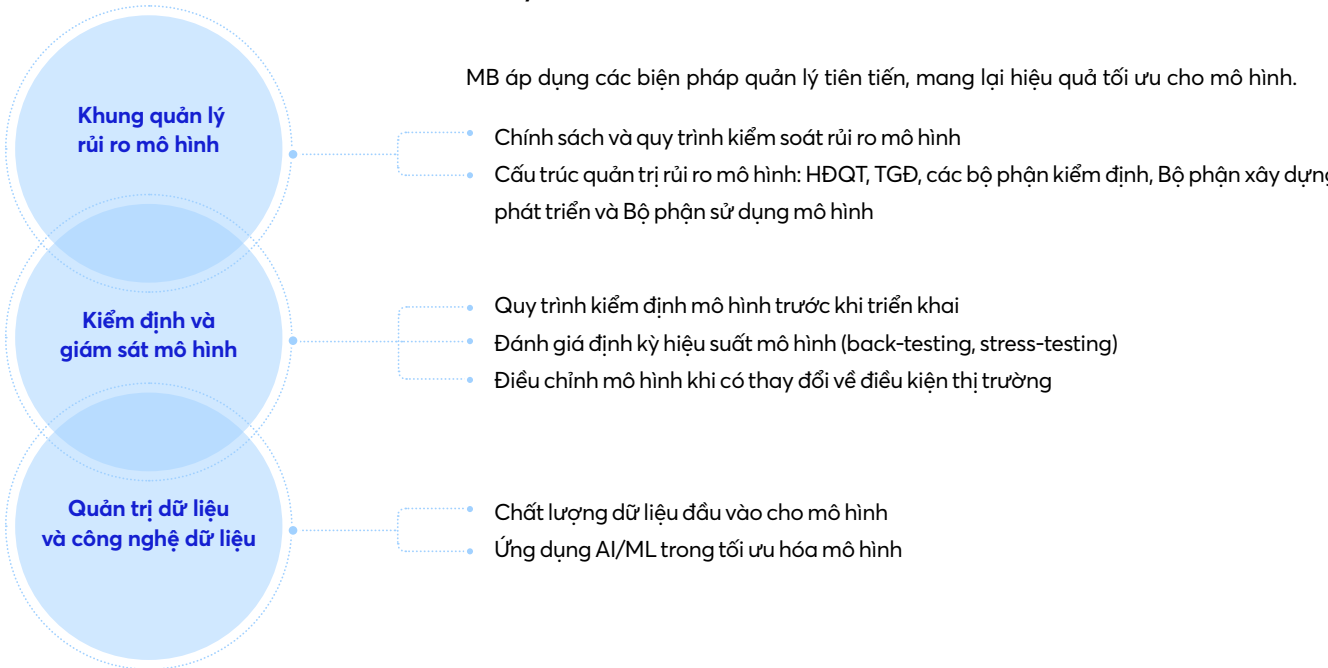
Các rủi ro mô hình trọng yếu và biện pháp giảm thiểu

Với số lượng lớn các mô hình đang vận hành và tốc độ phát triển mạnh mẽ MB chủ động nhận diện các rủi ro và biện pháp giảm thiểu:



Quản lý và kiểm soát rủi ro mô hình

MB áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến, mang lại hiệu quả tối ưu cho mô hình.



Định hướng phát triển và cải tiến trong quản lý rủi ro mô hình

- Tăng cường ứng dụng AI và học máy (ML) để nâng cao độ chính xác của mô hình
- Phát triển mô hình dự báo rủi ro theo thời gian thực
- Xây dựng hệ thống giám sát tự động để phát hiện sai lệch mô hình
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính và đối tác công nghệ

Rủi ro Công nghệ thông tin (CNTT)

Quản lý rủi ro công nghệ thông tin tại MB là việc thiết lập một cơ chế quản lý toàn diện các rủi ro khi thực hiện hoạt động liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), góp phần bảo đảm đạt được các mục tiêu CNTT của tổ chức:

- Bảo đảm phục vụ đúng chiến lược của tổ chức
- Hoạt động ổn định, chính xác, bảo đảm an ninh an toàn hệ thống và hiệu quả về nguồn lực đầu tư
- Tuân thủ pháp luật và thông lệ ngành (nếu có)

Định hướng trong công tác quản lý rủi ro công nghệ thông tin tại MB

- Xây dựng bản đồ rủi ro công nghệ làm thước đo phản ánh khách quan và nhanh, cảnh báo sớm các nhóm vấn đề tiềm ẩn rủi ro đang có của CNTT, từ đó chủ động rà soát, ưu tiên xử lý ngay các vấn đề mới nổi
- Tất cả hệ thống CNTT phải xác định chủ sở hữu nghiệp vụ để đảm bảo yêu cầu gắn với chiến lược kinh doanh và vận hành của MB
- Ban hành chính sách, tiêu chuẩn, quy trình hướng dẫn về quản lý dữ liệu trong toàn bộ vòng đời của dữ liệu
- Công tác quản lý chất lượng trong vận hành, cung cấp dịch vụ CNTT phải được các đơn vị triển khai để đảm bảo đo lường được, từ đó cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ CNTT
- Tất cả yêu cầu thay đổi hệ thống CNTT phải được đánh giá đầy đủ về rủi ro và tác động trước khi triển khai
- Kiểm soát chặt chẽ an ninh, bảo mật hệ thống CNTT
- Ngoài ra, MB đã và đang đáp ứng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về An ninh, an toàn bảo mật
- Tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu ngành thẻ thanh toán là tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán do Hội đồng Tiêu chuẩn Bảo mật (PCI Security Standards Council) xác lập.
- Tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 là tiêu chuẩn quốc tế đặc tả cho các hệ thống quản lý an toàn thông tin.
- Đánh giá tuân thủ bảo mật cho hệ thống SWIFT theo khung Kiểm soát Bảo mật Khách hàng (CSP – Customer Security Programme) của SWIFT

Rủi ro môi trường, xã hội và rủi ro khí hậu

- Các nội dung về công tác quản trị rủi ro môi trường và xã hội và rủi ro khí hậu của MB được trình bày tại Phần 5 – Báo cáo phát triển bền vững.



2

Tình hình hoạt động của MB năm 2024



- 68 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 84 Tổ chức và nhân sự
- 92 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 98 Tình hình tài chính của MB năm 2024
- 104 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình hoạt động kinh doanh



Năm 2024 đánh dấu cột mốc quan trọng khi tổng tài sản của MB lần đầu tiên vượt mốc triệu tỷ đồng, đạt 1.129 nghìn tỷ đồng, phản ánh sự mở rộng mạnh mẽ với mức tăng 19,5% trong năm. Cấu trúc tài sản cũng có sự điều chỉnh theo hướng tích cực khi tỷ trọng cho vay khách hàng được nâng cao, trong khi danh mục đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp dần thu hẹp. Dư nợ cho vay tăng trưởng ấn tượng 27%, góp phần đẩy tổng tín dụng lên hơn 811 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, dù mở rộng tín dụng nhanh, MB vẫn duy trì tỷ lệ nợ xấu ổn định ở mức thấp 1,6%, thấp hơn mặt bằng chung của ngành.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, từ con số 5 triệu khách hàng trong 25 năm đầu tiên, số lượng khách hàng của MB đã tăng vọt lên 26,1 triệu trong năm 2023 và **30,2 triệu khách hàng trong năm 2024, tương đương hơn 30% dân số Việt Nam**. Bên cạnh đó MB tiếp tục mở rộng và hoàn thiện tính năng trên BIZ MBBank mang lại trải nghiệm thuận tiện cho khách hàng doanh nghiệp.

Trong năm, MB cũng liên tục nâng cao năng lực Công nghệ thông tin & Chuyển đổi số thông qua đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. **Tỷ lệ giao dịch trên kênh số của MB đạt mức ~98,6% tương đương các ngân hàng Top đầu Châu Á**, đồng thời MB cũng liên tiếp dẫn đầu hệ thống về quy mô giao dịch trên kênh số trong 3 năm gần đây. Binh quân mỗi ngày App MBBank ghi nhận gần 10 triệu giao dịch. MB được NHNN tuyên dương vì là ngân hàng tiên phong triển khai xác thực sinh trắc học cho giao dịch tài chính.

MB đã và đang kiến tạo một hệ sinh thái tài chính mở với mô hình BaaS. Dịch vụ BaaS của MB cho phép các tổ chức tài chính kết nối linh hoạt qua hệ thống API đa dạng nhất thị trường – với 1.335 API (100% được phát triển nội bộ) – giúp các đối tác tối ưu hóa quản trị dòng tiền và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tất cả đều được đảm bảo với mức độ bảo mật tuyệt đối.

Sở hữu **đội ngũ nhân sự và chuyên gia công nghệ hùng hậu nhất hiện nay với hơn 2.500 người, chiếm 15% tổng nhân sự toàn hệ thống**, MB hiện đang hướng tới cấu trúc nhân sự tương tự như một công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ. Trung bình khoảng 10 ngày làm việc, tại MB lại xuất hiện một dự án công nghệ mới. Cùng với triển khai các sáng kiến - dự án nhà máy số, dự án nền tảng đúng tiến độ, MB cũng hoàn thành tích hợp ESG vào chiến lược của Ngân hàng và khung tín dụng xanh, đánh giá khoảng cách và xây dựng lộ trình dữ liệu ESG, dư nợ tín dụng xanh chiếm ~8,5% tín dụng toàn hàng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH DOANH CHÍNH						
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2022	2023	2024	% +/- 2024 so với 2023
Quy mô vốn						
1	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	79.613	96.711	117.060	21,0
2	Vốn điều lệ	tỷ đồng	45.340	52.141	53.063	1,8
3	Tổng tài sản	tỷ đồng	728.532	944.954	1.128.801	19,5
4	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,5	10,8	11,8	1,0
Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh chính						
1	Tổng cho vay khách hàng (gồm Dư nợ & TPDN)	tỷ đồng	508.464	651.346	811.142	24,5
2	Tổng huy động vốn (gồm CCTG)	tỷ đồng	514.136	671.154	805.647	20,0
3	Tổng thu nhập hoạt động	tỷ đồng	45.593	47.306	55.413	17,1
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	22.729	26.306	28.829	9,6
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18.155	21.054	22.951	9,0
6	Tỷ lệ lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	2,7	2,5	2,2	(0,3)
7	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	25,6	23,9	21,5	(2,4)
8	Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động (CIR)	%	32,5	31,5	30,7	(0,8)
9	Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	%	40,6	40,2	39,3	(0,9)
10	Nợ quá hạn	tỷ đồng	12.840	23.723	24.782	4,5
11	Nợ xấu	tỷ đồng	5.031	9.805	12.585	28,4
12	Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,8	3,9	3,2	(0,7)
13	Tỷ lệ nợ xấu	%	1,1	1,6	1,6	0,0
Các chỉ tiêu thanh khoản						
14	Tổng dư nợ cho vay/nguồn vốn huy động (LDR)	%	75,3	76,4	81,1	4,7
15	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	30,4	26,1	26,9	0,8

NÂNG CAO NĂNG LỰC
HUY ĐỘNG VÀ TỐI ƯU
HÓA NGUỒN VỐN

Nguồn vốn của ngân hàng tiếp tục cải thiện, với tổng huy động tăng hơn 20%, đạt 806 nghìn tỷ đồng. Trong đó, tiền gửi từ khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn hơn. Tỷ lệ CASA vẫn duy trì vị trí dẫn đầu ngành ở mức 39,3% và có sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô. Ngoài ra, hoạt động liên ngân hàng tăng trưởng đột phá với mức tăng trưởng 66% của tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, thể hiện sự chủ động và linh hoạt trong quản lý nguồn vốn.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
VÀ LỢI NHUẬN DUY TRÌ
Ở MỨC CAO

Tổng thu nhập hoạt động của MB đạt hơn 55 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước, nhờ sự đóng góp mạnh mẽ từ mảng đầu tư chứng khoán và dịch vụ. Lợi nhuận trước thuế đạt 28,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước, duy trì mức tăng trưởng ổn định. Các chỉ số sinh lời tiếp tục ở mức cao, với ROE đạt 21,5% và ROA đạt 2,2%, khẳng định vị thế Top đầu ngành. Tỷ lệ an toàn vốn CAR hợp nhất duy trì ở mức cao 11,8%, đảm bảo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững. Đồng thời, ngân hàng tiếp tục kiểm soát tốt chi phí hoạt động, giúp tỷ lệ CIR duy trì trong nhóm tốt nhất toàn ngành.

Đơn vị: tỷ đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MB					
STT	Chi tiêu hợp nhất	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	+/- so với 2023	Đánh giá so với kế hoạch
1	Tổng tài sản	Tăng 13%	1.128.801	Tăng 19,5%	Vượt kế hoạch
2	Huy động vốn (gồm CCTG)	Phù hợp nhu cầu sử dụng vốn	805.647	Tăng 20%	Đạt kế hoạch
3	Tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN)	Tăng 16% theo giới hạn NHNN	811.142	Tăng 24,5%	Vượt kế hoạch
4	Lợi nhuận trước thuế	Tăng 6-8%	28.829	Tăng 10%	Vượt kế hoạch
5	Tỷ lệ nợ xấu	≤ 2,0%	1,6%		Đạt kế hoạch
6	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	Tối thiểu 9% (Basel II)	11,8%		Đạt kế hoạch
7	ROE	20-22%	21,5%		Đạt kế hoạch
8	ROA	2-2,2%	2,2%		Đạt kế hoạch
9	CIR	30-31%	31%		Đạt kế hoạch
10	Số lượng khách hàng	30 triệu khách hàng	30,2 triệu khách hàng		Vượt kế hoạch
11	Tỷ lệ cổ tức	10-20%	20%		Đạt kế hoạch

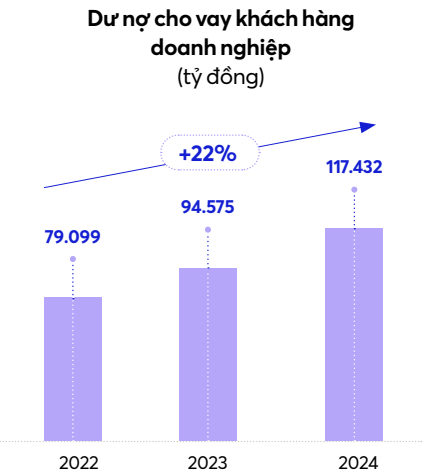
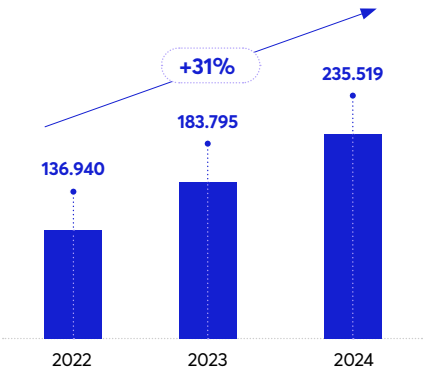
HOÀN THÀNH VÀ VƯỢT KẾ HOẠCH NĂM 2024

MB không chỉ duy trì đà tăng trưởng ổn định mà còn vượt kế hoạch ở nhiều chỉ tiêu quan trọng. Tổng tài sản tăng 19,5%, vượt mục tiêu đặt ra, trong khi tín dụng mở rộng 24,5%, cao hơn kế hoạch gần 9%. Lợi nhuận trước thuế tăng 10%, vượt mức kỳ vọng 6-8%. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt ở mức 1,6%, đúng theo kế hoạch dưới 2%, trong khi tỷ lệ an toàn vốn CAR hợp nhất duy trì ở mức 11,8% theo chuẩn Basel II.

Ngoài ra, các chỉ số hiệu suất như ROE, ROA và CIR tiếp tục đứng trong nhóm tốt nhất ngành. Đặc biệt, ngân hàng đã cán mốc hơn 30 triệu khách hàng ngay trước thềm kỷ niệm 30 năm thành lập, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng thị phần. Đến hết năm 2024, số lượng khách hàng MB phục vụ đã đạt 30,2 triệu. Tỷ lệ cổ tức năm 2024 đã chia cho kết quả kinh doanh 2023 là 20%, hoàn thành đúng cam kết với cổ đông.

Đánh giá hoạt động của các khối

I KHỐI CIB



Tiền gửi khách hàng doanh nghiệp (tỷ đồng)

Hoạt động nổi bật năm 2024 – Vững vàng dẫn dắt tăng trưởng

Năm 2024 đã đánh dấu một bước tiến mạnh mẽ và toàn diện của Khối Khách hàng lớn (CIB), khẳng định vai trò là một trong những động lực tăng trưởng then chốt, đóng góp quan trọng vào việc hiện thực hóa tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp số, Tập đoàn Tài chính dẫn đầu” của MB.

- Dẫn đầu về tăng trưởng tín dụng:** Vượt qua bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức, CIB đã có sự bứt phá ấn tượng về tín dụng, đạt quy mô hơn 235 nghìn tỷ đồng (bao gồm Trái phiếu TCKT), tăng trưởng gần 30% so với 2023. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong các khối kinh doanh, tiếp nối chuỗi 3 năm liên tiếp dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng toàn hệ thống, đóng góp quan trọng vào quy mô và hiệu quả chung của Ngân hàng.
- Tăng trưởng Huy động vốn bền vững:** Quy mô huy động vốn đạt 117,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 150% kế hoạch, với mức tăng ròng gần 23.000 tỷ đồng (gấp 1,4 lần năm 2023). Điều này cho thấy niềm tin của khách hàng vào MB, cũng như năng lực cung ứng giải pháp tài chính toàn diện của CIB.

- Quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn hệ thống:** Luôn đặt mục tiêu “An toàn bền vững” lên hàng đầu, CIB đã triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị rủi ro chủ động, duy trì tỷ lệ nợ xấu (NPL) ở mức dưới 0,1%, hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao, góp phần củng cố nền tảng hoạt động vững chắc cho MB.
- Gia tăng chuyển đổi số, nâng tầm trải nghiệm khách hàng:** Thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược “Tăng tốc số”, CIB đã triển khai thành công kết nối API tới 22 khách hàng lớn, bao gồm các đối tác chiến lược trong lĩnh vực tiêu dùng, viễn thông, xăng dầu..., tạo nền tảng vững chắc để thu hút CASA và gia tăng “sức hấp dẫn khách hàng”.
- Đột phá giải pháp Tài trợ chuỗi cung ứng (SCF):** Mô hình Tài trợ chuỗi cung ứng đã có bước chạy đà ấn tượng trong năm 2024 với 35 chuỗi triển khai thành công, doanh số tài trợ đạt gần 1.000 tỷ và dư nợ tăng trưởng 5,531% chỉ trong 6 tháng cuối năm. Đặc biệt, việc MB golive nền tảng giải ngân SCF tự động trên BIZ – nền tảng duy nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay – đã góp phần khẳng định vị thế “Doanh nghiệp số” tiên phong của MB.

Mục tiêu 2025 – Dẫn dắt chuyển đổi, tạo nền tảng vững chắc cho tầm nhìn dài hạn

Phát huy đà tăng trưởng và những nền tảng vững chắc đã xây dựng, năm 2025, CIB xác định các mục tiêu trọng tâm, **bám sát định hướng “Bền vững – Hiện đại” và các mục tiêu chung của Ngân hàng**, góp phần đưa MB từng bước hướng tới mục tiêu “Top 3 thị trường về hiệu quả, hướng đến Top đầu Châu Á”. CIB tập trung triển khai các giải pháp, gắn kết chặt chẽ với các trụ cột phát triển bền vững, công nghệ, khách hàng và nguồn lực. Cụ thể:



- Dẫn dắt thị trường Ngân hàng Đầu tư (IB) và Mở rộng các lĩnh vực Tiềm năng:** Triển khai mạnh mẽ **mô hình IB tập đoàn**, tập trung triển khai các phương án thu xếp vốn quy mô lớn, các dự án trọng điểm quốc gia. Mục tiêu tăng trưởng đột phá doanh thu phí IB lên ~900 tỷ đồng (gấp 3 lần năm 2024). Đồng thời, chủ động tiên phong tìm kiếm, thẩm định và tài trợ các lĩnh vực mới, phù hợp với xu thế phát triển bền vững và công nghệ cao, tích cực hiện thực hóa mục tiêu “Ngân hàng Xanh” và tích hợp ESG vào hoạt động kinh doanh.
- Tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt đối với giải pháp Tài trợ chuỗi cung ứng**

(Supply Chain Finance – SCF): mục tiêu năm 2025 tăng quy mô cấp tín dụng tài trợ chuỗi cung ứng tối thiểu gấp 10 lần so với năm 2024, phần đầu quy mô doanh số giao dịch đạt 10,000 tỷ. Tập trung triển khai trên danh mục khách hàng Top đầu có hệ sinh thái nhà cung cấp và nhà phân phối đa dạng. Tiếp tục hoàn thiện nền tảng số, mang lại “trải nghiệm xuất sắc” và thu hút chuỗi giá trị của khách hàng về MB.

- Thúc đẩy kinh doanh FDI toàn diện – Gia tăng hiệu quả:** Tập trung thu hút và phát triển khách hàng FDI, không chỉ chú trọng tăng trưởng tín dụng mà còn đẩy mạnh huy động vốn và thu

dịch vụ, đảm bảo tăng trưởng doanh thu gấp 1,2 – 1,5 lần tăng trưởng tín dụng. Nâng cấp mô hình Trung tâm FDI chuyên biệt tại hai miền, tăng cường kết nối quốc tế, từng bước nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của MB trên thị trường quốc tế.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng – Đồng hành cùng khách hàng:** Tiếp tục ưu tiên hàng đầu công tác quản trị rủi ro, bám sát chặt chẽ hoạt động của khách hàng, chủ động đưa ra các giải pháp hỗ trợ kịp thời, đảm bảo danh mục tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ phương châm “An toàn bền vững”.

Chương trình hành động và sáng kiến trọng tâm

Để hiện thực hóa mục tiêu chiến lược, CIB tập trung triển khai các sáng kiến và chương trình hành động cụ thể:

- Đa dạng hóa ngành nghề chiến lược và khai thác chiều sâu:** CIB định hướng tập trung phát triển khách hàng thuộc 6 ngành trọng điểm, phù hợp với định hướng kinh tế quốc gia và chiến lược phát triển bền vững của MB, bao gồm: (1) Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, hàng tiêu dùng: Đây là nhóm ngành có quy mô lớn, nhu cầu tín dụng ổn định, khả năng mở rộng dịch vụ tài chính cao; (2) Hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng sản xuất: Gắn với chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia, đón đầu xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu; (3) Logistics, cảng biển: Khai thác dòng tiền lớn, có nhu cầu thanh toán quốc tế và các sản phẩm ngân hàng giao dịch (transaction banking); (4) Thi công, xây dựng dự án đầu tư công và hạ tầng sản xuất: Gắn với chính sách thúc đẩy đầu tư công và các chương trình phát triển kinh tế vùng; (5) Sản xuất điện (bao gồm năng lượng tái tạo và điện truyền thống): Hướng tới tài trợ các dự án xanh; (6) Tiêu dùng bán lẻ (chuỗi phân phối, hệ sinh thái thương mại): Tạo cơ hội phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính toàn diện.

Các ngành này sẽ được lựa chọn dựa trên 3 tiêu chí: (1) Tốc độ tăng trưởng thị trường, (2) MB có khả năng cạnh tranh và

tạo giá trị vượt trội, (3) Mức độ sử dụng đa dạng dịch vụ tài chính của khách hàng.

- Phát triển các sản phẩm tài chính doanh nghiệp có hàm lượng tư vấn cao:** đẩy mạnh thu xếp hợp vốn cho các dự án quy mô lớn (> 5000 tỷ), cung cấp các giải pháp tư vấn tài chính chuyên sâu (tư vấn dòng tiền, hỗ trợ doanh nghiệp tái cấu trúc...).
- Khai phá các lĩnh vực chiến lược mới, gắn với định hướng ngân hàng Xanh và Chuyển đổi số:** CIB chủ động tìm kiếm cơ hội tài trợ và cung cấp dịch vụ tài chính cho các lĩnh vực mới nổi và có tính chiến lược quốc gia, bao gồm: (1) Công nghệ điện tử, chip bán dẫn: Ngành công nghiệp ưu tiên đầu tư của Chính phủ; (2) Năng lượng sạch, điện hạt nhân: Hướng đến tương lai Net zero, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của MB; (3) Tài chính xanh, tín dụng carbon: Tích cực góp phần vào mục tiêu duy trì tỷ trọng tín dụng xanh của MB ở mức 8–10%/năm. Đây là những lĩnh vực mang tính tiên phong, đòi hỏi năng lực thẩm định chuyên sâu và mô hình quản trị rủi ro hiện đại, phù hợp với vai trò dẫn đầu mà MB đang hướng tới.
- Tăng tốc phát triển FDI và nâng tầm mô hình kinh doanh quốc tế:** CIB triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển khách hàng FDI, bao gồm: (1) Mở rộng hoạt động xúc tiến trực tiếp tại

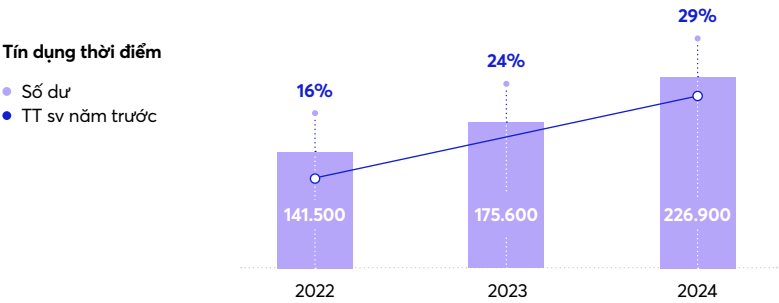
nước ngoài thông qua các chương trình làm việc cấp cao với hiệp hội doanh nghiệp và các Tập đoàn đa quốc gia; (2) Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện mô hình Trung tâm FDI khu vực phía Bắc và phía Nam, xây dựng đội ngũ chuyên biệt về ngôn ngữ, pháp lý và vận hành FDI; (3) Phát triển các sản phẩm tài chính chuyên biệt cho Khách hàng FDI... Mục tiêu là đưa MB trở thành ngân hàng được lựa chọn hàng đầu của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, từ đó từng bước hiện thực hóa định hướng quốc tế hóa của ngân hàng.

- Tối ưu hóa và mở rộng khai thác hệ sinh thái khách hàng:** CIB định hướng khai thác sâu các hệ sinh thái khách hàng hiện hữu và mở rộng kết nối, cụ thể: (1) Gia tăng thị phần huy động vốn và dòng tiền thanh toán từ các tập đoàn, tổng công ty lớn; (2) Tối ưu hóa chuỗi thu hộ/chi hộ từ các khách hàng bán lẻ hàng tiêu dùng; (3) Dẫn dắt chuyển đổi số chuỗi cung ứng: Tiếp tục tiên phong mở rộng và hoàn thiện mô hình SCF trên toàn hàng, phát triển các nền tảng số tự động hóa hoàn toàn (xét duyệt, cấp hạn mức, giải ngân), tạo dựng nền móng vững chắc để **thu hút và dịch chuyển hệ sinh thái khách hàng về MB, hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số toàn diện của Ngân hàng**.

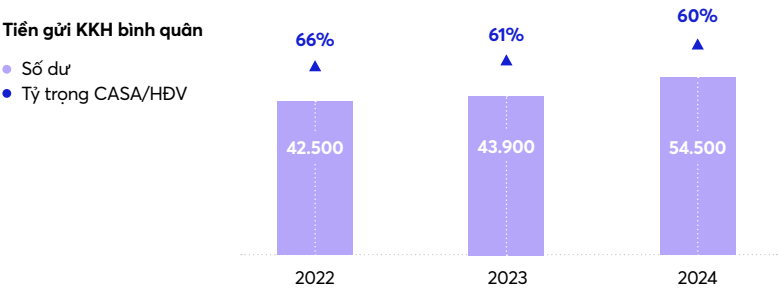
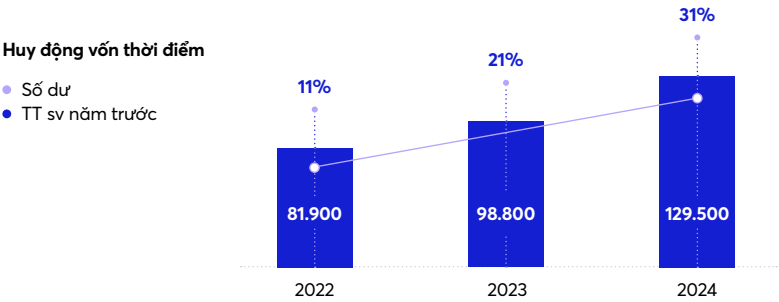
| KHỐI SME

Hoạt động của khối trong năm 2024

Hoạt động của SME năm 2024 đạt tăng trưởng tín dụng cao bên cạnh kiểm soát chất lượng tín dụng, tập trung chủ yếu vào phân khúc Vừa và nhỏ, các khách hàng có hoạt động bảo lãnh và tài trợ thương mại để đa dạng về thu dịch vụ. Cụ thể năm 2024 quy mô tín dụng của Khối SME đạt 227 nghìn tỷ, tăng net gần 51.500 tỷ, tăng trưởng 29% so với 2023. Tăng trưởng phân khúc Vừa và nhỏ ngắn hạn chiếm đến 77% trong tổng tăng net ngắn hạn, tăng trưởng từ **ngành trọng tâm đạt 70%**.



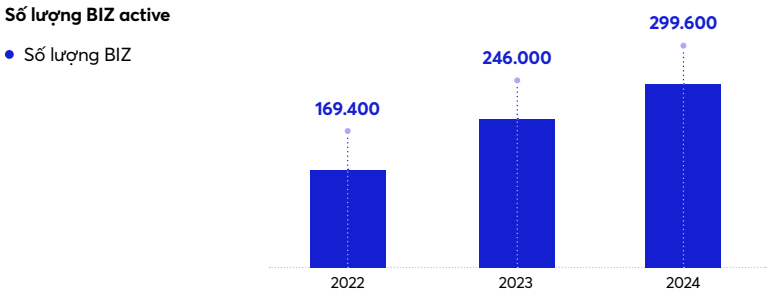
Song song với tăng trưởng tín dụng, quy mô huy động thời điểm tăng trưởng 31% đạt 129.500 tỷ, duy trì tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn bình quân trên 60% góp phần tạo ra mức tăng trưởng Tiền gửi không kỳ hạn bình quân 23% - **mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm gần nhất**.



Triển khai thúc đẩy doanh số và thị phần tài trợ thương mại tăng trưởng mạnh mẽ thông qua các chương trình có tính cạnh tranh so với thị trường như chuyển tiền quốc tế "0" đồng, Block, combo thanh toán quốc tế; Hội thảo "Dự báo xu hướng kinh tế và triển vọng xuất nhập khẩu 2025" kết nối 300 khách hàng Xuất nhập khẩu lớn nhất khu vực Hà Nội và miền Bắc, bao gồm cả SME – CIB. Kết quả doanh số tăng 31% so với 2023, **cao hơn gấp đôi mức độ tăng kim ngạch Xuất nhập khẩu hàng hóa của thị trường** (thị trường tăng 15,4%), thị phần Tài trợ thương mại đạt 5,2% tăng 0,4% so với 2023.

Tăng cường chuyển đổi số thông qua:

- **(1) Nâng cao trải nghiệm cho Khách hàng:** Liên tục cải tiến và phát triển các tính năng trên BIZ MBBank như Sản phẩm đầu tư (CCS), Gửi tiết kiệm Online, Thanh toán Điện – Nước, Trả lương... đồng thời triển khai các chương trình thúc đẩy Marketing để thu hút khách hàng mới, tăng cường khai thác sâu khách hàng trên BIZ MBBank. Kết quả đạt được: Số lượng BIZ MBBank mở mới năm 2024 đạt 54.000 khách hàng, lũy kế đạt 299.600 khách hàng. Số lượng BIZ active tăng dần qua các năm.



- **(2) Tập trung mục tiêu chiến lược dẫn đầu thị trường về giải pháp cho vay số Micro SME: triển khai mô hình Pre-approved như** Sản phẩm Pre-approved thấu chi tín chấp trên BIZ MBBank dành cho SME siêu nhỏ hiện hữu. Micro SME bước đầu mang lại kết quả đạt kỳ vọng: tỷ lệ phê duyệt tự động tái cấp khách hàng siêu nhỏ tháng 12 đạt 70%, tỷ lệ phê duyệt tự động cấp mới tháng 12 đạt 60%.

Song song với tăng trưởng kinh doanh, yếu tố con người – xây dựng **đội ngũ lực lượng kinh doanh chất lượng** cũng là một trong những công tác quan trọng. Quản trị lực lượng kinh doanh có nhiều điểm tích cực về giữ chân nhân sự: tỷ lệ nghỉ việc xếp loại Khá trở lên là 10,4% giảm 0,56% so với 2023. Bên cạnh đó việc tạo động lực được duy trì và lan tỏa tạo hiệu ứng tốt đặc biệt với chuỗi sự kiện chương trình SME Convention 2024 và các hoạt động vinh danh SME ALPHA, ALPHA GATHERING. Các công cụ và báo cáo quản trị hỗ trợ lực lượng kinh doanh trong hành trình bán hàng không ngừng được phát triển và cải tiến, đem lại sự thuận tiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Giữ vững lợi thế cạnh tranh so với các tổ chức khác ở các sản phẩm/chính sách thế mạnh như:

- (1) **Gói sản phẩm tài trợ ngành xây lắp** với nhiều giải pháp tài chính chuyên biệt, linh hoạt và tối ưu, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nâng cao năng lực tài chính, phát triển bền vững và nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh. Gói sản phẩm được thiết kế dựa trên đặc điểm hoạt động và dòng tiền của Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng – lắp đặt với đa dạng các hình thức cấp tín dụng từ phát hành bảo lãnh, phát hành LC, cho vay...dựa trên Hợp đồng thi công/lắp đặt.
- (2) **Chính sách bảo lãnh** linh hoạt áp dụng với từng phân khúc, ngành nghề khách hàng cùng với cơ cấu tài sản đảm bảo, mức phí cạnh tranh giúp MB luôn giữ vị thế trong Top 3 về dư bảo lãnh và ngân hàng về thu phí bảo lãnh.

- (3) **Sản phẩm chuyển tiền quốc tế online trên nền tảng BIZ MBBank tiên phong trải nghiệm số** giúp khách hàng xuất nhập khẩu thanh toán nhanh chóng, an toàn, hiệu quả: không giấy tờ 100% số hóa; Số 1 về cam kết chất lượng dịch vụ tới khách hàng, nhận kết quả sau 60 phút; Kết nối với các đối tác toàn cầu để kiểm tra thông tin ngân hàng thụ hưởng và tiến độ ngân hàng nước ngoài xử lý giao dịch. Ngoài ra MB cũng mang đến mức phí cạnh tranh qua chiến dịch “Chuyển tiền quốc tế 0 đồng”. Hiện nay **80% số lượng giao dịch chuyển tiền quốc tế** được thực hiện trên BIZ MBBank.

Ban hành/tinh chỉnh các sản phẩm kịp thời để tạo tính cạnh tranh trên thị trường phù hợp với từng đặc thù địa bàn như gói sản phẩm tài trợ sản xuất tinh bột sắn, sản phẩm tài trợ khách hàng thuê/mua bất động sản trong khu/cụm công nghiệp; đi đôi với tinh chỉnh quy định/quy trình để giảm thiểu vướng mắc của đơn vị kinh doanh, xây dựng các hệ thống, các kết nối tăng tính tự động hóa.

Mục tiêu của khối để hiện thực hóa chiến lược của ngân hàng

Dẫn đầu thị trường về giải pháp cho vay số cho Micro SME: i) 90% KH siêu nhỏ có vay được phục vụ qua nền tảng BIZ (2026); ii) Tăng Tỷ lệ PDTĐ Micro SME tái cấp đạt 75%, cấp mới đạt 50% trên tổng hồ sơ phát sinh trong năm; iii) Doanh thu kênh số đạt 40% doanh thu SME.

Cải thiện tỷ lệ Thu dịch vụ và Ngoại hối (FX) trên tín dụng bình quân: i) phát triển hoạt động tài trợ thương mại, mục tiêu cung cấp dịch vụ TTTM nhanh nhất thị trường; ii) triển khai bán chéo Bancas với MIC và MBAL, tăng trưởng doanh thu cao hơn 1,5 - 2 lần tốc độ tăng tín dụng.

Tổ chức kinh doanh rõ nét theo phân khúc, định hướng tăng trưởng cho phân khúc có TOI tốt, đảm bảo phân bổ quy mô tín dụng tăng NET theo hướng MidCorp - Vừa & Nhỏ - Siêu nhỏ: 25 - 40 -35.

Quản lý chất lượng hoạt động bảo lãnh: xử lý dứt điểm các vấn đề tranh chấp/kiện tụng, giảm thiểu ảnh hưởng danh tiếng/tài chính của Ngân hàng.

Các chương trình triển khai sáng kiến tiêu biểu năm báo cáo và kế hoạch cho những năm tới

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRIỂN KHAI SÁNG KIẾN TIÊU BIỂU NĂM BÁO CÁO

Cải tiến tối ưu hóa luồng MB tái cấp chủ động nhằm đạt mục tiêu tỷ lệ tái cấp tự động 70%

Luồng MB tái cấp vốn chủ động là luồng tự động hóa với mức độ cao nhất hiện nay, là giải pháp tiên phong trên thị trường Việt Nam, giúp giải phóng khối lượng công việc 100% cho RM, thẩm định, phê duyệt, triển khai từ tháng 6/2024 với mục tiêu 70% khách hàng SME siêu nhỏ đến hạn tái cấp được Tái cấp tự động và giảm 100% khối lượng công việc cho RM khi tái cấp hạn mức với khách hàng để tập trung vào bán mới; tăng trải nghiệm khách hàng khi được phê duyệt hạn mức nhanh chóng và đảm bảo duy trì hạn mức liên tục.

Luồng Preapproved thấu chỉ tín chấp đối với Khách hàng SME siêu nhỏ hiện hữu của MB

Xây dựng luồng phê duyệt tự động trước hạn mức tín chấp theo lô với danh mục Khách hàng do MB chủ động sàng lọc dựa trên mô hình dữ liệu. MB chủ động chào hạn mức và cho phép khách hàng xác nhận và sử dụng hạn mức qua nền tảng BIZ MBBank với mục tiêu thu hút giao dịch khách hàng về MB thông qua chính sách vay tín chấp giá trị nhỏ; tạo nguồn khách hàng để đơn vị kinh doanh khai thác sâu các sản phẩm khác cũng như tăng trải nghiệm của khách hàng.

CRM APP MOBILE (App quản lí quan hệ khách hàng) dành cho CBQL line SME

Cung cấp giải pháp đột phá cho đối tượng là CBQL line SME; BLĐ Chi nhánh kiểm tra số liệu báo cáo ngay cả khi không có ở trụ sở đơn vị, ở mọi nơi, mọi lúc và ngay trên thiết bị cá nhân (mobile phone).

Kế hoạch cho năm tới

Chiến lược tập trung tăng trưởng tín dụng theo ngành nghề và cho từng phân khúc, ưu tiên nhóm các khách hàng có tiềm năng sử dụng đa dịch vụ, TOI tốt cụ thể:

Tăng trưởng tín dụng ngắn hạn phân khúc siêu nhỏ thông qua tăng tốc số lượng khách hàng mới, chuyển dịch số toàn trình trên BIZ MBBank.

Tăng trưởng tín dụng phân khúc vừa và nhỏ ngắn hạn ưu tiên tập trung Top 15 ngành trọng tâm.

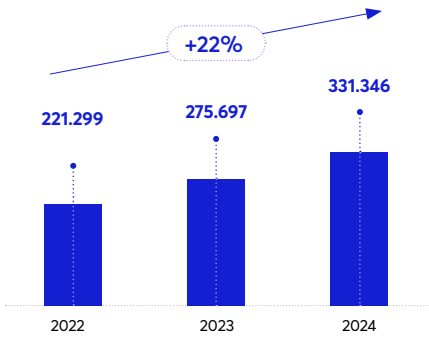
Tăng trưởng trung dài hạn ưu tiên phân khúc siêu nhỏ và Midcorp, theo ngành nghề ưu tiên như Bất động sản khu công nghiệp thứ cấp, ngành ESG (điện mặt trời), ngành Logistic và đầu tư tài sản cố định ; bên cạnh đẩy mạnh tái tài trợ dự án tốt từ các Tổ chức tín dụng khác.

Tập trung gia tăng thị phần huy động vốn, có chính sách thúc đẩy riêng để đẩy mạnh khai thác với từng nhóm khách hàng có tiềm gửi không kỳ hạn tốt:

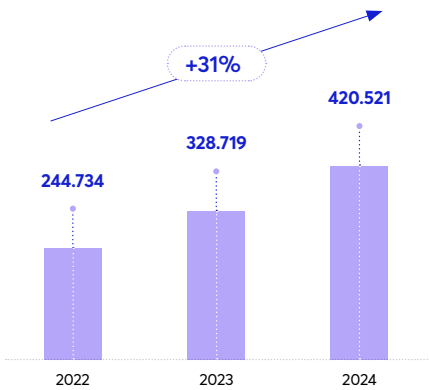
- Tập trung 6 ngành trọng điểm của bảo lãnh (Xây lắp, điện, dược – y tế, bưu chính viễn thông, cơ khí, ô tô) thông qua các chính sách/combo phí ưu đãi để thu hút khách hàng mới, giữ chân khách cũ song song với việc hoàn thiện tính năng về phát hành thư bảo lãnh trực tiếp với KH hiện hữu trên nền tảng muasamcong của Cục đấu thầu quốc gia để tăng trải nghiệm khách hàng và giải phóng thời gian cho RM.

- Xây dựng và triển khai Campaign 6 ngành trọng tâm của TTTM (cơ khí, Nhựa – hóa chất, Điện tử điện lạnh, Hàng tiêu dùng, Thực phẩm, Đồ uống, Nông sản (điều, sắn, ngô, chè, tiêu); triển khai tổng lực chính sách tỷ giá – phí – lãi suất đi kèm tín dụng để thu hút khách hàng XNK. Tập trung khai thác sâu tệp trọng tâm 500 khách hàng để gia tăng thị phần tối thiểu thêm 10%, chú trọng tiềm năng khai thác ngoại tệ khác ngoài USD có biên cao ở phân khúc Micro. Cải tiến checklist ngành trọng tâm liên quan đến dịch vụ Logistic, Công nghệ thông tin.

I KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN



Dư nợ cho vay khách hàng cá nhân (tỷ đồng)



Tiền gửi khách hàng cá nhân (tỷ đồng)

Hoạt động của khối năm 2024

Với việc tăng tốc thu hút khách hàng cá nhân (KHCN), đẩy nhanh phát triển App, triển khai đồng loạt chương trình tài khoản địa phương, tài khoản số đẹp, phát triển khách hàng tiểu thương, livestream để thu hút khách hàng, kết quả hết năm 2024, khối KHCN đã thu hút xấp xỉ 30 triệu KH, góp phần quan trọng thu hút tiền gửi không kỳ hạn đạt 127.000 tỷ đồng và tiền gửi có kỳ hạn 271.000 tỷ đồng. Đẩy nhanh tốc độ triển khai sinh trắc học (NFC) để giữ chân khách hàng. Tập trung đối tượng khách hàng active, khách hàng Priority.

Khối KHCN cũng tích cực đổi mới quản lý đối với hoạt động tín dụng: ban hành nhiều sản phẩm linh hoạt, tiên phong phù hợp với thị trường như: Sản phẩm Ngôi nhà mơ ước (Dreamhome) dành cho giới trẻ, sản phẩm đục lỗ, luồng hệ thống phê duyệt, ban hành các sản phẩm vùng miền (tôm hùm, cà phê, hạt điều, kinh doanh nhà hàng ăn uống...). Quyết liệt cơ cấu nợ các dự án, các sản phẩm kém hiệu quả, đặc biệt phân khúc nghỉ dưỡng gặp khó khăn. Cơ cấu nợ cho các khách hàng khó khăn do suy giảm tài chính theo quy định pháp luật.

Mục tiêu của khối để hiện thực hóa chiến lược của ngân hàng

- **Hoàn thiện tái thiết Quy trình tín dụng theo hướng:** Gọn, nhanh, hiệu quả
- **Hoàn thiện dự án Priority với trọng tâm khai thác sâu khách hàng,** tăng trưởng doanh thu. Trong đó chú trọng gia tăng doanh số giao dịch, chi tiêu thẻ cho phân khúc Priority
- **Chuyển đổi số mạnh mẽ:** Hoàn thiện mô hình phê duyệt tự động cho KHCN trên kênh số cho các khách hàng vay sản xuất kinh doanh bao gồm cấp mới và tái cấp; Đẩy mạnh tiết kiệm của khách hàng trên kênh số
- **Quản lý năng suất lao động của lực lượng bán hàng** tại chi nhánh/phòng giao dịch line KHCN
- **Đổi mới các mô hình kinh doanh dịch vụ:** Đẩy nhanh các mô hình kinh doanh các sản phẩm dịch vụ mới như sản phẩm đầu tư, quản lý tài sản,... đồng thời cải thiện hiệu quả các sản phẩm thẻ, bancas, kiểu hối và kinh doanh ngoại tệ

Thực hiện hiệp lực tập đoàn, triển khai bán hàng tổng lực: Doanh số Bancas MBAL đã hồi phục tăng từ 887 tỷ doanh số bán mới (FYPB) năm 2023 lên 1.078 tỷ (2024); doanh số MIC cũng tăng trưởng đạt trên 170 tỷ đồng; doanh số kiểu hối cán đích 2,7 tỷ USD... đã góp phần đưa kết quả thu hoạt động dịch vụ (NFI) không bị sụt giảm do ảnh hưởng biến động lớn của thị trường bảo hiểm và ngoại tệ.

Triển khai tốt hoạt động kinh doanh đối với UB nhận bàn giao từ Khối vận hành, UB là lực lượng chính trong huy động vốn, chứng chỉ tiền gửi (CDs), kiểu hối và Bancas, các chiến dịch xác thực sinh trắc học (NFC).

- Tinh chỉnh hoạt động kinh doanh phân khúc Private. Tổng tài sản (Assets Under Management – AUM) đạt 3 tỷ USD sau 5 năm hoạt động với hơn 7.000 khách hàng. Doanh thu đạt 1.550 tỷ đồng. Ban hành sản phẩm mới: MB Priceless World Elite Mastercard, P-Land...



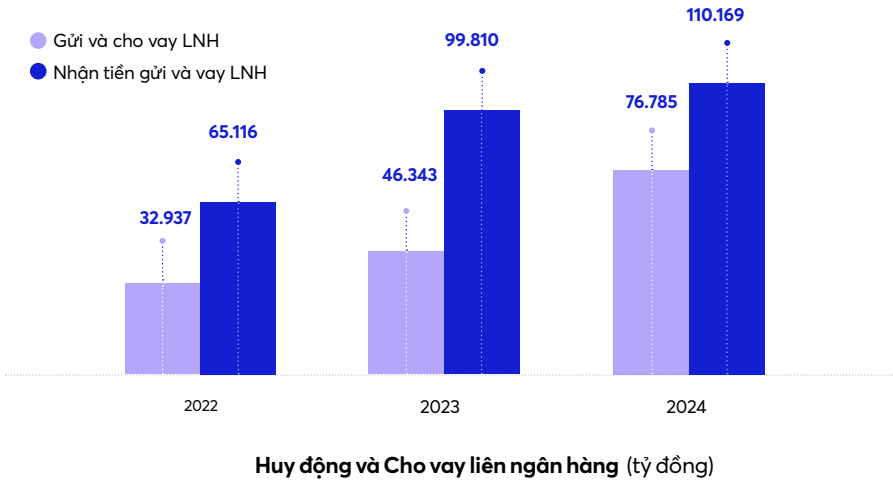
Các chương trình triển khai sáng kiến tiêu biểu năm báo cáo và kế hoạch cho những năm tới

- Tăng tốc quy mô khách hàng, chuyển dịch số. Mục tiêu cán đích 45 triệu khách hàng, chuyển đổi lên kênh số đạt từ 70-80% các giao dịch tiền gửi, tiền vay, dịch vụ...
- Triển khai phân khúc KHCN cao cấp, tăng tỉ lệ sản phẩm trên các phân khúc khách hàng này đạt 4,5 – 5 sản phẩm/khách hàng
- Rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng thông qua cải tiến quy trình
- Tăng trưởng mạnh mẽ tín dụng, đi đôi với kiểm soát chất lượng
- Tăng trưởng tín dụng, kiểm soát tốt nợ quá hạn/nợ xấu
- Tập trung tăng quy mô tín dụng theo kỳ hạn và sản phẩm KHCN trọng tâm có tiềm năng
- Triển khai hệ thống cảnh báo danh mục khách hàng tiềm ẩn rủi ro tới từng đơn vị kinh doanh
- Cải tiến quy trình tín dụng KHCN để rút ngắn thời gian cho vay, cạnh tranh bằng dịch vụ, tốc độ nhanh và lãi suất phù hợp
- Đẩy mạnh tăng trưởng thu ngoài lãi với các sản phẩm Bảo hiểm, Kiểu hối, Thẻ...
- Bảo hiểm: tăng tốc doanh thu của lực lượng bán hàng, xây dựng chính sách và công cụ bán hỗ trợ cho lực lượng bán
- Kiểu hối: Phát triển/cải tiến các sản phẩm dịch vụ liên quan đến ngoại tệ trên App MBBank nâng cao trải nghiệm và thu hút khách hàng
- Thẻ: Tập trung triển khai trên phân khúc Priority, áp dụng kịch bản bán customize theo từng đối tượng, chân dung KH. Tập trung triển khai các dòng thẻ phù hợp đúng nhu cầu của từng phân khúc/chân dung khách hàng

| KHỐI NGUỒN VỐN & KINH DOANH TIỀN TỆ

Hoạt động trên thị trường liên ngân hàng

Bên cạnh hoạt động huy động và cho vay, đóng vai trò làm kênh trung chuyển tài chính phục vụ phát triển kinh tế, thì hoạt động trên thị trường liên ngân hàng là một nghiệp vụ rất quan trọng đối với các ngân hàng thương mại vì nó giúp tối ưu phần huy động nhàn rỗi và huy động khi ngân hàng cần vốn trong ngắn hạn.



MB luôn được đánh giá là ngân hàng vững mạnh với nguồn vốn ổn định, chắc chắn và tích cực trên thị trường liên ngân hàng,... Đến cuối 2024, nguồn vốn huy động trên thị trường liên ngân hàng của MB đạt 110 nghìn tỷ và cho vay đạt 76,7 nghìn tỷ, tăng trưởng tới 66% so với 2023. Trong 3 năm qua, ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng ở mức 53%, qua đó góp phần tích cực vào ổn định hệ thống ngân hàng và giúp MB gia tăng thêm lợi nhuận. Ngoài ra, khối nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ của MB còn tích cực thực hiện như mua bán giấy tờ có giá, đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các tổ chức tín dụng khác,...

Trong năm 2024, Khối nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ đã tận dụng cơ hội thị trường, hiện thực hóa lợi nhuận GTCG, trong đó hoạt động kinh doanh trái phiếu tăng trưởng mạnh, dẫn đầu thị trường về doanh số giao dịch trái phiếu trái phiếu chính phủ và trái phiếu tổ chức tín dụng.

Trong năm 2024, MB Treasury đã vinh dự được nhận các giải thưởng sau:

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ tài chính vì “Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu chính phủ trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”
- Top 1 nhà tạo lập thị trường trái phiếu Tổ chức tín dụng do VBMA trao tặng
- Top 2 nhà tạo lập thị trường trái phiếu chính phủ do VBMA trao tặng

Kinh doanh ngoại hối trực dọc: MB đã vinh dự được trao tặng giải thưởng Best FX Bank in Vietnam - Ngân hàng Ngoại hối tốt nhất Việt Nam với sự vượt trội về kinh doanh ngoại hối trên kênh số và các sản phẩm cấu trúc kết hợp vượt trội cho các khách hàng tập đoàn XNK lớn và FDIs.

Chủ trì triển khai làm việc các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế hàng đầu: như Fitch và Moody's, đạt được những kết quả tích cực: (i) Fitch: Giữ vững xếp hạng BB với triển vọng Ổn định, đồng thời ghi nhận sự cải thiện vượt bậc khi xếp hạng nội lực (VR) được nâng một bậc từ B+ lên BB-; (ii) Moody's: Tiếp tục duy trì xếp hạng Ba3 với triển vọng Ổn định, khẳng định vị thế tín nhiệm vững chắc, an toàn, bền vững của MB sau 30 năm có mặt trên thị trường tài chính ngân hàng tại Việt Nam.

Mục tiêu của khối để hiện thực hóa chiến lược của ngân hàng

- Trong năm 2025, Khối Nguồn vốn nỗ lực tận dụng các cơ hội thị trường, tối ưu danh mục kinh doanh và đầu tư, nâng cao tỷ suất sinh lời để đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.
- Nâng cao công tác quản lý nguồn, quản lý thanh khoản theo chuẩn quốc tế và các thông lệ tiên tiến.
- Huy động nguồn vốn xanh ESG phù hợp với định hướng phát triển bền vững của MB.

- Xây dựng uy tín tín dụng: Duy trì xếp hạng tín nhiệm cao với các tổ chức quốc tế (Moody's, S&P).

| KHỐI NGÂN HÀNG SỐ

Hoạt động của khối năm 2024

Một trong những thành tựu nổi bật nhất của MB trong quá trình chuyển đổi số chính là sự gia tăng mạnh mẽ của tỷ lệ giao dịch qua các kênh số. Trong năm 2024, MB đã ghi nhận một sự tăng trưởng đột biến về số lượng giao dịch trực tuyến qua ứng dụng ngân hàng di động, minh chứng rõ rệt cho chiến lược chuyển đổi số thành công của ngân hàng. Cụ thể, trong năm 2024, MB đã hỗ trợ khách hàng thực hiện tới 6,2 tỷ giao dịch qua kênh số, tất cả đều được thực hiện một cách ổn định, an toàn và bảo mật tuyệt đối. Trung bình mỗi ngày, App MBBank **ghi nhận 27 triệu giao dịch**, cho thấy mức độ sử dụng dịch vụ ngân hàng số của khách hàng ngày càng tăng cao. Đặc biệt, hiện tại **98,6% khách hàng của MB đã lựa chọn giao dịch qua kênh số, và tỷ lệ giao dịch thành công đạt tới 99,96%** – một con số ấn tượng phản ánh sự ổn định và hiệu quả của hệ thống.



Từ năm 2022 đến 2024, hoạt động chuyển đổi số quyết liệt đã có đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh kênh số. Doanh thu kênh số liên tục tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt năm 2024, **doanh thu kênh số tăng net gần 100%**, từ 7.051 tỷ lên hơn 14 nghìn tỷ đồng, chiếm 36% tổng doanh thu toàn hàng.

Trong năm 2023, quy mô giao dịch trên kênh số tăng gần gấp đôi so với 2022, từ 2,2 tỷ lên 3,9 tỷ giao dịch. Nối tiếp đà tăng trưởng, trong năm 2024, MB đạt hơn 6,2 tỷ giao dịch qua kênh số, tăng 1,6 lần so với 2023. Trong 2025, MB dự kiến đạt 10 tỷ giao dịch qua kênh số khi tiếp tục mục tiêu tăng trưởng số lượng và chất lượng khách hàng.

Với những kết quả này, MB tiếp tục duy trì vị trí **Top 1 về quy mô NAPAS**, khẳng định vai trò dẫn đầu trong việc áp dụng công nghệ số trong ngành ngân hàng tại Việt Nam. Những thành tựu này không chỉ chứng minh sự thành công của MB trong việc chuyển đổi số, mà còn khẳng định sự tin tưởng tuyệt đối mà khách hàng dành cho ngân hàng trong hành trình sử dụng các dịch vụ tài chính số.

MB được công nhận với các giải thưởng uy tín

- Tại Vietnam Digital Awards 2024, MB đã vinh dự được xướng tên tại hạng mục **“Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc”** với ba sản phẩm số tiêu biểu là phần mềm quản lý bán hàng mSeller, vòng thời trang thanh toán MB Stellar và thẻ MB JCB Be The Sky. Đây là giải thưởng thường niên, được Bộ Thông tin và Truyền thông bảo trợ, nhằm tôn vinh những thành tựu chuyển đổi số xuất sắc của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và cá nhân đã góp phần thúc đẩy công cuộc chuyển đổi số quốc gia.
- Ba sản phẩm số của MB gồm **vòng thời trang thanh toán Stellar, thẻ MB JCB Be The Sky, phần mềm quản lý bán hàng mSeller nhận giải thưởng Sao Khuê 2024**. Hai sản phẩm vòng thời trang thanh toán MB Stellar và thẻ MB JCB Be The Sky nhận giải hạng mục Ngân hàng số. Phần mềm quản lý bán hàng mSeller được vinh danh ở hạng mục Quản trị và chăm sóc khách hàng. Đây là giải thưởng cao quý được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) xét công nhận cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu nhất của ngành phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam.

Định hướng chuyển đổi số trong giai đoạn sắp tới

Chú trọng phát triển khách hàng và tăng quy mô giao dịch

Trong năm 2025 và giai đoạn tiếp theo, MB sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược chuyển đổi số mạnh mẽ, với mục tiêu không ngừng nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh. Chiến lược này sẽ tập trung vào ba điểm cốt yếu, giúp ngân hàng giữ vững vai trò tiên phong trong ngành ngân hàng số tại Việt Nam.

Tập trung cao vào bán lẻ, tạo ra các sản phẩm mới và tăng quy mô bán lẻ

MB sẽ tiếp tục tập trung mạnh vào mảng bán lẻ, một trong những lĩnh vực mang lại tiềm năng tăng trưởng lớn trong giai đoạn chuyển đổi số. Ngân hàng sẽ không ngừng phát triển và ra mắt những sản phẩm tín dụng, huy động vượt trội, đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, MB sẽ liên tục cải tiến và mang đến các trải nghiệm ngân hàng số tiện lợi như mở tài khoản, gửi tiết kiệm, vay tín chấp trực tuyến và các giải pháp thanh toán nhanh chóng qua ứng dụng di động, nhằm mang lại sự thuận tiện tối đa cho khách hàng trong việc quản lý tài chính cá nhân.

Đầu tư cho nền tảng và kinh doanh nền tảng số

Một yếu tố then chốt trong chiến lược của MB là đầu tư mạnh mẽ vào nền tảng công nghệ thông tin. Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác nâng cấp và cải thiện các hệ thống công nghệ số, đảm bảo các nền tảng giao dịch luôn vận hành trơn tru và an toàn. Đồng thời, MB cũng sẽ tập trung phát triển các giải pháp tài chính linh hoạt và tiện lợi để hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là trong các lĩnh vực tài chính số và ngân hàng nền tảng (BaaS). Điều này không chỉ giúp các doanh nghiệp tận dụng tốt các dịch vụ tài chính trực tuyến

MB sẽ tiếp tục duy trì phương châm “**Lấy khách hàng làm trọng tâm**”, luôn đặt nhu cầu và trải nghiệm của khách hàng lên hàng đầu. Ngân hàng sẽ đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, với mục tiêu nâng cao tiện ích cho khách hàng trong mọi giao dịch. Cùng với đó, MB sẽ mở rộng quy mô giao dịch qua các kênh số, gia tăng tính tiện lợi và đảm bảo an toàn cho tất cả các giao dịch, từ việc thanh toán hàng hóa cho đến chuyển tiền quốc tế, phục vụ tốt hơn cho nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Trong năm 2023, số lượng API (Giao diện lập trình ứng dụng chứa một bộ quy tắc và định dạng cho phép các ứng dụng khác nhau giao tiếp và trao đổi dữ liệu với nhau) tăng net 67%, từ 550 API lên 920 API. Từ 550 API trong năm 2022, **MB đã thành công nâng số lượng API kết nối lên 1.335 API trong 2024**. Dự kiến trong 2025, MB tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng về số lượng API, chạm đến con số 1.600 API được kết nối

mà còn góp phần xây dựng một nền kinh tế số hiện đại, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Số lượng đối tác kết nối BaaS tăng trưởng mạnh mẽ qua từng năm là thành quả của quá trình chuyển đổi số quyết liệt tại MB. Từ 2022 đến 2024, số lượng đối tác kết nối BaaS đều tăng net trên 160%. **Trong 2024, MB đã kết nối thành công với 783 đối tác ở khắp các lĩnh vực, tăng gần 500 đối tác so với 2023**. Trong 2025, MB dự kiến kết nối thêm 600 đối tác mới.

Sự tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại sẽ giúp MB duy trì và củng cố vị trí dẫn đầu trong thị trường ngân hàng số trong tương lai.

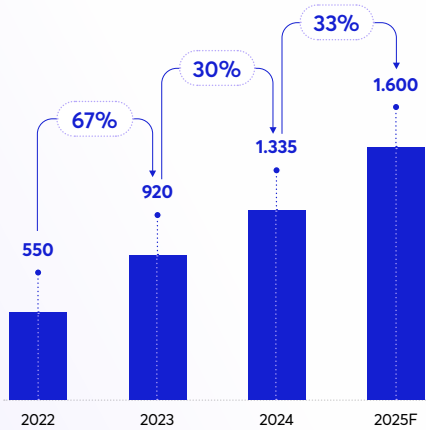
Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa

MB sẽ tiếp tục ứng dụng AI và tự động hóa để tối ưu hóa quy trình phục vụ khách hàng, đồng thời cải thiện khả năng phân tích và dự báo các xu hướng tài chính, từ đó cung cấp các sản phẩm phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng khách hàng. Các hệ thống AI sẽ không chỉ giúp ngân hàng cung cấp dịch vụ hiệu quả hơn mà còn cải thiện sự hài lòng và trải nghiệm của khách hàng.

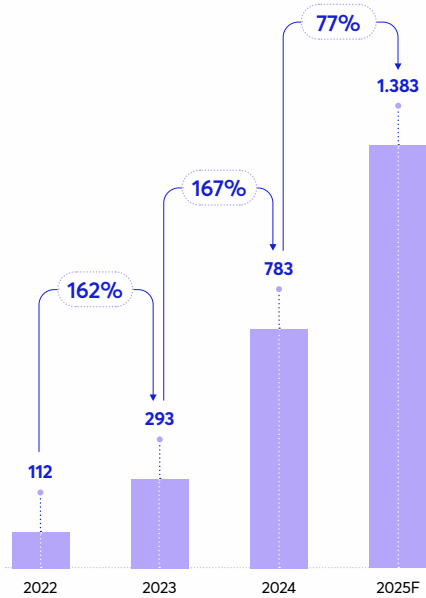
Nâng cao bảo mật và chống gian lận

Để bảo vệ thông tin của khách hàng, MB sẽ tiếp tục nâng cao các biện pháp bảo mật, đặc biệt trong các giao dịch trực tuyến. Ngân hàng sẽ ứng dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến nhằm đảm bảo tính an toàn tuyệt đối cho dữ liệu và giao dịch của khách hàng.

Với những thành tựu đã đạt được và định hướng chiến lược rõ ràng, MB đang khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng dẫn đầu trong chuyển đổi số tại Việt Nam. MB không chỉ thay đổi cách thức giao dịch mà còn tạo ra một mô hình ngân hàng mới, thông minh, tiện lợi và bảo mật. Sự tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại sẽ giúp MB duy trì và củng cố vị trí dẫn đầu trong thị trường ngân hàng số trong tương lai.



Tăng trưởng về số lượng API



Tăng trưởng về số lượng đối tác kết nối dịch vụ BaaS

Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban Điều hành và các chức vụ quản lí quan trọng



Ông **PHẠM NHƯ' ÁNH** • Tổng Giám đốc

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 3.834.738	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ
Tỉ lệ sở hữu 0,072%		Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm: 18/5/2023
Ông Phạm Như Ánh có gần 20 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/5/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Ông **TRẦN MINH ĐẠT** • Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1968	Số lượng cổ phần 3.800.868 cổ phiếu	Thạc sĩ Tài chính Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,072%/VDL MB		Cử nhân Tín dụng Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 01/11/2014
Ông Trần Minh Đạt có hơn 33 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông Đạt từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Giám đốc Chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hiện ông Đạt đang quản lý Trung tâm Phê duyệt tín dụng và là Chủ tịch Hội đồng Thành viên MBAMC.



Bà **PHẠM THỊ TRUNG HÀ** • Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1975	Số lượng cổ phần 2.750.449	Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc Dân
Tỉ lệ sở hữu 0,052%		Cử nhân Kinh tế Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2011
Bà Phạm Thị Trung Hà có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Hà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Hiện bà Hà đang quản lý Khối Quản trị rủi ro và là Giám đốc rủi ro Tập đoàn.

Bà **NGUYỄN MINH CHÂU** • Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1973	Số lượng cổ phần 1.664.517 cổ phiếu	Thạc sĩ Ngân hàng Tài chính Đại học kinh tế Paris Dauphine (Pháp) và
Tỉ lệ sở hữu 0,031%/VDL MB		Trường cao học quản lý kinh tế Châu Âu ESCP (EAP)
		Cử nhân Ngoại ngữ Đại học Tổng hợp Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 23/11/2009
Bà Nguyễn Minh Châu có hơn 29 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Châu từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Giám đốc Văn phòng triển khai chiến lược. Hiện bà Châu đang quản lý Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ.





Ông **HÀ TRỌNG KHIÊM** • Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1973	Số lượng cổ phần 758.527 cổ phiếu	Thạc sĩ Tài chính Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,014%/VDL MB		Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 26/11/2015
Ông Hà Trọng Khiêm có hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Ông Khiêm từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc phụ trách Kinh doanh Khu vực phía Nam.
Hiện ông Khiêm đang là Thành viên Hội đồng Thành viên MBV.

Ông **LÊ QUỐC MINH** • Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1979	Số lượng cổ phần 2.137.071 cổ phiếu	Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng Học viện Hậu cần
Tỉ lệ sở hữu 0,044%/VDL MB		Thạc sĩ Tài chính Đại học Kinh tế Quốc dân
		Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm 26/11/2015
Ông Lê Quốc Minh có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Ông Minh từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính, Giám đốc Khối Khách hàng lớn.
Hiện ông Minh đang quản lý Khối Thẩm định.



Ông **NGUYỄN XUÂN HỌC** • Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1980	Số lượng cổ phần 911.520 cổ phiếu	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Bách Khoa Hà Nội
Tỉ lệ sở hữu 0,017%/VDL MB		Cử nhân Toán tin ứng dụng Đại học Bách Khoa Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 02/07/2024
Ông Nguyễn Xuân Học có hơn 21 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Ông Học từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Phát triển CBS, Trưởng phòng Quản trị Công nghệ thông tin, Phó Giám đốc Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ, Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin tập đoàn, Thành viên Ban điều hành.
Ông Học là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin Tập đoàn. Hiện Ông Học đang quản lý Khối Công nghệ thông tin, Khối Dữ liệu và Khối Vận hành.

Bà **TRẦN THỊ BẢO QUẾ** • Thành viên ban điều hành

Năm sinh 1977	Số lượng cổ phần 2.327.843 cổ phiếu	Thạc sĩ Kinh tế Đại học Ngoại thương
Tỉ lệ sở hữu 0,044%/VDL MB		Cử nhân Ngoại ngữ Đại học Ngoại ngữ

Ngày bổ nhiệm: 14/02/2019
Bà Trần Thị Bảo Quế đã có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Bà Quế từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Giám đốc Nhân sự, Lãnh đạo Dự án đào tạo.
Bà Quế là Thành viên Ban điều hành phụ trách Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng, Khối Hành chính và Văn phòng Đại diện Nga.





Ông **VŨ HỒNG PHÚ** • Thành viên ban điều hành

Năm sinh 1983	Số lượng cổ phần 627.702 cổ phiếu	Thạc sĩ Kinh tế Ngân hàng và Tài chính Đại học Paris Dauphine và ESCP EUROPE
Tỉ lệ sở hữu 0,012%/VDL MB		Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương

Ngày bổ nhiệm: 18/08/2020

Ông Vũ Hồng Phú có hơn 17 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông Phú từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng và Tập đoàn như: Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc MB Ageas Life. Ông Phú là Thành viên Ban điều hành, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc MB Ageas Life. Hiện ông Phú đang quản lý Khối Khách hàng vừa và nhỏ và là Hội đồng Thành viên MB Ageas Life.

Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC** • Thành viên ban điều hành

Năm sinh 1976	Số lượng cổ phần 1.504.471 cổ phiếu	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học California Miramar (Hoa Kỳ)
Tỉ lệ sở hữu 0,028%/VDL MB		Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội
		Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Bà Nguyễn Thị Ngọc có hơn 28 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Ngọc từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị. Hiện bà Ngọc đang quản lý Khối Pháp chế và Tuân thủ.



Bà **NGUYỄN THỊ THỦY** • Thành viên ban điều hành

Năm sinh 1974	Số lượng cổ phần 753.902 cổ phiếu	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Khoa học Ứng dụng Tây Bắc (Thụy Sĩ)
Tỉ lệ sở hữu 0,014%/VDL MB		Cử nhân Tài chính - tín dụng Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Bà Nguyễn Thị Thủy có hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Bà Thủy từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng và Tập đoàn như: Thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên MB Ageas Life. Hiện bà Thủy đang quản lý Ban Khách hàng chiến lược và Chi nhánh Lào.



Bà **NGUYỄN THỊ THANH NGA** • Giám đốc Tài chính

Năm sinh 1981	Số lượng cổ phần 2.166.230 cổ phiếu	Thạc sĩ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỉ lệ sở hữu 0,041%/VDL MB		Cử nhân Tài chính Ngân hàng Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 10/04/2019

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga có gần 22 năm kinh nghiệm làm việc trong Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Bà Nga từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư.

Bà Nga là Giám đốc Tài chính phụ trách Khối Tài chính Kế toán, thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn.

Chức vụ quản lý quan trọng khác của Ngân hàng

Bà **ĐẶNG THÚY DUNG** • Kế toán trưởng

Năm sinh 1973	Số lượng cổ phần 307.135 cổ phiếu	Thạc sĩ Kinh tế - Học viện Tài chính
Tỉ lệ sở hữu 0,006%/VDL MB		Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp sản xuất Đại học Tài chính Kế toán

Ngày bổ nhiệm: 02/05/2018

Bà Đặng Thúy Dung có hơn 26 năm kinh nghiệm làm việc tại MB.

Bà Dung từng đảm nhiệm nhiều vị trí Chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Kế toán, Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ, Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán.

Từ tháng 05/2018, bà Dung được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng tại MB.



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH			
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Lý do/Cơ sở pháp lý
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên BDH	15/06/2024	Thông báo thay đổi nhân sự số 432/TB-MB-HĐQT ngày 15/06/2024
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BDH	15/06/2024	Thông báo thay đổi nhân sự số 432/TB-MB-HĐQT ngày 15/06/2024
Ông Vũ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT MBV	10/12/2024	Thông báo thay đổi nhân sự số 1037/MB-HĐQT ngày 10/12/2024
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên HĐQT/TGD MBV	10/12/2024	Thông báo thay đổi nhân sự số 1037/MB-HĐQT ngày 10/12/2024

(*) Thay đổi các thành viên BDH được cập nhật đến tháng 3 năm 2025

MB là một tổ chức ham học hỏi và luôn chú trọng vào việc phát triển con người, đặc biệt là tạo ra những cơ hội lớn cho thế hệ trẻ trong việc phát triển sự nghiệp.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2024 CỦA

TẬP ĐOÀN MB

18.639

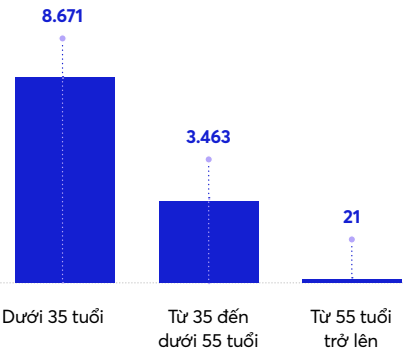
↗ 14%
SO VỚI 2023

RIÊNG NGÂN HÀNG

12.155

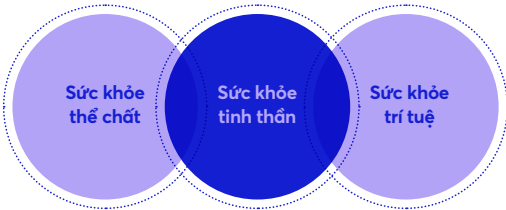
↗ 16%
SO VỚI 2023

Biểu đồ về Cơ cấu nhân sự thể hiện cơ cấu trẻ theo độ tuổi:



Chính sách nhân sự và thay đổi trong năm:

MB luôn coi nguồn lực như một tài sản quý giá và cam kết chăm sóc toàn diện, từ thể chất, tinh thần đến trí tuệ cho người lao động. Điều đó được thể hiện trong các trụ cột về chính sách nhân sự:



Ngoài ra, hệ thống chính sách lương, thưởng, đãi ngộ & phúc lợi của MB cũng được quan tâm toàn diện, đa dạng đổi mới về hình thức và được cá nhân hóa theo nhu cầu, hướng tới tính dài hạn nhằm khuyến khích gắn kết, nâng cao tinh thần, hiệu suất làm việc tối đa của nhân viên.



Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư mạnh mẽ cho Hệ thống công nghệ thông tin với con số xấp xỉ 50 triệu USD/năm

Xây dựng hạ tầng công nghệ hiện đại và ổn định nhằm đáp ứng trải nghiệm vượt trội cho hơn 30 triệu khách hàng, phân bổ vào 3 lĩnh vực chính: Xây dựng hạ tầng công nghệ, đào tạo nhân lực và triển khai các dự án tự động hóa với 2.500 nhân sự công nghệ thông tin, chiếm hơn 15% tổng nhân sự. Các công nghệ tiên tiến như RPA, Mbot, AI, Machine Learning, Deep Learning được MB nghiên cứu và ứng dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động chăm sóc, tư vấn khách hàng (như chatbot, callbot, công cụ CRM - Quản lý quan hệ khách hàng cho lực lượng bán hàng) và gia tăng tốc độ, sự chính xác trong thực thi quy trình (như hệ thống OCR Center trích xuất dữ liệu tự động từ các văn bản, hồ sơ khách hàng).

Ngân hàng tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án tiếp nối của năm 2023



Thực hiện dự án tư vấn Chuyển đổi hoạt động vận hành đến năm 2026



Xây dựng công cụ tính toán các tiêu chuẩn theo Basel III như NSFR, LCR, công cụ tính vốn theo yêu cầu cho rủi ro thị trường



Dự án xây dựng chiến lược và lộ trình chuyển đổi ESG: đã hoàn thành và đưa vào triển khai trong năm 2024



Các dự án IFRS (chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS), Thu hồi nợ (DC-Debt Collection), FCRM (quản trị rủi ro phòng chống tội phạm tài chính), hoàn thành đưa vào ứng dụng trong năm 2024

Kết quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	
Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	MB Capital là một trong số những Công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam được UBCKNN cấp phép hoạt động tất cả các nghiệp vụ dành cho công ty quản lý quỹ. Giai đoạn 2022 - 2026, MBCapital xác định những mục tiêu chiến lược quan trọng nhất là vươn lên Top 03 Công ty quản lý quỹ về hiệu quả hoạt động, Chuyển dịch số toàn diện trong kinh doanh và tăng cường mở rộng quy mô tài sản quản lý nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đầu tư, ủy thác của khách hàng. Năm 2024 nhất quán với chiến lược kinh doanh trước biến động phức tạp của thị trường, MBCapital đã triển khai thêm sản phẩm mới Quỹ mở Quỹ Đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (MBAM) vào tháng 05/2024 nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm cho khách hàng. Chỉ sau hơn 6 tháng, quỹ mở trái phiếu MBAM đã thu hút hơn 2.700 nhà đầu tư, quy mô đạt 292 tỷ. Song song đó, các quỹ mở cổ phiếu BMFF và MBVF cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, vượt tăng trưởng VN-Index. Hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ cổ phiếu, Quỹ trái phiếu được đẩy mạnh trên nền tảng trực tuyến, ngoài ra còn được phân phối thông qua các đối tác tin cậy như Digi Invest, Fincorp. Năm 2025, năm thứ 4 trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, với mục tiêu "Tăng trưởng nhanh, an toàn, bền vững", Công ty sẽ tập trung triển khai huy động vốn và quản trị rủi ro hiệu quả, tăng cường phối hợp bán chéo trong hệ sinh thái MB Group nhằm gia tăng giá trị tài sản quản lý, xây dựng thương hiệu trên thị trường với hình ảnh hệ sinh thái MB. Bên cạnh đó, Công ty cũng ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phấn đấu số hóa toàn diện, tăng trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hoạt động quản trị, đáp ứng tốt hơn nữa kỳ vọng của các nhà đầu tư.
Tình hình tài chính	LNTT 2024 đạt 71,4 tỷ đồng, tăng 120% so với 2023, hoàn thành 100% KH. Tổng tài sản quản lý (AUM) cán mốc 9.000 tỷ đồng – con số cao nhất trong lịch sử 18 năm hoạt động của Công ty.
Giải thưởng vinh danh	Danh hiệu "Công ty Quản lý Quỹ tiêu biểu 2024" do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) trao tặng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	
Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	MBS là một trong sáu CTCK đầu tiên được thành lập trên TTCK Việt Nam với gần 25 năm kinh nghiệm và phát triển. Từ năm 2022, MBS bắt đầu thực hiện Chiến lược phát triển mới giai đoạn 2022-2026 với tầm nhìn trở thành công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam, mục tiêu Top 3 TTCK Việt Nam về hiệu quả hoạt động và Top 5 thị phần môi giới. Năm 2024, MBS được định vị là: Top 7 thị phần môi giới cổ phiếu trên HSX, Top 5 thị phần môi giới cổ phiếu trên HNX. Với mục tiêu lấy khách hàng là trung tâm, MBS đã nỗ lực triển khai các giải pháp chuyển đổi số, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng hoạt động kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng số lượng tài khoản mở mới: Mobile App, web trading, nâng cao năng lực hệ thống lõi... Bên cạnh đó, công tác bán chéo đa chiều trong MB Group cũng luôn được MBS đẩy mạnh nhằm cung cấp các sản phẩm toàn diện đến khách hàng. Năm 2025, năm thứ tư trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, MBS sẽ tiếp tục triển khai giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh lõi, đa dạng các nguồn thu song hành với quản trị rủi ro hiệu quả, tăng cường chuyển dịch số, nâng cao chất lượng dịch vụ và tiện ích cho khách hàng, quản trị rủi ro chặt chẽ, tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu của MBS với đối tác và khách hàng.
Tình hình tài chính	LNTT 2024 đạt 930,6 tỷ đồng, tăng 30% so với 2023, hoàn thành 100% KH, đạt mức cao nhất trong lịch sử.
Giải thưởng vinh danh	Đơn vị Môi giới chứng khoán số tốt nhất Việt Nam do Tổ chức Alpha Southeast Asia bình chọn. Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App. Top 3 Công ty niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2023-2024. Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch CK cơ sở. Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.



Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit)

Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	Gia nhập thị trường tài chính tiêu dùng từ năm 2016, MCredit được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng SBI Shinsei Bank (Nhật Bản). Giai đoạn 2022 - 2026, MCredit xác định một trong những mục tiêu chiến lược quan trọng nhất là vươn lên Top 1 về mặt hiệu quả, Top 2 về quy mô trong ngành tài chính tiêu dùng và phục vụ 8 - 10 triệu khách hàng. Với chiến lược kinh doanh "Khách hàng là trung tâm", đồng hành cùng khách hàng trong giai đoạn khó khăn, MCredit liên tục đổi mới và cải tiến để cung cấp các giải pháp tài chính thuận tiện cho khách hàng bằng ứng dụng công nghệ số thông minh, chiến lược sản phẩm toàn diện và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Tháng 11/2024, MCredit cũng đã được Fitch nâng xếp hạng nhà phát hành dài hạn (Long-Term IDR) lên 1 bậc, từ B lên B+, đồng thời, xếp hạng hỗ trợ chủ sở hữu (Shareholder Support Rating) của MCredit cũng được nâng 1 hạng, từ B lên B+. Năm 2025 là năm bản lề trong giai đoạn triển khai chiến lược 2022-2026, MCredit tiếp tục kiên định các mục tiêu chiến lược với định hướng triển khai 6 chuyển dịch lớn bao gồm: Lấy khách hàng làm trung tâm; Chuyển đổi số, dữ liệu xuất sắc; Quản trị rủi ro và thu hồi nợ thông minh; Hiệp lực tập đoàn và đối tác chiến lược; Quản trị công ty tiên tiến để phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.
Tình hình tài chính	Top 2 các Công ty tài chính tiêu dùng với dư nợ 25,6 nghìn tỷ.
Giải thưởng vinh danh	Trải nghiệm khách hàng tốt nhất ngành tài chính tiêu dùng Việt Nam năm 2024 – Tạp chí The Global Economics bình chọn. Top 5 Công ty uy tín nhất ngành tài chính năm 2024 – Vietnam Report bình chọn. Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2024 – Anphabe bình chọn.

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội



Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	Năm 2024 MIC tiếp tục hành trình tuổi 17 trưởng thành ghi dấu ấn thương hiệu Bảo hiểm Phi nhân thọ vững vàng và tin cậy vượt mọi khó khăn thách thức vươn tầm cao khẳng định vị thế. Kết thúc năm 2024, với doanh thu bảo hiểm gốc lần đầu tiên đạt mốc trên 5 nghìn tỷ đồng. Với việc tự chủ công nghệ lõi, đầu tư năng lực số, MIC là đơn vị đầu tiên tự xây dựng, phát triển và vận hành hệ thống core bảo hiểm trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. MIC số hóa toàn trình từ khâu cấp đơn, tái bảo hiểm, thanh toán, quản lý công nợ và giám định bồi thường với các phần mềm chuyên biệt: Insure M- hệ thống bảo hiểm MIC, ClaimM – hệ thống bồi thường MIC và các nền tảng API với khả năng kết nối không giới hạn đến các hệ sinh thái, đối tác. MIC liên tục cải tiến điểm chạm số, với mỗi điểm chạm qua ứng dụng App MIC hoặc cổng bảo hiểm Online "baohiem.mic.vn"; ngoài ra MIC ra mắt App MIC PRO dành cho lực lượng bán, đại lý, cộng tác viên với toàn bộ các sản phẩm bán lẻ; cung cấp toàn diện các tính năng: tính phí, cấp đơn, quản lý khách hàng theo dõi tái tục, chi trả thu nhập realtime.... Năm 2025, năm bản lề trong giai đoạn triển khai chiến lược 2022-2026, MIC tiếp tục xác định lấy công nghệ, đổi mới sáng tạo làm đòn bẩy cho sự vươn tầm. Đặt nhiệm vụ chuyển đổi số lên toàn bộ chu trình hoạt động, không ngừng tiếp cận các tinh hoa, giá trị công nghệ, từng bước hướng đến mục tiêu Top 3 về thị phần trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ; Số 1 về chuyển đổi số. Tất cả nhằm mang lại những sản phẩm, dịch vụ giá trị, góp phần kiến tạo cuộc sống tốt đẹp hơn.
Tình hình tài chính	Top 4 doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, tăng một bậc so với 2023.
Giải thưởng vinh danh	Giải thưởng Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) công bố. Top 1 Nơi làm việc tốt nhất ngành bảo hiểm do Anphabe công bố. Top 10 Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ uy tín năm 2024. Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố. Top 10 Doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2024 ngành Bảo hiểm do Báo đầu tư phối hợp cùng Viet research công bố.

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas



Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	Gia nhập thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam từ năm 2016, MBAL được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội, Tập đoàn bảo hiểm Ageas đến từ Vương quốc Bỉ và Muang Thai Life Assurance (MTL) của Thái Lan. Giai đoạn 2022 - 2026, MBAL xác định tầm nhìn chiến lược trở thành Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được tin yêu nhất, Top 5 thị trường về doanh thu khai thác mới, Top 3 về hiệu quả hoạt động. Trong năm 2024, MBAL đã triển khai nhiều giải pháp kinh doanh mới giúp mở rộng hoạt động kinh doanh, ký kết hợp tác với hàng loạt các đối tác lớn như Nura, B.Choice, Vinmec,... Ngoài ra, MBAL tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác hiện hữu, trong đó có Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn (Kbank) với giải pháp cung cấp các gói sản phẩm bảo hiểm đồng thương hiệu tới hơn 1,5 triệu khách hàng của ngân hàng uy tín số 1 Thái Lan tại Việt Nam. Về mặt vận hành và hệ thống, MBAL ra mắt thành công 07 sản phẩm mới trong năm 2024, gồm Phụ Nữ Toà Sáng, An Tâm Toàn Diện, Người Trụ Cột, Chắp Cánh Ước Mơ, Ung Dung Sống Trọn, An Tâm Tài Chính, An Tâm Tài Chính Toàn Diện; ký kết hợp tác với đối tác eBao để triển khai chuyển đổi hệ thống bảo hiểm lõi (hệ thống Core bảo hiểm); và triển khai hoạt động Chăm sóc Khách hàng trên toàn hành trình từ bán mới tới các hoạt động sau bán trong thời gian hiệu lực hợp đồng. Năm 2025, MBAL đặt mục tiêu tăng trưởng nhanh, an toàn, bền vững, trong đó tập trung đẩy mạnh doanh thu khai thác mới, ưu tiên đầu tư năng lực công nghệ thông tin với chiến lược chuyển dịch số tập trung vào chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng trải nghiệm khách hàng đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
Tình hình tài chính	Top 8 về doanh thu phí bảo hiểm, Top 2 về Bancassurance và góp phần đưa MB đạt vị trí Top 1 thị trường về Bancassurance.
Giải thưởng vinh danh	Top 100 Nơi làm việc Tốt nhất Việt Nam – Khối Doanh nghiệp vừa, Top 4 trong Ngành Bảo hiểm (Nhân thọ & Phi Nhân thọ). Danh hiệu “Chiến dịch Marketing của năm” tại Giải thưởng Bảo hiểm châu Á. Giải thưởng “Top 10 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2024” tại Lễ trao Chứng nhận Nhãn hiệu nổi tiếng, Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam năm 2024. Top 100 Thương hiệu tiêu biểu Việt Nam tại Lễ trao Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2024.

Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia



Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	Năm 2024 là năm thứ hai đi vào hoạt động của MBCambodia sau khi được chuyển đổi từ Chi nhánh thành Ngân hàng 100% vốn của MB tại Campuchia. Sau hai năm chuyển đổi, Công ty đã từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức và khung pháp lý hoạt động, vận hành ổn định và làm chủ hệ thống công nghệ thông tin lõi, hướng tới cung cấp sản phẩm dịch vụ thuận tiện cho người dùng. Với mục tiêu trở thành Ngân hàng thương mại hoạt động hiệu quả và thuận tiện cho khách hàng, MBCambodia tiếp tục tập trung hoàn thiện và phát triển các tính năng mới trên App Mobile, nâng cao trải nghiệm khách hàng, thu hút được hơn 33.000 khách hàng cá nhân trên kênh số trong năm 2024. Năm 2025, MBCambodia tiếp tục triển khai các định hướng kinh doanh chính bao gồm: Tập trung nguồn lực triển khai các mô hình bán mới trong đó ưu tiên phát triển kênh số; Tăng trưởng đi đôi với quản trị chất lượng nợ và đảm bảo các chỉ tiêu hiệu quả tốt hơn năm trước và hướng tới tiệm cận trung bình ngành; Nâng cao năng lực hệ thống công nghệ thông tin, chuẩn hóa quy trình, đảm bảo tính đồng bộ và an toàn của hệ thống, phục vụ tối ưu nhu cầu kinh doanh và quản trị.
Tình hình tài chính	Tăng trưởng vượt trội về quy mô dư nợ và huy động. Tổng dư nợ đạt 264 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ. Tổng huy động đạt 268 triệu USD, gấp 2,8 lần cùng kỳ.
Giải thưởng vinh danh	Ngân hàng bán lẻ nội địa của năm do Tạp chí Ngân hàng tài chính Châu Á bình chọn.

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội



Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	Với tầm nhìn chiến lược 2022-2026 “Trở thành “Công ty AMC số 1 tại Việt Nam” và là đơn vị cung cấp giải pháp, dịch vụ xuất sắc nhất cho MB Group; năm 2024 AMC tiếp tục giữ vững vai trò là một khâu quan trọng trong quy trình tín dụng của MB, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chuyên nghiệp, góp phần hỗ trợ phát triển kinh doanh và ngăn ngừa rủi ro cho hệ thống MB với doanh số xử lý nợ năm 2024 tăng trưởng 26% so với cùng kỳ. Ngoài ra, trong năm 2024 AMC cũng đã triển khai nhiều giải pháp kinh doanh đồng bộ, linh hoạt nhằm tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ. Năm 2025, năm thứ 4 trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững, tập trung vào hoạt động kinh doanh lõi gồm xử lý nợ, tư vấn thẩm định và quản lý, khai thác tài sản với 02 nền tảng: Nền tảng số & Quản trị rủi ro tiên tiến; Trọng tâm vào 04 chuyển dịch then chốt: Chuyển dịch số toàn diện, Quản trị rủi ro tiên tiến, Nâng cao năng lực quản trị, Nâng cao chất lượng dịch vụ các hoạt động kinh doanh.
Tình hình tài chính	Hoạt động kinh doanh của công ty tăng trưởng ổn định hàng năm.
Giải thưởng vinh danh	MBAMC đạt thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2022-2023 do Thống đốc ngân hàng nhà nước trao tặng.

Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại



Mối quan hệ	Công ty con.
Tình hình hoạt động	Ngày 17/10/2024, Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Đại Dương đã được NHNN phê duyệt quyết định về việc chuyển giao bắt buộc cho MB. Sau chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Đại Dương sẽ là Ngân hàng TNHH một thành viên do MB làm chủ sở hữu và được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam hiện đại (MBV) vào ngày 5/12/2024. Sự ra đời của MBV là cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển của MB Group, khẳng định cho tinh thần đổi mới và sứ mệnh mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng. MBV - một ngân hàng hiện đại sẽ được phát triển dựa trên nền tảng chiến lược ngân hàng số, thể hiện tầm nhìn dài hạn của MB Group, mang tinh thần đổi mới, sáng tạo, với kỳ vọng kế thừa và mở rộng những giá trị nổi bật mà MB Group đã xây dựng trong 30 năm qua. MBV sẽ tận dụng tối đa nguồn lực từ MB Group để mang đến các sản phẩm và dịch vụ tài chính toàn diện, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Không chỉ dừng lại ở việc kế thừa giá trị, MBV còn hướng đến việc tạo dựng tương lai tài chính bền vững, với trọng tâm là khách hàng trẻ và các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. MBV xác định tầm nhìn là trở thành một ngân hàng hiện đại, ứng dụng công nghệ để mang đến những giải pháp tài chính cá nhân hóa có hàm lượng công nghệ cao, giúp khách hàng không chỉ quản lý tài chính hiệu quả mà còn tự tin chinh phục mọi giới hạn.
Tình hình tài chính	Đến hết năm 2024, tổng tài sản đạt 46.232 tỷ VND, dư nợ cho vay khách hàng đạt 34.795 tỷ đồng, huy động vốn từ khách hàng đạt 46.958 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt đạt 16%, 5,6% và 5,3% so với thời điểm nhận chuyển giao.

Tình hình tài chính của MB năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Đánh giá so với thực hiện 2023 (Tăng/ Giảm, %)	Đánh giá so với kế hoạch
Tổng Tài sản	944.954	Tăng ~13%	1.128.801	19,5%	Vượt 6,5%
Doanh thu	47.306		55.413	17,1%	Hoàn thành
Huy động vốn (bao gồm CCTG)	671.154	Tăng trưởng phù hợp nhu cầu sử dụng vốn	805.674	20,0%	Hoàn thành
Tổng dư nợ tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN)	651.346	Tăng ~15-16%	811.142	24,5%	Theo phân bổ của NHNN
Vốn điều lệ(*)	52.141	61.643	53.063	1,8%	Hoàn thành 86,1%
Lợi nhuận trước thuế	26.306	Tăng trưởng 6-8%	28.829	9,6%	Hoàn thành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.252		5.878		Hoàn thành
Lợi nhuận sau thuế	21.054		22.951		Hoàn thành
ROE (%)	23,9	20-22	21,5		Hoàn thành
Tỷ lệ nợ xấu(%)	1,6	≤ 2	1,6		Hoàn thành
Tỷ lệ CAR(%)	10,75	Tối thiểu 9% (tuân thủ Basel II)	11,8		Hoàn thành
Tỷ lệ đóng góp CTTV(%)	7,65	7-10	7,2		Hoàn thành

*Kế hoạch vốn điều lệ theo phê duyệt của ĐHĐCĐ 2024. Năm 2024, Ngân hàng đã thực hiện triển khai tăng vốn điều lệ theo phê duyệt của ĐHĐCĐ trong đó Ngân hàng đã phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức với tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu và hoàn thành thủ tục và ghi nhận trong tháng 2/2025 (Mức vốn điều lệ tại 28/2/2025 đạt 61.023 tỷ đồng)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của MB năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng / (Giảm)
1. Quy mô tài sản và nguồn vốn			
Vốn điều lệ	52.141	53.063	1,8%
Vốn chủ sở hữu	96.711	117.060	21%
Tổng Tài sản	944.954	1.128.801	19,5%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	10,75%	11,8%	1,0%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Huy động vốn (bao gồm CCTG)	671.154	805.674	20,0%
Tổng dư nợ tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN)	651.346	811.142	24,5%
Nợ quá hạn	23.723	24.782	4,5%
Nợ khó đòi	9.805	12.585	28,4%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	117%	92,2%	(24,8%)
Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	3,9%	3,2%	(0,7%)
Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ	1,6%	1,6%	0,0%
3. Hiệu quả kinh doanh			
Doanh thu	47.036	55.413	17,1%
Thu nhập lãi thuần	38.684	41.152	6,4%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)	4,9%	4,1%	(0,8%)
Chi phí vốn (COF)**	4,3%	3,2%	(1,2%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động (CIR)	31,5%	30,7%	(0,8%)
Chi phí dự phòng/Doanh thu	12,9%	17,3%	4,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	2,5%	2,2%	(0,3%)
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	23,9%	21,5%	(2,4%)
4. Các chỉ tiêu thanh khoản			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản *	16,7%	13,5%	(3,2%)
Tỷ lệ tổng dư nợ cho vay trên nguồn vốn huy động (LDR) *	76,4%	81,1%	4,7%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn *	26,1%	26,9%	0.8%
5. Cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.164	3.724	560
Hệ số giá trên lợi nhuận (P/E)	5,02	5,86	16,9%
Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (BVPS)	18.548	22.060	18,9%
Hệ số giá/Giá trị sổ sách (P/B)	1,01	1,14	13,2%

*số liệu riêng lẻ

**gồm thị trường 2

Đánh giá và phân tích tình hình tài chính của MB năm 2024

Kết thúc năm 2024, mặc dù thị trường tài chính gặp nhiều thách thức khó khăn, MB vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng tích cực ở tất cả các chỉ tiêu quan trọng. Cụ thể:

Đối với các chỉ tiêu quy mô tài sản và nguồn vốn: Tổng tài sản tăng hơn 19,5%, vượt kế hoạch đặt ra nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của tín dụng đạt 24,5%. Vốn chủ sở hữu tăng 21,0%, trong đó vốn điều lệ tăng 1,8% do triển khai phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và ESOP cho người lao động. Nhờ sự tăng trưởng tích cực của vốn chủ sở hữu, tỷ lệ an toàn vốn CAR năm 2024 tăng 1% so với năm trước, đạt ngưỡng 11,8%, vượt kế hoạch đặt ra và tiếp tục duy trì theo tiêu chuẩn Basel II.

Đối với các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh: Huy động vốn (gồm CCTG) tăng trưởng 20%, đạt mức 806 nghìn tỷ đồng hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn và hoàn thành kế hoạch đặt ra với sự tăng trưởng tích cực từ mảng KHCN (+31%) và KHDN (+22%). Tổng tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN) vượt kế hoạch đặt ra với mức tăng trưởng 24,5%, ở mức hơn 811 nghìn tỷ đồng, nhờ sự bứt tốc mạnh mẽ của cho vay từ phân khúc KHDN (+36%) và phân khúc KHCN

(+23%). Trong đó, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ, ở mức 1,6%, vượt kế hoạch được giao (<2%). Ngoài ra, nợ quá hạn chỉ tăng trưởng 4,5% do chất lượng tài sản của MB đã được cải thiện đáng kể trong năm 2024.

Đối với các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế tăng 10%, vượt kế hoạch đặt là là 6-8%. Trong đó, Doanh thu tăng trưởng 17,1%, nhờ sự tăng trưởng tích cực của thu lãi thuần (+6,4%), thu phí thuần (+7%) và thu nhập từ kinh doanh chứng khoán và góp vốn, mua cổ phần (+413%). Ngoài ra Chi phí hoạt động chỉ tăng 14%, nhờ đó tỷ lệ Chi phí hoạt động/ Thu nhập hoạt động (CIR) tiếp tục được tối ưu so với năm trước, ở mức 30,7%. Chi phí vốn (COF) được cải thiện đáng kể, giảm mạnh 1,17% nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của nguồn vốn CASA hơn 23% trong năm 2024. Các tỷ lệ sinh lời như tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM), tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA) có sự giảm nhẹ do xu hướng chung của toàn ngành cũng như do MB đã triển khai rất nhiều chương trình tiết giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng. Dù vậy, các tỷ lệ ROE và ROA vẫn hoàn thành kế hoạch được giao và nằm trong nhóm dẫn đầu ngành ngân hàng.

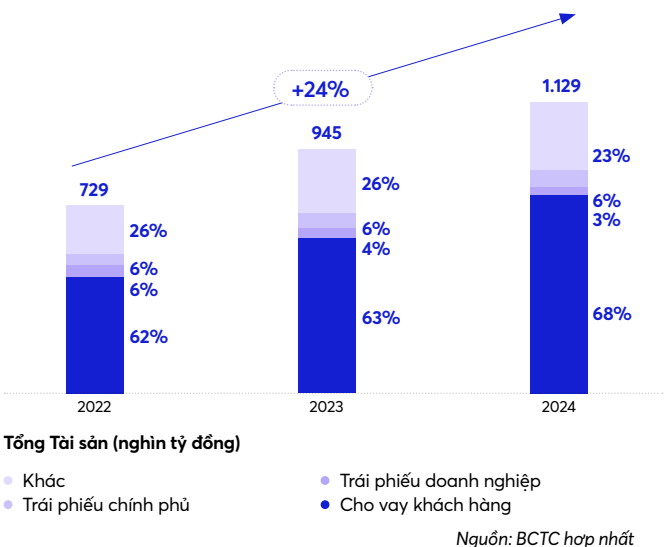
Đối với các chỉ tiêu an toàn thanh khoản và an toàn vốn: Tỷ lệ Tổng dư nợ cho vay/ nguồn vốn huy động (LDR) đạt 81%, ở ngưỡng hoàn hảo cho MB trong việc vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh tạo ra lợi nhuận vừa kiểm soát được rủi ro thanh khoản. Tỷ lệ vốn ngắn hạn/vay trung và dài hạn tiếp tục được cải thiện so với năm trước, ở mức 26,9% nhờ sự tăng trưởng tích cực của nguồn vốn huy động các kỳ hạn ngắn.

Cổ phiếu: Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) tăng trưởng so với năm ngoái nhờ lợi nhuận tăng trưởng tốt trong năm 2024. Ngoài ra tỷ lệ giá trên lợi nhuận (P/E) hạ cho thấy cổ phiếu đang ở vùng giá hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Tỷ lệ giá trị sổ sách của một cổ phiếu (BVPS) tăng hơn 19% nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của vốn chủ sở hữu, cũng cho thấy cổ phiếu của MB ngày càng nâng cao giá trị.

I NHÓM CHỈ TIÊU CHÍNH

Tổng tài sản

Tổng tài sản MB lần đầu tiên vượt mốc triệu tỷ, cụ thể đạt 1,129 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR trong 3 năm gần đây đạt 24%, riêng năm 2024 tăng trưởng 19,5%, vượt kế hoạch đề ra là 13%. Đặc biệt, cơ cấu tài sản sinh lời được dịch chuyển theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng cho vay khách hàng và giảm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và tài sản khác.



Nguồn vốn

Nguồn vốn tiếp tục giữ được đà tăng trưởng tốt đáp ứng được nhu cầu vốn kinh doanh, nguồn vốn chuyển dịch sang huy động tiền gửi khách hàng, đặc biệt là khách hàng cá nhân cho thấy ngân hàng đang triển khai rất tốt việc đa dạng hóa khách hàng và tối ưu hóa chi phí vốn.

Riêng trong cơ cấu huy động khách hàng, tỷ lệ huy động không kỳ hạn (CASA) luôn duy trì ở mức cao thuộc tốp đầu ngành. Năm 2024, huy động CASA đạt 281 nghìn tỷ, tăng 53 nghìn tỷ so với cuối năm 2023, giúp MB duy trì vị thế số 1 về tỷ lệ CASA/huy động khách khách hàng và giảm đáng kể chi phí vốn. Điều này không chỉ giúp Ngân hàng tăng lợi thế cạnh tranh mà còn giúp Ngân hàng có nguồn lực mạnh để thực hiện các chương trình giảm lãi, phí hỗ trợ khách hàng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Tín dụng (Dư nợ & TPDN)

Dư nợ cho vay đạt gần 777 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR trong 3 năm gần đây đạt 30%, riêng năm 2024 tăng trưởng 27%, vượt kế hoạch (~16%), qua đó giúp tổng tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN) đạt hơn 811 nghìn tỷ đồng ~ tăng 24,5%. Đặc biệt, phân khúc KHDN tăng trưởng rất tốt, tăng trưởng dư nợ cho vay đạt 36%, chiếm tỷ trọng tới 57%.

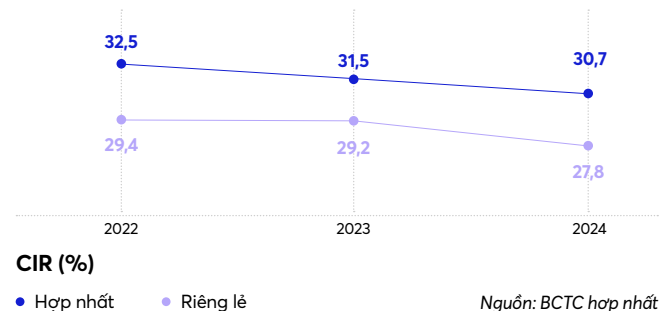
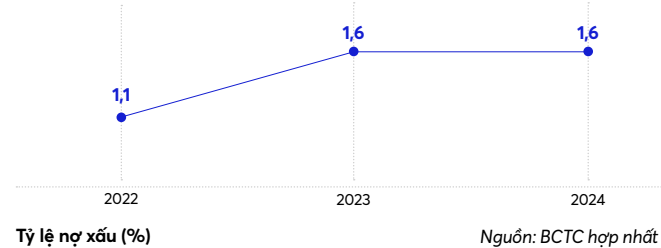
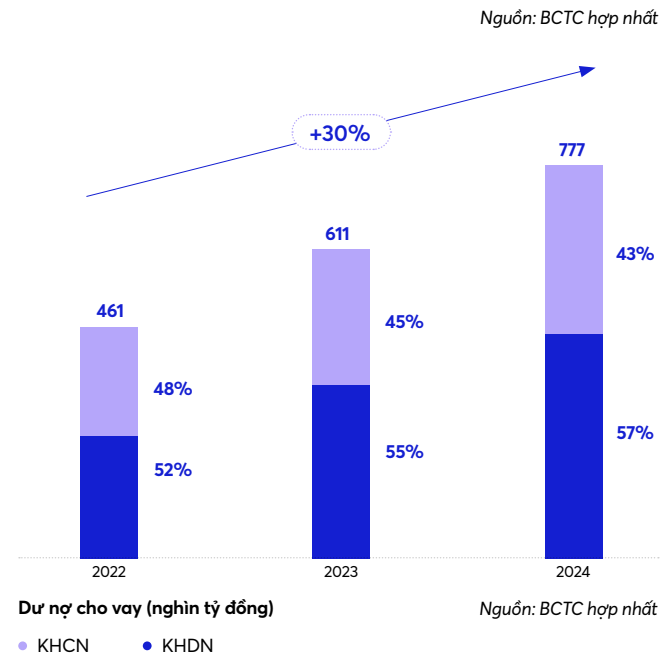
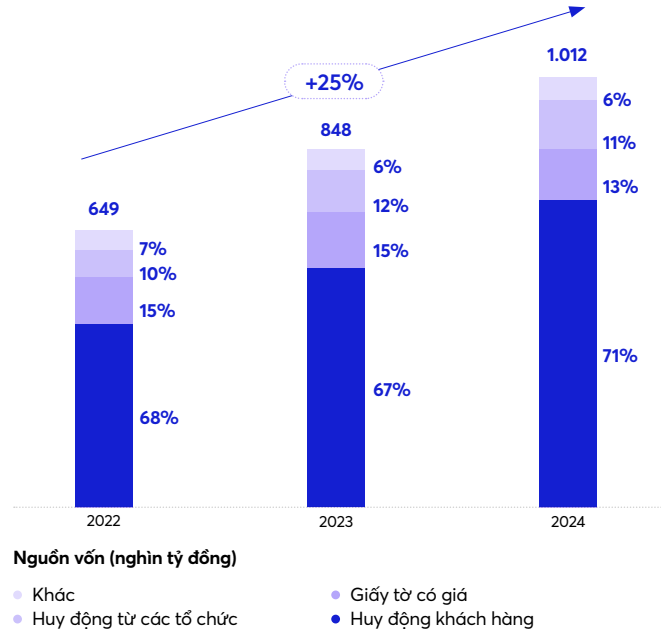
Ba năm qua tỷ trọng cho vay KHCN có giảm nhẹ trong cơ cấu cho vay, nhưng điều đó không có nghĩa ngân hàng không chú ý đến phân khúc khách hàng cá nhân. Ban Lãnh đạo Ngân hàng vẫn khẳng định và nhấn mạnh phân khúc KHCN là ưu tiên chiến lược của ngân hàng. Rõ ràng rằng, trong một bối cảnh kinh tế nhiều khó khăn thì việc tập trung vào các khách hàng lớn, đủ tiềm lực tài chính, sức cạnh tranh để vượt qua các khó khăn, cùng với việc khai thác khách hàng theo hệ sinh thái là một lựa chọn chiến lược khôn ngoan.

Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất

Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ ở ngưỡng 1,6%, hầu như không đổi so với năm 2023 trong bối cảnh nợ xấu toàn ngành ngân hàng ở mức cao, và hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao ở mức dưới 2%.

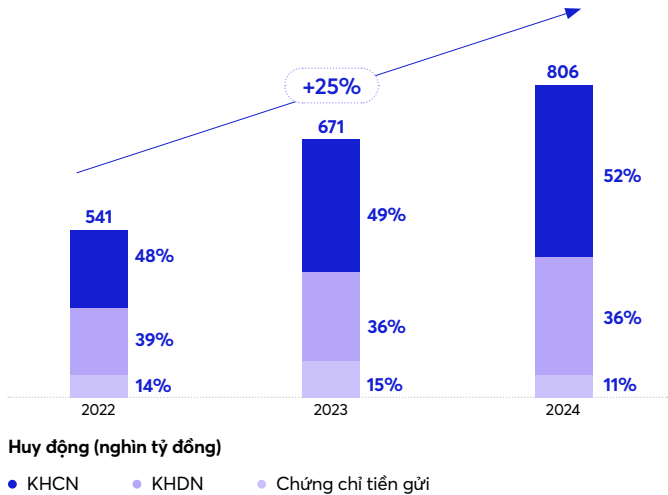
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động (CIR)

Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động (CIR) được cải thiện qua từng năm và luôn đứng trong nhóm dẫn đầu các ngân hàng về quản lý tốt chi phí hoạt động. Đặc biệt CIR của riêng ngân hàng mẹ giảm mạnh trong năm 2024, đạt mức 27,8%, trở thành ngân hàng hàng đầu trong việc quản lý chi phí hoạt động.



Huy động

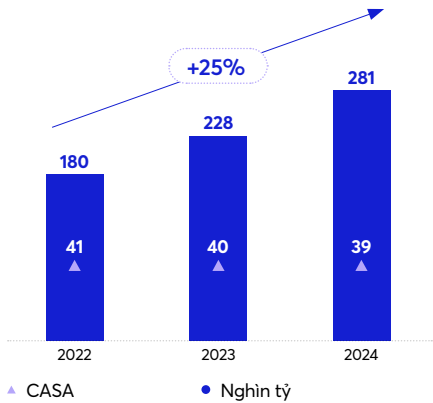
Tổng huy động (gồm CCTG) đạt mốc 806 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR trong 3 năm đạt 25%, riêng năm 2024 huy động tăng trưởng hơn 20% hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn. Đặc biệt huy động KHCN chiếm tỷ trọng ngày càng cao, đạt mức 52% trong năm 2024, cho thấy mức độ đa dạng hóa khách hàng huy động của MB.



Nguồn: BCTC hợp nhất

CASA

Tỷ lệ tiền gửi/tổng tiền gửi, CASA luôn dẫn đầu ngành ngân hàng, hết năm 2024 tuy giảm nhẹ so với các năm trước theo xu hướng chung của cả ngành, nhưng vẫn đạt mức 39,3%, đứng đầu ngành ngân hàng. Quy mô CASA hết năm 2024 đạt hơn 281 nghìn tỷ đồng, với mức tăng trưởng bình quân (CAGR) 3 năm gần nhất đạt 25%.



Nguồn: BCTC hợp nhất

Tỷ lệ an toàn vốn CAR

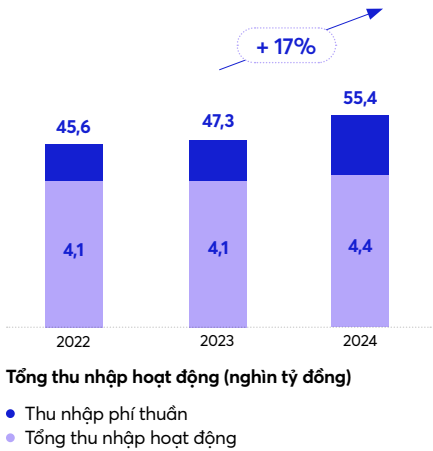
Tỷ lệ an toàn vốn CAR (Basel II) luôn được kiểm soát ở mức cao hơn so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Năm 2024, CAR hợp nhất đạt 11,8% kế hoạch đề ra. Phần lớn cơ sở vốn là cấp 1 (chiếm 86% vốn tự có), do đó ngân hàng duy trì dư địa lớn để huy động vốn cấp 2 khi cần thiết. Những yếu tố này tạo sự chủ động và hỗ trợ tích cực cho chiến lược vốn của ngân hàng.

Thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động của ngân hàng năm 2024 đạt 55,4 nghìn tỷ VNĐ, tăng trưởng 17% so với 2023, trong đó nguồn thu từ phí dịch vụ đạt 4,4 nghìn tỷ và đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và góp vốn.

Chỉ số ROE và ROA

Tỷ suất sinh lời lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) luôn ở trong nhóm dẫn đầu toàn ngành ngân hàng và năm 2024 chỉ tiêu này của ngân hàng đạt 21,5%, đạt kết hoạch đề ra. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đạt 2,2%, đứng vị thế Top 2 trong nhóm các ngân hàng dẫn đầu, đạt kế hoạch đề ra. Kết quả này cho thấy ngân hàng sử dụng vốn chủ sở hữu rất hiệu quả và sở hữu một danh mục tài sản chất lượng thuộc Top đầu ngành.

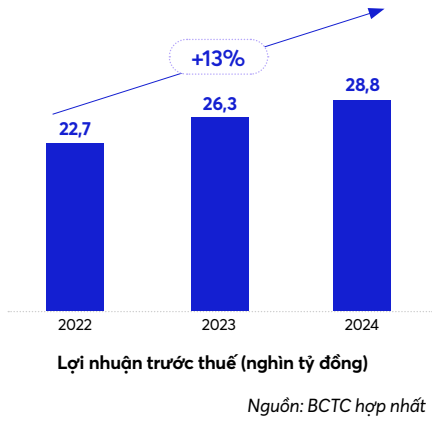


Nguồn: BCTC hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế

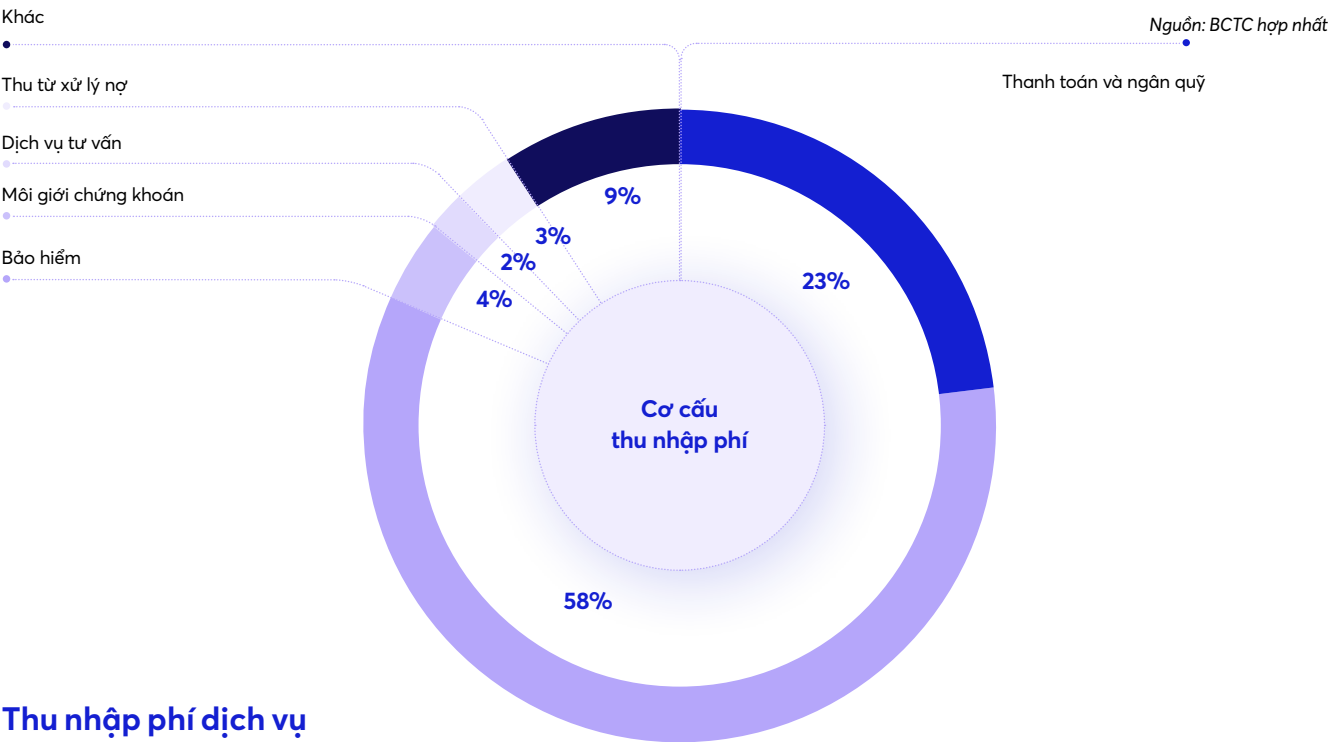
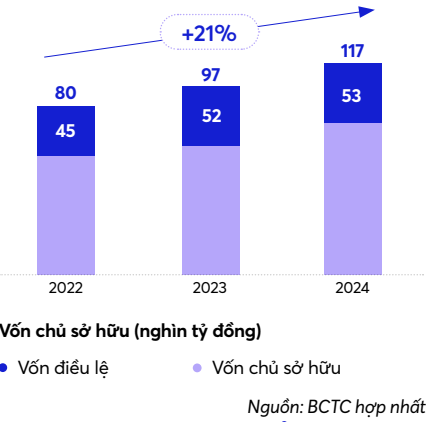
Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt hơn 28,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR 3 năm gần đây đạt 13%, riêng năm 2024 tăng trưởng 10%, vượt mức kết hoạch đề ra (6-8%).

Nhờ kết quả này, MB duy trì vị trí số 4 về lợi nhuận trước thuế trong số các ngân hàng niêm yết. Với mức vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu ở vị trí số 6, nhưng ngân hàng duy trì được vị thế số 4 về lợi nhuận trước thuế cho thấy Ban Lãnh đạo ngân hàng đã rất thành công trong việc quản lý và điều hành hoạt động ngân hàng trong năm 2024.



Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của ngân hàng cuối năm 2024 đạt 117 nghìn tỷ, tăng 21% so với 2023, trong đó vốn điều lệ đạt 53 nghìn tỷ, tăng 2% so với năm ngoái.



Thu nhập phí dịch vụ

Thu nhập phí dịch vụ thuần 2024 đạt 4,4 nghìn tỷ, tăng trưởng tích cực trở lại trong năm 2024, trong đó thanh toán ngân quỹ và bảo hiểm vẫn đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng thu phí (trên 80%).

Phân tích chi tiết về doanh thu phí, doanh thu phí Bảo hiểm đạt hơn 8,4 nghìn tỷ, tăng trưởng 3%; thu Thanh toán và ngân quỹ đạt hơn 3,4 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 22%; thu từ Môi giới chứng khoán đạt 628

tỷ ~ tăng trưởng 2%. Ngoài ra, thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản tăng hơn 34%, đạt 494 tỷ đồng; thu từ dịch vụ Tư vấn tăng trưởng hơn 58%, đạt mức 280 tỷ đồng; thu phí khác tăng trưởng hơn 40% đạt gần 1,4 nghìn tỷ đồng.

Về phần chi, chi phí cho Bảo hiểm đạt hơn 6,1 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 20%; chi cho thanh toán và ngân quỹ đạt gần 2,3 nghìn tỷ đồng, tăng 20%; chi hoa hồng

môi giới đạt hơn 1 nghìn tỷ đồng, giảm 25%; chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản ở mức gần 441 tỷ đồng, tăng trưởng 67%; chi cho môi giới chứng khoán đạt 146 tỷ đồng, mức tăng 18%; chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý đạt hơn 18 tỷ đồng, tăng trưởng 20%; chi các dịch vụ khác đạt gần 123 tỷ đồng, giảm hơn 20% so với năm 2023.

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CỔ PHẦN

CỔ PHẦN	
Chỉ tiêu	31/12/2024
Tổng số cổ phiếu phổ thông	5.306.324.052
Tổng số cổ phần đang lưu hành (chi tiết theo từng loại cổ phần) (Đơn vị tính: cổ phần)	5.306.324.052
Giá cổ phiếu tại thời điểm cuối năm (Đơn vị tính: VND)	21.913
Tổng khối lượng giao dịch trong năm 2024	4.823.416.776
Giá trị vốn hóa thị trường (Đơn vị tính: VND)	130.000.000.000
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do (Đơn vị tính: cổ phần)	3.128.217.412
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu (chi tiết theo từng đối tượng và nhóm đối tượng tương ứng) (Đơn vị tính: cổ phần)	2.178.106.640

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC/CÁ NHÂN SỞ HỮU TỪ 1% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN

Tên tổ chức / cá nhân sở hữu từ 1% vốn cổ phần trở lên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	54.847.306	1,03%
Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	85.204.397	1,61%
Ubs Ag London Branch	101.396.306	1,91%
Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Viettel)	780.137.989	14,70%
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH	521.425.325	9,83%
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	375.973.254	7,09%
Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (Viettel-Commerce)	228.200.095	4,30%
Tổng công ty Trực thăng Việt Nam-Công ty TNHH	447.348.419	8,43%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	227.000.041	4,28%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG			
Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (Đơn vị: %)	Số lượng cổ đông
Theo tỷ lệ sở hữu			
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2.124.884.987	40,04	4
Cổ đông nhỏ	3.181.439.065	59,96	120.475
Theo loại hình cổ đông			
Cổ đông là tổ chức	4.235.965.816	79,82	569
Cổ đông là cá nhân	1.070.628.236	20,18	119.910
Theo quốc gia và vùng lãnh thổ			
Cổ đông trong nước	4.074.248.398	76,78	119.724
Cổ đông nước ngoài	1.232.075.654	23,22	755
Theo loại hình sở hữu			
Cổ đông Nhà nước	0	0	0
Cổ đông khác	5.306.324.052	100	120.479
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (Theo quy định của chính phủ)		30	
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm cuối năm		23,219	755

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Ngày kết thúc đợt phát hành	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Phương thức phát hành	Đối tượng mua	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn huy động từ đợt phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành
15/02/2012	13/02/2012	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu	7.300.000	2.700.000	10.000.000
14/01/2013	14/12/2012	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	10.000.000	625.000	10.625.000
18/10/2013	16/10/2013	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	10.625.000	631.250	11.256.250
12/09/2014	10/09/2014	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (3%)	Cổ đông hiện hữu	11.256.250	337.688	11.593.938
19/08/2015	17/08/2015	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (3%)	Cổ đông hiện hữu	11.593.938	347.818	11.941.756
14/09/2015		Chào bán riêng lẻ	Cán bộ nhân viên	11.941.756	152.182	12.093.938
18/09/2015		Chào bán riêng lẻ		12.093.938	3.906.063	16.000.000
11/03/2016	10/03/2016	Sáp nhập công ty		16.000.000	311.818	16.311.818
25/10/2016	24/10/2016	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (5%)	Cổ đông hiện hữu	16.311.818	815.591	17.127.409
02/10/2017	29/09/2017	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (5%)	Cổ đông hiện hữu	17.127.409	856.370	17.983.780
03/10/2017		Chào bán riêng lẻ	Cán bộ nhân viên	17.983.780	171.274	18.155.054
09/07/2018	06/07/2018	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (5%) và tăng vốn từ vốn chủ sở hữu (14%)	Cổ đông hiện hữu	18.155.054	3.449.460	21.604.514
19/09/2019	18/09/2019	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (8%)	Cổ đông hiện hữu	21.604.514	1.690.719	23.295.233
14/10/2019		Chào bán riêng lẻ	Cán bộ nhân viên	23.295.233	432.090	23.727.323
26/02/2020		Chào bán riêng lẻ	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	23.727.323	643.106	24.370.429
06/10/2020	05/10/2020	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (15%)	Cổ đông hiện hữu	24.370.429	3.617.140	27.987.569
13/07/2021	12/07/2021	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (35%)	Cổ đông hiện hữu	27.987.569	9.795.649	37.783.218
23/08/2022	22/08/2022	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (20%)	Cổ đông hiện hữu	37.783.218	7.556.644	45.339.861

Ngày kết thúc đợt phát hành	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Phương thức phát hành	Đối tượng mua	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn huy động từ đợt phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành
17/07/2023	14/07/2023	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (15%)	Cổ đông hiện hữu	45.339.861	6.800.979	52.140.841
14/03/2024		Phát hành riêng lẻ	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	52.140.841	730.000	52.870.841
11/06/2024		Phát hành riêng lẻ theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Người lao động	52.870.841	192.400	53.063.241

LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức trả cổ tức	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Ngày thanh toán
2011	12%	Tiền mặt	07/12/2011	23/12/2011
	3%	Tiền mặt	28/02/2012	15/03/2012
	2%	Tiền mặt	17/05/2012	04/06/2012
2012	10%	Tiền mặt	13/11/2012	29/11/2012
	2%	Tiền mặt	14/05/2013	31/05/2013
2013	8%	Tiền mặt	16/10/2013	30/10/2013
2014	7%	Tiền mặt	29/10/2014	17/11/2014
2015	5%	Tiền mặt	15/09/2015	30/09/2015
2016	6%	Tiền mặt	23/02/2017	08/03/2017
2017	6%	Tiền mặt	17/01/2018	31/01/2018
2018	6%	Tiền mặt	05/04/2019	26/04/2019
2022	5%	Tiền mặt	14/06/2023	10/07/2023
2023	5%	Tiền mặt	23/05/2024	14/06/2024

- Trong năm MB không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ
- Các chứng khoán khác: Trong năm 2024, MB chỉ phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền việc phát hành trái phiếu này ghi nhận vào nợ phải trả của MB mà không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu

3

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều Hành

110 Tình hình hoạt động kinh doanh

128 Tình hình tài chính

132 Trách nhiệm môi trường và xã hội

Tình hình hoạt động kinh doanh

Diễn biến kinh tế thế giới và Việt Nam

DỰ BÁO GDP
KINH TẾ VIỆT NAM 2025

↑ 8,0 %

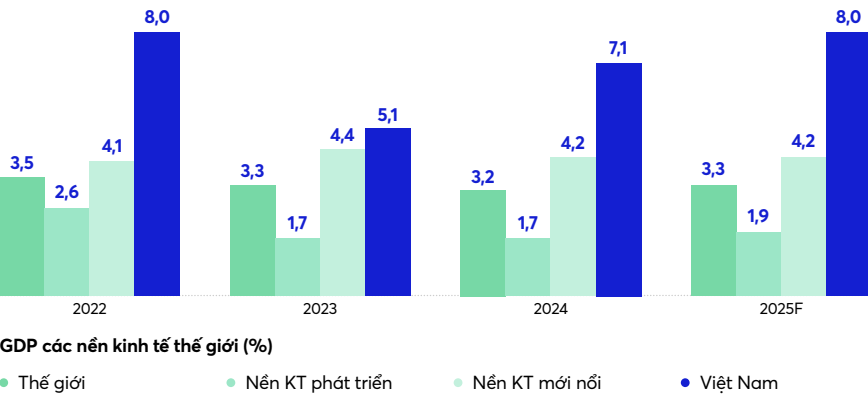
DỰ BÁO LẠM PHÁT
KINH TẾ VIỆT NAM 2025

4,5 %

Môi trường kinh doanh năm 2025 đối mặt với một số rủi ro đến từ các yếu tố bất định từ môi trường quốc tế, đặc biệt là chính sách thuế quan dưới nhiệm kỳ Trump 2.0 và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, xu hướng phân cực, cạnh tranh giữa các quốc gia, khu vực gia tăng.

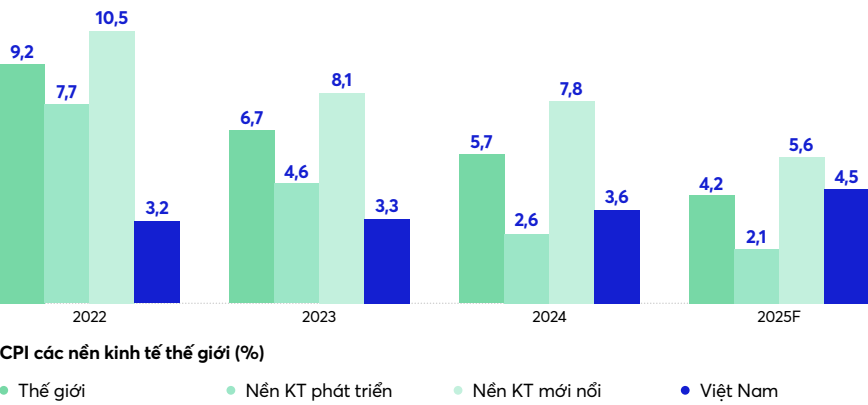
Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với trọng tâm là trí tuệ nhân tạo AI tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu vào đời sống xã hội, tạo ra sự phát triển bùng nổ trên thế giới. Xung đột địa chính trị và cạnh tranh giữa các nước lớn diễn biến rất phức tạp và khó lường, ảnh hưởng đến mọi mặt của kinh tế, chính trị, xã hội.

Trong báo cáo tháng 1/2025, IMF dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 tăng 0,1% từ mức 3,2% năm 2024 lên mức 3,3% trong đó nhóm các nền kinh tế phát triển tăng 1,9%, nhóm các nền kinh tế mới nổi tăng 4,2%. Lạm phát toàn cầu dự báo giảm từ mức 5,7% năm 2024 về mức 4,2% năm 2025.



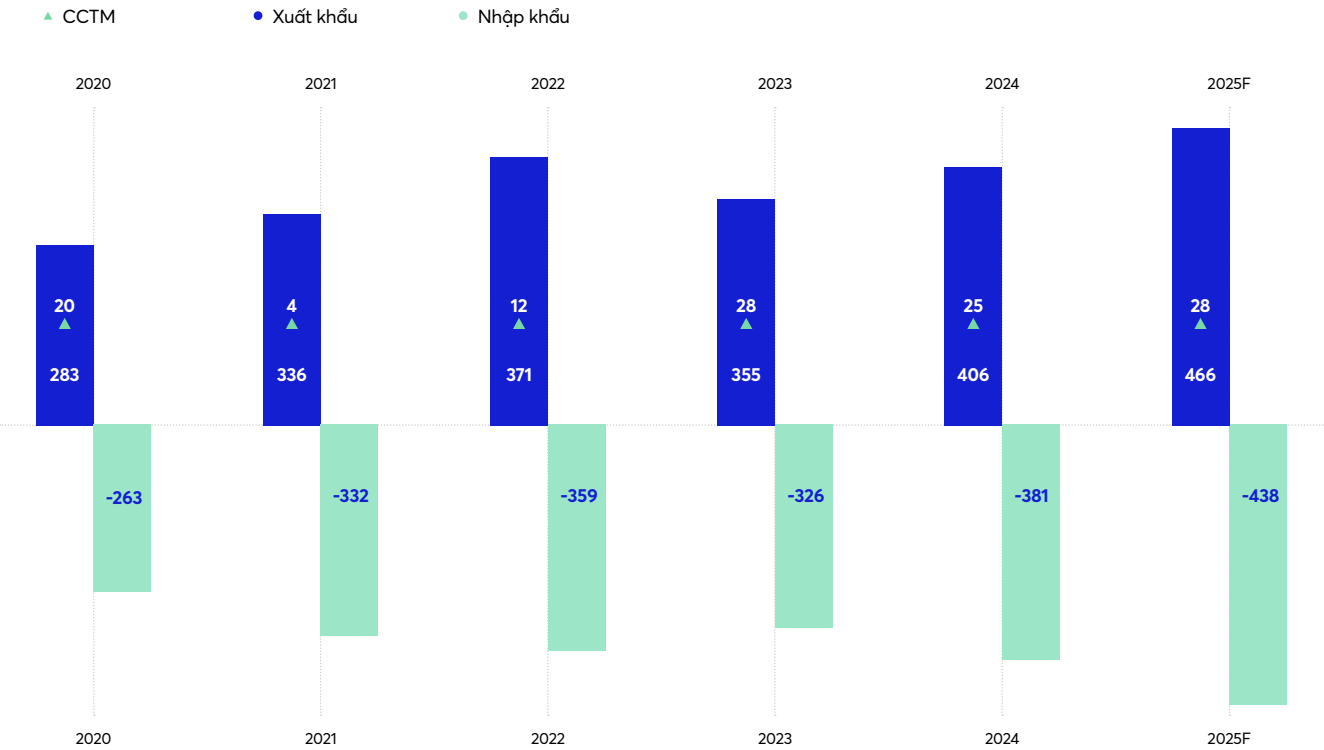
Nguồn: IMF và CQ KTT MB dự báo

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2025 dự báo tăng trưởng cao trên 8%, lạm phát dự kiến ở mức khoảng 4,5% với động lực đến từ sự tăng trưởng của các ngành trụ cột như đầu tư, bán lẻ, tiêu dùng, cùng với đà tăng trưởng của xuất khẩu và hỗ trợ của dòng vốn FDI.

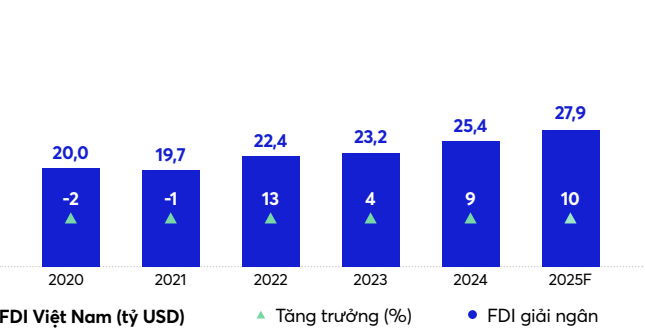


Nguồn: IMF và CQ KTT MB dự báo

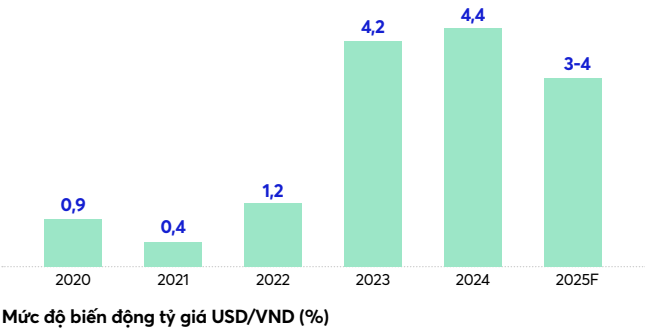
Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo



Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo



Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo

Bên cạnh các động lực tăng trưởng kinh tế truyền thống là đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng, những động lực tăng trưởng mới đến từ kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và quá trình tinh gọn bộ máy hành chính, sẽ là những yếu tố mới được kỳ vọng giúp nền kinh tế bứt phá trong năm 2025, tạo đà, tạo lực, tạo thế cho giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng ở mức 2 con số.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam tiếp tục được hỗ trợ mạnh mẽ nhờ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trưởng ổn định qua từng năm. Năm 2024, nguồn vốn FDI giải ngân đạt 25,4 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ. Dự báo 2025, nguồn vốn này tăng trưởng 10% lên mức 27,9 tỷ USD.

Nhờ chính sách mở rộng quan hệ thương mại với các nước qua các FTA được ký kết, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ nhiều năm qua. Nếu như 2020 kim ngạch

xuất khẩu chỉ đạt 283 tỷ USD, thì đến năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu được nâng lên 406 tỷ USD, qua đó giúp Việt Nam có cán cân thương mại thặng dư từ 25-28 tỷ USD mỗi năm trong suốt 3 năm qua.

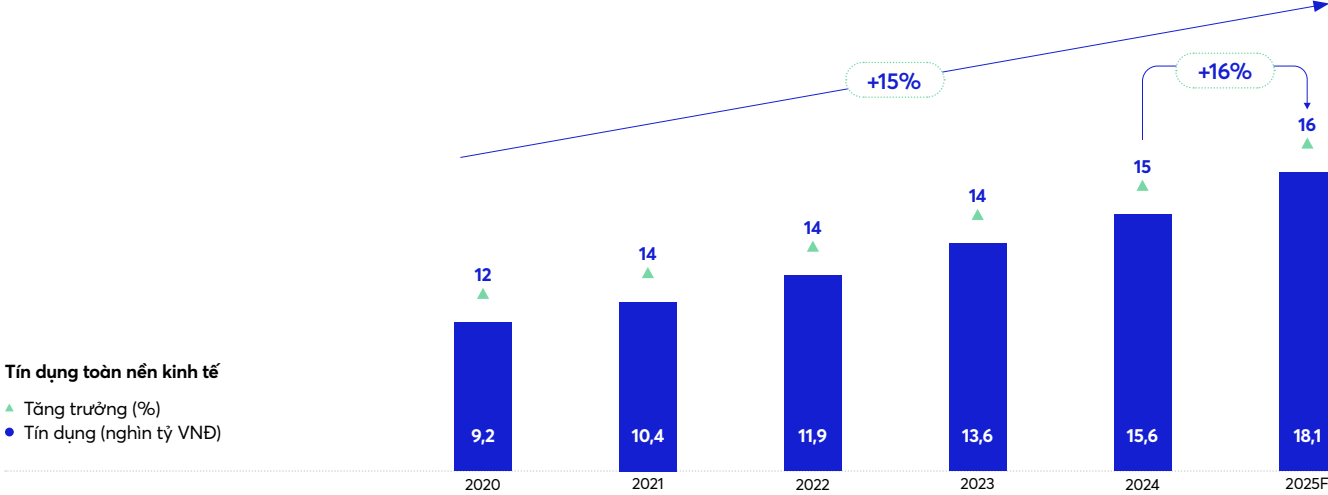
Tỷ giá năm 2025 dự báo tăng trong biên độ 3-4%. Tỷ giá chịu áp lực và phụ thuộc nhiều vào chính sách áp thuế của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Kết thúc năm 2024, Việt Nam thuộc Top 3 nước có thặng dư thương mại cao nhất với Mỹ. Việc Việt Nam có thể phải chấp nhận hy sinh lạm phát để đổi lấy tăng trưởng kinh tế cũng là nguyên nhân gây thêm áp lực lên tỷ giá. Bên cạnh những yếu tố bất lợi thì nguồn vốn FDI khách du lịch quốc tế và kiều hối ổn định là những yếu tố giúp giảm bớt áp lực lên tỷ giá.

Ngành ngân hàng tại Việt Nam

Bối cảnh vĩ mô với những thuận lợi và khó khăn đan xen nhau đặt ngành ngân hàng vào vị trí trọng tâm, đóng vai trò chiến lược trong sự phát triển kinh tế giai đoạn tới. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% trong năm 2025 để phục vụ tăng trưởng kinh tế, chúng tôi dự báo nguồn doanh thu lợi nhuận của các ngân hàng niêm yết tăng trưởng khoảng 16%, tương đương mức tăng trưởng dư nợ của toàn nền kinh tế.

Ngân hàng Nhà nước được kỳ vọng sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác, đảm bảo an toàn và thanh khoản của hệ thống, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững. Tín dụng năm 2025 dự báo tăng trưởng ở mức 16%, nợ xấu được kiểm

soát dưới 2%. Toàn hệ thống ngân hàng chung tay đồng lòng cùng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước duy trì mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ổn định ở mức thấp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nhiều khả năng, NHNN có thể xem xét giảm một số loại lãi suất điều hành, ví dụ như lãi suất thị trường mở (OMO),... ở mức 0,25% trong Quý 1 hay Quý 2 2025, để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.



Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo



Triển vọng kinh tế năm 2025

Theo Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ ổn định ở mức 2,7%¹ trong giai đoạn 2025–2026, tương tự như năm 2024 trong điều kiện bất định về thương mại gia tăng. Những nền kinh tế chính của thế giới - Trung Quốc và Hoa Kỳ - có thể giảm tốc nhưng tăng trưởng ở những nơi khác, bao gồm ở Liên minh Châu Âu có thể bù lại. Lãi suất điều hành ở các nền kinh tế phát triển dự kiến tiếp tục giảm khi ngày càng nhiều quốc gia bám sát các chỉ tiêu lạm phát, mặc dù vậy, lãi suất sẽ vẫn cao hơn so với các mức thấp của những năm 2010. Các yếu tố bất định về thương mại gia tăng và chính sách thương mại bị chuyển hướng bất lợi sẽ gây ra những rủi ro lớn cho triển vọng toàn cầu.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam được dự báo có thể đạt mức tăng trưởng 8%², trong điều kiện thuận lợi phần đầu tăng trưởng hai con số³. Theo các chuyên gia, Việt Nam có các cơ hội đạt được mục

tiêu tăng trưởng đề ra: i) cơ hội từ các xu hướng phát triển khoa học công nghệ (đặc biệt ứng dụng công nghệ AI trong nhiều mặt cuộc sống) giúp thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng gia tăng các ngành/hoạt động/sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao; sự chuyển hướng sang năng lượng tái tạo tạo ra các cơ hội đầu tư mới; ii) cơ hội từ nguồn đầu tư FDI do Việt Nam với mạng lưới FTA kết nối hơn 60 thị trường, có mức độ hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài; iii) đặc biệt, việc quyết liệt tinh gọn bộ máy được định hướng từ Đảng, Chính phủ giúp cải thiện đáng kể năng suất lao động, cải cách thủ tục hành chính. NHNN tiếp tục điều hành lãi suất phù hợp diễn biến thị trường, điều hành tỷ giá linh hoạt góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát; định hướng mục tiêu tăng trưởng tín dụng ~ 16% và hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

Ngành ngân hàng năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm tích cực với kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tín dụng ổn định. Ngân hàng Nhà nước đã đề ra mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt 16% trong năm 2025. Theo đó, tổng dư nợ tín dụng dự kiến sẽ vượt mốc 18 triệu tỷ đồng vào cuối năm, đồng nghĩa với việc hơn 2,5 triệu tỷ đồng sẽ được bổ sung cho nền kinh tế. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 8 năm trở lại đây và vượt kế hoạch 15,08% của năm 2024. Không đứng ngoài xu thế đó, MB kiên định trở thành “**Doanh nghiệp số, tập đoàn tài chính dẫn đầu**”, ưu tiên phát triển bền vững, củng cố chất lượng hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn, MB sẽ tiếp tục bám sát các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp số, triển khai chuyển đổi số toàn diện.

MỨC TĂNG TRƯỞNG DỰ KIẾN
CỦA KINH TẾ VIỆT NAM 2025

8%

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG
TOÀN NGÀNH

16%

TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG DỰ KIẾN
CUỐI NĂM 2025 (TỶ ĐỒNG)

> 18.000.000

16% SO VỚI 2024

¹WB

²WB

³ Công điện số 140/CD-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Vị thế của MB trong ngành

TOP ĐẦU THỊ TRƯỜNG VỀ TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ VỐN HÓA

Diễn biến giá cổ phiếu MBB và các ngân hàng năm 01/2017 - 01/2025

Mã chứng khoán: MBB VN

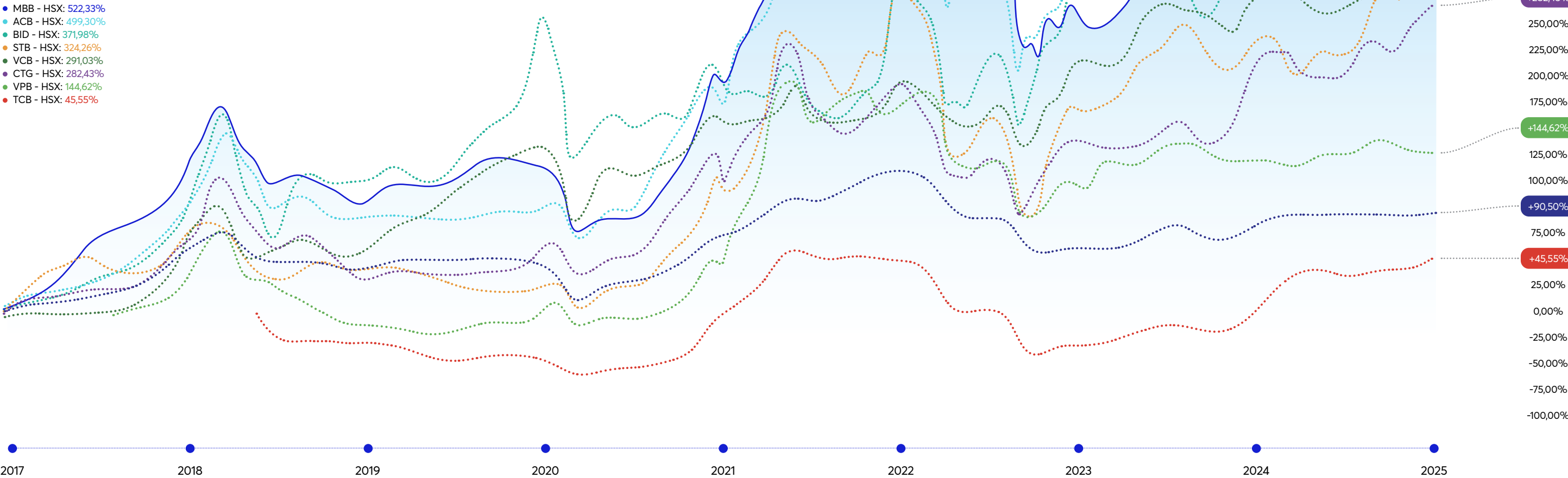
Giá: VND 22.450 (04/02/2025)

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 6,102 triệu

Sở hữu nước ngoài: 23,2%

Room nước ngoài còn lại: 0% (kín room)

Vốn hóa: 5,4 tỷ USD



Nguồn: HOSE và tính toán của IR MBBank

GIÁ TRỊ VỐN HOÁ

133.200 TỶ VND

Top 6 TRONG NGÀNH

GIÁ CỔ PHIẾU MBB (2017 - 2024)

↑ 495%

Top 1 MỨC TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ VỐN HOÁ

Kết thúc năm 2024, giá trị vốn hóa của MB đạt 133,2 nghìn tỷ, đứng thứ 6 trong ngành. Giá cổ phiếu MBB trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/12/2024 đã tăng 495%, cao gấp 5,5 lần mức tăng trưởng của VNIndex (90%) và đứng số 1 về mức tăng trưởng vốn hóa tính từ tháng 01/2017 tới 31/12/2024. Riêng trong năm 2024, giá trị vốn hóa của MB tăng

37,6%, vượt trội so với mức tăng trưởng 12,1% của chỉ số VNIndex và giữ vững vị trí số 1 thị trường về tăng trưởng vốn hóa suốt 7 năm qua.

Đạt được thành tựu này là nhờ sự tin tưởng, ủng hộ và đóng góp của cộng đồng nhà đầu tư cũng như các chuyên gia phân tích, các công ty chứng khoán

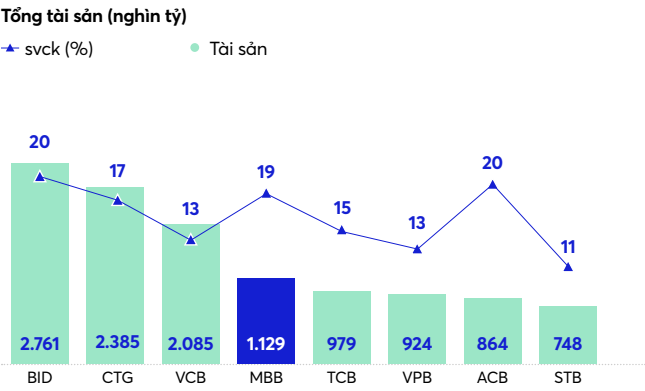
và các đối tác. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của MB luôn được các quỹ và các công ty chứng khoán đánh giá cao không chỉ thể hiện ở tăng trưởng của giá cổ phiếu mà còn được thể hiện qua việc room ngoại của MBB luôn được mua tối đa.

CÁC CHỈ TIÊU VỀ QUY MÔ HOẠT ĐỘNG

Tổng tài sản

Kết thúc năm 2024, tổng tài sản đạt 1.129 nghìn tỷ đứng thứ 4, chỉ sau 3 Ngân hàng TMCP Quốc doanh là BIDV, VietinBank và Vietcombank, với tăng trưởng 19,5% so với năm 2023. Đây là mức tăng cao thứ 3 trong nhóm so sánh, chỉ sau ACB (20,2%) và BIDV (20%).

Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân (CAGR) giai đoạn 2017-2024 đạt 20,1%, là mức tăng trưởng cao thứ hai trong nhóm so sánh sau TCB (20,2%), giúp MB cải thiện 1 bậc từ vị trí Top 5 năm 2017 lên Top 4 về quy mô tổng tài sản.

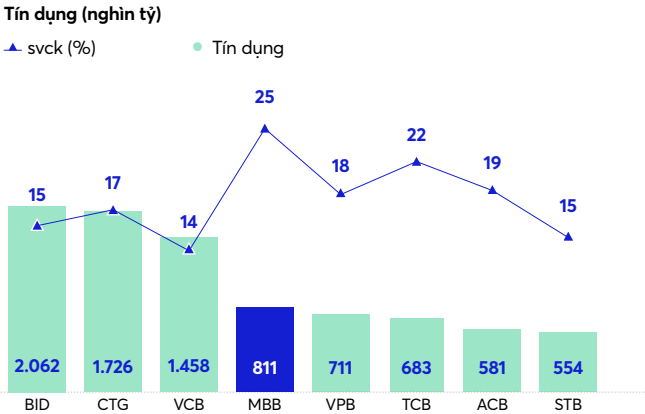


Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN)

Tín dụng năm 2024, bao gồm Dư nợ & TPDN, đạt 811 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 24,5% so với năm 2023, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm, đứng sau là TCB với mức tăng trưởng 21,7%. Đáng chú ý, tỷ lệ cho vay khách hàng cá nhân/ tổng tín dụng tăng từ 32% năm 2017 lên 41% năm 2024 cho thấy xu thế chuyển dịch rõ nét về phía khách hàng cá nhân.

Tính chung giai đoạn 2017-2024, tốc độ tăng trưởng tín dụng lũy kế đạt 23%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 3 bậc từ vị trí Top 7 năm 2017 lên Top 4 về quy mô tín dụng.

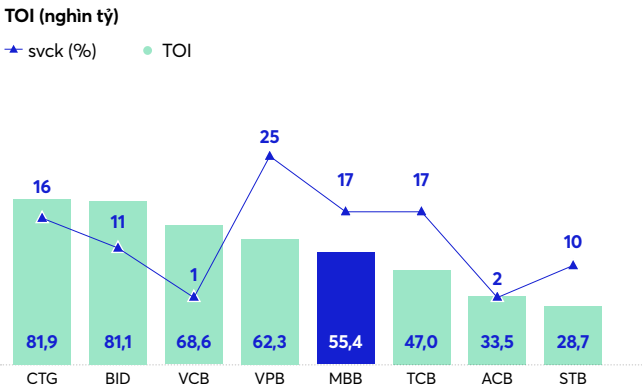


Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tổng thu nhập hoạt động (TOI)

TOI năm 2024 đạt 55,4 nghìn tỷ, đứng thứ 5, tăng trưởng 17,1% so với năm 2023, là mức tăng trưởng cao thứ 3 trong nhóm sau VPB (25,2%), TCB (17,3%). Mặc dù quy mô nhỏ chưa bằng 50% so với các NHTMCP Quốc doanh, nhưng MB đã đạt mức doanh thu gần tiệm cận so với các NHTMCP Quốc doanh.

Giai đoạn 2017-2024, tốc độ tăng trưởng TOI lũy kế đạt 21,9%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 1 bậc từ vị trí Top 6 năm 2017 lên Top 5 về quy mô TOI.

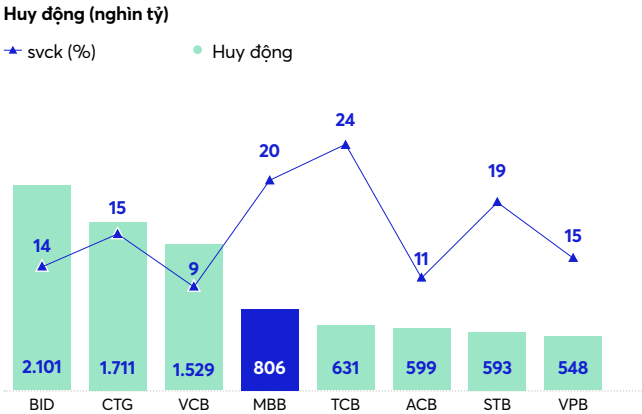


Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Huy động (gồm CCTG)

Huy động năm 2024, bao gồm CCTG, đạt 806 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 20% so với năm 2023, là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong nhóm chỉ sau TCB (24%). Tỷ lệ huy động khách hàng cá nhân/tổng huy động tăng từ 41% năm 2017 lên 50% năm 2024 cho thấy xu thế chuyển dịch huy động về phía khách hàng cá nhân.

Tính chung giai đoạn 2017-2024, tốc độ tăng trưởng huy động lũy kế đạt 20,7%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 2 bậc từ vị trí Top 6 năm 2017 lên vị trí Top 4 về quy mô huy động.



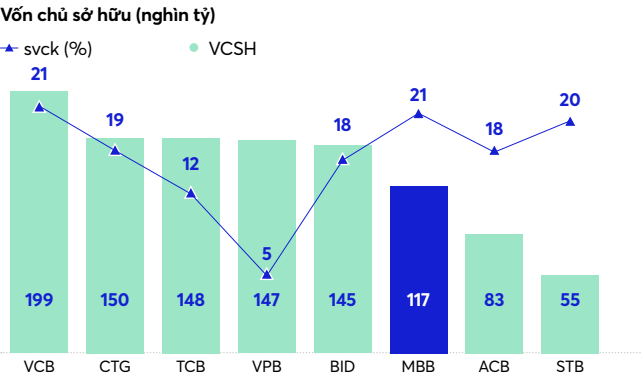
Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Vốn chủ sở hữu

Kết thúc năm 2024, vốn chủ sở hữu đạt 117 nghìn tỷ, đứng thứ 6, tăng trưởng 21% so với năm 2023, là mức tăng cao nhất trong nhóm so sánh, đứng sau là VCB (20,6%). Trong đó, vốn điều lệ đứng thứ 6 giảm 1 bậc so với năm 2017.

Tính chung giai đoạn 2017-2024, tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu lũy kế đạt 21,7% là mức tăng trưởng cao thứ 4 trong nhóm so sánh. MB giảm 1 bậc từ vị trí Top 5 năm 2017 về Top 6 về vốn chủ sở hữu.

Với mức vốn chủ sở hữu đứng ở vị trí thứ 6, nhưng MB đều đạt chỉ tiêu tổng tài sản, dư nợ và huy động, lợi nhuận ở vị trí số 4, trong khi vẫn đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của NHNN và duy trì một vùng đệm an toàn, ví dụ như hệ số an toàn vốn CAR của ngân hàng ở mức >11%. Điều đó cho thấy Ban Lãnh đạo Ngân hàng đã điều hành ngân hàng rất thành công trong năm 2024 cũng như giai đoạn vừa qua.

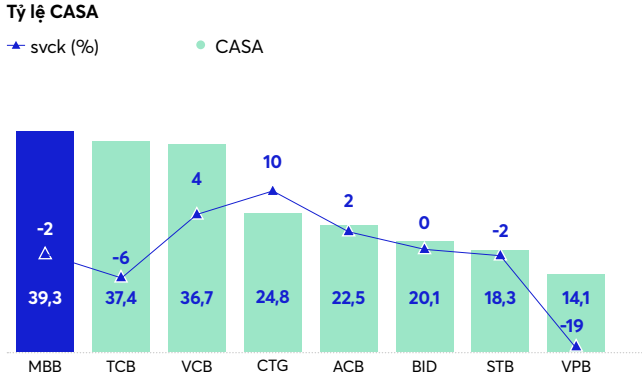


Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

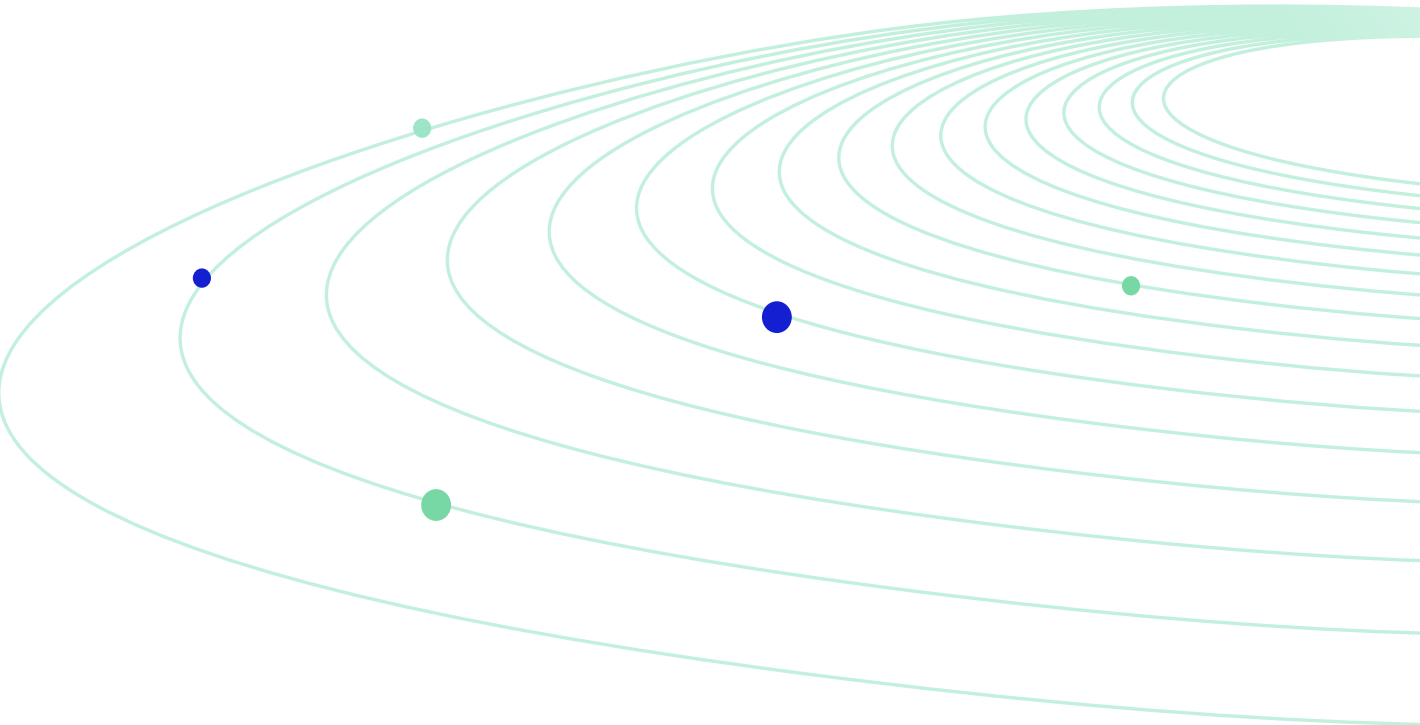
Tiền gửi không kỳ hạn (CASA)

Tỷ lệ CASA kết thúc năm 2024 đạt 39,3%, đứng thứ 1 trong nhóm so sánh. Đây là một lợi thế cạnh tranh đặc biệt của MB và được duy trì từ năm 2017 đến nay.

Ngoài tỷ lệ CASA cao nhất trong cơ cấu nguồn vốn, MB còn đạt kết quả cao về số tuyệt đối đối với chỉ tiêu này. Kết thúc năm 2024, số dư huy động không kỳ hạn của MB đạt 281 nghìn tỷ, trong khi Techcombank, ACB và Sacombank lần lượt đạt 199, 121 và 104 nghìn tỷ.



Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng



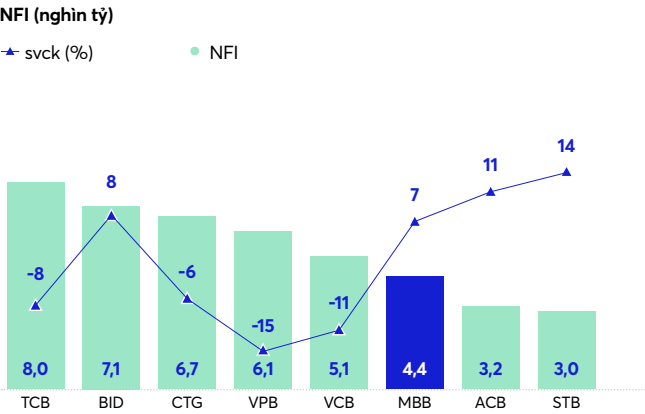


Thu nhập phí thuần (NFI)

NFI năm 2024 đạt 4,4 nghìn tỷ, đứng thứ 6, tăng trưởng 7,1% so với năm 2023, là mức tăng trưởng cao thứ 4 trong nhóm sau STB (14%), ACB (11%), BIDV (8%).

Giai đoạn 2017-2024, tốc độ tăng trưởng NFI lũy kế đạt 21,3%, là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong nhóm so sánh sau VPB (22,7%), giúp MB tăng 2 bậc từ vị trí Top 8 năm 2017 lên Top 6 về quy mô NFI năm 2024.

Mặc dù 3 năm qua, do bối cảnh chung của thị trường về ngân hàng đầu tư và thị trường bảo hiểm trầm lắng, chỉ tiêu NFI của MB tăng chậm lại, nhưng ngân hàng hoàn toàn tin tưởng sẽ lấy lại đà tăng trưởng đối với chỉ tiêu này trong các năm tới, nhờ củng cố các động cơ thu phí truyền thông và bổ sung thêm các động cơ tăng trưởng phí mới như phí từ ngân hàng số, hay phí từ dịch vụ quản lý gia sản.

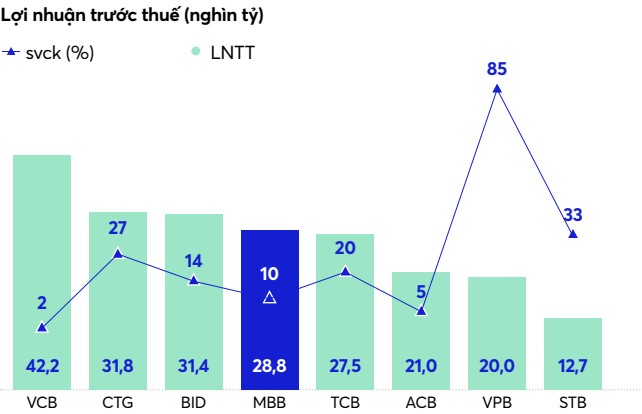


Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đứng thứ 4 đạt 28,8 nghìn tỷ, tăng trưởng 9,6% so với năm 2023, là mức tăng trưởng cao thứ 6 trong nhóm sau VPB (85%), STB (33%), CTG (27%).

Giai đoạn 2017-2024, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế lũy kế (CAGR) đạt 30%, là mức tăng trưởng cao thứ 3 trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 2 bậc từ vị trí Top 6 năm 2017 lên Top 4 về quy mô lợi nhuận trước thuế.



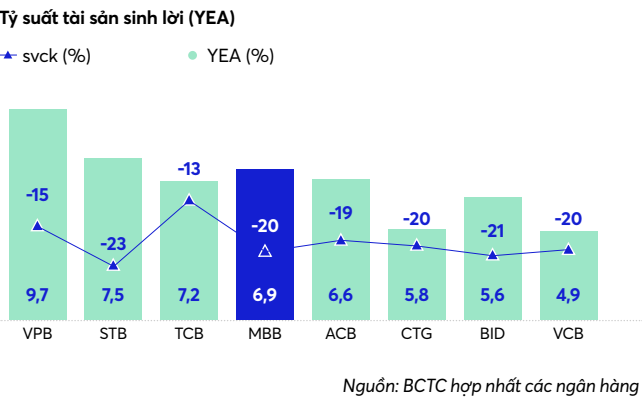
Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

CÁC CHỈ TIÊU VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tỷ suất tài sản sinh lời (YEA)

YEA bình quân năm 2024 đạt 6,9% đứng thứ 4 trong nhóm so sánh, giảm 1,8% so với năm 2023 do MB chia sẻ khó khăn với khách hàng bằng các chương trình giảm lãi suất.

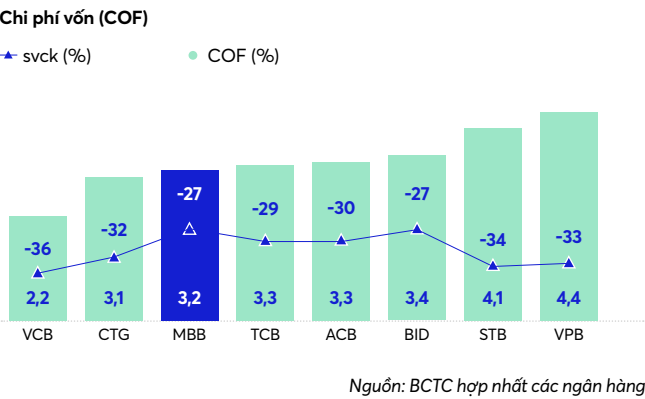
Chỉ tiêu YEA của MB tăng 1 bậc từ vị trí thứ 5 năm 2017 lên thứ 4 năm 2024. Hiện tại, MB vẫn duy trì vị trí trong Top 4 đối với chỉ tiêu này, xếp trên ACB (6,6%) và 3 NHTMCP Quốc doanh.



Chi phí vốn (COF)

MB luôn duy trì lợi thế về chi phí vốn trong Top 3 kể từ năm 2017 đến 2024. Ngoài chiến lược huy động, cơ cấu kỳ hạn thì những nỗ lực tăng trưởng CASA của ngân hàng, đã góp phần làm giảm chi phí vốn.

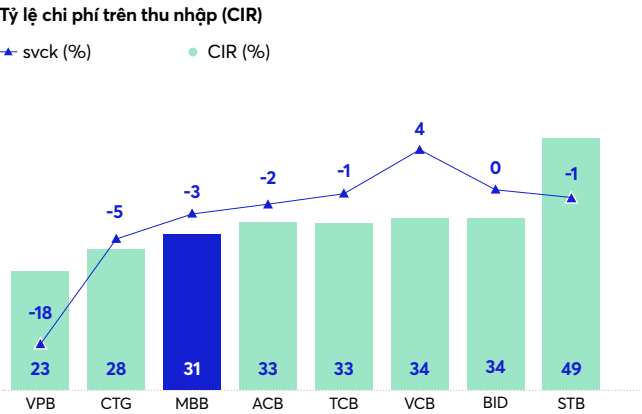
Năm 2024, COF của MB ở mức 3,2%, thấp thứ 3 trong nhóm so sánh, chỉ đứng sau 2 ngân hàng TMCP Quốc doanh là Vietcombank và VietinBank.



Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)

CIR hợp nhất của MB năm 2024 đạt 30,7%, đứng vị trí thấp thứ 3 trong nhóm so sánh chỉ sau VPB (23%) và TCB (28%).

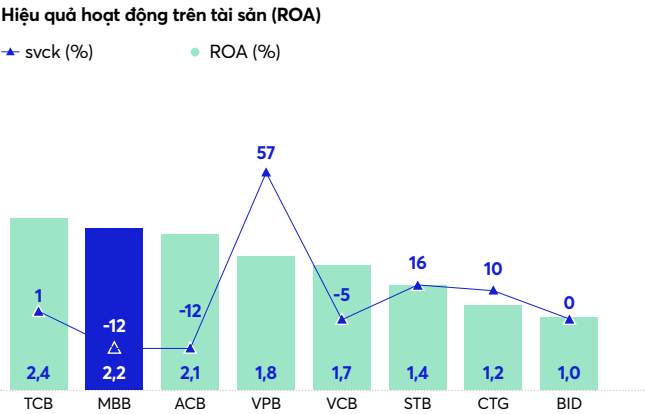
Từ năm 2017 đến 2024, MB đã cải thiện 2 bậc vị trí CIR trên bảng xếp hạng, từ vị trí thứ 5 ở mức 43% lên vị trí Top 3 thấp nhất, cho thấy ngân hàng kiểm soát chi phí hoạt động khá hiệu quả.



Hiệu quả hoạt động trên tài sản (ROA)

ROA năm 2024 đạt 2,2% đứng thứ 2 sau TCB (2,4%). Tính chung giai đoạn 2017-2024, ROA tăng 1 bậc từ vị trí thứ 3 năm 2017 lên thứ 2 năm 2024.

Cùng với 2 ngân hàng bạn là Techcombank và ACB, MB luôn là ngân hàng có hiệu quả hoạt động trên tổng tài sản thuộc nhóm cao nhất thị trường. Bên cạnh khả năng sinh lời của tài sản, chỉ tiêu này còn phản ánh MB luôn duy trì chất lượng tài sản ở mức vượt trội so với thị trường.

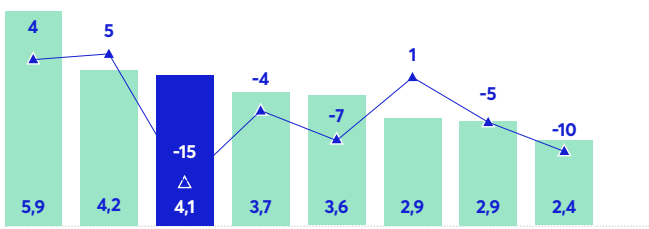


Biên lãi ròng (NIM)

NIM năm 2024 đạt 4,1% đứng thứ 3 trong nhóm so sánh chỉ sau VPB (5,9%) và TCB (4,2%). Từ năm 2017 đến 2024, MB luôn duy trì NIM trong Top 3 cho thấy hiệu quả sinh lời rất ổn định.

Biên lãi ròng (NIM)

▲ svck (%) ● NIM (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

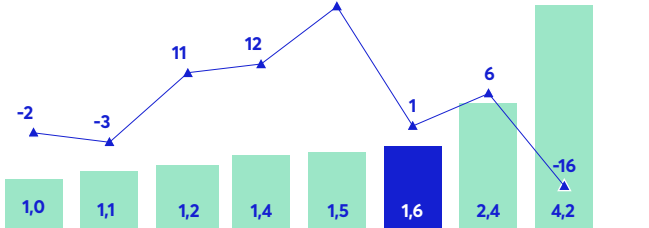
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)

Tỷ lệ nợ xấu kết thúc năm 2024 (NPL) đạt 1,6% xếp thấp thứ 6, đạt mục tiêu dưới 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong bối cảnh kinh tế năm 2024 còn nhiều khó khăn, nợ xấu ngân hàng tăng cao thì đây có thể xem là một thành công của ngân hàng.

Trong nhiều năm qua, MB luôn được đánh giá là ngân hàng đi đầu trong duy trì chất lượng tài sản, khi luôn quản lý NPL ở mức <2%, qua đó, góp phần tăng hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu (NPL)

▲ svck (%) ● NPL (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

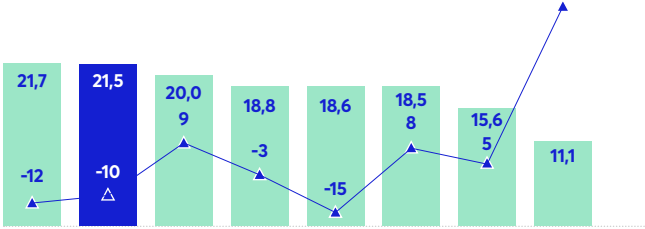
Hiệu quả hoạt động trên vốn chủ sở hữu (ROE)

ROE năm 2024 đạt 21,5% đứng thứ 2 trong nhóm so sánh sau ACB (21,7%) cho thấy hiệu quả hoạt động của MB duy trì trong Top đầu ngành.

Tính chung giai đoạn 2017-2024, ROE của MB tăng 4 bậc từ vị trí thứ 6 lên thứ 2 năm 2024, đánh dấu bước tiến lớn trong hiệu quả hoạt động và lợi nhuận đem lại cho cổ đông.

Hiệu quả hoạt động trên vốn chủ sở hữu (ROE)

▲ svck (%) ● ROE (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LCR)

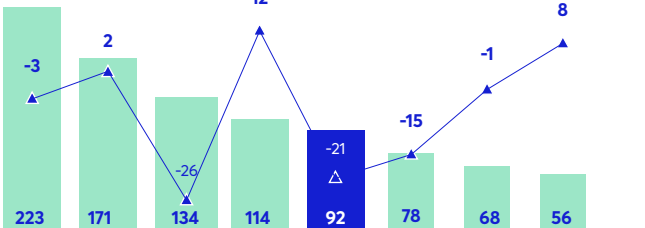
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu năm 2024 (LCR) đạt 92%, cao thứ 5 trong nhóm so sánh. Trong các năm qua, MB luôn tích cực trích lập dự phòng nợ xấu đầy đủ và quản trị tỷ lệ bao phủ nợ xấu cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

5 năm qua, MB luôn duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức >100%. Việc tỷ lệ LCR giảm xuống mức dưới 92% trong năm 2024 không phải là tỷ lệ quá thấp vì mỗi 100 đồng nợ xấu, ngân hàng có 92 đồng dự phòng và trong 100 đồng nợ xấu đó, ngân hàng còn có khả năng thu hồi hay xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi.

Hơn nữa, tỷ lệ LCR <100 trong năm 2024 có thể chỉ là tạm thời, chúng tôi tin tưởng tỷ lệ này sẽ trở lại mức >100% trong năm 2025, để tạo khả năng phòng vệ chắc chắn theo triết lý lãnh đạo cũng như khẩu vị rủi ro của ngân hàng.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LCR)

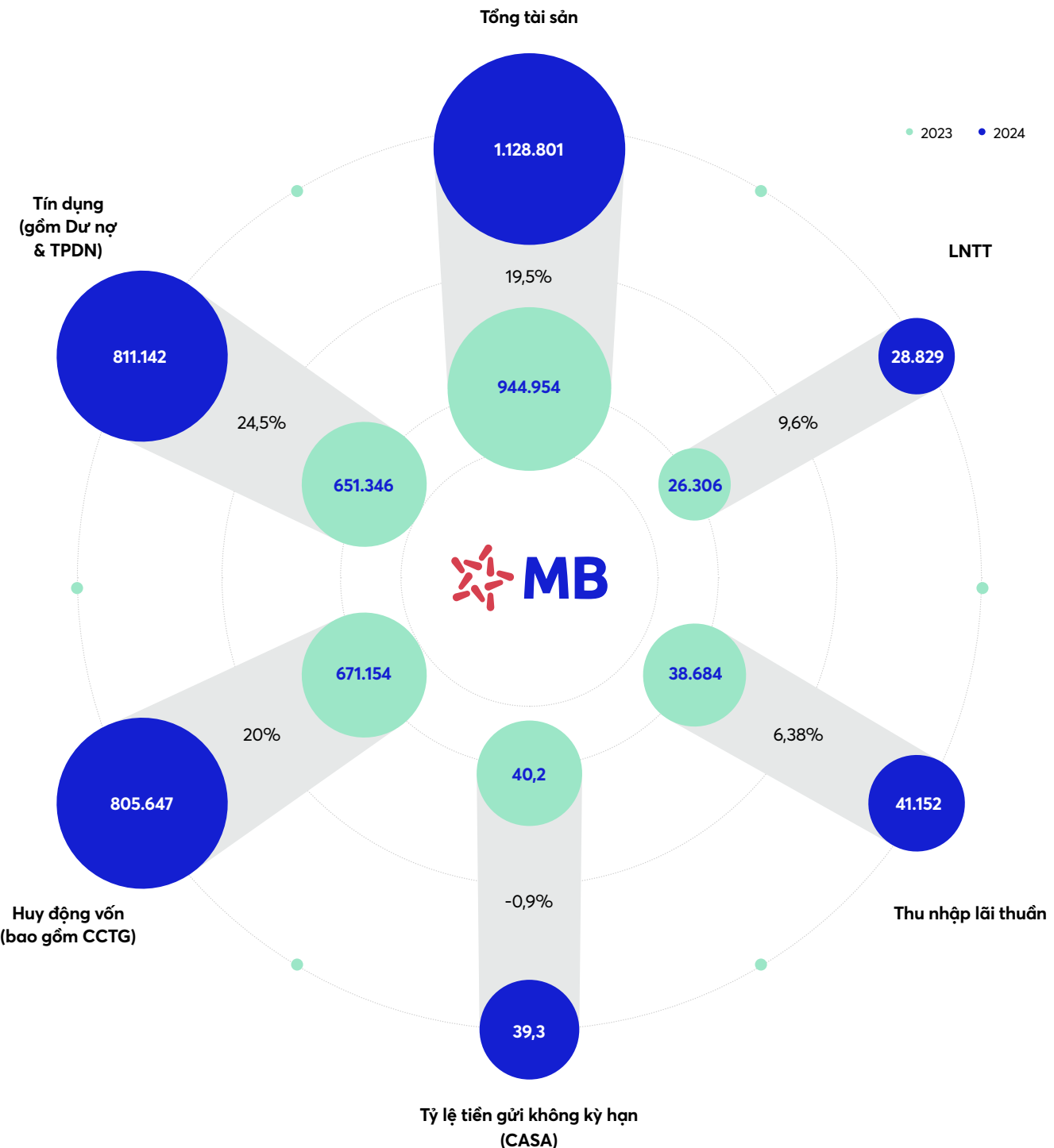
▲ svck (%) ● LCR (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Các tiến bộ MB đã đạt được trong năm 2024

Năm 2024, các chỉ tiêu quy mô và chỉ tiêu kinh doanh của ngân hàng đều hoàn thành hoặc vượt kế hoạch đặt ra cũng như so sánh với năm 2023. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) mặc dù năm 2024 giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức cao đứng Top đầu thị trường. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, từ con số 5 triệu khách hàng trong 25 năm đầu tiên thành lập, số lượng khách hàng của MB đã tăng vọt lên 26,1 triệu trong năm 2023 và 30,2 triệu khách hàng trong năm 2024 tương đương hơn 30% dân số Việt Nam. Bên cạnh đó MB tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng và hoàn thiện tính năng công nghệ, mang lại mức độ hài lòng cao hơn trong trải nghiệm của khách hàng.



Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đạt được những thành công trên là nhờ việc triển khai hiệu quả công tác điều hành hoạt động kinh doanh và thực thi các chính sách, chiến lược của ngân hàng như:

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Tăng tốc mô hình kinh doanh nền tảng

Với tầm nhìn “Trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu”, MB dẫn đầu thị trường về quy mô khách hàng, với ~90% khách hàng sử dụng nền tảng số, ~98,6% giao dịch của MB được thực hiện trên kênh số. Năm 2024, MB thu hút hơn 4 triệu tài khoản trên App MBBank; 54.000 tài khoản mới trên BIZ MBBank và mở rộng liên lết với hơn 490 đối tác mới trên nền tảng BaaS. Tổng doanh thu từ kênh số của MB đạt khoảng 13.827 tỷ đồng, tăng trưởng 52% so với năm 2023, chiếm 31% tổng doanh thu ngân hàng.

MB là ngân hàng tiên phong chuyển mình từ một ứng dụng mobile banking truyền thống sang một siêu ứng dụng (super app) đa tiện ích. MB chuyển dịch gần 200 sản phẩm số lên App MBBank cho cá nhân và BIZ MBBank cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu “all-in-one”, bao gồm tài chính và phi tài chính của khách hàng. Ngân hàng đã khẳng định vị thế dẫn đầu trong cuộc đua chuyển đổi số ngành ngân hàng với các sản phẩm nổi bật như: triển khai phương thức thanh toán mobile payment toàn diện đầu tiên (Apple Pay, Google Pay, Garmin Pay); phần mềm quản lý bán hàng mSeller; gói hội viên MB với các combo tiện ích và ưu đãi dành riêng cho hội viên sử dụng; hệ sinh thái số toàn diện với 63 Mini App đáp ứng mọi nhu cầu phi tài chính của khách hàng. MB cũng là ngân hàng mang đến nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng

xác thực sinh trắc học (NFC) trực tuyến nhất thị trường như “Sinh trắc có hội”, kết nối với tài khoản VNeID,... với kết quả hơn ~95% khách hàng đang hoạt động (khách hàng active) hoàn thành NFC.

MB cũng là ngân hàng đầu tiên đưa các sản phẩm vay lên kênh số, đặc biệt là các sản phẩm phê duyệt trước (pre-approved) và các giải pháp phê duyệt hạn mức tín dụng, giải ngân online trên nền tảng. Theo đó, dư nợ kênh số tăng hơn 95% so với năm 2023; Tỷ lệ phê duyệt tự động cho khách hàng cá nhân (KHCHN) đạt 82%, ~81% phương án vay SXKD được giải ngân qua App MBBank. Đối với khách hàng doanh nghiệp, ~70% phương án vay của khách hàng Micro SME được phê duyệt qua BIZ MBBank và 25% phương án được giải ngân tự động.

Để hiện thực hóa mục tiêu đạt tốc độ đưa sản phẩm nhanh nhất thị trường, MB tiên phong áp dụng thử nghiệm sản phẩm, tính năng số mới trong phạm vi cơ chế sandbox – môi trường thử nghiệm có kiểm soát. Cơ chế này cho phép MB thử nghiệm quy mô nhỏ, đồng thời liên tục đo lường phản ứng của khách hàng để cải tiến và hoàn thiện sản phẩm. Qua đó, ngân hàng có thể kiểm soát chất lượng, tối ưu hóa trải nghiệm và nâng cao hiệu quả sản phẩm trước khi triển khai diện rộng.

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất

MB đã hoàn thành xây dựng và đồng bộ toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế (DC – DR đạt cấp độ 3 tiêu chuẩn quốc tế TIA-942). Đồng thời, làm chủ hệ thống quản trị lõi T24, Way 4, Oracle GL và hiện đại hóa hệ thống thanh toán nội bộ, xây dựng nền tảng thanh toán tập trung (payment platform). MB giúp khách hàng thực hiện 6,2 tỷ giao dịch trên kênh số. Trong đó, riêng App MBBank có thời điểm ghi nhận 20 triệu giao dịch/ngày, với hệ thống ổn định, an toàn, bảo mật; tỷ lệ giao dịch thành công đạt 99,97%.

Để xây dựng hạ tầng công nghệ hiện đại và ổn định nhằm đáp ứng trải nghiệm vượt trội cho hơn 30 triệu khách hàng, MB đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống công nghệ thông tin với con số xấp xỉ 50 triệu USD/năm, phân bổ vào 3 lĩnh vực chính: Xây dựng hạ tầng công nghệ, đào tạo nhân lực và triển khai các dự án tự động hóa với 2.500 nhân sự công nghệ thông tin, chiếm hơn 15% tổng nhân sự. Các công nghệ tiên tiến như RPA, Mbot, AI, Machine Learning, Deep Learning được MB nghiên cứu và ứng dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động chăm sóc, tư vấn khách hàng

(như chatbot, callbot, công cụ CRM cho lực lượng bán hàng) và gia tăng tốc độ, sự chính xác trong thực thi quy trình (như hệ thống OCR Center trích xuất dữ liệu tự động từ các văn bản, hồ sơ khách hàng.

Song hành với đổi mới công nghệ, MB còn ứng dụng mạnh mẽ mô hình và phân tích dữ liệu vào việc thiết kế chính sách, đồng hành, thúc đẩy kinh doanh và nhận diện sớm rủi ro. Ứng dụng mô hình tăng nhận diện sớm và cảnh báo rủi ro, tỷ lệ nợ xấu tập đoàn đạt 1,6%, thấp hơn so với mức bình quân ngành ngân hàng. MB cũng chú trọng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng thông qua áp dụng công nghệ tiên tiến, bảo mật đa lớp. Năm 2024, MB ra mắt giải pháp bảo vệ đa lớp App Protection trên App MBBank, giúp phát hiện phần mềm độc hại, cảnh báo khách hàng ngay khi thiết bị có nguy cơ và ngăn chặn rủi ro lừa đảo. Đặc biệt, hệ thống cảnh báo chủ động được MB tích hợp từ dữ liệu của Cục An ninh phòng, chống tội phạm công nghệ cao (A05), giúp phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn kịp thời các dấu hiệu giả mạo, gian lận hoặc lừa đảo trong các giao dịch chuyển tiền, thanh toán và cấp tín dụng.

Củng cố hoạt động quản trị và văn hóa MB1688

MB tập trung củng cố văn hóa doanh nghiệp số, thay đổi tư duy và cách thức làm việc trong tổ chức một cách sâu rộng, bám sát mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022-2026 với phương pháp MB1688. Là sự đúc rút kinh nghiệm của quá trình phát triển 30 năm kết hợp với những bài học từ các doanh nghiệp số, tổ chức số hàng đầu trên thế giới, MB1688 bao gồm 1 tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp số - tập đoàn tài chính dẫn đầu”, củng cố 6 giá trị văn hóa cốt lõi Đoàn kết – Kỷ luật – Tận Tâm – Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả, xác định 8 định hướng chiến lược định hình MB tới năm 2030, và triển khai 8 phương

pháp làm việc của người MB trong toàn tổ chức. Chú trọng tìm kiếm và sử dụng nhân sự chất lượng cao, am hiểu sâu sắc về công nghệ, chuyên môn ngân hàng và có khả năng sáng tạo, đổi mới. Ứng dụng các phương pháp Agile và Design Thinking sâu rộng trên toàn tập đoàn, giúp tăng cường khả năng linh hoạt, sáng tạo và cải tiến liên tục trong mọi hoạt động. Những yếu tố này tạo dựng một MB luôn dẫn đầu trong việc ứng dụng công nghệ, cải tiến quy trình, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và phát triển một văn hóa tổ chức hiện đại, thích ứng nhanh với những thay đổi trong môi trường kinh doanh số.

Quản trị rủi ro



Ứng dụng công nghệ và mô hình tăng nhận diện, phát hiện gian lận chủ động và cảnh báo sớm theo tiêu chuẩn thông lệ quốc tế thông qua các dự án FCRM, Basel 3, ICAAP (Lợi nhuận trên vốn có điều chỉnh rủi ro - RAROC), ESG. Triển

khai phân tích dữ liệu để xây dựng Chiến lược miễn giảm lãi/Cơ cấu nợ chủ động, tăng kênh tương tác với khách hàng và phương thức thu hồi nợ dựa trên nền tảng số và dữ liệu bên thứ ba.

Nhân sự - con người



Nhờ các chính sách nhân sự toàn diện và chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững, MB đã trở thành một trong những môi trường làm việc lý tưởng nhất trong ngành ngân hàng tại Việt Nam. Minh chứng cho những nỗ lực

này, MB đã nhận được hai giải thưởng: Doanh nghiệp có môi trường làm việc bền vững do HR Asia trao tặng và Doanh nghiệp có nguồn nhân lực hạnh phúc từ Anphabe.

Triển khai các dự án và sáng kiến



Triển khai các sáng kiến - dự án nhà máy số, dự án nền tảng đúng tiến độ. Tích hợp toàn diện ESG vào Chiến lược MB và hoàn thành xây dựng Khung tín dụng xanh,

đánh giá khoảng cách và xây dựng lộ trình dữ liệu ESG, dư nợ tín dụng xanh chiếm ~8,5% tín dụng toàn hàng.

Hoạt động cộng đồng



Với phương châm “có trách nhiệm với xã hội”, năm qua, Tập đoàn đã đóng góp cho ngân sách Nhà nước hơn 8,6 nghìn tỷ đồng và 7,2 nghìn tỷ đồng với riêng ngân hàng MB, triển khai hơn 111 chương trình an sinh xã hội với tổng kinh phí gần 400 tỷ đồng. Chiến dịch HiGreen mùa 2 với chủ đề “Trường Sa xanh” vượt mục tiêu 30 vạn km sớm 25 ngày so với kế hoạch.

3,6 triệu km được ghi nhận, với 52.136 vận động viên tham gia chạy bộ, cùng 100.000 cây xanh cho quần đảo Trường Sa. Chưa đầy 2 năm, chiến dịch HiGreen đã trở thành nét văn hóa được đón nhận nồng nhiệt không chỉ trong cộng đồng MB mà còn lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng xã hội.

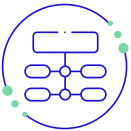
Năng lực vận hành



MB thuộc nhóm dẫn đầu về hiệu suất vận hành so với các ngân hàng truyền thống. Tự động hóa giao dịch tiền mặt, tăng trải nghiệm khách hàng thông qua số hóa đặt lịch & xếp hàng qua App MBBank, giúp giảm 35% thời gian xử lý và tiết kiệm chi phí in ấn, góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải của ngân hàng. Tối ưu

nguồn lực hoạt động vận hành nhờ ứng dụng công nghệ AI: (i) AI Search trả lời yêu cầu của khách hàng, tỷ lệ chính xác ~86%. (ii) Tính năng gọi miễn phí App to Call, giảm rủi ro KYC sai khi khách hàng gọi điện lên tổng đài, tăng mức độ hài lòng của khách hàng đạt 90,3 điểm (2023: 87,7 điểm).

Hệ thống mạng lưới



Hệ thống kênh tự phục vụ hoạt động 24/7, tự động thông minh, an toàn, thuận tiện với 100 MB SmartBank và 478 máy

nộp và rút tiền tự động (CRM), tăng 49 máy so với năm 2023.

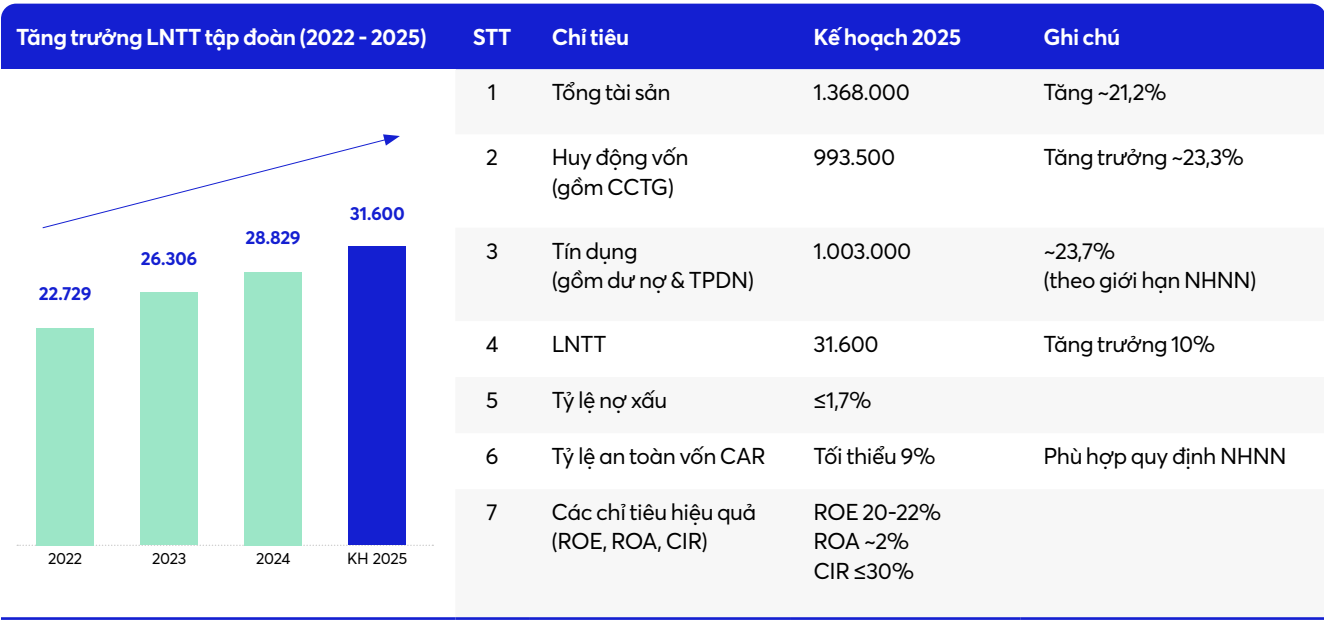


Kế hoạch phát triển MB trong năm 2025

Năm 2024, MB không chỉ duy trì đà tăng trưởng ổn định mà còn vượt kế hoạch ở nhiều chỉ tiêu quan trọng. Với tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp số - tập đoàn tài chính dẫn đầu”, MB luôn củng cố 6 giá trị văn hóa cốt lõi Đoàn kết – Kỷ luật – Tận Tâm – Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả, xác định 8 định hướng chiến lược định hình MB tới năm 2030, và triển khai 8 phương pháp làm việc của người MB trong toàn tổ chức.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2025

Đơn vị: Tỷ đồng



MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ ĐẠO TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2025



Tình hình tài chính

Năm 2024 đánh dấu cột mốc 30 năm hình thành và phát triển của MB – một hành trình khẳng định bản lĩnh tiên phong, năng lực thích ứng và khả năng bứt phá trong một môi trường tài chính – kinh tế không ngừng biến động. Với sự thay đổi nhanh chóng trong hành vi khách hàng, sự mở rộng của hệ sinh thái tài chính – công nghệ, và áp lực cạnh tranh không chỉ từ các ngân hàng truyền thống mà còn từ các nền tảng Fintech và doanh nghiệp số, MB phải liên tục đổi mới mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị để có thể ghi dấu ấn bằng những kết quả nổi bật trong năm 2024.

Tài sản Nợ của ngân hàng

CON SỐ NỔI BẬT

HUY ĐỘNG CASA

281.000 TỶ ĐỒNG

23 % SO VỚI 2023

HUY ĐỘNG VỐN (GỒM CCTG)

805.674 TỶ ĐỒNG

20 % SO VỚI 2023

MB DUY TRÌ VỊ THẾ

Top 1

TỶ LỆ CASA/HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG

Với việc nguồn vốn tiếp tục giữ được đà tăng trưởng tốt và duy trì được chi phí vốn thấp, MB luôn có lợi thế cạnh tranh so với các ngân hàng bạn, có nguồn lực mạnh để thực hiện các chương trình giảm lãi, phí hỗ trợ khách hàng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản Có của ngân hàng

CON SỐ NỔI BẬT

DƯ NỢ CHO VAY NGÂN HÀNG GẦN

777.000 TỶ ĐỒNG

27 % SO VỚI 2023

Tổng dư nợ tín dụng trong năm 2024 của MB tăng trưởng tốt, vượt so mức tăng trưởng tín dụng 15,08% của ngành. MB đã lựa chọn chiến lược khôn ngoan khi tập trung vào các khách hàng lớn, đủ tiềm lực tài chính, sức cạnh tranh để vượt

TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG (GỒM DƯ NỢ & TPDN)

811.142 TỶ ĐỒNG

24,5 % SO VỚI 2023

qua các khó khăn, cùng với việc khai thác khách hàng theo hệ sinh thái. Lựa chọn này của Ban điều hành đã giúp MB tăng trưởng tín dụng tốt, đặc biệt, phân khúc KHDN tăng trưởng dư nợ cho vay đạt 36%, chiếm tỷ trọng tới 57%.

Tình hình quản lý tài chính của ngân hàng

CON SỐ NỔI BẬT

CAR RIÊNG LẺ

11,7%

2,7 %

SO VỚI MỨC YÊU CẦU CỦA NHNN LÀ 9%

CAR HỢP NHẤT

11,8%

2,8 %

TỶ LỆ NỢ XẤU (NGÂN HÀNG)

1,4%

0,04 %

SO VỚI 2023

TỶ LỆ NỢ XẤU (TẬP ĐOÀN)

1,6%

KHÔNG ĐỔI SO VỚI 2023

MB có tỷ lệ an toàn vốn CAR (Basel II) luôn được kiểm soát ở mức cao hơn so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Năm 2024, CAR hợp nhất đạt 11,8% vượt kế hoạch đề ra. Phần lớn cơ sở vốn là cấp 1 (chiếm 86% vốn tự có), do đó ngân hàng duy trì dư địa lớn để huy động vốn cấp 2 khi cần thiết. Những yếu tố này tạo sự chủ động và hỗ trợ tích cực cho chiến lược vốn của ngân hàng. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ ở ngưỡng 1,6%, hầu như không đổi so với năm 2023 trong bối cảnh nợ xấu toàn ngành ngân hàng ở mức cao, và hoàn thành kết hoạch ĐHĐCĐ giao ở mức dưới 2%.

Đánh giá của Ban Điều hành về tình hình tài chính riêng của MB

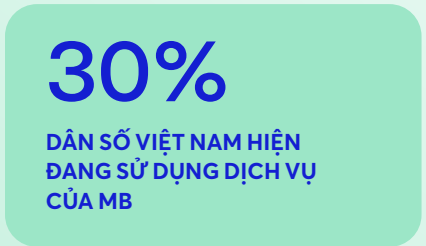
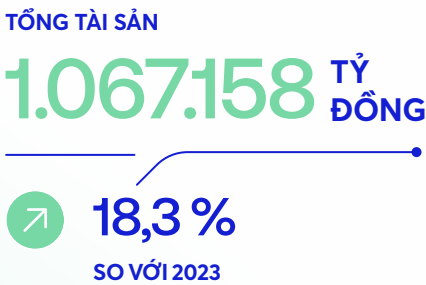
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA RIÊNG NGÂN HÀNG MB NĂM 2024

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ 2024	So với 2023
A Quy mô			
1	Tổng tài sản	1.067.158	118,3%
2	Tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN)	766.025	124,3%
3	Huy động vốn (gồm CCTG)	799.579	119,4%
4	CASA	282.126	123,4%
5	Tổng ĐGD đi vào hoạt động	321	+ 13 ĐGD
6	SmartBank	100	+ 32 SmartBank
B Thu nhập - chi phí			
1	Doanh thu thuần	47.295	121,0%
	Thu thuần lãi	34.302	107,4%
	Thu thuần ngoài lãi	10.819	191,4%
2	LNTT	27.639	112,0%

Dữ liệu BCTC của MB 2024

CHỈ TIÊU QUY MÔ



Tổng tài sản: 1.067.158 tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2023, hoàn thành 102,4% kế hoạch.

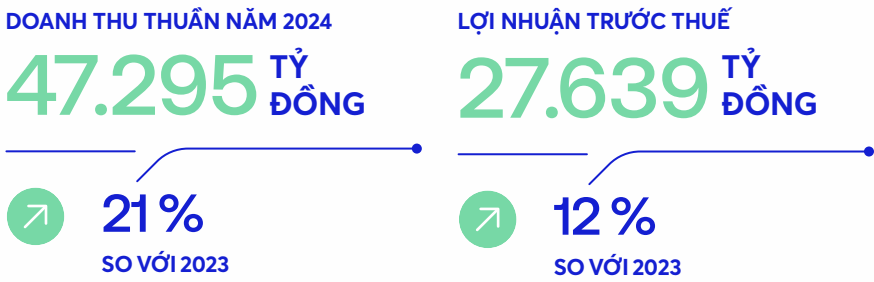
Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng ngân hàng đáp ứng kế hoạch (CAR đạt 11,7% cao hơn 3,7% so với mức yêu cầu của NHNN là 8%). Trong năm 2024, MB đã phát hành thành công trái phiếu tăng vốn cấp 2 với tổng quy mô 9.405,6 tỷ đồng, trong đó, chào bán trái phiếu riêng lẻ đạt quy mô 6.751 tỷ đồng và lần đầu thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng đạt 2.654,6 tỷ đồng, góp phần cải thiện tỷ lệ an toàn vốn CAR.

Hoạt động tín dụng: MB đã tổ chức điều hành tăng trưởng tín dụng theo giới hạn được NHNN phê duyệt. Tổng dư tín dụng trong nước bao gồm TPDN và mua nợ đạt 766.025 tỷ đồng, tăng ~24,3% so với 2023, tận dụng tối đa hạn mức tín dụng được cấp và hoàn thành 103,6% kế hoạch năm 2024.

Hoạt động huy động vốn: điều hành tăng trưởng phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn. Huy động vốn (gồm CCTG) thời điểm 31/12/2024 đạt 799.579 tỷ đồng, tăng 19,4% so với 31/12/2023, hoàn thành 103,4% kế hoạch. Quy mô tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 282.126 tỷ đồng tại 31/12/2024, tỷ lệ CASA tính trên tiền gửi khách hàng ~39,5% - giữ vị trí Top đầu trong hệ thống ngân hàng thương mại. Tỷ lệ LDR tại thời điểm cuối năm 2024 ~81,1%, nằm trong giới hạn quy định của NHNN.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, từ con số 5 triệu khách hàng trong 25 năm đầu tiên, số lượng khách hàng của MB đã tăng vọt lên 26,1 triệu trong năm 2023 và 30,2 triệu khách hàng trong năm 2024 tương đương hơn 30% dân số Việt Nam. Bên cạnh đó MB tiếp tục mở rộng và hoàn thiện tính năng trên BIZ MBBank mang lại trải nghiệm cho KHDN.

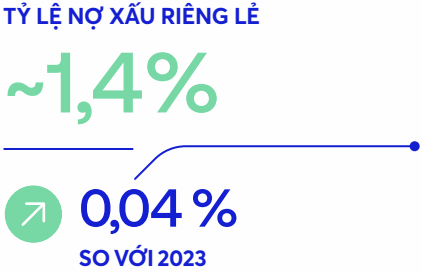
CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH



Doanh thu thuần năm 2024 đạt 47.295 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2023 và hoàn thành ~102,3% kế hoạch. Kiểm soát và điều hành chi phí ở các đơn vị phù hợp với thực tế kinh doanh. Áp dụng nhiều giải pháp quản trị chi phí chặt chẽ, ưu tiên chi phí thu hút khách hàng, đầu tư công nghệ thông tin và phát triển kinh doanh tạo ra doanh thu trực tiếp. Chỉ số chi phí hoạt động trên doanh thu thuần (CIR) đạt 27,8% tiếp tục tối ưu giảm thêm 1,3% so với năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt 27.639 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2023. Biên lợi nhuận ròng (NIM) thu hẹp 0,6% so với năm 2023 để hỗ trợ khách hàng, doanh nghiệp theo định hướng giảm lãi suất cho vay của Chính phủ, NHNN.

CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ



Chất lượng nợ: Kết thúc năm 2024, tỷ lệ nợ xấu (gồm trái phiếu doanh nghiệp) ~1,4%, tăng 0,04% so với năm 2023 và thấp hơn mức kế hoạch 2024 ($\leq 1,5\%$). So với toàn ngành thì MB tiếp tục giữ tỉ lệ nợ xấu thấp nhờ tích cực kiểm soát chất lượng tín dụng và tăng trưởng tín dụng có chất lượng.

Các chỉ tiêu hiệu quả: Do ảnh hưởng tình hình kinh tế chung và chất lượng nợ, các chỉ tiêu hiệu quả của MB chưa duy trì được như năm 2023: ROE ~22,63% (2023: 24,60%), ROA ~ 2,25% (2023: 2,49%). Tuy vậy, MB vẫn duy trì nhóm đầu hệ thống.

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng

Tham chiếu tại Phần 7 - Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của MB - Tại mục Ý kiến của kiểm toán viên.

Trách nhiệm về môi trường và xã hội

Trên hành trình 30 năm xây dựng và phát triển, MB luôn tiên phong tích hợp các yếu tố Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (G) trong triển khai các mục tiêu dài hạn của tập đoàn, MB xác định phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là cam kết xuyên suốt trong chiến lược kinh doanh.

Kiên định với tầm nhìn trở thành "Doanh nghiệp số - Tập đoàn tài chính dẫn đầu" ngân hàng chú trọng thực hiện cam kết về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và nỗ lực đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội thông qua nhiều chương trình thiết thực và có ý nghĩa.

Chi tiết báo cáo đánh giá về các nội dung trách nhiệm môi trường và xã hội được trình bày tại Phần 5 - Báo cáo phát triển bền vững.



4

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ngân hàng

136 Tình hình hoạt động của Ngân hàng

144 Hoạt động của Ban Điều hành

145 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

Tình hình hoạt động của ngân hàng



ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Kinh tế toàn cầu nhìn chung tăng trưởng ổn định nhưng chưa có nhiều khởi sắc trong năm 2024 do ảnh hưởng từ các xung đột địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông; tốc độ tăng GDP toàn cầu đạt 3,2% (giảm nhẹ so với 3,3% của 2023), áp lực lạm phát giảm dần, thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng các điều kiện, thị trường lao động được phục hồi. Kinh tế Việt Nam tiếp tục xu hướng tích cực, tăng trưởng GDP đạt 7,09% so với 2023, CPI bình quân tăng 3,63%, lạm phát ở mức 2,71% - đạt mục tiêu Quốc hội giao. Năm 2024, tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng 15,08%, huy động vốn tăng 19,4%.

Năm 2024, Quốc hội thông qua nhiều đạo luật quan trọng có tác động tới thị trường; theo đó, Chính phủ thực hiện nhiều chủ trương và chính sách để tổ chức triển khai

các quy định mới; Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các ngân hàng cạnh tranh chuyển đổi số, thu hút khách hàng và mở rộng thị phần kinh doanh.

Thông qua Kế hoạch năm 2024 của Tập đoàn, MB và các Công ty thành viên bám sát các định hướng chiến lược (mục tiêu **"Top 3 về hiệu quả"**, phương châm **"Tăng trưởng an toàn, bền vững"**) và nghị quyết ĐHĐCĐ 2024; định hướng/chỉ đạo tổ chức triển khai theo các Kịch bản kế hoạch phù hợp diễn biến thị trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh MB an toàn, hiệu quả; giám sát, đánh giá triển khai Kế hoạch hàng quý.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA NGÂN HÀNG

Dưới sự lãnh đạo của HĐQT, MB có những bước phát triển ổn định, kiên định với tầm nhìn **"Trở thành Doanh nghiệp số, tập đoàn tài chính dẫn đầu"**; bám sát mục tiêu định vị Top 3 các chỉ số về hiệu quả và an toàn; các chỉ tiêu quy mô và LNTT phấn đấu cao hơn bình quân ngành.

Năm 2024, MB đạt được một số kết quả cụ thể:

Hoạt động kinh doanh

MB duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, an toàn với các chỉ tiêu trọng tâm đạt và vượt mức mục tiêu tăng trưởng năm 2024 được ĐHĐCĐ giao: Tổng tài sản (TTS) đạt mốc hơn 1 triệu tỷ đồng, Top 5 về quy mô; Tăng trưởng tín dụng và Tỷ lệ CASA Top 1 thị trường; Nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ; Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt Top 4. MB là Ngân hàng tiên phong trong triển khai ESG toàn diện: xây dựng và ban hành các chính sách, sản phẩm tài chính bền vững, khung tín dụng xanh; năm 2024, dư nợ tín dụng xanh chiếm 8,5% tín dụng toàn hệ thống MB.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VÀ TỶ LỆ CASA

➔ **Top 1** **THỊ TRƯỜNG**

➔ **Top 5** **VỀ QUY MÔ**

➔ **Top 4** **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Đầu tư năng lực số, ngân hàng kinh doanh nền tảng, sáng tạo các giá trị mới phục vụ khách hàng

MB không ngừng nghiên cứu, cải tiến các quy trình hướng đến tăng tỷ lệ tự động hóa và cải thiện thời gian xử lý; đầu tư, tự chủ được các hệ thống, nền tảng công nghệ tiên tiến (tự phát triển hơn 1.335 API - vượt mục tiêu chiến lược; khai thác và ứng dụng AI trong các nhóm công việc về tư vấn, rà soát, thẩm định... đạt tỷ lệ chính xác 90% - 95%, 50% giao dịch tại Contact Center được xử lý bằng Callbot/Chatbot...), đáp ứng quy mô phục vụ đến 40 triệu khách hàng (KH) đảm bảo chất lượng trải nghiệm, an toàn và bảo mật. MB triển khai 2 hệ sinh thái Wealth Management và Landstock, tham gia các hệ sinh thái khác thông qua các mini apps trên App MBBank như: Thương mại điện tử (Sendo, Flash Sale,...), Viễn thông (Megatek, IRIS,...), Thanh toán (VETC,...), Giáo dục (Tiếng Anh ELSA),...; góp phần giúp tăng tỷ lệ đóng góp của kênh số 36% Doanh thu MB (năm 2023: 25%) với tỷ lệ giao dịch kênh số của KH ~ 98,6% (năm 2023: 96,7%).



Củng cố hoạt động quản trị và văn hóa doanh nghiệp, tăng cường quản trị tập đoàn để tạo ra hợp lực tăng trưởng mạnh mẽ

Xây dựng và triển khai MB1688 toàn tập đoàn tạo nền tảng xây dựng văn hóa doanh nghiệp số, chuyển đổi tư duy số trong toàn tổ chức; các CBNV MB được củng cố hiểu biết về Chiến lược, giá trị cốt lõi, phương pháp làm việc mới thông qua các hoạt động chia sẻ, học tập, phân tích các ứng dụng điển hình. Hội đồng điều phối Tập đoàn (GCC) được HĐQT thành lập và tổ chức điều hành từ năm 2024, hỗ trợ phát hiện các vấn đề trọng yếu, điều phối, thúc đẩy triển khai các giải pháp đối với Tập đoàn (Ngân hàng, các CTTV). MB hiện là Tập đoàn duy nhất tại Việt Nam đáp ứng đầy đủ các nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư, bảo hiểm và tài chính tiêu dùng; các CTTV được quản lý theo các tiêu chuẩn cao, ứng dụng các mô hình quản trị - điều hành tiên tiến, thống nhất. Năm 2024, tổng doanh thu các CTTV đạt 22.658 tỷ đồng (tăng 9% so với 2023); Tổng LNTT các CTTV đạt 2.135 tỷ đồng (tăng 4,3% so với 2023).

Chính thức nhận chuyển giao OceanBank, bước khởi đầu thành công trong triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ (các năm 2022, 2023, 2024)

MB được Chính phủ phê duyệt Phương án Chuyển giao bắt buộc (PA CGBB) và NHNN quyết định chính thức việc nhận chuyển giao Ngân hàng TNHH một thành viên Đại dương (OceanBank) ngày 17/10/2024, công tác tiếp nhận CGBB và tổ chức hoạt động sau CGBB an toàn, phù hợp quy định và định hướng của Chính phủ. Ngày 05/12/2024, Oceanbank được đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV) và chính thức ra mắt thương hiệu mới ngày 01/03/2025.

Nâng cao năng lực QTRR, tuân thủ các quy định pháp luật, NHNN

HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro định hướng, giám sát hoạt động quản lý rủi ro của MB, đảm bảo các giới hạn an toàn, tiên phong ứng dụng các tiêu chuẩn QTRR tiên tiến. MB đã triển khai các công tác chuẩn bị và tiến tới là một trong những ngân hàng đầu tiên đáp ứng tiêu chuẩn Basel III. Các cấp (HĐQT, BKS, BDH, các cơ quan, khối nghiệp vụ, CTTV...) tổ chức rà soát các quy định của Luật các TCTD 2024 và Điều lệ 2024 của MB trong hoạt động ngân hàng và điều chỉnh/ban hành mới các quy chế quản trị của MB để triển khai tuân thủ các quy định mới của pháp luật. Trong năm, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng theo quy định: Tỷ lệ dự phòng/NPL đạt 95%⁴; chỉ số CAR hợp nhất đạt 11,8% - đảm bảo quy định NHNN.

Quy hoạch hệ thống mạng lưới, đầu tư các dự án trọng điểm

HĐQT phê duyệt và chỉ đạo triển khai Kế hoạch phát triển mạng lưới và đầu tư các dự án theo hướng tối ưu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đến cuối 2024, MB tăng 6 điểm giao dịch được cấp phép (đạt 321 ĐGD với tiêu chuẩn hiện đại, thuận tiện cho khách hàng), mạng lưới kênh tự phục vụ công nghệ cao gồm 100 SmartBank và 478 CRM.

⁴ Việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích dự phòng, kết quả sử dụng dự phòng và kết quả xử lý tổn thất (nếu có) được báo cáo tại Báo cáo Tài chính kiểm toán năm của MB.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG

TỔNG TÀI SẢN CỦA MB

1.129 NGHÌN TỶ ĐỒNG

19,5%

TỔNG TÍN DỤNG (GỒM DƯ NỢ & TPDN)

811 NGHÌN TỶ ĐỒNG

24,5%

Năm 2024 đánh dấu cột mốc quan trọng khi tổng tài sản của MB lần đầu tiên vượt mốc triệu tỷ đồng, đạt 1.129 nghìn tỷ đồng, phản ánh sự mở rộng mạnh mẽ với mức tăng 19,5% trong năm. Cấu trúc tài sản cũng có sự điều chỉnh theo hướng tích cực khi tỷ trọng cho vay khách hàng được nâng cao, trong khi danh mục đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp dần thu hẹp. Dư nợ cho vay tăng trưởng ấn tượng 27%, góp phần đẩy tổng tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN) lên hơn 811 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, dù mở rộng tín dụng nhanh, MB vẫn duy trì tỷ lệ nợ xấu ổn định ở mức thấp 1,6%, thấp hơn mặt bằng chung của ngành.

Tổng tài sản MB lần đầu tiên vượt mốc triệu tỷ, cụ thể đạt 1.129 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR trong 3 năm gần đây đạt 24%, riêng năm 2024 tăng trưởng 19,5%, vượt kế hoạch đề ra là 13%.

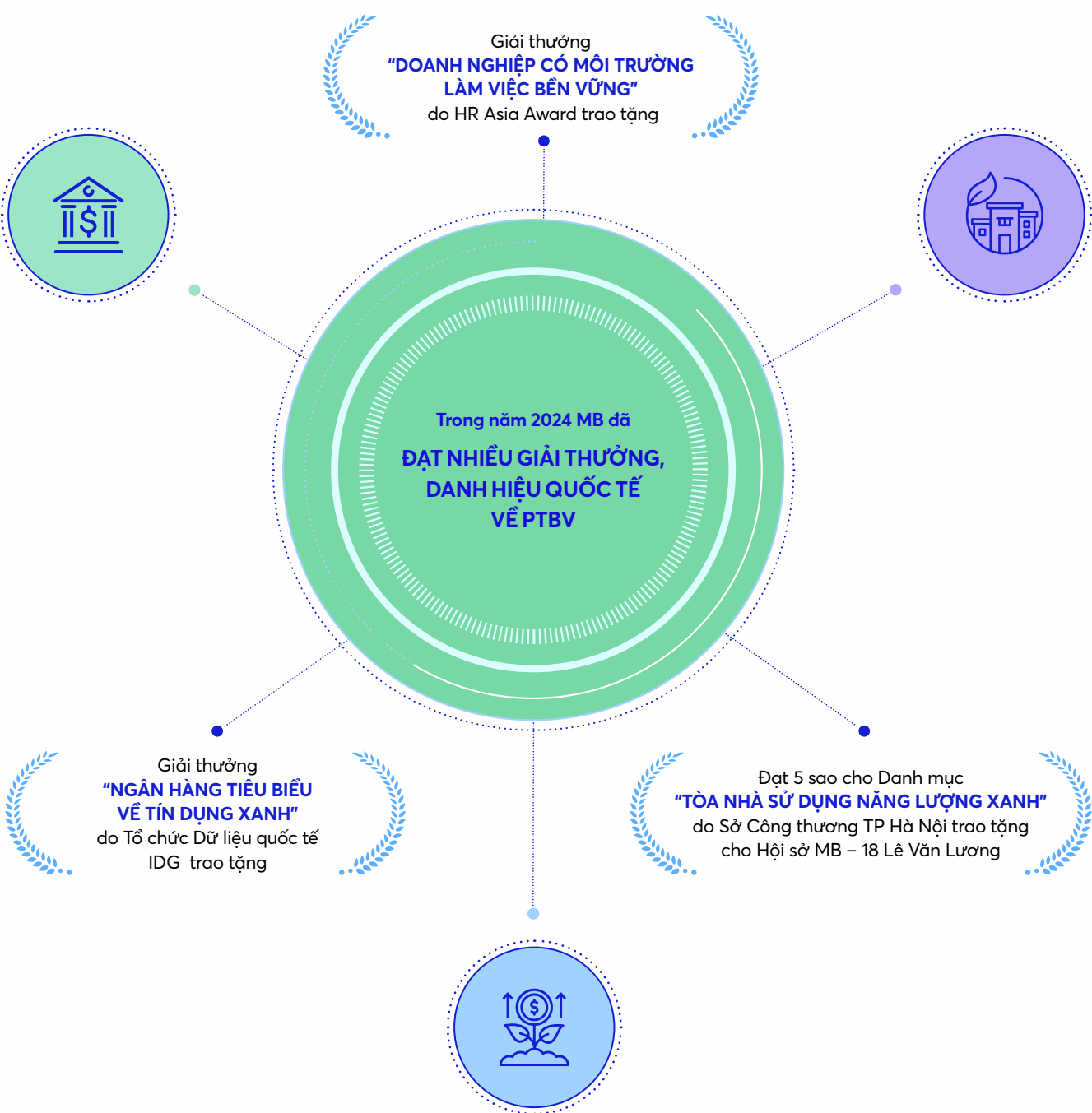
Dư nợ cho vay khách hàng đạt gần 777 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR trong 3 năm gần đây đạt 30%, riêng năm 2024 tăng trưởng 27%, vượt kế hoạch (~16%), qua đó giúp tổng tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN) đạt hơn 811 nghìn tỷ đồng tăng 24,5%. Đặc biệt, phân khúc KHDN tăng trưởng rất tốt, tăng trưởng dư nợ cho vay đạt 36%, chiếm tỷ trọng tới 57%.

Tổng huy động đạt mốc 806 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng CAGR trong 3 năm đạt 25%, riêng năm 2024 huy động tăng trưởng hơn 20% hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn. Đặc biệt huy động KHCN chiếm tỷ trọng ngày càng cao, đạt mức 59% trong năm 2024, cho thấy mức độ đa dạng hóa khách hàng huy động của MB.



ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA NGÂN HÀNG

Với tầm nhìn trở thành **"Doanh nghiệp số - Tập đoàn tài chính dẫn đầu"**, định hướng xây dựng tổ chức dài hạn **"Là tổ chức phát triển bền vững"**, MB cam kết thực hiện các Chính sách tín dụng bền vững, ưu tiên tài trợ cho các dự án năng lượng sạch, hạ tầng xanh và doanh nghiệp có ý thức bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, MB không ngừng thực thi các chương trình trách nhiệm xã hội, hướng đến cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.



CÁC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CÁC LỢI ÍCH CHO CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



Với cổ đông

HĐQT luôn đảm bảo quyền, hài hòa lợi ích cổ đông phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ MB. Trong năm, MB đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền mặt 5% và đến thời điểm báo cáo đã hoàn thành phương án tăng vốn thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%⁵; hoạt động quản trị - điều hành minh bạch, được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao; Cổ phiếu MBB nằm trong nhóm VNR30, thanh khoản cao (với quy mô ~ 120 nghìn cổ đông hiện hữu, Top đầu thị trường; giá trị vốn hóa đạt ~ 133 nghìn tỷ đồng, gấp ~ 1,4 lần năm 2023).



⁵ MB đã tích cực triển khai sớm các thủ tục pháp lý thực hiện phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và quy định pháp luật. Tiến độ phương án bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan (các quy định mới tại Luật các TCTD 2024 và tiến độ phối hợp, cung cấp thông tin các bên liên quan), do đó thời hạn hoàn thành phương án chưa đáp ứng thời gian tối đa theo quy định (chậm nhất 19/10/2024). Đến thời điểm báo cáo, phương án hoàn thành.



Đối với các đối tác

HĐQT định hướng phát triển sâu rộng, hiệu quả mối quan hệ giữa MB và các đối tác chiến lược/cổ đông lớn (Viettel, Tân Cảng Sài Gòn, Trục thăng Việt Nam, SCIC...), các đối tác đang hợp tác/liên doanh tại các CTTV (Tập đoàn Ageas - Bỉ, Muang Thai - Thái Lan, Tập đoàn SBI & Shinsei Bank - Nhật Bản). Năm 2024, với việc tổ chức mô hình Trung tâm FDI, quan hệ hợp tác với các đối tác lớn, uy tín trên thế giới được phát triển mạnh mẽ (Samsung, LG, Daewoo, Tập đoàn Posco...) MB tiếp tục tiếp đẩy mạnh hợp tác toàn diện với một số Tổng Công ty, Tập đoàn, tổ chức uy tín trong nước trên các lĩnh vực có nhiều triển vọng phát triển kinh doanh được đẩy mạnh (VDB, WinCommerce, THMilk, VietnamAirlines, Momo, VETC, Dragon Capital).



Với những đóng góp cho hệ thống và cộng đồng xã hội, MB vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất ghi nhận những đóng góp của Ngân hàng trong quá trình phát triển 30 năm vừa qua.



Đối với khách hàng

Chất lượng phục vụ khách hàng liên tục, thường xuyên được đánh giá, cải thiện thông qua chỉ số đo lường cụ thể: năm 2024, mức độ hài lòng khách hàng của MB đạt 90,3 điểm (2023 đạt 87,7 điểm). Với việc áp dụng các ứng dụng công nghệ tiên tiến (Callbot/Chatbot, AI search...) giúp xử lý yêu cầu/giải đáp các thắc mắc của khách hàng nhanh chóng, phù hợp; góp phần giảm tỷ lệ khiếu nại/phản nàn của KH còn 0,17% (kế hoạch là 0,4%).



Đối với người lao động

Đội ngũ nhân sự Tập đoàn năm 2024 đạt ~ 18,6 nghìn (riêng ngân hàng ~ 12,2 nghìn); MB tiên phong áp dụng hình thức đãi ngộ mới cho CBNV, đặc biệt đối với nhóm nhân tài và nhân sự trọng yếu, tạo động lực và phấn đấu trong công việc; theo đó NSLĐ vẫn đảm bảo nhịp tăng trưởng 8% - 10% và thu nhập của CBNV được đảm bảo và cạnh tranh so với thị trường. Đội ngũ nhân sự chất lượng, cam kết gắn bó lâu dài, được tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch phát triển và đãi ngộ dựa trên kết quả công tác.



Đóng góp cho Nhà nước và Trách nhiệm với xã hội

HĐQT luôn chú trọng công tác an sinh xã hội và đóng góp cho sự phát triển đất nước. Năm 2024, MB tham gia hơn 111 chương trình; trong đó chiến dịch HiGreen - Trường Sa Xanh (năm thứ 2 MB đầu mỗi tổ chức) thu hút hơn 52.136 người tham gia chạy, tích lũy 4,7 triệu km đối ứng 10 tỷ đồng ngân sách tài trợ trồng 100.000 cây xanh tại quần đảo Trường Sa. Công tác đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội được triển khai trên phạm vi toàn quốc với tổng số tiền gần 400 tỷ đồng, giúp đỡ các gia đình chính sách, các khu vực khó khăn và triển khai các nội dung ESG. Riêng Ngân hàng MB đóng góp ngân sách nhà nước năm qua ~7.200 tỷ đồng và toàn tập đoàn đóng góp trên 8.600 tỷ đồng cho Ngân sách; tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ lãi suất theo định hướng của Chính phủ (trong các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tín dụng xanh).



Hoạt động của Ban Điều hành

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2024, HĐQT MB thực hiện giám sát hoạt động của BDH một cách đồng bộ và toàn diện trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Việc giám sát được thực hiện tại các cuộc họp của HĐQT cũng như cuộc họp của các ủy ban của HĐQT.

Bên cạnh đó, định kỳ, Tổng Giám đốc và BDH sẽ trao đổi và giải trình đối với các nội dung mà HĐQT yêu cầu BDH thực hiện. Ngoài ra, các thành viên HĐQT, theo sự phân công nhiệm vụ của từng ủy ban, thường xuyên trao đổi với thành viên BDH về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát. Trên cơ sở đó, HĐQT ghi

nhận và đánh giá cao hoạt động của BDH trong năm 2024 với một số kết quả nổi bật như sau: Bám sát các chỉ đạo của HĐQT, Chiến lược MB 2022-2026 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, BDH đã tích cực chủ động thực thi kế hoạch kinh doanh ngay từ đầu năm:



Các nội dung cần đẩy mạnh tập trung:

- Sáng kiến ESG bổ sung trong Chiến lược MB - triển khai đồng bộ, nhất quán trong các hoạt động của tổ chức
- Một số phương án đầu tư trụ sở của MB tại các địa bàn trọng điểm chưa được đầu tư/triển khai giải ngân theo Kế hoạch 2024

- Hiệp lực Tập đoàn cần đẩy mạnh hơn nữa (gồm công tác phối hợp tập đoàn để cải thiện doanh thu bán chéo; tăng cường phối hợp các mảng và triển khai các usecase cụ thể giữa MB và CTTV)
- Tái cơ cấu toàn diện một số công ty (đang gặp khó khăn) về quản trị và kinh doanh (Một số công ty suy giảm lợi nhuận như: MIC, MBAL, MCredit)

- để hướng đến khôi phục kinh doanh và tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo
- Cơ chế thu nhập nhiệm kỳ 2024 - 2029 và ngân sách GCC cần được thống nhất phương án triển khai để áp dụng và thực hiện chi trả cho các Thành viên HĐQT, BKS phù hợp quy định pháp luật, quy định MB

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Phân tích môi trường kinh doanh 2025

Dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng mức 3,3% trong 2025 - 2026; lạm phát thấp hơn và việc nới lỏng tiền tệ đang diễn ra ở nhiều nền kinh tế có thể mang lại sự thúc đẩy khiêm tốn cho hoạt động kinh tế toàn cầu vào năm 2025. Tuy nhiên vẫn còn một số rủi ro phát sinh từ xung đột địa chính trị, căng thẳng thương mại gia tăng và chi phí vay cao ở nhiều quốc gia.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam được dự báo có thể đạt mức tăng trưởng 8%, trong điều kiện thuận lợi phần đầu tăng trưởng hai con số. Theo các chuyên gia, Chính phủ định hướng xây dựng các kịch bản tăng trưởng, phần đầu tăng trưởng GDP đạt tối thiểu 8%, trong điều kiện thuận lợi phần đầu tăng trưởng hai con số. Theo các chuyên gia, Việt Nam có các cơ hội đạt được mục tiêu tăng trưởng đề ra: i) cơ hội từ các xu hướng phát triển khoa học công nghệ (đặc biệt ứng dụng công nghệ AI trong nhiều mặt cuộc sống) giúp thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng gia tăng các ngành/hoạt động/sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao; sự chuyển hướng sang năng lượng tái tạo tạo ra các cơ hội đầu tư mới; ii) cơ hội từ nguồn đầu tư FDI do Việt Nam với mạng lưới FTA kết nối hơn 60 thị trường, có mức độ hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài; iii) đặc biệt, việc quyết liệt tinh gọn bộ máy được định hướng từ Đảng, Chính phủ giúp cải thiện đáng kể năng suất lao động, cải cách thủ tục hành chính. NHNN tiếp tục điều hành lãi suất phù hợp diễn biến thị trường, điều hành tỷ giá linh hoạt góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát; định hướng mục tiêu tăng trưởng tín dụng ~16% và hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

Chính sách thuế đối ứng của Mỹ gần đây sẽ tác động lớn đến thương mại toàn cầu và tăng trưởng kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, đặc biệt đối với hoạt động xuất khẩu và dòng vốn đầu tư nước ngoài. Dự báo GDP Việt Nam có thể bị suy giảm từ 0,13% đến 1,7% tùy thuộc vào các kịch bản thuế từ 10% đến 46%. Theo đó, mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% của toàn ngành có thể chỉ đạt khoảng 14% - 15,8% và lợi nhuận toàn ngành ngân hàng chỉ tăng 14-15,8% so với năm trước.

Phương hướng, kế hoạch hành động năm 2025

Mục tiêu chủ yếu trong năm 2025
Kiên định trở thành “Doanh nghiệp số - Tập đoàn tài chính dẫn đầu”, ưu tiên phát triển bền vững, củng cố chất lượng hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn, MB sẽ tiếp tục bám sát các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp số, triển khai chuyển đổi số toàn diện.

Chương trình hành động trọng tâm năm 2025



Chiến lược

Rà soát, đánh giá sơ lược kết quả triển khai Chiến lược giai đoạn 2022 - 2026 đến 2025; thúc đẩy các sáng kiến/chuyển dịch đảm bảo các mục tiêu đến 2026; chuẩn bị cơ sở/nền tảng xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo. Năm 2025, HĐQT định hướng xây dựng và triển khai Chiến lược thương hiệu MB với thông điệp “Bền vững - Hiện đại”; tích hợp ESG trong triển khai các mục tiêu dài hạn của Tập đoàn và tổ chức phát triển bền vững.



Ổn định cơ cấu cổ đông và xây dựng giá trị doanh nghiệp

Nâng cao chất lượng quản trị điều hành từ HĐQT, BKS, BDH; tiếp tục tăng cường vai trò của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ mới; hoàn thiện Điều lệ, các quy chế về quản trị điều hành phù hợp quy định pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế tiên tiến. Cùng cố năng lực các cơ quan tham mưu giúp việc HĐQT gồm Ủy ban QLRR, Hội đồng điều phối tập đoàn GCC, Ủy ban Nhân sự, các Ủy ban chuyên môn khác.



Quản trị ngân hàng với các tiêu chuẩn cao

Quản trị ngân hàng với các tiêu chuẩn cao, gắn với hiệu quả điều hành, phát triển nhanh bền vững, tiết kiệm chi phí, giảm nợ xấu, đảm bảo thúc đẩy kế hoạch kinh doanh trọng yếu năm; quản trị chặt chẽ hoạt động đầu tư và tối ưu ngân sách đầu tư đảm bảo QTRR và đo lường hiệu quả về tài chính.



Quy hoạch, nâng cao hiệu quả hệ thống mạng lưới

Hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới chi nhánh tại các địa phương và các khu vực có tiềm năng. Tiếp tục tận dụng cơ hội phát triển quy mô, phạm vi thông qua các nền tảng số, SmartBank và các cơ hội sáp nhập/hợp nhất, hợp tác với các đối tác/cổ đông chiến lược trong việc khai thác hiệu quả tập khách hàng của các bên.



Chỉ đạo chiến lược, nhân sự và quản trị

Chỉ đạo chiến lược, nhân sự và quản trị các CTTV đảm bảo các chiến lược phát triển; Hiệp lực Tập đoàn để khai thác hiệu quả hệ sinh thái giữa MB và các CTTV, nâng cao đóng góp của các CTTV vào doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn MB; định hướng chỉ tiêu hiệu quả (ROE) của các CTTV phấn đấu ~ Top 3 ngành.



Hoàn thành phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến 2025

Hoàn thành phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến 2025 của MB phù hợp định hướng của Chính phủ, yêu cầu của NHNN⁶.

⁶ Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025” (v/t Đề án) và Quyết định 1382/QĐ-NHNN năm 2022 về “Kế hoạch hành động ngành Ngân hàng thực hiện Đề án”, văn bản số 2959/NHNN-TTGSNH ngày 25/04/2023 của NHNN hướng dẫn chi tiết.



5

Báo cáo phát triển bền vững

150 Thông điệp phát triển bền vững

152 Thông tin báo cáo phát triển bền vững

153 Mục tiêu và định hướng phát triển bền vững của MB

170 Quản trị phát triển bền vững tại MB

172 Báo cáo của Ban Điều hành về trách nhiệm Môi trường - Xã hội

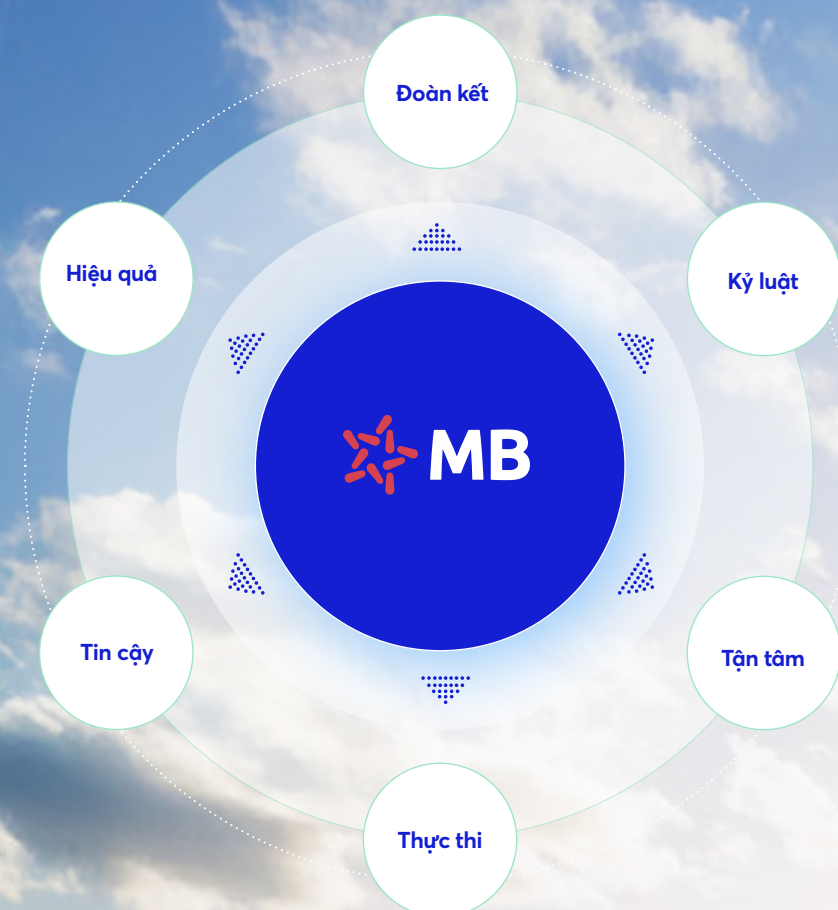
174 Trụ cột Khách hàng

186 Trụ cột Môi trường

192 Trụ cột Xã hội

202 Trụ cột Quản trị

Báo cáo phát triển bền vững



Bối cảnh kinh tế toàn cầu hiện nay đang chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như suy thoái kinh tế sau đại dịch, lạm phát cao, bất ổn địa chính trị và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc và EU đang điều chỉnh chính sách tài chính để duy trì tăng trưởng và kiểm soát lạm phát. Đồng thời, phát triển bền vững (PTBV) ngày càng được ưu tiên khi các quốc gia cam kết giảm phát thải carbon, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và tăng cường trách nhiệm xã hội.

Tại Việt Nam, kinh tế vẫn duy trì mức tăng trưởng khá ổn định, nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức như biến động giá cả, áp lực từ chuỗi cung ứng và nhu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng. Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư nước ngoài và đẩy mạnh chuyển đổi xanh. Các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, công nghệ số và nông nghiệp bền vững đang trở thành động lực chính của nền kinh

tế. Với định hướng phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050 của Chính phủ, việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu của các Doanh nghiệp Việt là rất quan trọng. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Ngân hàng và các tổ chức tài chính luôn đóng vai trò trung tâm và then chốt.

Là một trong những ngân hàng tiên phong tích hợp các yếu tố Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (G) trong triển khai các mục tiêu dài hạn của Tập đoàn, MB xác định phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là cam kết xuyên suốt trong chiến lược kinh doanh. Kiên định với Tầm nhìn trở thành “Doanh nghiệp số – Tập đoàn tài chính dẫn đầu”, MB định hướng xây dựng tổ chức dài hạn “Là Tổ chức phát triển bền vững”, ưu tiên phát triển bền vững, củng cố chất lượng các mặt hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển, bám sát các mục tiêu Chiến lược, chú trọng

xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp Số và bứt phá trên hành hình trở thành Ngân hàng Xanh. Điều này thể hiện qua việc MB không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời thúc đẩy các giải pháp tài chính xanh, duy trì tỷ trọng tín dụng xanh tại MB 8-10%/năm, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, và đồng hành cùng khách hàng trong hành trình phát triển bền vững.

Đồng thời, với vai trò là một Ngân hàng có trách nhiệm xã hội cao, MB cam kết thực hiện các Chính sách tín dụng bền vững, ưu tiên tài trợ cho các dự án năng lượng sạch, hạ tầng xanh và doanh nghiệp có đóng góp trong công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, MB không ngừng thực thi các chương trình trách nhiệm xã hội, hướng đến cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Hành trình bền vững đòi hỏi sự chung tay của tất cả cộng đồng. Với tinh thần Đoàn kết – Kỷ luật – Tận tâm – Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả, MB tin rằng, bằng sự đồng hành của khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên, MB sẽ tiếp tục vững vàng phát triển, tạo ra những giá trị bền vững cho nền kinh tế, xã hội và môi trường. Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, với chính sách và chiến lược phát triển rõ ràng, MB hướng tới mục tiêu ngân hàng hiện đại, tăng trưởng bền vững.

TỶ TRỌNG TÍN DỤNG XANH

8-10%/NĂM

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thông tin báo cáo phát triển bền vững

NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BÁO CÁO

Báo cáo được lập nhằm trình bày và công bố các thông tin chính thức liên quan đến định hướng chiến lược, mục tiêu và kết quả triển khai các chương trình hành động, sáng kiến PTBV tại MB. Nội dung báo cáo được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các nguyên tắc, hướng dẫn của khung tiêu chuẩn chung mới nhất do tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) ban hành (Universal Standards 2021) và 17 mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc (17 SDGs). Báo cáo PTBV được thực hiện tích hợp định kì hàng năm với BCTN của ngân hàng theo niên độ kế toán, bắt đầu từ 01/01/2024 đến 31/12/2024.

PHẠM VI BÁO CÁO

Các thông tin, dữ liệu trình bày trong Báo cáo PTBV năm 2024 của MB được tổng hợp từ (1) tập đoàn MB, (2) Ngân hàng gồm (3) Hội sở chính và (4) các chi nhánh trong hệ thống của MB.

THÔNG TIN LIÊN HỆ/ ĐUỐI MỖI PHỤ TRÁCH HOẠT ĐỘNG PTBV TẠI MB

Tổ chức và/hoặc cá nhân có ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi liên quan đến nội dung của báo cáo PTBV xin vui lòng gửi thông tin tới các thành viên chuyên trách thông qua hộp thư điện tử IR@MBBank.com.vn.



Mục tiêu và định hướng phát triển bền vững của MB

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2024 phải đối mặt với nhiều biến động, đặc biệt là chiến tranh giữa Nga và Ukraina, đã làm dấy lên những lo ngại về sự khan hiếm nguồn cung năng lượng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, xã hội và môi trường của nhiều quốc gia. Bên cạnh những tác động kéo dài từ đại dịch Covid-19, việc suy giảm nguồn cung khí đốt và năng lượng khiến giá cả leo thang, góp phần làm suy thoái nền kinh tế và gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. Trước những khó khăn chung của nền kinh tế, các chương trình và sáng kiến liên quan đến hoạt động PTBV tại các doanh nghiệp cũng gặp nhiều rào cản trong quá trình triển khai.

Dù vậy, PTBV cùng với các vấn đề về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vẫn là các chủ đề quan trọng được thảo luận trong chương trình nghị sự của các tổ chức liên chính phủ và là trọng tâm của nhiều Chính phủ. Các quy định liên quan đến ESG tiếp tục được ban hành với yêu cầu ngày càng khắt khe về tính minh bạch và chi tiết của thông tin báo cáo. Hội nghị Thượng đỉnh về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc năm 2024 (COP29), diễn ra vào tháng 11/2024, đã đạt được nhiều thỏa thuận quan trọng với sự đồng thuận từ các quốc gia, trong đó có các cam kết tài chính để hỗ trợ các nước đang phát triển trong việc giảm phát thải và thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu. Ngoài ra, Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) do Liên minh Châu Âu ban hành

đã bắt đầu giai đoạn thí điểm từ ngày 01/10/2023 và sẽ được thực hiện đầy đủ vào năm 2026. Chính sách này sẽ góp phần nâng cao việc giám sát, quản lý và báo cáo lượng phát thải trong toàn bộ chuỗi cung ứng của một số ngành công nghiệp trên phạm vi toàn cầu.

Nền kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động đáng kể từ những yếu tố nêu trên. Đồng thời, năm 2024 cũng chứng kiến những ảnh hưởng nặng nề gây ra bởi thiên tai và bão lụt với tần suất và cường độ ngày càng gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu PTBV, các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường, rủi ro từ biến đổi khí hậu và bất bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ vẫn là những khía cạnh đáng lo ngại. Số lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm kê lượng phát thải khí nhà kính và công bố rộng rãi chưa nhiều, gây khó khăn trong việc xây dựng báo cáo phát thải trên phạm vi toàn quốc. Để đạt được mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 theo COP26, sẽ còn rất nhiều những yêu cầu và thách thức đặt ra với không chỉ với Chính phủ mà còn với các doanh nghiệp và các bên liên quan.

Ngành ngân hàng năm 2024 tiếp tục đối mặt với thách thức từ biến động kinh tế toàn cầu, căng thẳng địa chính trị và áp lực lạm phát. Sự gia tăng rủi ro từ biến đổi khí hậu và yêu cầu về tài chính xanh khiến ngân hàng phải điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng bền vững.

Các quy định mới về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đặt ra những yêu cầu về nâng cao tính minh bạch trong báo cáo và quản lý rủi ro đối với ngân hàng. Tại Việt Nam, NHNN đẩy mạnh chính sách tài chính xanh, yêu cầu các ngân hàng tăng cường cấp vốn cho các dự án bền vững và giảm hỗ trợ tài chính cho ngành có phát thải cao. Các ngân hàng cũng được yêu cầu phải quản lý các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Chính vì thế, nhiều ngân hàng tích cực triển khai sản phẩm tài chính xanh, trái phiếu xanh và tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp hướng đến giảm phát thải, đẩy mạnh hợp tác để phát triển khung pháp lý và tiêu chí đánh giá tài chính bền vững. Việc kiểm kê và báo cáo phát thải khí nhà kính liên quan đến hoạt động của NH ngày càng được quan tâm càng làm cho vai trò của ngành ngân hàng trở nên quan trọng trong việc chuyển dịch dòng vốn sang nền kinh tế xanh, đóng góp vào cam kết Net Zero năm 2050 của Chính phủ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:
“Là tổ chức phát triển bền vững”

MB quản trị rủi ro chủ động thông minh bằng hiểu biết sâu sắc rủi ro, kết hợp với kiểm nghiệm thực tế, sử dụng các mô hình dữ liệu để cải tiến để tìm ra các giải pháp hướng đến khách hàng; Là Ngân hàng có trách nhiệm xã hội cao; Bảo vệ môi trường, phát triển xanh và bền vững.

4 trụ cột phát triển bền vững của MB

Quản trị

Củng cố nền tảng quản trị vững mạnh, tiên tiến, bền vững và hội nhập theo xu hướng toàn cầu

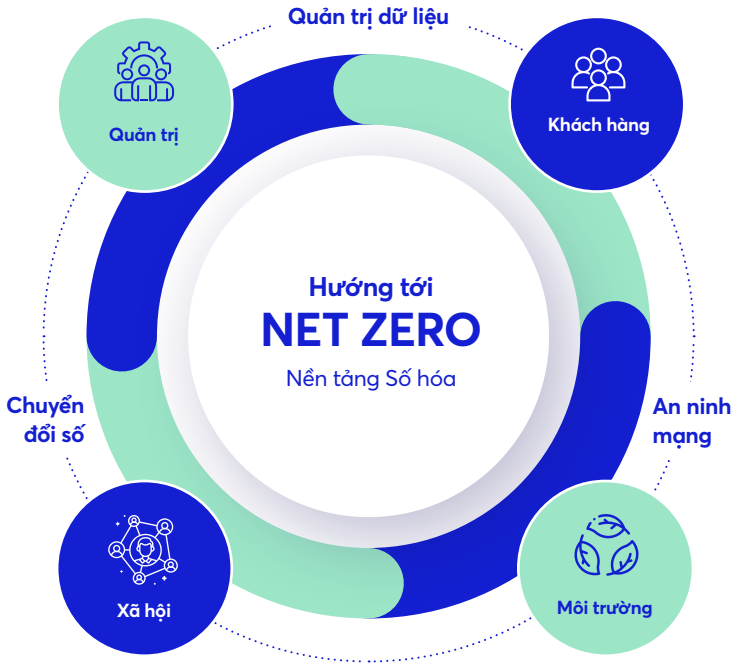
- Tuân thủ quy định
- Đạo đức kinh doanh



Khách hàng

Tích cực đồng hành cùng khách hàng trong hành trình chuyển đổi ESG thông qua hoạt động tài trợ có trách nhiệm và trải nghiệm tài chính vượt trội

- Tài chính xanh
- Trải nghiệm khách hàng
- Tài chính toàn diện



Xã hội

Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao kỹ năng đội ngũ nhân sự, tăng cường cam kết trách nhiệm xã hội và đóng góp cho cộng đồng

- Giáo dục & Đào tạo
- Đóng góp cho cộng đồng địa phương



Môi trường

Chủ động tích cực giảm phát thải trong vận hành và trong danh mục, tăng cường quản lý rủi ro khí hậu

- Giảm phát thải
- Quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu:

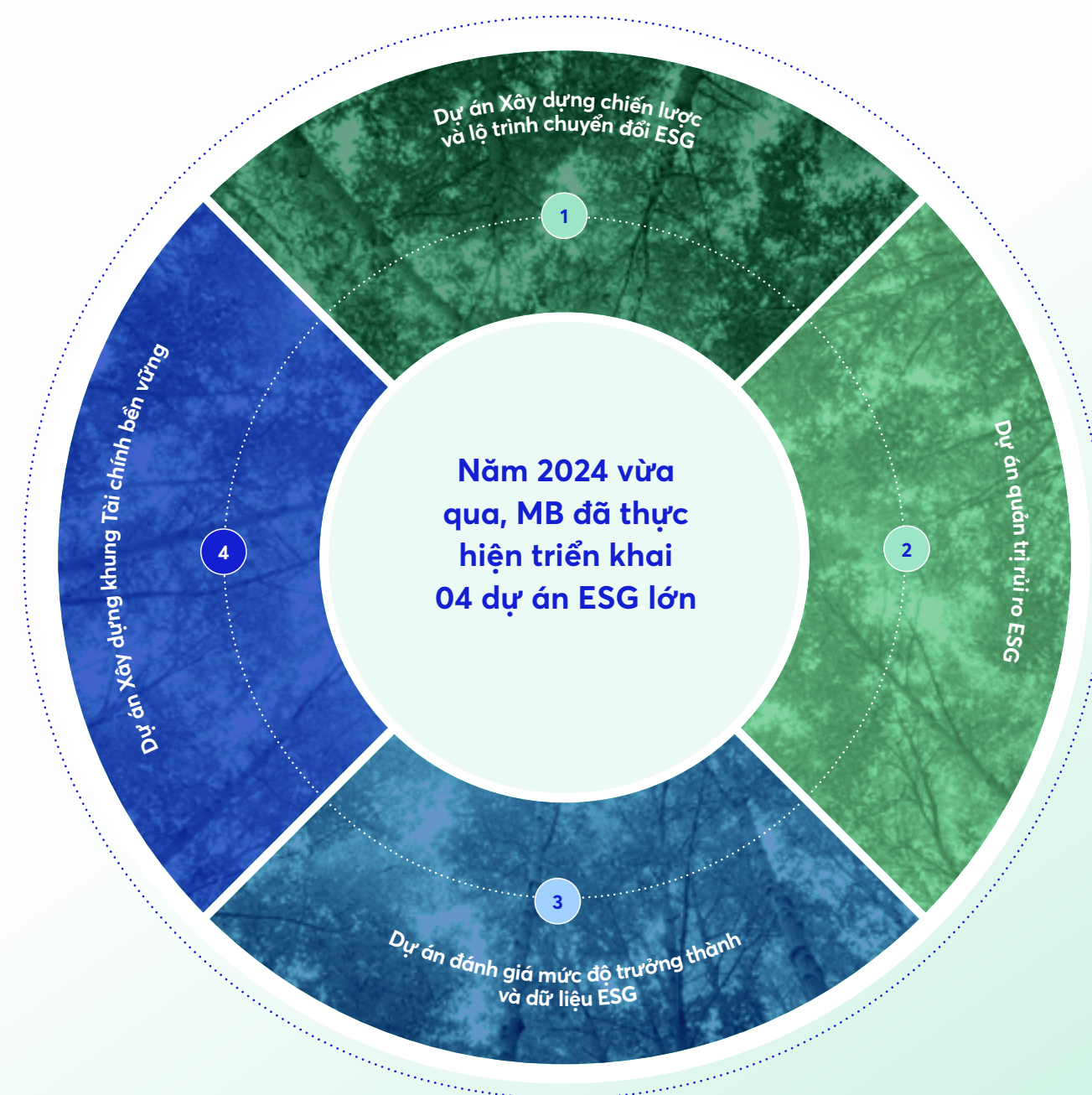
“Thực hành ESG tiên tiến, hướng tới tương lai Net Zero”

Mục tiêu phát triển bền vững MB được xây dựng phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, phù hợp Chiến lược quốc gia và Kế hoạch hành động ngành ngân hàng về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển mô hình Ngân hàng xanh, phù hợp với định hướng Chiến lược của MB mà Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ 2024 đã thông qua.

Với mục tiêu phát triển bền vững, MB cam kết tạo tác động tích cực đến môi trường thông qua chủ động chuyển đổi trong hoạt động vận hành, giảm phát thải hướng tới “phát thải ròng bằng 0”; đồng hành và tác động tích cực tới khách hàng thông qua các sản phẩm xanh, bền vững; thực hành quản trị ESG tiên tiến; có trách nhiệm xã hội và lan truyền tác động tích cực tới cộng đồng.



| CÁC HOẠT ĐỘNG, SÁNG KIẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2024



Các hoạt động và kết quả nổi bật đạt được trong năm 2024

QUẢN TRỊ

01

100% bảo đảm tuân thủ: 100% lãnh đạo và cán bộ lãnh đạo và cán bộ nhân viên MB trong toàn hệ thống được phổ biến và quán triệt các văn bản pháp luật, quy định nội bộ liên quan tới quy tắc ứng xử - đạo đức nghề nghiệp, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm

02

Năm 2024, MB thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ trưởng thành về ESG bởi Đơn vị đánh giá độc lập bên ngoài, nhằm cải thiện và nâng cao thực hành ESG tổng thể theo thông lệ tiên tiến

03

Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ESG hàng năm: phát triển sản phẩm xanh, tài trợ dự án xanh, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, chính sách nội bộ bổ sung các yếu tố E, S, G

04

Phân công trách nhiệm quản trị, giám sát thực hành ESG cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành giúp MB không chỉ tuân thủ tốt hơn mà còn tạo ra những giá trị bền vững, gắn với mục tiêu dài hạn của MB

05

100% Ban Lãnh đạo cấp cao MB được đào tạo về ESG và Tài chính bền vững

TÀI CHÍNH XANH

TỔNG DƯ NỢ

65.603 TỶ ĐỒNG

➤ NĂM 2023: 64.960 TỶ ĐỒNG

TỶ TRỌNG DƯ NỢ XANH

8,5%

BAN HÀNH

Khung Tài chính xanh

THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

100% DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÓ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG

734.676 TỶ ĐỒNG

DƯ NỢ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ RỦI RO MÔI TRƯỜNG



Các hoạt động và kết quả nổi bật đạt được trong năm 2024:

MÔI TRƯỜNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG GIẢM

41% SỐ KWH ĐIỆN/NGƯỜI

SO VỚI NĂM 2023

TIÊU THỤ NƯỚC GIẢM

32% M³ NƯỚC/NGƯỜI

SO VỚI NĂM 2023

RÁC THẢI SINH HOẠT GIẢM

25% M³ RÁC/NGƯỜI

SO VỚI NĂM 2023

GIẤY IN GIẢM

43%

SO VỚI NĂM 2023 THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

NGUYÊN VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI GIẢM

12% TÚI NYLON

SO VỚI NĂM 2023 THÔNG QUA VIỆC CHUYỂN ĐỔI VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

TRỒNG

100.000 CÂY XANH

CHO TRƯỜNG SA THÔNG QUA CHIẾN DỊCH HIGREEN

(dữ liệu được tính trong phạm vi trụ sở chính và số lượng nhân sự làm việc thực tế)

XÃ HỘI - CỘNG ĐỒNG

SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP CHƯƠNG TRÌNH CSR

400 TỶ VND

NĂM 2023: 247 TỶ ĐỒNG

SỐ CHƯƠNG TRÌNH CSR

111 CHƯƠNG TRÌNH

NỀN TẢNG XÃ HỘI THIỆN NGUYỆN: VẬN ĐỘNG HƠN

580 TỶ VND

TRONG NĂM 2024



1.055 ĐIỂM GIAO DỊCH
ATM/CRM

TĂNG 2% SO VỚI NĂM 2023

100 SMARTBANK

TRÊN CẢ NƯỚC



ĐIỂM GIAO DỊCH TẠI ĐỊA BÀN NÔNG THÔN

74/319

TĂNG ~3% SO VỚI NĂM 2023;
TRONG ĐÓ MỞ MỚI 04 CHI NHÁNH
TẠI CÁC TỈNH: KON TUM, ĐẮK NÔNG,
CAO BẰNG VÀ HẬU GIANG



CHUYỂN ĐỔI SỐ

4,1 TRIỆU
KHÁCH HÀNG

MỞ MỚI VÀ 98,6% GIAO DỊCH
TRÊN KÊNH SỐ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

601 CHƯƠNG
TRÌNH

14.212 HỌC VIÊN

TĂNG 21,1% SO VỚI NĂM 2023



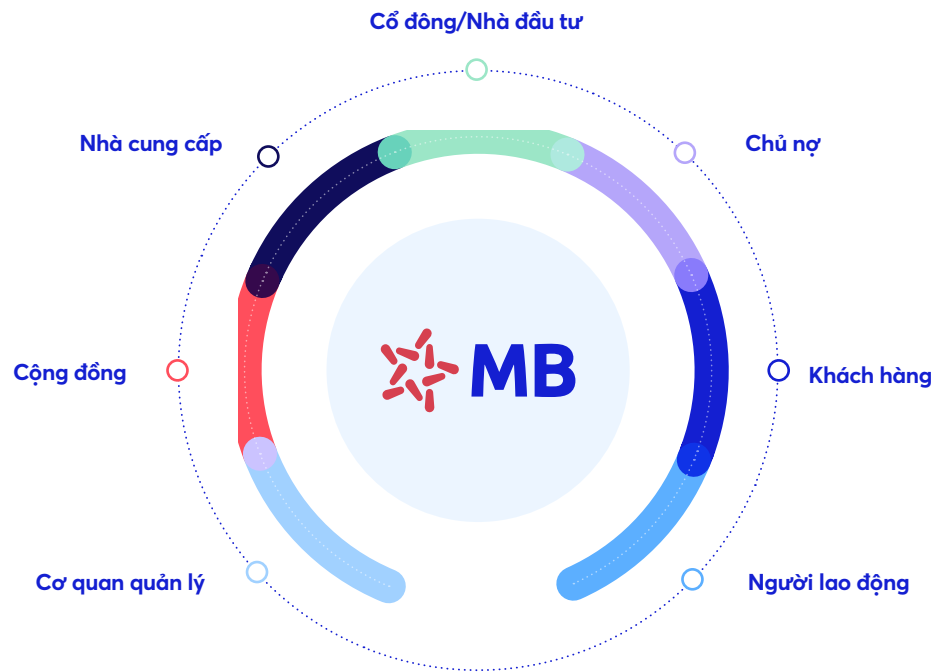
SỐ GIỜ ĐÀO TẠO BÌNH QUÂN

70,73 GIỜ

TĂNG 38,1% SO VỚI NĂM 2023



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN



QUY TRÌNH NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ MỐI QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

MB luôn chú trọng vào việc xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác bền vững với các bên liên quan, duy trì sự kết nối chặt chẽ, thấu hiểu và chia sẻ các giá trị chung. Ngân hàng coi việc lắng nghe nguyện vọng, tìm hiểu mối quan tâm của các bên liên quan là yếu tố then chốt, đồng thời các bộ phận chuyên trách chủ động triển khai các hoạt động tương tác thông qua nhiều kênh giao tiếp đa dạng. Trong năm 2024, MB đã triển khai nhiều chương trình gắn kết các bên liên quan, xây dựng những kế hoạch cụ thể, thiết thực phù hợp với từng nhóm đối tượng, từ đó củng cố mối quan hệ bền vững và tạo ra giá trị chung.

Bước 1: Xác định các bên liên quan chính

MB tiến hành nhận diện các bên liên quan có thể bị ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp, bởi các hoạt động, quyết định và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.

Bước 2: Triển khai các hoạt động gắn kết để tìm hiểu các mối quan tâm của từng bên liên quan

MB tương tác với các bên liên quan thông qua nhiều phương pháp khác nhau như chủ động khảo sát, phỏng vấn, đối thoại định kỳ, tổ chức hội thảo, tổ chức hội nghị thường niên...

Bước 3: Xếp hạng ưu tiên các mối quan tâm của các bên liên quan

Đánh giá các yếu tố cũng như tầm quan trọng của từng vấn đề, mức độ ảnh hưởng của chúng đối với MB và các bên liên quan, tính cấp bách của vấn đề, và khả năng giải quyết hay đáp ứng của Ngân hàng.

Bước 4: Xây dựng kế hoạch hành động

Xác định rõ ràng các mục tiêu, chiến lược và mốc thời gian cụ thể để nhằm giải quyết các vấn đề ưu tiên của các bên liên quan.

Bước 5: Tương tác và truyền đạt về hành động

MB thực hiện truyền đạt việc triển khai và kết quả của các chương trình, các kế hoạch hành động đã được phê duyệt đến các bên liên quan một cách minh bạch và liên tục.

Bước 6: Giám sát và đánh giá

MB giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các chương trình hành động cũng như tiến độ đạt được trong việc giải quyết những mối quan tâm ưu tiên đã được xác định.

CÁC HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM

- **Nhà đầu tư:** Tổ chức các sự kiện Quan hệ nhà đầu tư: Vietnam C-Suit Forum, Hội nghị Nhà đầu tư, Đại hội Cổ đông Thường niên...
- **Người lao động:** Hội nghị người lao động, các hoạt động công đoàn và các ấn phẩm, bản tin nội bộ.
- **Khách hàng:** Khảo sát và phỏng vấn khách hàng, đánh giá mức độ hài lòng về dịch vụ của MB cũng như các nhu cầu khác.
- **Chính phủ:** Tham gia các cuộc họp định kỳ và hội thảo để thảo luận về chính sách và quy định mới; các cuộc khảo sát và đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng chính sách...



QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Các chủ đề trọng yếu ESG là cơ sở để MB phân bổ và tập trung nguồn lực cho các mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với đặc điểm hoạt động của MB cũng như kỳ vọng của các bên liên quan theo thông lệ, đồng thời giúp MB cung cấp các thông tin về phát triển bền vững của MB một cách minh bạch, đầy đủ và đúng trọng tâm tới các bên liên quan. Các chủ đề trọng yếu được lựa chọn đảm bảo các yếu tố: (i) Cân bằng yếu tố E-S-G, (ii) Kế thừa các nội dung phù hợp Chiến lược MB, (iii) Phát huy các nội dung MB đã, đang thực hiện tốt.

Quá trình xác định chủ đề trọng yếu tại MB gồm 4 bước chính:

Bước 1

Phân tích bối cảnh và xác định danh mục các chủ đề Môi trường - Xã hội - Quản trị liên quan trong chuỗi giá trị MB

- Phân tích chiến lược kinh doanh của Ngân hàng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn
- Nghiên cứu, phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội trên Thế giới và tại Việt Nam, xu hướng chung của ngành Ngân hàng
- Tổng hợp thông tin về định hướng PTBV, quy định pháp luật về PTBV quốc tế và tại Việt nam
- Tham chiếu tình hình triển khai các chương trình hành động hướng tới 17 mục tiêu Phát triển bền vững, các khung hướng dẫn, tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế tốt về PTBV trong ngành ngân hàng

- Ghi nhận các cơ hội và thách thức liên quan đến PTBV của ngành, có tác động trực tiếp đến chuỗi giá trị của MB
- Tham vấn ý kiến chuyên gia nội bộ và đơn vị tư vấn độc lập, đồng thời nghiên cứu các sáng kiến PTBV đã triển khai thành công tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế

Bước 2

Xác định các tác động thực tế và tiềm tàng

- MB xem xét các tác động hiện hữu và tiềm tàng đến từng khía cạnh về Môi trường, Xã hội, Quản trị và Kinh tế, bao gồm cả các tác động tích cực lẫn tiêu cực, từ đó đưa ra nhận định chính xác về các lĩnh vực/chủ đề trọng yếu
- Đồng thời tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan về mức độ quan trọng của từng lĩnh vực

Bước 3

Đánh giá mức độ trọng yếu của các tác động

- Xếp hạng sơ bộ các yếu tố/chủ đề quan trọng với các bên liên quan bên trong và bên ngoài Ngân hàng

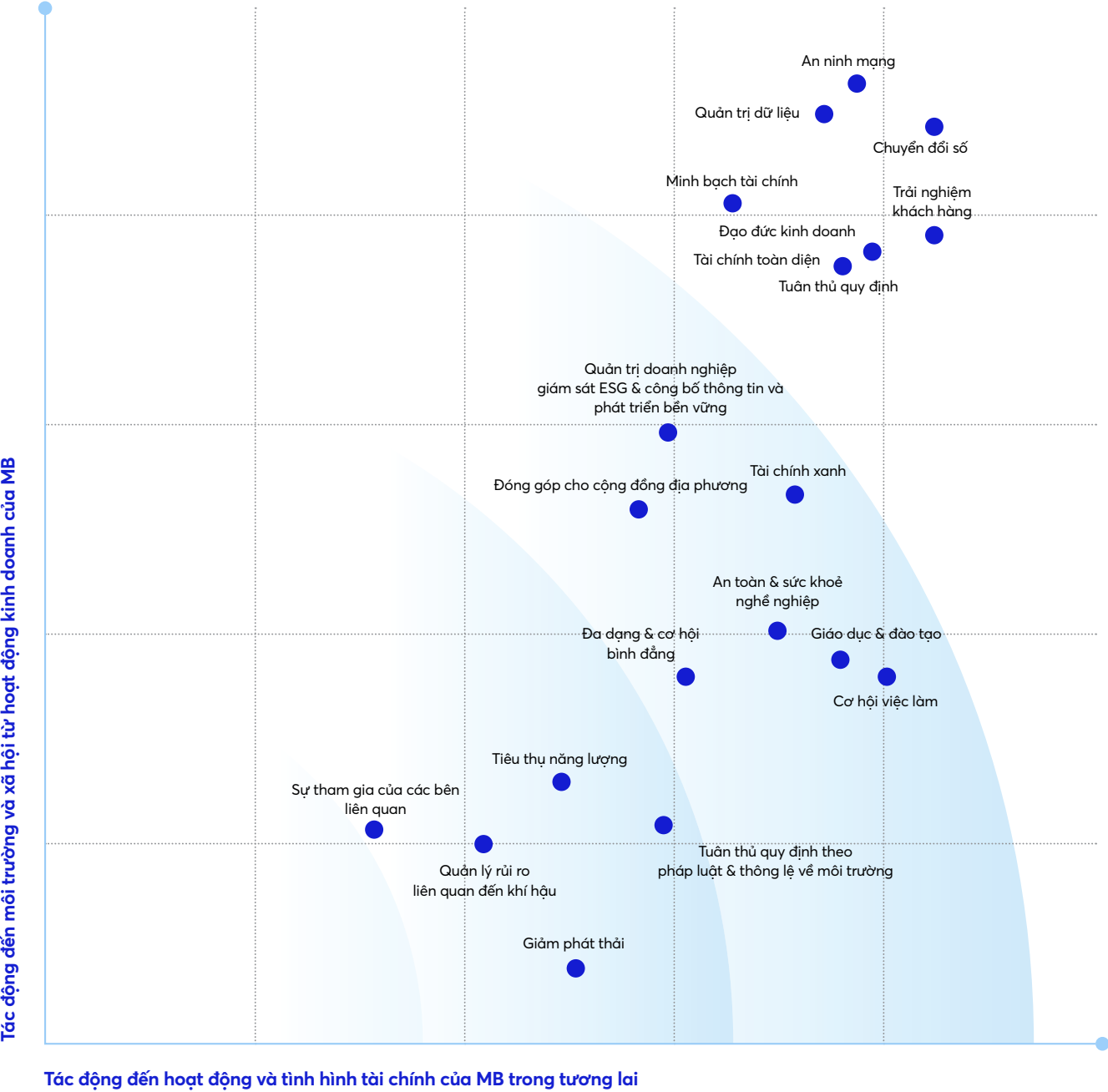
Bước 4

Xác định các chủ đề trọng yếu đối với MB thông qua Ma trận trọng yếu

- Xin ý kiến Ban Lãnh đạo, tham vấn các chuyên gia đồng thời đối chiếu mức độ phù hợp của danh sách này với các chủ đề trong tiêu chuẩn ngành có liên quan cũng như xu hướng PTBV của ngành trên toàn cầu

Trên cơ sở đó, Ngân hàng xác định được các chủ đề trọng yếu và Ma trận trọng yếu dưới đây:

MA TRẬN LĨNH VỰC TRỌNG YẾU CỦA MB NĂM 2024



CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU

TT	Chủ đề	Ý nghĩa	Tham chiếu UN SDG
1	Tài chính xanh	Tài chính xanh tại MB được thể hiện qua các hoạt động tài chính, đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo, hỗ trợ các ngành nghề/lĩnh vực thân thiện/giảm tác động tiêu cực đến môi trường, đầu tư xanh và trái phiếu xanh.	  
2	Tài chính toàn diện	MB thúc đẩy hoạt động ngân hàng trở nên dễ tiếp cận tới mọi phân khúc khách hàng cá nhân, mọi khu vực địa lý; hỗ trợ doanh nghiệp trong mọi giai đoạn tăng trưởng đi đôi với sự an toàn, hiệu quả và bền vững.	 
3	Trải nghiệm khách hàng	MB hướng đến xây dựng các trải nghiệm xuất sắc - Xuất phát từ nhu cầu và vươn tới kỳ vọng của khách hàng.	 
4	Giảm phát thải	MB triển khai các sáng kiến giảm tác động đến môi trường, liên quan đến nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính theo phạm vi 1 và 2 trong hoạt động của ngân hàng.	  
5	Quản lý rủi ro ESG, bao gồm rủi ro khí hậu	Những nỗ lực nhằm nhận diện, đánh giá và giảm thiểu rủi ro ESG, bao gồm rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, gồm hiểu biết tác động tiềm ẩn của các yếu tố liên quan đến khí hậu trong hoạt động, tài sản và ổn định tài chính của ngân hàng; thực hiện các biện pháp thích ứng, góp phần chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.	
6	Giáo dục & Đào tạo	Bao gồm đào tạo, nâng cao kỹ năng của nhân viên về các kiến thức kỹ năng cần thiết, bao gồm nội dung phát triển bền vững, và phương pháp đánh giá hiệu suất, phát triển nghề nghiệp.	 
7	Đóng góp cho cộng đồng	MB thực hiện đóng góp cho sự phát triển của quốc gia, của cộng đồng, thể hiện qua cam kết và các hoạt động có trách nhiệm với xã hội bên cạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi.	
8	Đạo đức kinh doanh	MB hướng tới các chuẩn mực đạo đức kinh doanh như Quy tắc ứng xử, cạnh tranh lành mạnh..., thực hiện và báo cáo minh bạch theo các thông lệ tốt.	
9	Tuân thủ quy định	Tinh thần “Thượng tôn Pháp luật” tại MB thể hiện ở cam kết tuân thủ quy định luật pháp, gồm các quy định môi trường - xã hội, thực hành quản trị tốt ...	
10	Chuyển đổi số	Quá trình MB chuyển đổi số, thúc đẩy số hóa các sản phẩm dịch vụ, cho phép khách hàng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ có ứng dụng công nghệ, mọi lúc mọi nơi, hạn chế đi lại; hỗ trợ ngân hàng điều chỉnh quy trình kinh doanh và thực hành phát triển bền vững một cách hiệu quả hơn.	 
11	An ninh mạng	MB thúc đẩy văn hóa, nhận thức về an ninh mạng, bảo vệ tài sản của ngân hàng khỏi các mối đe dọa và duy trì niềm tin của khách hàng, thông qua đào tạo về an ninh mạng giúp nhân viên nhận biết, ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa tiềm ẩn cũng như báo cáo hoạt động/sự cố bất thường.	 
12	Quản trị dữ liệu	MB thực hiện quản trị dữ liệu liên quan tới ESG đảm bảo việc công bố thông tin, sử dụng dữ liệu tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật thông tin và có trách nhiệm.	 



Quản trị phát triển bền vững tại MB

Cơ cấu quản trị phát triển bền vững tại MB

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Không có sự thay đổi so với năm 2023, theo đó:



Ông **LUU TRUNG THAI** • Chủ tịch HĐQT

Chủ trì, phụ trách công tác PTBV Tập đoàn (trọng tâm về các mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh, công nghệ)



Bà **VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG** • Phó Chủ tịch HĐQT

Hỗ trợ Chủ tịch công tác định hướng, chỉ đạo, giám sát về phát triển bền vững tại MB



Bà **VŨ THÁI HUYỀN** • Thành viên HĐQT

Hỗ trợ Chủ tịch công tác định hướng, chỉ đạo, giám sát về phát triển bền vững tại các công ty thành viên



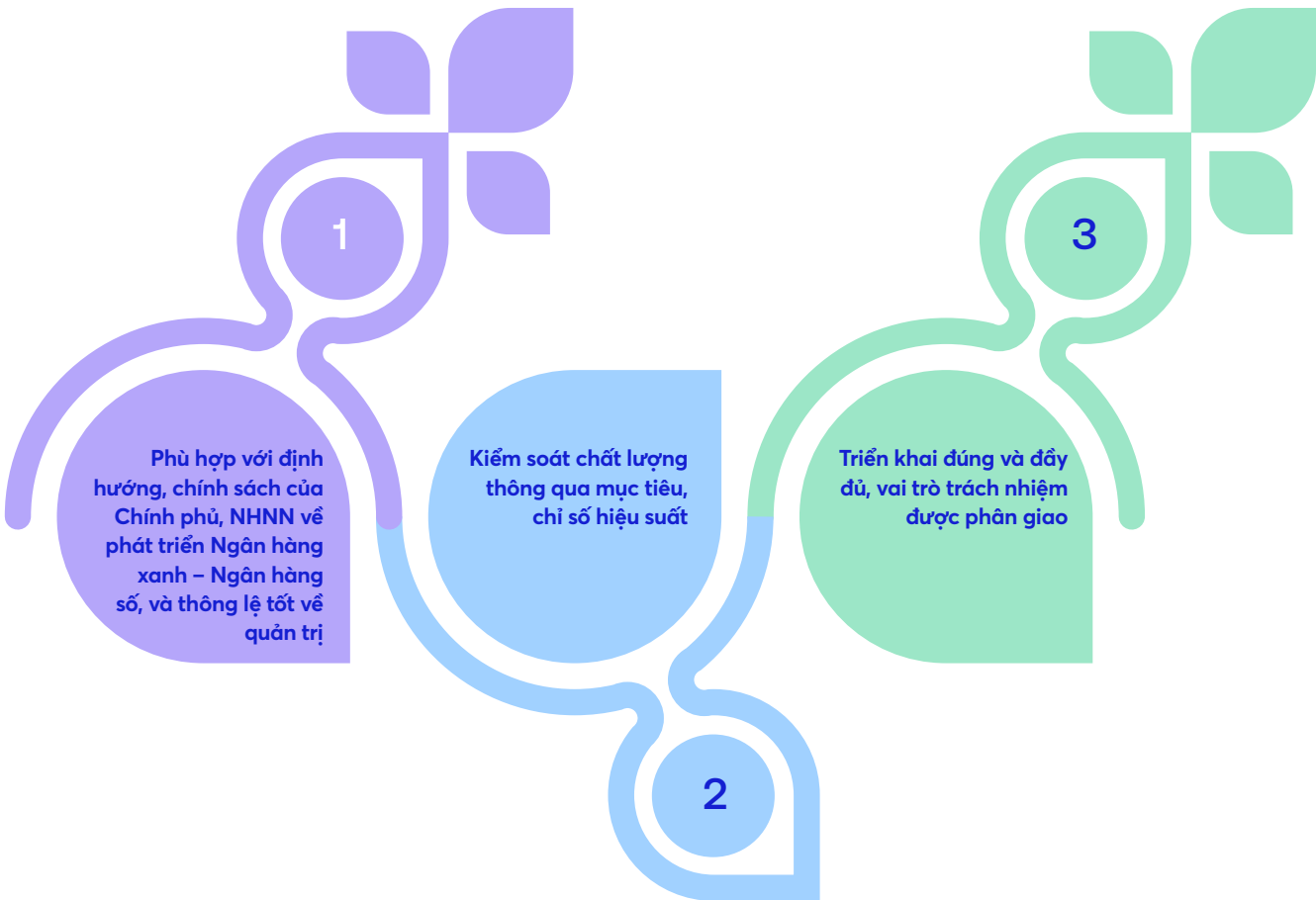
Ông **PHẠM NHƯ ẮNH** • Tổng Giám đốc

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai hoạt động phát triển bền vững tại MB

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng quản trị	Ban Điều hành	Các đơn vị phụ trách triển khai
Chịu trách nhiệm cao nhất về PTBV Tập đoàn:	Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo tổ chức triển khai và giám sát triển khai mục tiêu PTBV được HĐQT thông qua:	Các đơn vị phụ trách triển khai bao gồm:
Định hướng, hoạch định mục tiêu dài hạn và hoạt động bền vững của MB, thông qua các chủ đề môi trường – xã hội – quản trị trọng yếu và phạm vi chủ đề này	Điều hành, tổ chức triển khai các chỉ đạo, nghị quyết liên quan tới PTBV	VP HĐQT: đo lường hiệu suất và kết quả triển khai mục tiêu PTBV
Chỉ đạo và giám sát triển khai hoạt động về PTBV	Giám sát các đơn vị triển khai nhiệm vụ được giao liên quan đến PTBV	Khối QTRR: triển khai các công tác quản trị rủi ro liên quan đến PTBV tập đoàn
Rà soát định kỳ các mục tiêu PTBV	Rà soát định kỳ các mục tiêu PTBV	Các đơn vị liên quan: chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch hành động về PTBV; phối hợp, đảm bảo thực hiện mục tiêu hiệu quả

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Báo cáo của Ban Điều hành về trách nhiệm Môi trường – Xã hội

Trên hành trình 30 năm xây dựng và phát triển, MB luôn tiên phong tích hợp các yếu tố Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (S) trong triển khai các mục tiêu dài hạn của Tập đoàn, MB xác định phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là cam kết xuyên suốt trong chiến lược kinh doanh.

MB chú trọng thực hiện các cam kết, trách nhiệm về môi trường và xã hội, nỗ lực đóng góp vào sự phát triển chung quốc gia thông qua triển khai Chương trình hành động ESG trọng tâm hàng năm, cụ thể:

MB ĐÃ TÍCH HỢP ESG TOÀN DIỆN VÀ ĐẦY ĐỦ TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG



Dư nợ tín dụng xanh chiếm ~8,5% tín dụng toàn hàng, tập trung vào lĩnh vực năng lượng sạch – năng lượng tái tạo & nông – lâm nghiệp bền vững. Ban hành Khung Tài chính bền vững – Tài chính xanh và xây dựng Khung quản trị rủi ro môi trường xã hội phù hợp với thông lệ quốc tế và tiêu chuẩn luật pháp Việt Nam, đảm bảo MB tài trợ cho những dự án có tiêu chuẩn cao về bảo vệ môi trường. Số

hóa hoạt động vận hành, chuyển đổi Số tại sàn giao dịch ~ 99%, nghiệp vụ tiết kiệm, rút tiền tại ATM/CRM đạt ~ 94%, Thu hút 4,1 triệu App mới, 54 nghìn BIZ mới, với 98,6% giao dịch trên kênh số, Doanh thu kênh số đạt 36% doanh thu toàn hàng. Năm 2024, MB được vinh danh “Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc” do Hội truyền thông số Việt Nam và Tạp chí điện tử tổ chức.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN



Các chỉ tiêu môi trường (nước thải, khí thải...) luôn duy trì đạt tiêu chuẩn Việt Nam QCVN trước khi xả thải ra ngoài môi trường, quan trắc định kỳ đảm bảo

chất lượng nước sinh hoạt và không khí môi trường làm việc đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

BỒI DƯỠNG VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO



Duy trì thường xuyên các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực thông qua chuỗi các chương trình đào tạo MB Leader, năng lực Digital, Bee Smart. Triển khai phong trào sáng kiến cải tiến hoạt động, sản phẩm dịch

vụ (Beevoice). Đẩy mạnh phát triển nhân tài mới, linh hoạt theo phương pháp làm việc mới MB1688; quản trị nhân sự hướng đến chuyển dịch số, trang bị công cụ và kỹ năng số cho mọi nhân viên MB.

CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI VÌ CỘNG ĐỒNG



Thực hiện 111 chương trình an sinh xã hội – thiện nguyện trên cả nước với tổng ngân sách gần 400 tỷ đồng. Nền tảng xã hội Thiện nguyện thu hút hơn 1,36 triệu thành viên, cung cấp tiện ích cho hơn 1.550 tổ chức – các nhân gây quỹ, triển khai hơn 6.000 chiến dịch, vận động hơn

580 tỷ đồng trong năm 2024. MB đã nhận Bằng khen từ Hội tri ân Gia đình Liệt sĩ Việt Nam, tham gia triển lãm Đối mới sáng tạo về khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi số quốc gia do Bộ Công an chủ trì. Năm 2024, MB tiếp tục đóng góp hơn 8,6 nghìn tỷ đồng vào Ngân sách nhà nước.

Năm 2025, với vai trò là một **Ngân hàng có trách nhiệm xã hội cao**, MB cam kết thực hiện các Chính sách tín dụng bền vững, ưu tiên tài trợ cho các dự án năng lượng sạch, hạ tầng xanh và doanh nghiệp có đóng góp trong công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, MB không ngừng thực thi các chương trình trách nhiệm xã hội, hướng đến cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trụ cột Khách hàng

Tài chính xanh



Cơ chế

MB chú trọng đa dạng hóa các nguồn vốn huy động phục vụ cấp cho chiến lược ngân hàng xanh, tăng trưởng xanh. Nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ tín dụng xanh từ các định chế tài chính quốc tế góp phần hỗ trợ MB trong việc tập trung nguồn lực tín dụng cho các dự án thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngoài việc tiếp cận và tìm kiếm nguồn vốn xanh, MB cũng làm việc với đội ngũ tư vấn kỹ thuật đến từ các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng khung chính sách về tài chính bền vững, thiết lập hệ thống theo dõi, quản lý và báo cáo về tình trạng sử dụng vốn cho các dự án xanh.

Trong năm 2024, MB đã ban hành Khung Tín dụng xanh tuân thủ Nguyên tắc Tín dụng xanh (GLP¹) của Hiệp hội thị trường tín dụng (LMA²), Khung Tín dụng xanh của MB gồm các nguyên tắc hướng dẫn, quy trình và tiêu chí xanh nghiêm ngặt – là cơ sở quan trọng giúp MB:

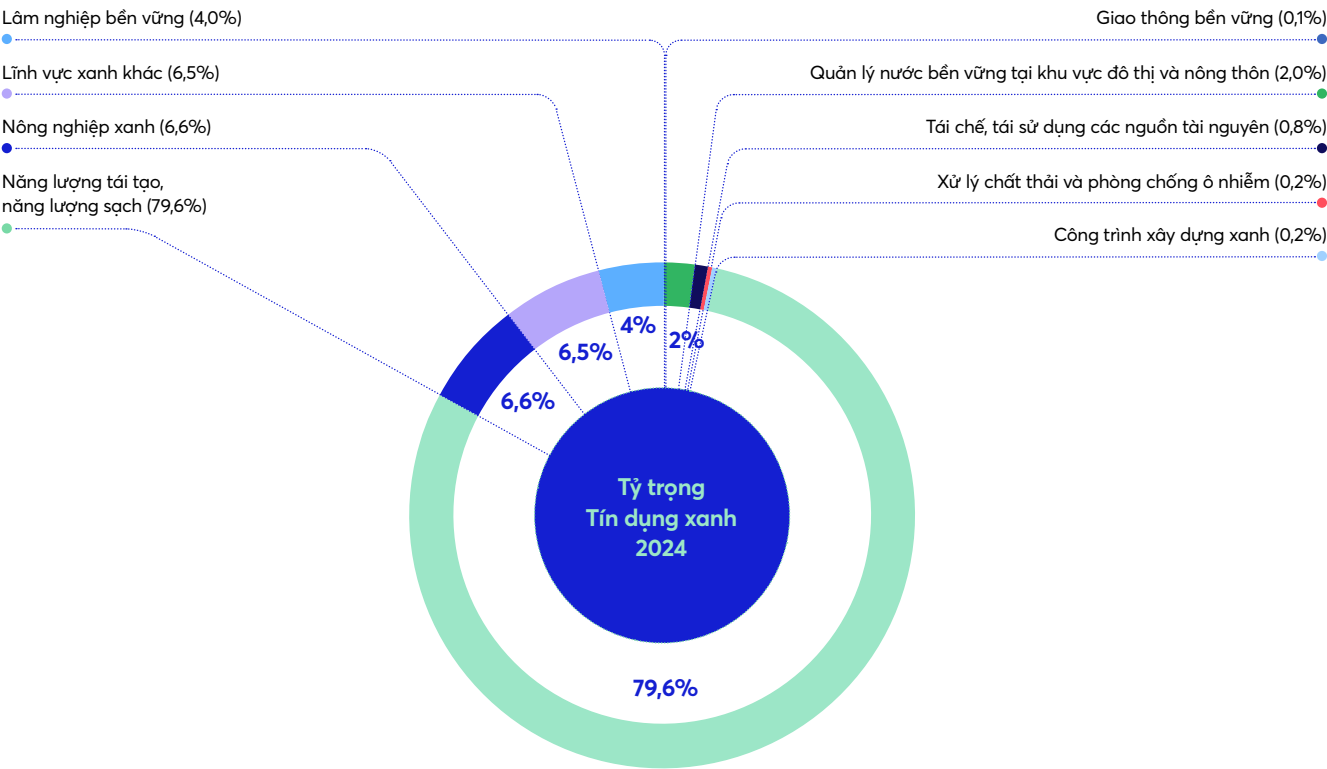
- Đánh giá, lựa chọn, giám sát và báo cáo các hoạt động cấp tín dụng xanh, đồng thời hỗ trợ các hoạt động của khách hàng MB trong các lĩnh vực mang lại tác động tích cực tới môi trường
- Định hướng các nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng và môi trường;
- Đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và bền vững trong các dự án tài chính, góp phần xây dựng nền kinh tế xanh - bền vững, và hiện thực hóa cam kết của MB trong đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.



1. GLP – Green loan principles: Nguyên tắc Tín dụng xanh
2. LMA – Loan Market Association: Hiệp hội thị trường tín dụng

Kết quả hoạt động năm 2024

Giai đoạn 2020 – 2024, tỷ trọng tín dụng xanh tại MB chiếm trung bình 8,8% quy mô tín dụng toàn hàng; tính đến hết ngày 31/12/2024 quy mô tín dụng xanh của MB đạt 65.063 tỷ đồng (tăng 4,5 lần so với năm 2020); trong đó: 79,6% quy mô tín dụng xanh thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo – năng lượng sạch; 10,6% thuộc lĩnh vực nông nghiệp xanh – lâm nghiệp bền vững, và 9,8% thuộc các lĩnh vực xanh khác.

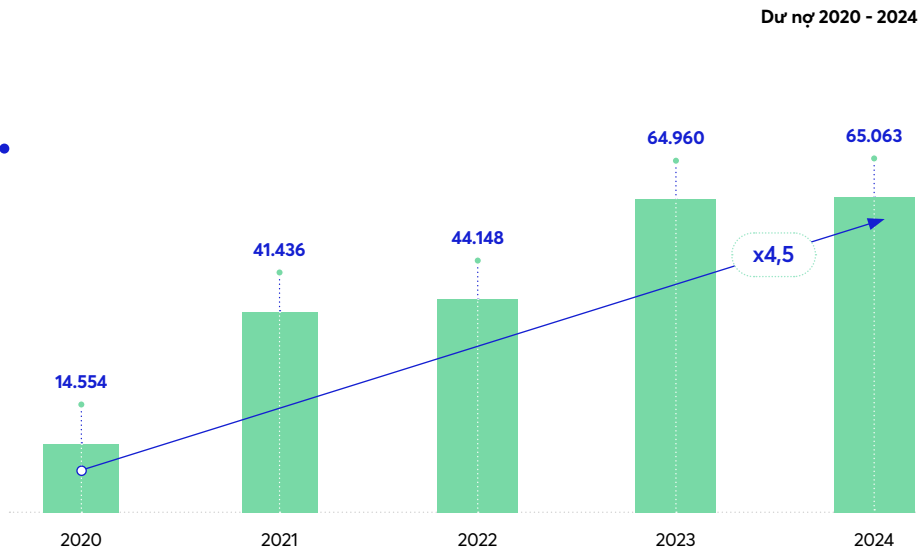


QUY MÔ TÍN DỤNG XANH ĐẠT

65.063 TỶ ĐỒNG

4,5 LẦN SO VỚI 2020

Kết quả Tín dụng xanh giai đoạn 2020 – 2024 theo các ngành, lĩnh vực xanh do NHNN ban hành



Đơn vị: Tỷ VND, %
Nguồn: Số liệu MB đã báo cáo NHNN các năm 2020 – 2024

Để đáp ứng các nhu cầu vốn xanh cho các phân khúc khách hàng khác nhau, và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu xanh trong các ngành kinh tế, MB luôn ưu tiên room tín dụng trong giai đoạn hạn chế room, lãi suất tài trợ lĩnh vực xanh giảm 1-2% so với lãi suất thông thường và đa dạng các hình thức đầu tư, cho vay như hạn mức kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, thư tín dụng ... theo từng phân khúc, cụ thể:

Phân khúc Khách hàng Cá nhân

Các sản phẩm xanh gồm các khoản vay mua ô tô điện, nhà ở có chứng nhận xanh, vay sản xuất kinh doanh và chi tiêu qua thẻ tín dụng HiGreen. Riêng đối với vay sản xuất kinh doanh của cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn trong lĩnh vực nông nghiệp, mức cho vay

tối đa không có tài sản bảo đảm từ 50 – 100 triệu đồng; cho phép cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa 70% giá trị của dự án, phương án đầu tư nông nghiệp công nghệ cao để khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao.



Phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp

Tỷ lệ tài trợ tối đa lên đến 100% giá trị tài sản/hợp đồng/hóa đơn đầu vào, các sản phẩm tín dụng xanh tập trung tại các lĩnh vực:



Năng lượng sạch – năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả:

Áp dụng các chứng nhận về quy trình ISO, nhãn năng lượng,... với:

- **Gói sản phẩm tài trợ vốn lưu động dành cho các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp, lắp đặt thiết bị điện**



Lĩnh vực nông – lâm nghiệp:

Áp dụng các chứng nhận ISO, GlobalGAP, VietGAP, GMP, Organic, JSC,... gồm các chương trình, sản phẩm:

- **Chương trình tài trợ ngành gạo vùng Tây Nam bộ** là giải pháp pháp bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện sản xuất, kinh doanh gạo tại vùng Tây Nam Bộ;
- **Chương trình tài trợ ngành điều** là giải pháp bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện sản xuất, chế biến, kinh doanh điều trong nước và xuất khẩu;
- **Gói sản phẩm tài trợ doanh nghiệp sản xuất ngành tinh bột sắn** cung cấp cho khách hàng SME phân khúc nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tinh bột sắn tập trung tại các địa bàn các tỉnh/ thành phố vùng miền Nam và miền Trung;
- **Gói sản phẩm tín dụng cho khách hàng xuất khẩu cao su** cung cấp giải pháp tín dụng cho Top50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su hàng đầu Việt Nam.



Lĩnh vực sản xuất công nghiệp khác

- **Gói sản phẩm tài trợ** cho hành trình chuyển đổi xanh của các doanh nghiệp ngành nhựa, sản xuất trang thiết bị – vật tư y tế, ngành xây lắp, dệt may ...

Hoạt động vay được thực hiện trên nền tảng số cho cả Khách hàng doanh nghiệp và Khách hàng cá nhân, tỷ lệ yêu cầu được hệ thống xử lý thành công đạt 99,97%. Doanh thu kênh số đạt ~36% doanh thu kênh số toàn hàng.



Các hoạt động tiêu biểu khác

Trong năm 2024, MB đã thực hiện tìm hiểu và đầu tư các sản phẩm về thị trường vốn xanh tại Việt Nam góp phần đa dạng hóa danh mục đầu tư sản phẩm xanh của MB, cụ thể:

- Tháng 8/2024, MB đã thực hiện đầu tư thành công Trái phiếu bền vững (Sustainable Bond) của Tổ chức phát hành BIDV - trái phiếu tuân thủ Hướng dẫn trái phiếu bền vững SBG của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA).
- Tháng 11/2024, MB đã thực hiện đầu tư Trái phiếu xanh (Green Bond) của Tổ chức phát hành VCB - trái phiếu tuân thủ Nguyên tắc trái phiếu xanh GBP của ICMA.

Sản phẩm:
Thẻ chi tiêu HiGreen

Kết quả triển khai Thẻ chi tiêu HiGreen năm 2024

CHI TIÊU BÌNH QUÂN/ KHÁCH HÀNG

4,91 TRIỆU ĐỒNG

92% DỰ PHÓNG BAN ĐẦU

SỐ LƯỢNG THẺ KÍCH HOẠT

63 NGHÌN THẺ

315% KẾ HOẠCH 2024

SỐ LƯỢNG THẺ PHÁT SINH CHI TIÊU

11 NGHÌN THẺ



- KH có thể lựa chọn phát hành thẻ cứng từ nhựa tái chế 100% hoặc thẻ phi vật lý trên App MBBank
- KH sử dụng sản phẩm thẻ HiGreen, cùng MB đóng góp 1% doanh số chi tiêu thẻ vào các dự án đi cùng chiến dịch Bình Minh Xanh
- Thúc đẩy KH sử dụng sản phẩm dịch vụ tại các đối tác xanh: XanhSM, Coolmate,...
- Bổ sung theme HiGreen trên App MBBank

Kế hoạch cải tiến

Trong các giai đoạn tiếp theo MB duy trì tỷ trọng tín dụng xanh ở mức 8 – 10%/ năm, tập trung phân bổ nguồn vốn xanh vào các nhóm ngành mang lại hiệu quả cao trong giảm thiểu biến đổi khí hậu và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng công bằng theo mục tiêu cam kết của Chính phủ Việt Nam gồm: năng lượng, nông – lâm nghiệp, công nghiệp; tiếp tục phát triển các chính sách sản phẩm tín dụng xanh cho từng phân khúc để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh của Chính phủ, NHNN và của MB.

1. SBG – Sustainability Bond Guidelines: Hướng dẫn Trái phiếu bền vững
2. ICMA – International Capital Market Association: Hiệp hội thị trường vốn quốc tế
3. GBP – Green Bond Principles: Nguyên tắc trái phiếu xanh

Trải nghiệm khách hàng



MB luôn ý thức được rằng, thành công của chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển là nhờ có sự tin tưởng và đồng hành của khách hàng. Chính vì vậy, Ngân hàng luôn quan tâm và chú trọng xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất.

Cơ chế

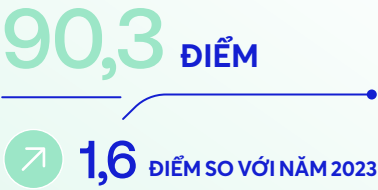
MB đã ban hành Bộ Quy chế và Quy trình Quản lý chất lượng dịch vụ nhằm quy định các nguyên tắc, cách thức tổ chức và quản lý dịch vụ khách hàng trên toàn hệ thống, đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB.

Kết quả hoạt động

Khảo sát thực hiện trên 1,5 triệu lượt khảo sát khách hàng năm 2024 về mức độ hài lòng đối với sản phẩm, dịch vụ của MB:

Chỉ số hài lòng của Ngân hàng MB (CSAT, NPS, CES) đạt ngưỡng thông lệ cao, đều đạt và vượt so với mục tiêu năm 2024 và kết quả hoạt động năm 2023.

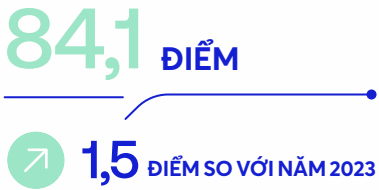
CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG CSAT



CHỈ SỐ TRUNG THÀNH KHÁCH HÀNG NPS



CHỈ SỐ NỖ LỰC/ĐỀ DÀNG TIẾP CẬN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CỦA MB CES



KHÁCH HÀNG LÀ TRUNG TÂM

“Xây dựng các trải nghiệm xuất sắc - Xuất phát từ nhu cầu và vươn tới kỳ vọng của khách hàng.”

Chỉ số Chất lượng dịch vụ của kênh MB247 được đánh giá qua Kênh quản lý chất lượng MB

Chỉ số CLDV		CSAT	NPS	CES
Năm 2023		86,9	52,6	70,6
Năm 2024	Kế hoạch	90	60	75
	Kết quả	90,7	57,7	75,2
So sánh	24/23	3,8	5,1	4,6

Năm 2024 các chỉ số CSAT và CES của MB247 đều đạt mục tiêu:

ĐIỂM CSAT

90,7/90

0,7 ĐIỂM SO VỚI KỶ VỌNG

ĐIỂM CES

75,2/75

0,2 ĐIỂM SO VỚI KỶ VỌNG

Điểm NPS chưa đạt mục tiêu 57,7/60 do:

- Khách hàng vẫn đánh giá chưa tiếp cận được nhanh chóng với tổng đài (các thời điểm xảy ra sự cố, sinh trắc học,...) do lưu lượng KH kết nối tăng cao trong cùng thời điểm
- Chất lượng nhân sự chưa đồng đều do tại MB247 tỷ lệ nhân sự outsource chiếm khoảng 85%, nhân sự ra vào liên tục, tỷ lệ nhân sự có thâm niên dưới 3 tháng chiếm gần 35%/tổng nhân sự

Kênh MB247 tự đánh giá

Tỷ lệ khách hàng hài lòng

Năm	Kênh CALL		Kênh APP CHAT
	Autocall	Bot	Agent
2023	75%	71,5%	76%
2024	80,2%	76,3%	82,04%
24/23	5,2%	4,8%	5,8%

Hiện tại MB 247 có thể tiếp nhận yêu cầu KH qua nhiều kênh bao gồm kênh truyền thông đa phương tiện, website, eMB helper, email, điện thoại, Facebook:

Hotline: 1900 545426

Quốc tế gọi về: (84-24)3767 4050

Kênh email: mb247@MBBank.com.vn

eMB helper: Chat trên APP MBBank/BIZ MBBank: Khách hàng chat trực tiếp với nhân viên ngay trên APP hoặc để lại nhu cầu cần hỗ trợ để được nhân viên liên hệ giải đáp.

Từ tháng 10/2024, MB247 đã golive giải pháp App to call, khách hàng có thể đăng nhập App MB và thực hiện cuộc gọi miễn phí thông qua mạng Internet.

Facebook: Tư vấn giải đáp thắc mắc qua comment/inbox: MBBank

Website MB: Tiếp nhận và trả lời các yêu cầu khách hàng để lại qua website của MB: <https://www.MBBank.com.vn/home>

Chợ ứng dụng: trả lời, giải đáp vướng mắc các yêu cầu khách hàng để lại trên chợ ứng dụng App Store và CH Play

Tài chính toàn diện



Cơ chế

Bám sát chỉ đạo, định hướng chính phủ, NHNN về việc triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, MB đã phát triển đa dạng các kênh phân phối hỗ trợ cho mọi người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản một cách thuận tiện với chi phí hợp lý.

Kết quả

Phát triển mô hình đại lý thanh toán:

Cuối năm 2024, MB và Viettel đã chính thức hợp tác triển khai mô hình đại lý thanh toán nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng trên toàn quốc một cách dễ dàng và nhanh chóng, đặc biệt các khách hàng vùng sâu vùng xa chưa có cơ hội thuận lợi đến các chi

nhánh ngân hàng. Các dịch vụ dự kiến cung cấp trong thời gian tới thông qua mô hình đại lý thanh toán gồm: hỗ trợ nộp hoặc rút tiền mặt, thanh toán dư nợ thẻ tín dụng, chuyển tiền và thực hiện dịch vụ thanh toán khác phù hợp theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT – NHNN.

Phát triển các kênh thanh toán hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là qua điện thoại di động:

MB triển khai Chương trình Tài khoản địa phương đưa App MB đến gần hơn với tệp khách hàng đại chúng trên mọi vùng miền; riêng năm 2024, App MB thu hút mới 4,1 triệu người dùng, nâng tổng số khách hàng Ngân hàng phục vụ lên hơn 30 triệu khách hàng, tỷ lệ giao dịch

kênh số đạt 98,6%. Trên kênh truyền thống, tính đến thời điểm 31/12/2024 MB có 319 CN/PGD trong nước hoạt động, 74/319 CN/PGD tại địa bàn nông thôn, năm 2024 MB đã mở rộng mạng lưới đến các khu vực kinh tế tỉnh Kon Tum, Đắk Nông, Cao Bằng và Hậu Giang.

Số lượng khách hàng mới tại các vùng khó khăn được tiếp cận các dịch vụ của MB trong năm 2024:

STT	Tỉnh	SL KH mới (trong 2024)	Ghi chú
1	Sơn La	55.316	
2	Điện Biên	30.455	
3	Yên Bái	38.416	
4	Lào Cai	33.114	
5	Gia Lai	39.371	
6	Kon Tum	12.075	Mới thành lập trong năm 2024
7	Đắk Nông	22.238	Mới thành lập trong năm 2024
8	Cao Bằng	22.040	Mới thành lập trong năm 2024

Hơn **1.000 điểm giao dịch ATM/CRM, tăng 2%** so với năm 2023, đẩy mạnh phát triển mạng lưới POS với hơn **6.300 điểm POS** trên toàn quốc, **tăng 118%** so với năm 2023 và triển khai mô hình chi nhánh tự phục vụ SmartBank với lũy kế đạt **100 SmartBank** trong năm 2024.

Cung cấp tài khoản thanh toán không chịu phí duy trì tài khoản và số dư tài khoản tối thiểu; MB không áp dụng duy trì số dư tối thiểu của các tài khoản thanh toán đối với tất cả các khách hàng tại MB đáp ứng quy định của NHNN, trong đó bao gồm người về hưu, người hưởng trợ

cấp xã hội, người già, học sinh sinh viên và những đối tượng phù hợp khác. Theo đó, thúc đẩy đối tượng khách hàng này thường xuyên sử dụng các dịch vụ của Ngân hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt. Trong năm 2024 MB tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức trung gian thanh toán, cổng dịch vụ công quốc gia để kết nối và cung ứng dịch vụ thanh toán công quốc gia để kết nối và cung ứng dịch vụ thanh toán thuận lợi cho khách hàng ngay trên ứng dụng App/ BIZ MBBank với các công nghệ mới nhất, thúc đẩy thanh toán **không dùng tiền mặt** thuận lợi cho mọi người dân. Cụ thể:

Hợp tác với các đối tác chiến lược như Viettel, EVN và các công ty fintech hàng đầu để đáp ứng nhu cầu thanh toán các hóa đơn định kỳ như điện, nước, internet, điện thoại, học phí và các nhu cầu chuyển tiền khác.



Dịch vụ thu hộ Ngân sách Nhà nước (NSNN) là dịch vụ MB hợp tác với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan để thực hiện thu hộ tại quầy MB các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản thu NSNN khác của tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm nhưng không hạn chế các khoản thuế sau: Thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng hàng xuất nhập khẩu hàng sản xuất trong nước.



Dịch vụ thu tiền bảo hiểm xã hội (BHXH) là dịch vụ mà MB thực hiện thu tiền BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) cho các đối tượng tham gia các loại BHXH qua các kênh thanh toán của MB.



Dịch vụ thu hộ tiền điện là dịch vụ MB hợp tác với Tổng Công ty Điện lực cung cấp miễn phí dịch vụ thu hộ tiền điện hàng tháng dành cho khách hàng cá nhân và tổ chức sử dụng điện của EVN thông qua các kênh thanh toán của MB gồm: thu tại quầy, thu hộ tự động, thu qua Internet Banking và App MBBank.





Các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng tới những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện đều được đưa lên ứng dụng ngân hàng số (App, BIZ MBBank) nhằm tạo điều kiện cho mọi đối tượng của tài chính toàn diện dễ dàng tiếp cận, sử dụng. Cụ thể:

Tiền gửi số tích lũy/cố định, chứng chỉ tiền gửi số: lãi suất các sản phẩm dao động từ 4,7 – 5,9%/năm, với lãi suất cố định trong kỳ hạn gửi.

Sản phẩm thẻ (cho sinh viên, thẻ trả lương ...): thẻ ghi nợ gắn với tài khoản cá nhân phù hợp với đại đa số khách hàng, sử dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với thủ tục mở đơn giản và nhiều ưu đãi trong các gói phí dịch vụ đi kèm.

Sản phẩm Vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm trên App MBBank phục vụ nhu cầu cá nhân và gia đình, thời gian cho vay lên tới 60 tháng, hạn mức vay đa dạng từ 10 triệu – 1,5 tỷ đồng. Khách hàng trực tiếp đăng ký vay vốn, giải ngân, truy vấn, tra cứu sao kê ... ngay trên App MBBank với tính bảo mật cao, hiện đại và thân thiện với người dùng.

Sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn: MB triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn tại các lĩnh vực trồng lúa, nuôi cá da trơn, hỗ trợ người dân nuôi tôm hùm và cho vay phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tây Nguyên và Tây Nam bộ, với lãi suất ưu đãi chỉ từ 5,5% cho vay dựa trên diện tích canh tác và chi phí nuôi trồng theo lĩnh vực ngành nghề.

Sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh: MB triển khai các gói vay cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các ngành nghề trọng tâm như xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ khí, nhựa, dược – thiết bị y tế, hàng tiêu dùng với lãi suất ưu đãi chỉ từ 5,5%. Ngoài ra các tính năng sản phẩm online/trên kênh số như Hợp đồng tiền gửi, bảo lãnh, giải ngân ... trên 2 kênh ngân hàng điện tử App MB cho KHCN và BIZ MB cho KHDN, bao gồm doanh nghiệp SME.

Kế hoạch cải tiến

Đối với mạng lưới thanh toán ATM/ POS trên toàn quốc, ngoài việc bố trí, lắp đặt tại những nơi đông dân cư thì MB còn chú trọng lắp đặt ở những nơi vùng xa, đặc biệt là những nơi công tác, làm việc của lực lượng quân nhân vùng xa, điều đó cho thấy MB chú trọng phục vụ mục tiêu xã hội, an ninh quốc phòng bên cạnh hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

MB tiếp tục tìm kiếm và hợp tác với các trung gian thanh toán để phát triển các mô hình thanh toán; cũng như phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng cho doanh nghiệp SME, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh và các đối tượng của tài chính toàn diện. Qua đó hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đặc biệt ở các điểm vùng sâu, vùng xa tiếp cận với các dịch vụ thanh toán hiện đại, công nghệ tiên tiến, đảm bảo góp phần thực hiện chủ trương của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.



Trụ cột Môi trường

Giảm phát thải và quản lý tác động đối với môi trường



PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Nhằm đồng hành với cam kết của Chính phủ Việt Nam trong hành trình hướng tới Net Zero và đáp ứng xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, MB đã triển khai các sáng kiến và chương trình hành động nhằm làm giảm thiểu lượng điện tiêu thụ tại trụ sở để bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động đến khí hậu. MB theo dõi lượng điện năng tiêu thụ tại Hội sở chính, làm cơ sở để tính toán lượng phát thải tạo ra do hoạt động sử dụng điện mua của Ngân hàng.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng/ (Giảm)
Phát thải khí nhà kính gián tiếp – Phạm vi 2 (Tấn CO2)	3.261,8	3.545,2	Giảm 8%

Cơ sở tính toán

Hiện tại, MB có thể theo dõi và báo cáo lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ lượng điện tiêu thụ tại Tòa nhà Hội sở - 18 Lê Văn Lương cho năm 2024 với lượng điện năng tiêu thụ là 4.948.100 kWh

Lượng phát thải từ điện tiêu thụ tại hội sở cho năm 2024: 3.261,8 Tấn CO₂

Hệ số quy đổi sang tấn CO2 của điện tiêu thụ năm 2024 của MB được xác định theo công văn số 1726/BĐKH-PTCBT về Hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2023 do Cục Biến đổi khí hậu - Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 03/12/2024 là 0,6592 tCO2/MWh.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải tại MB

Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng: sử dụng đèn Led – thay thế 2000 đèn LED tại các khu vực công cộng của tòa nhà Hội sở, hệ thống quản lý doanh nghiệp (Business Process Management) kiểm soát năng lượng tòa nhà...

Kế hoạch cải tiến

Trong năm 2025, MB triển khai ứng dụng nền tảng công nghệ để xây dựng cơ sở về phát thải carbon phạm vi toàn hàng và số hóa quy trình theo dõi, đánh giá các chỉ số môi trường trong hoạt động vận hành, góp phần giúp MB hiện thực hóa mục tiêu giảm phát thải, hướng ứng cam kết Net Zero vào năm 2050 của Chính phủ.

CHÍNH SÁCH CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, MB luôn tuân thủ các chính sách và quy định pháp luật liên quan đến môi trường. Cụ thể, căn cứ trên tiêu chuẩn chuyên môn và chính sách đối với tiêu chuẩn dịch vụ tòa nhà nhằm tuân thủ đúng pháp luật đối với bảo vệ môi trường, tại

QĐ 10883/HD-QLTN đã ban hành bộ tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ môi trường, bao gồm các quy định về khu tập kết rác thải, tiêu chuẩn thùng rác, kiểm soát khu vực vận chuyển rác thải cùng các tiêu chuẩn vệ sinh khác áp dụng tại các tòa nhà Hội sở MB.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm, MB không ghi nhận bất kì vi phạm hoặc xử phạt nào liên quan đến không tuân thủ pháp luật về môi trường.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng/ (Giảm)
Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường (Đơn vị tính: lần)	Không có	Không có	-
Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường (Đơn vị tính: VNĐ)	Không có	Không có	-

QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu được sử dụng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng/ (Giảm)
Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng			
Giấy (gr/người)	2,3	4,1	Giảm 43,9%
Mực in (gr/người)	75,1	116,6	Giảm 35,6%

Lượng nguyên vật liệu sử dụng/người được theo dõi tại Hội sở chính 18 Lê Văn Lương. Lượng giấy sử dụng/người giảm 43,9% và lượng mực in sử dụng/người giảm 35,6% cho thấy việc áp dụng

chuyển đổi số, sử dụng các ấn phẩm kỹ thuật số thay vì bản in cũng như các chương trình nâng cao ý thức của Cán bộ nhân viên đã giúp giảm thiểu việc in ấn tài liệu hiệu quả.

Các sáng kiến và biện pháp giảm lượng nguyên vật liệu được sử dụng

Chuyển đổi túi đựng tiền từ nylon sang túi vải

Năm 2024, do số chi nhánh của Ngân hàng là 188 chi nhánh, tăng 16 chi nhánh so với năm 2023 (là 172 chi nhánh) nên tổng số lượng túi đựng tiền (túi nylon/túi vải) sử dụng là 1.553.150 sản phẩm (tăng 58% so với năm 2023: 985.074 sản phẩm) nhằm đáp ứng số lượng khách hàng tăng thêm của MB.

Tuy lượng sử dụng túi đựng tiền tăng lên, nhưng tỷ lệ túi nylon năm 2024 là 58%, giảm 12% so với tỷ lệ túi nylon năm 2023 là 70%. Tỷ lệ túi vải không dệt năm 2024 đạt 42% tăng 12% so với tỷ lệ túi vải không dệt năm 2023 (30%). Việc gia tăng tỷ lệ chuyển đổi túi vải thay thế túi nylon góp phần giảm thải nylon và nâng cao văn hóa sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.

Tăng cường chuyển đổi sử dụng sản phẩm số

Tương tự, tổng số lượng ấn phẩm năm 2024 là 2.752.154 sản phẩm (so với năm 2023: 2.673.673 sản phẩm). Số lượng CN đăng ký tăng lên tuy nhiên tỷ lệ trung bình sử dụng/1 đơn vị năm 2024 (14.639 sản phẩm/đơn vị) thấp hơn so với năm 2023

(15.545 sản phẩm/đơn vị). Tỷ lệ sử dụng ấn phẩm giảm/bình quân đơn vị cho thấy các đơn vị toàn hệ thống đã tăng cường chuyển đổi sử dụng sản phẩm số, giảm thiểu bản in, góp phần bảo vệ môi trường.

QUẢN LÝ NƯỚC TIÊU THỤ

Thông tin về mức tiêu thụ nước

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng / (Giảm) so với 2023
Tổng lượng nước sử dụng				
Nguồn từ các cơ sở cấp nước đô thị hoặc công cộng hoặc tư nhân khác	29.862 m³	27.935 m³	22.672 m³	Tăng 6,9%

Nước là nguồn tài nguyên quan trọng cần được bảo tồn và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong cộng đồng là sử dụng nước một cách hiệu quả, bền vững. Mặc dù do đặc thù hoạt động kinh doanh ngân hàng không gây tác động nhiều đến nguồn nước tự nhiên và nhu cầu sử dụng nước tại MB chủ yếu phục vụ các yêu cầu cơ bản, Ngân hàng vẫn luôn tích cực và chủ

động triển khai các hoạt động, sáng kiến thúc đẩy tiết kiệm nước.

Năm 2024, tuy tổng lượng nước tiêu thụ của MB năm 2024 tăng 6,9% nhưng lượng nước tiêu thụ bình quân/nhân viên lại giảm 32% so với năm 2023 cho thấy hiệu quả sử dụng nước đã được cải thiện tại ngân hàng.

	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2024 so với năm 2023
Nhân sự (người)	3.300	2.100	2.000	Tăng 57%
Nước (m³)	29.862	27.935	22.672	Tăng 6,9%
m3/người	9,05	13,30	11,34	Giảm 32%

Cơ sở tính toán lượng nước tiêu thụ

Hiện tại, MB có thể theo dõi và báo cáo lượng nước tiêu thụ tại Tòa nhà Hội sở - 18 Lê Văn Lương cho năm 2024. Hội sở MB sử dụng nguồn Công ty Nước sạch 1 thành viên VIWACO. Dữ liệu nước tiêu thụ được theo dõi và thống kê căn cứ số mét khối (m³) nước hiển thị trên các hóa đơn tiền nước hàng tháng mà MB phải chi trả cho VIWACO.

Các sáng kiến và biện pháp tiết kiệm nước

Có được kết quả trên là nhờ vào việc ban hành Hướng dẫn thực hành văn phòng xanh và thực hiện bộ tiêu chí Tòa nhà văn phòng xanh của MB. Ngoài ra, tòa nhà cũng được lắp đặt hệ thống thiết bị nước với tốc độ chảy chậm. Cùng với đó là việc thông tin tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, nhân viên qua Phát thanh nhà M Xanh.

QUẢN LÝ NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Quản lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước tại Tòa nhà Hội sở 18 Lê Văn Lương năm 2024 không có thay đổi so với năm 2023: sử dụng hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày đêm với công nghệ xử lý tiên tiến hiện đại, đảm

bảo nước thải đạt tiêu chuẩn Việt Nam QCVN 14:2028/BTNMT cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, việc quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý được thực hiện định kỳ 3 tháng/lần theo quy định.

Quản lý chất thải

Số liệu rác thải sinh hoạt trong năm 2024 tại Hội sở 18 Lê Văn Lương như sau: 1.080m³, tương ứng 0,33m³/người, giảm 0,11m³/người so với năm 2023 là: 936m³ ~ tương ứng 0,44m³/người.

Hiện tại, MB có thể theo dõi và báo cáo số liệu liên quan đến rác thải sinh hoạt tại Tòa nhà Hội sở - 18 Lê Văn Lương cho năm 2024. Dữ liệu được theo dõi và cung cấp cho MB bởi Urenco – Đơn vị chuyên xử lý rác thải theo số m3 rác thải được thu gom và xử lí.

Phân loại, xử lý rác thải: Rác thải nội bộ được phân loại ngay từ đầu nguồn tại điểm thu rác các tầng bao gồm loại hữu cơ dễ phân hủy và vô cơ khó phân hủy. Các loại rác thải nhựa và giấy cứng, cành cây, củi khô được tách rời, xử lý riêng nhằm tái chế và/hoặc xử lý; Các rác thải nguy hại như bóng đèn, giẻ lau dầu v.v. đều được ký với đơn vị Urenco chuyên xử lý rác thải nguy hại có hợp đồng riêng để xử lý định kỳ theo quý.

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

Năng lượng tiêu thụ

Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng / (Giảm)
Năng lượng tiêu thụ trực tiếp (kWh)	4.948.100	5.378.000	5.295.700	Giảm 8%
Năng lượng tiêu thụ trực tiếp trên mỗi đơn vị diện tích (kWh/m2)	112,36	122,12	120,2	Giảm 8%

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của MB tại tòa nhà Hội sở 18 Lê Văn Lương cho năm 2024 là: 4.948.100 kWh, tương ứng: 112,36 kWh/m2 diện tích sàn
- Giảm 8% so với năm 2023 (tiêu thụ 5.378.000 kWh)

Cơ sở tính toán năng lượng tiêu thụ

Lượng điện tiêu thụ tại tòa nhà MB số 18 Lê Văn Lương được MB theo dõi và thống kê, báo cáo theo số kWh thực tế trên các hóa đơn thanh toán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Các sáng kiến và biện pháp tiết kiệm năng lượng

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: năm 2024 Hội sở MB tại 18 Lê Văn Lương tiết kiệm được 459.200 kWh điện so với năm 2023, đạt 8,49% (vượt so với kế hoạch 3% đề ra).

Các sáng kiến bao gồm



Đối với người dùng

Thay đổi văn hóa, nâng cao ý thức sử dụng điện bằng các giải pháp:

- Giám sát công tác sử dụng thiết bị điện trong tòa nhà tránh thất thoát lãng phí
- Truyền thông đến người dùng (thông báo email/MOffice, bản tin phát thanh nhà M Xanh)



Đối với thiết bị

Đánh giá thiết bị tiêu hao điện năng lớn, thay thế bằng các thiết bị hiệu quả cao tiêu thụ điện thấp (hình thức thay thế cuộn chiếu khi thiết bị hết khấu hao đảm bảo tối ưu chi phí).



Thiết lập các hệ thống kiểm soát, vận hành hiệu quả năng lượng

- Thiết lập cơ chế quản lý vận hành tự động (bật/tắt theo giờ làm việc, hoặc ngoài giờ có đăng ký)
- Khống chế dải nhiệt độ phù hợp với điều kiện thời tiết theo mùa (hiệu quả năng lượng và tránh sốc nhiệt cho người dùng)
- Điều chỉnh giờ vận hành các hệ thống tiêu tốn nhiều năng lượng (quạt hầm, cầu thang bộ, hệ thống bơm...) từ giờ cao điểm về thấp điểm

Quản lý rủi ro môi trường, xã hội và rủi ro khí hậu



Trong bối cảnh nền kinh tế và xã hội trên toàn cầu phải đối mặt với nhiều biến động từ các vấn đề địa chính trị, việc thực hiện các mục tiêu PTBV (SDG) của các quốc gia nói chung và tại Việt Nam nói riêng gặp phải nhiều thách thức đáng kể. Các cam kết của Chính phủ Việt Nam về phát thải khí nhà kính và các kế hoạch huy động nguồn lực tài trợ cho các chương trình chuyển đổi năng lượng, các văn bản quy định pháp luật liên quan đến quản lý tác động môi trường được ban hành và cập nhật thường xuyên đòi hỏi các doanh nghiệp như MB phải có các hoạt động quản trị rủi ro thực sự hiệu quả. Nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo hành trình PTBV luôn khả thi, MB luôn chú trọng vào việc nhận diện, quản lý các rủi ro liên quan đến PTBV, đặc biệt

là các nhóm rủi ro mới nổi có thể phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của ngân hàng – Rủi ro ESG. Rủi ro ESG được cụ thể hóa thông qua các loại rủi ro tài chính trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng. Theo đó, MB đã triển khai áp dụng các quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng (đáp ứng Thông tư 17/2022/TT-NHNN) được tích hợp trong quy trình cấp dụng. Các dự án phát sinh rủi ro môi trường cần có các cam kết và biện pháp và kế hoạch khắc phục cụ thể nếu không đáp ứng MB có quyền từ chối cấp tín dụng để nhằm hạn chế/kiểm soát các dự án có khả năng ảnh hưởng đến môi trường - xã hội.

Dự án “Xây dựng Khung QLRR ESG và xây dựng Khung tài chính bền vững”

Với vai trò trung gian tài chính của ngành ngân hàng và quan điểm “Chuyển đổi xanh là yếu tố tất yếu của thị trường”, MB đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi ESG toàn diện trong hoạt động kinh doanh trong năm 2025. Với mục đích nhằm xây dựng chính sách và cơ chế quản lý rủi ro ESG hiệu quả, tiệm cận với thông lệ tiên tiến quốc tế, MB đã tiến hành triển khai dự án “Xây dựng Khung QLRR ESG và xây dựng Khung tài chính bền vững” trong năm 2024. Bên cạnh hoạt động xây dựng Khung tài chính Xanh nhằm đóng góp cho mục đích phát triển bền vững

về môi trường và khí hậu, khung QLRR ESG cập nhật điều chỉnh các đánh giá, nhận diện và quản lý các rủi ro về môi trường xã hội theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN và tiệm cận thông lệ quốc tế, **MB đã đi đầu trong hoạt động triển khai dự án nghiên cứu và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro khí hậu theo thông lệ tiên tiến.** Được dự kiến hoàn thành trong Quý 2 năm 2025, dự án này có vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào công tác chuyển đổi ESG toàn diện của MB.



Trụ cột Xã hội

Phát triển nguồn nhân lực



MB là một tổ chức ham học hỏi và người trẻ chưa có kinh nghiệm vẫn có nhiều cơ hội lớn để phát triển sự nghiệp dài hạn. Với môi trường làm việc đề cao sự sáng tạo và luôn khuyến khích đổi mới, MB có sức hút rất lớn trên thị trường, đặc biệt là nhóm nhân sự trẻ và những nhân sự có khát vọng trưởng thành và tiến bộ nhanh. MB đặc biệt chú trọng vào hành trình thúc đẩy sự phát triển của nhân viên, và gọi là Hành trình “Từ Vì sao? thành Vì Sao”.

MB là một tổ chức phát triển bền vững, trong đó phát triển bền vững được định hình từ sớm, thể hiện qua Tầm nhìn, định hướng phát triển qua mỗi giai đoạn của tổ chức. MB luôn chú trọng xây dựng niềm tin vững chắc với khách hàng, xã hội và cộng đồng. Mỗi quyết định, mỗi hành động của MB đều xuất phát từ cam kết lâu dài đối với sự phát triển không chỉ của tổ chức mà còn của khách hàng, cổ đông và toàn xã hội. MB luôn nỗ lực tạo dựng một môi trường kinh doanh bền vững, nơi khách

hàng và cộng đồng có thể đặt trọn niềm tin vào sự hỗ trợ, dịch vụ chất lượng cao, đồng thời góp phần vào những thay đổi tích cực cho sự phát triển chung.

Vững vàng- Tin cậy là nền tảng giúp MB phát triển và lan tỏa giá trị bền vững trong suốt hành trình 30 năm và tiếp tục trong hành trình tương lai.

MB là một tổ chức phát triển bền vững.

Phát triển bền vững được định hình từ sớm, thể hiện qua Tầm nhìn, định hướng phát triển qua mỗi giai đoạn của tổ chức.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng / (Giảm)
Số lượng lao động (Đơn vị tính: người)	12.155 nhân sự	10.481 nhân sự	Tăng 16%
Phân loại theo giới tính			
Nam	4.848 nhân sự	4.137 nhân sự	Tăng 17%
Nữ	7.307 nhân sự	6.344 nhân sự	Tăng 15%
Phân loại theo cấp bậc			
Cán bộ quản lý	1.550 nhân sự	1.391 nhân sự	Tăng 11%
Nhân viên	10.605 nhân sự	9.090 nhân sự	Tăng 17%
Phân loại theo độ tuổi			
Dưới 35 tuổi	8.671 nhân sự	7.479 nhân sự	Tăng 16%
Từ 35 đến dưới 55 tuổi	3.463 nhân sự	2.986 nhân sự	Tăng 16%
Từ 55 tuổi trở lên	21 nhân sự	16 nhân sự	Tăng 31%
Phân loại theo trình độ			
Từ Đại học trở lên	11.589 nhân sự	9.938 nhân sự	Tăng 17%
Dưới Đại học	566 nhân sự	543 nhân sự	Tăng 4%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng / (Giảm)
Mức lương trung bình đối với người lao động (Đơn vị tính: VND/người/tháng)	37,40 triệu VND	35,40 triệu VND	Tăng 5,65%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng / (Giảm)
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm (Đơn vị tính: giờ/người/năm)	70,73 giờ	51,22 giờ	Tăng 38%

Phân loại theo cấp bậc			
- Cán bộ quản lý	77,78 giờ	51,32 giờ	Tăng 52%
- Chức danh đặc thù	68,23 giờ	44,56 giờ	Tăng 53%
- Nhân viên	58,87 giờ	43,01 giờ	Tăng 37%

MB là một tổ chức ham học hỏi, trong đó người trẻ chưa có kinh nghiệm vẫn có nhiều cơ hội lớn để phát triển sự nghiệp dài hạn

Số lượng nhân sự được tuyển mới trong năm: 3.086 CBNV (năm 2023: 1.867 CBNV)
Quy mô nhân sự của MB tăng dần qua các năm (2021 – 9.600 CBNV, 2022 – 9.986 CBNV, 2023 – 10.481 CBNV, 2024 – 12.155 CBNV).

MB đã mở rộng mạng lưới điểm giao dịch đến những địa bàn vùng sâu, vùng xa của đất nước (Sơn La, Điện Biên, Gla Lai, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Đắk Nông, Kon Tum), tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động tại địa phương. Tỷ lệ nhân sự tại địa phương khi mở mạng lưới mới chiếm 90%.

Số lượng tuyển mới	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng / (Giảm)
Số cán bộ được tuyển mới	3.086	1.867	Tăng 65%
Dưới 35 tuổi	2.967	1.792	Tăng 66%
Từ 35 đến dưới 55	119	75	Tăng 59%

Trên hành trình hiện thực hóa khát vọng trở thành Doanh nghiệp số - Tập đoàn tài chính dẫn đầu, MB tiếp nối các giá trị từ các giai đoạn để phát triển mạnh mẽ các dấu ấn của một tổ chức ham học hỏi, hạnh phúc và phát bền vững.

MB không chỉ là nơi đào tạo những vì sao đầy nhiệt huyết, mà còn là nơi nuôi dưỡng khát vọng tiến bộ không ngừng.

MB là một tổ chức ham học hỏi và luôn chú trọng vào việc phát triển con người, đặc biệt là tạo ra những cơ hội lớn cho thế hệ trẻ trong việc phát triển sự nghiệp.

Với tầm nhìn dài hạn, MB đã triển khai các chương trình đào tạo và phát triển nhân sự tiềm năng như chương trình Finding Captain để đào tạo nhóm nguồn cán bộ quản lý kinh doanh tiềm năng, chương trình Future Succession nhằm đào tạo nhóm nguồn Giám đốc Chi nhánh kế cận, cũng như xây dựng các chương trình đào tạo chuyên biệt để phát triển năng lực cho nhóm nhân sự Gen Z. Dự án "Flexi Z" được tiếp cận sâu các cách thức phát triển năng lực Thế hệ Z, từ những năm bắt đầu của chiến lược 2022-2026. Bên cạnh đó năm 2024, MB đã có cơ hội phát triển và hỗ trợ nguồn lực lớn cho việc chuyển giao Ngân hàng mới- MBV.

Bên cạnh đó, MB không ngừng mở rộng các cơ hội học hỏi và phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên. Năm 2024, MB đã hỗ trợ đào tạo nguồn lực cho nhân sự của Ngân hàng MBV mới nhận chuyển giao, tiếp tục chứng tỏ cam kết đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng. Các chương trình đào tạo chuyên môn sâu cũng được triển khai mạnh mẽ tại các Khối Hội sở, đảm bảo 80% nhân sự trọng yếu được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu hoặc đào tạo chứng chỉ quốc tế trong các lĩnh vực như Công nghệ, Ngân hàng số, Dữ liệu, Quản trị rủi ro, và Quản trị Nhân sự. Trong năm 2024, MB đã thực hiện 326 lớp đào tạo chuyên môn sâu, thu hút 1.630 học viên tại các Khối Hội sở, mang đến những nội dung đa dạng và phong phú.

Chương trình Flexi Z, với mục tiêu phát hiện và xây dựng đội ngũ nhân sự tài năng thuộc thế hệ 9x cho các vị trí lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn, cũng là một ví dụ tiêu biểu. Trong năm 2024, 100% nhân sự tham gia chương trình Flexi Z đã được đào tạo 03 năng lực trọng yếu và 09 năng lực cập nhật xu thế, đồng thời tham gia các workshop đổi mới, sáng tạo hướng tới khách hàng cùng với AWS. Những nỗ lực này không chỉ giúp MB phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, mà còn củng cố niềm tin của cán bộ nhân viên, hướng đến một tương lai phát triển bền vững và vững mạnh.

MB là một nơi đào tạo các Vì sao Nhiệt huyết và Khát vọng tiến bộ.

Năm 2024 đã ghi dấu với chuỗi các chương trình, chiến dịch thu hút, ươm mầm các tài năng trẻ, để lại dấu ấn và sức hút lớn trên thị trường:

- Hành trình "MB Pursue the Banker Road" - Lộ trình xây dựng sự nghiệp nghề Ngân hàng với 03 điểm chạm:



- Cuộc thi "The Banker 2024 – Vì Sao Bank trong dải Ngân hàng" được khởi động với chủ đề "Dám nghĩ điều khác biệt – Dám làm điều phi thường trong Kinh doanh Số tại Ngân hàng" đã mang đến những kiến thức chuyên môn và trải nghiệm thực tế thú vị dành cho sinh viên toàn quốc qua 03 chặng thi: Khai phá (thực hiện bài đánh giá chuyên môn); Phi thường (phỏng vấn và giải case study); Ghi dấu (chung kết). The Banker 2024 đã thu hút gần 2.000 lượt đăng ký tham gia; 577 ứng viên thực hiện đánh giá chuyên môn tại chặng thi Khai phá; trong đó 357 thí sinh xuất sắc nhất mùa thi được mời ứng tuyển, phỏng vấn tại MB và được đưa về các bộ phận đang cần nguồn lực trẻ tiềm năng.



Trong hành trình The Banker 2024, các thí sinh được trực tiếp gặp gỡ người bạn BeeHi LẦN ĐẦU TIÊN xuất hiện trong một cuộc thi dành cho sinh viên. BeeHi được hình thành từ ý tưởng của nhóm bạn trẻ ham học hỏi, nhiệt huyết và đầy khát vọng thuộc đội ngũ Đại sứ Thương hiệu Tuyển dụng MB - thế hệ thứ 5, với

mong muốn sử dụng công nghệ hỗ trợ những người bạn đồng trang lứa trên khắp mọi miền Tổ quốc khởi đầu con đường sự nghiệp. Các bạn đã có những ngày tháng sáng tạo và miệt mài làm việc dưới sự dẫn dắt của đội ngũ chuyên gia công nghệ từ MB.

"Về Quê Làm Sao" là chiến dịch thu hút các thanh niên địa phương triển vọng mong muốn theo đuổi nghề Ngân hàng và phát triển con đường sự nghiệp tại Quê hương. Chiến dịch được tổ chức tại 02 Thành phố lớn và 05 Tiểu vùng, thu hút gần 13.000 ứng viên ứng tuyển trong 06 tháng cuối năm.

"Dù Làm Sao Thì Vẫn Là Sao" - Một chương trình đào tạo các sinh viên Top đầu tại các Trường Đại học trên toàn quốc, thông qua việc liên tục được thử sức thông qua các dự án quan trọng tại các cơ quan Hội sở. Đây là một cơ hội đặc biệt dành cho các bạn trẻ mở ra cơ hội phát triển nghề nghiệp bền vững và tỏa sáng trong ngành ngân hàng.

"MB Let's Talk" - Chuỗi talkshow chuyên môn do MB tổ chức nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn sâu sắc về các vị trí công việc đa dạng và các kỹ năng cần trang bị để theo đuổi Nghề Ngân hàng, đồng thời cung cấp cho các bạn những kiến thức chuyên sâu và các trải nghiệm thực tế quý báu từ các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực khác nhau của MB. Các chủ đề Talkshow:

- 03 Hành trình quan trọng để theo đuổi nghề Banker tại Quê Hương
- Làm thế nào để trở thành Chuyên viên Quan hệ Khách hàng xuất sắc trước tuổi 25?
- MB Career Explore
- Build Up Your Personal Branding, Light Up Your Career
- Agile: The new way of working - More value less work



MB là một tổ chức luôn khuyến khích học hỏi và sáng tạo.

Tại MB, văn hóa học tập không chỉ được coi là một phần quan trọng trong phát triển cá nhân mà còn là yếu tố cốt lõi giúp tổ chức phát triển bền vững.

Một số chỉ số đào tạo nội bộ được đo lường năm 2024:

SỐ LƯỢT ĐÀO TẠO 2024

143.000 LƯỢT

TƯƠNG ỨNG VỚI 14.212 HỌC VIÊN THAM DỰ

SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

601 CHƯƠNG TRÌNH

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO BÌNH QUÂN NĂM 2024

70.73 GIỜ

BAO GỒM CẢ ĐÀO TẠO TÂN TUYỂN

TOÀN BỘ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO

17 NHÓM CÔNG VIỆC

07 NHÓM NGHỀ NGHIỆP

TRONG ĐÓ ĐƯỢC ĐẦU TƯ VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN SÂU VÀ CÁC KỸ NĂNG MỚI NHẪM ĐÁP ỨNG CÁC XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CÔNG NGHỆ

Sự nghiệp bền vững gắn liền với Yêu cầu kết quả công việc tối ưu đi cùng Đãi ngộ vững chắc

Các chương trình đào tạo khi triển khai tới người lao động đều được áp dụng phương pháp làm việc mới MB1688.

MB coi trọng sức khỏe của nguồn lực như một tài sản quý giá và cam kết chăm sóc toàn diện, từ thể chất, tinh thần đến trí tuệ, MB gắn kết nhân viên qua 3 trụ cột:

1 Sức khỏe thể chất

- Khám sức khỏe định kỳ: Nhân viên được tổ chức khám sức khỏe hàng năm, với danh mục khám được cập nhật liên tục để phù hợp với từng nhóm đối tượng lao động.
- Gói khám sức khỏe ưu việt: Các gói khám sức khỏe ưu việt được triển khai trên toàn quốc, giúp nhân viên dễ dàng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng, không phân biệt vùng miền.
- Phòng tập gym và yoga miễn phí: MB cung cấp các phòng tập hiện đại với huấn luyện viên chuyên nghiệp, giúp nhân viên duy trì thể lực và sức khỏe.
- Giải thể thao nội bộ: Các hoạt động thể thao nội bộ được tổ chức thường xuyên, không chỉ giúp rèn luyện sức khỏe mà còn tạo cơ hội giao lưu, gắn kết giữa các nhân viên.
- Phòng y tế hiện đại: Phòng y tế với trang thiết bị hiện đại, sẵn sàng chăm sóc sức khỏe cho nhân viên bất cứ khi nào.

2 Sức khỏe tinh thần

- Chính sách động viên và phát triển nhân viên: MB luôn chủ động xây dựng các chính sách tạo động lực làm việc và củng cố mối quan hệ giữa tổ chức và người lao động. Các cam kết về an toàn nghề nghiệp và sức khỏe tinh thần được thể hiện rõ trong Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể.
- Kênh tiếp nhận ý kiến: MB tạo ra các kênh để nhân viên có thể dễ dàng chia sẻ, đóng góp ý tưởng, giúp xây dựng một môi trường làm việc cởi mở và thân thiện.
- Chương trình khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên được thực hiện hàng năm bằng các hình thức đa dạng, linh hoạt: MB tự khảo sát hoặc thuê đối tác bên ngoài đánh giá độc lập, khách quan.
- Chăm sóc gia đình nhân viên: MB quan tâm đến gia đình của nhân viên thông qua các chương trình thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe cho người thân, tạo ra một môi trường làm việc ấm áp và gắn kết.
- Chương trình hoạt động cộng đồng: Các tổ chức quần chúng như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, công đoàn và các câu lạc bộ nội bộ thường xuyên tổ chức các chương trình động viên tinh thần, tạo sân chơi cho nhân viên và tăng cường tình đoàn kết.

MB hiểu rằng sự ổn định tài chính giúp nhân viên yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với tổ chức. MB cung cấp các ưu đãi về tài chính. Hệ thống chính sách lương, thưởng, đãi ngộ & phúc lợi của MB toàn diện, đa dạng đổi mới về hình thức được cá nhân hóa theo nhu cầu, hướng tới tính dài hạn nhằm khuyến khích gắn kết, nâng cao tinh thần, hiệu suất làm việc tối đa, thúc đẩy kinh doanh, cụ thể:

- Đãi ngộ hưu trí bổ sung tự nguyện An Thịnh:** MB cung cấp chương trình hưu trí để nhân viên có thể tích lũy nguồn tài chính ổn định cho tương lai trong giai đoạn hưu trí.
- Gói vay ưu đãi:** Nhân viên có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ trong các nhu cầu tài chính cá nhân.
- Cổ phiếu ESOP:** MB tạo cơ hội cho nhân viên sở hữu cổ phần của ngân hàng, gắn kết lợi ích cá nhân với sự phát triển chung của MB.
- Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nhóm:** Quy trình giải quyết yêu cầu bảo hiểm nhanh chóng, giúp nhân viên nhận được hỗ trợ tài chính kịp thời khi cần thiết.

MB thực hiện các chương trình đào tạo cho người lao động hàng năm dựa trên nhu cầu thực tế phát triển nhân viên và chính sách của MB.

MB triển khai nhiều chương trình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động: cung cấp các sản phẩm giúp nâng cao sức khỏe, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao thể lực và mang tới cuộc sống lành mạnh.

MB là một tổ chức phát triển bền vững, trong đó phát triển bền vững được định hình từ sớm, thể hiện qua Tầm nhìn, định hướng phát triển qua mỗi giai đoạn của tổ chức.

Phát triển bền vững được thực hiện một cách tự nhiên và thấm nhuần tại MB; các thể hệ người MB đã nỗ lực xuất sắc trong việc thúc đẩy, lan tỏa trách nhiệm đến cộng đồng và xã hội.

Năm 2024 là cột mốc tự hào của mỗi cán bộ nhân viên MB. Đánh dấu một hành trình 30 năm nỗ lực không ngừng nghỉ, năm 2024, MB tự hào nhận được hai giải thưởng danh giá trong nước và quốc tế về văn hoá và con người, bao gồm “Sustainable Workplace Awards – Doanh nghiệp có Môi Trường Làm Việc Bền Vững” và “Happiness at Work – Doanh nghiệp có Nguồn Nhân Lực Hạnh Phúc”, khẳng định dấu ấn của một tổ chức bền vững, hạnh phúc ở tuổi 30 (MB30).

MB vinh dự được HR Asia Awards (Tập chí nhân sự uy tín hàng đầu Châu Á) trao tặng giải thưởng “Sustainable Workplace Awards – Doanh nghiệp có Môi Trường Làm Việc Bền Vững”. Giải thưởng vinh danh những doanh nghiệp thể hiện cam kết không lay chuyển đối với trách nhiệm môi trường và các thực hành kinh doanh bền vững, đồng thời chứng tỏ khả năng lãnh đạo xuất sắc trong việc xây dựng một văn hóa bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng

tạo xanh và tạo ra tác động tích cực đến môi trường và xã hội. 2024 là năm đầu tiên Ban tổ chức HR Asia Awards vinh danh “Sustainable Workplace Awards – Doanh nghiệp có Môi Trường Làm Việc Bền Vững”, và MB tự hào được xướng tên tại hạng mục giải thưởng đặc biệt này ngay trong lần đầu tiên ra mắt.

Với những nỗ lực kiến tạo và duy trì một môi trường làm việc thấu cảm, đặt quyền lợi và sự gắn kết của cán bộ nhân viên lên vị trí ưu tiên hàng đầu, MB tiếp tục được vinh danh “Happiness At Work – Doanh nghiệp có Nguồn Nhân Lực Hạnh Phúc” do Anphabe (Tổ chức tư vấn tiên phong về giải pháp Thương hiệu Nhà tuyển dụng và Môi trường làm việc hạnh phúc) trao tặng. Giải thưởng vinh danh những doanh nghiệp xây dựng đội ngũ gắn kết, động lực, nỗ lực và cống hiến thông qua khảo sát và kết hợp đo lường chỉ số hạnh phúc, đánh giá của cán bộ nhân viên về các yếu tố môi trường làm việc cũng như chia sẻ của tổ chức về chiến lược và thực hành thúc đẩy mức độ hạnh phúc của người đi làm.

Dấu ấn và nét hấp dẫn trong văn hoá và giá trị, lãnh đạo và Tầm nhìn cùng sự gắn kết của đội ngũ là những khía cạnh MB

đặc biệt được ghi nhận và cổ vũ. Trong đó, phát triển bền vững được thực hiện một cách tự nhiên và thấm nhuần tại MB; các thể hệ người MB đã nỗ lực xuất sắc trong việc thúc đẩy, lan tỏa trách nhiệm đến cộng đồng và xã hội. Bên cạnh đó, hạnh phúc tại MB là con đường xây dựng niềm tin và tạo ra giá trị cho khách hàng. Hạnh phúc của người MB đến từ hành trình tò mò và khao khát khám phá, hành trình say mê cống hiến và theo đuổi đến tận cùng, hành trình được thúc đẩy tiếp tục phấn đấu để gắn kết cùng sự phát triển của tổ chức.

MB luôn trân trọng và ghi nhận giá trị của từng cá nhân trong tổ chức, vì vậy ngân hàng đã tạo dựng một môi trường làm việc công bằng và bền vững, nơi mọi cán bộ nhân viên, không phân biệt giới tính, tuổi tác hay xuất thân, đều được tôn trọng và có cơ hội phát triển bình đẳng. Điển hình trong những nỗ lực này là sự cam kết bình đẳng giới, đặc biệt là trong việc đảm bảo cơ hội phát triển ngang bằng cho cán bộ nhân viên nam và nữ. Những giá trị này không chỉ xây dựng một môi trường làm việc tích cực mà còn củng cố niềm tin của cán bộ nhân viên, góp phần vào sự phát triển bền vững và lâu dài của MB:

TỈ LỆ TUYỂN DỤNG NĂM 2024

45,8% NAM 54,2% NỮ

TỈ LỆ GIỚI TÍNH CẤP CBQL

55% NAM 45% NỮ

SỐ CÁN BỘ ĐƯỢC TUYỂN DỤNG MỚI TRONG NĂM

3.086 CBNV



MB tuân thủ thực hiện các chế độ phúc lợi dành cho lao động nam & nữ theo quy định chung của nhà nước (chế độ nghỉ khi vợ sinh, khám thai trong quá trình thai kỳ, thời giờ nghỉ ngơi cho cán bộ nhân viên nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, đảm bảo việc làm sau chế độ thai sản, chế độ nghỉ chăm sóc con ốm...). MB có chế độ thăm hỏi, động viên đối với cán bộ nhân viên và gia đình gặp khó khăn.

Bên cạnh đó, MB cũng dành sự quan tâm, nghiên cứu & triển khai thêm các chế độ phúc lợi, đãi ngộ bổ sung để đảm bảo quyền bình đẳng cho cán bộ nhân viên như: duy trì ngày nghỉ hưởng nguyên lương cho cán bộ nhân viên nam có vợ sinh con; hỗ trợ chi phí trông trẻ, quà tặng trung thu, tết thiếu nhi cho cả cán bộ nhân viên nam & nữ... Năm 2024, MB tiếp tục tiên phong thị trường khi áp dụng Chương trình đãi ngộ dài hạn cho CBNV với mục tiêu thu hút nguồn nhân lực trẻ và gắn kết nhân sự hiện hữu.

Tôn trọng tính đa dạng: MB chú trọng về việc tôn trọng tính đa dạng (văn hóa, ngôn ngữ...) và hòa nhập trong tổ chức, không phân biệt đối xử về giới tính, màu da, chủng tộc, tôn giáo (điều 4- Nội quy lao động): Tại MB, sắc tộc có mức độ đa dạng rất lớn: Kinh, Tày, Mường, Khơ - me... đây là các nhân sự am hiểu sâu sắc các địa bàn kinh doanh.

Tôn trọng quyền con người: MB luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động. Việc cưỡng bức và ép buộc lao động là không được chấp nhận. Hơn nữa, MB không sử dụng lao động trẻ em, phải đảm bảo yêu cầu về độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên và phải đảm bảo yêu cầu về sức khỏe theo quy định nội bộ của MB và pháp luật (điều 19- Nội quy lao động). Hơn nữa, NLĐ có quyền được tự do đối thoại, thương lượng và xây dựng ý kiến... và điều này được nêu rõ trong văn bản chính sách tại MB:

- Người sử dụng lao động phải công khai kế hoạch, kết quả kinh doanh, quy định có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Người lao động (điều 5 – Quy chế dân chủ cơ sở)
- Người lao động được tham gia ý kiến xây dựng các văn bản liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động, đề xuất cải thiện điều kiện làm việc (điều 7 – Quy chế dân chủ cơ sở)
- Người lao động được quyết định giao kết, chấm dứt Hợp đồng lao động, gia nhập hoặc không gia nhập Công đoàn, biểu quyết các nội dung thương lượng tập thể (điều 9– Quy chế dân chủ cơ sở)
- Người lao động được kiểm tra, giám sát: việc thực hiện Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, việc thực hiện các chính sách có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động (điều 11 – Quy chế dân chủ cơ sở)

Trong năm 2024, MB



Không có khiếu nại về bất bình đẳng



Không có khiếu nại về phân biệt đối xử



Không lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em (bao gồm lao động chưa thành niên)



Không có xảy ra tai nạn, sự cố nghiêm trọng về lao động

Ngoài ra, MB có các chính sách, cam kết về đào tạo phát triển đối với người lao động, đảm bảo cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ, thù lao công bằng, an toàn và bảo hộ lao động được thể hiện nhất quán và rõ ràng tại: Nội quy lao động, Quy chế nhân sự, Quy trình đào tạo nhân sự và Các giá trị cốt lõi.

MB sử dụng nhiều phương pháp để ghi nhận và đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên: KPIs, BSC, OKRs hoặc các mô tả chức danh, công việc.

MB có cơ chế tiếp nhận xử lý và phản hồi khiếu nại, đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi gặp các vấn đề liên quan: Beevoice, Hotline, Công đoàn.

Đóng góp cho cộng đồng



GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

TIỀN NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TẬP ĐOÀN MB

8,6 NGHÌN TỶ VNĐ

RIÊNG MB

7,2 NGHÌN TỶ VNĐ

CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

MB định hướng “**Là ngân hàng có trách nhiệm cao**” mỗi nhân viên MB tích cực hưởng ứng, tham gia đóng góp cho cộng đồng, xã hội và các hoạt động bảo vệ môi trường trong và ngoài MB. Thể hiện:

TỔNG SỐ CHƯƠNG TRÌNH/HOẠT ĐỘNG CSR NĂM 2024

111 CHƯƠNG TRÌNH

VỚI KINH PHÍ GẦN

400 TỶ ĐỒNG

Các chương trình/hoạt động CSR Năm 2024 nổi bật gồm:

- Các hoạt động giáo dục, y tế: Tài trợ các chương trình thúc đẩy giáo dục, đặc biệt là cho thế hệ trẻ của đất nước: Xây dựng, sửa chữa trường học; tặng trang thiết bị máy tính, công cụ, dụng cụ.
- Các hoạt động xã hội từ thiện đến ơn đáp nghĩa: Hỗ trợ, triển khai tu bổ, tôn tạo các di tích, nghĩa trang liệt sỹ tại các địa phương và kịp thời hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, bão lụt tại nhiều địa phương do cơn bão Yagi gây ra...
- Các hoạt động xã hội từ thiện xây nhà tình nghĩa: Trong 05 năm đã tài trợ xây dựng, sửa chữa hơn 5.000 căn nhà cho các đối tượng chính sách, hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.

APP THIỆN NGUYỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HIGREEN

NỀN TẢNG ĐÃ THU HÚT HƠN

1,36 TRIỆU THÀNH VIÊN

VẬN ĐỘNG HƠN

1.034 TỶ VNĐ

Kết quả triển khai chương trình HiGreen năm 2024

Ứng dụng Thiện nguyện

Kết thúc năm 2024, Nền tảng đã thu hút hơn **1,36 triệu thành viên**, cung cấp tiện ích cho hơn **1.550 tổ chức và cá nhân gây quỹ, vận động hơn 1.034 tỉ đồng** (riêng 2024 là trên 580 tỷ), cho hơn 6.000 chiến dịch, đặc biệt các chiến dịch hỗ trợ đồng bào trong bão Yagi do Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, Bộ Công an phát động và chương trình “Mái ấm cho đồng bào tôi” do Mặt trận Tổ quốc phát động. Trung bình mỗi ngày có hơn 1.800 lượt ủng hộ, trở thành nền tảng thiện nguyện huy động nguồn lực lớn nhất hiện nay tại Việt Nam.

Thành tích nổi bật:

- Top 2 App Store** ngày 12/9 về ứng dụng được yêu thích tại Việt Nam, hỗ trợ tốt cộng đồng, tạo tác động xã hội lớn trong bối cảnh Việt Nam chống chọi cơn bão Yagi lịch sử.
- Bằng khen** từ Hội tri ân Gia đình Liệt sỹ VN; Hội Vì nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin VN và Hội Truyền thống Trường Sơn.
- Giải triển vọng trong cuộc thi Data4Life** do Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Bộ Công an tổ chức.
- Triển lãm Đối mới sáng tạo về khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi số quốc gia** do Bộ Công an chủ trì.

Chiến dịch nổi bật trên nền tảng



Cơn bão Yagi và trận lũ quét lịch sử đã đi qua, nhưng những mất mát và khó khăn vẫn đang đè nặng lên đồng bào tại các địa phương chịu ảnh hưởng. Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cùng các Quỹ thiện nguyện trên cả nước đã sử dụng Nền tảng Thiện nguyện là công cụ hỗ trợ kết nối cộng đồng để vận động nguồn lực cho các hoạt động nhân đạo, cứu hộ trong cơn bão Yagi:

- Hội chữ thập đỏ các cấp đã đăng ký và triển khai hiệu quả các chiến dịch vận động nguồn lực cho hoạt động nhân đạo trên Nền tảng Thiện Nguyện với 40 Chiến dịch của Trung ương và tỉnh, thành Hội, vận động được tổng số tiền trên 25 tỷ đồng, với 98.458 lượt ủng hộ.
- Quỹ Thiện Tâm: Tính tới hết ngày 11/9/2024 đã có hơn 50.000 lệnh chuyển khoản với 30 tỷ đồng đã được ghi nhận chỉ riêng cho các chiến dịch với mục tiêu khắc phục hậu quả thiên tai thực hiện vận động trên ứng dụng Thiện Nguyện.

Sáng kiến CSR cộng hưởng
- Chiến dịch HiGreen

Năm 2024, MB tiếp tục triển khai Sáng kiến biến bãi rác thành sân chơi, sáng kiến thuộc chiến dịch HiGreen mùa 1 và hoàn thành trao tặng công viên **HiGreen Cửa Đại, HiGreen Sơn Trà** cho cộng đồng.



Phối hợp tổ chức HiGreen mùa 2 với Thử thách chạy bộ “**Vi Trường Sa Xanh**” nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập MB, hoàn thành vượt mục tiêu km chạy bộ 4,7 triệu/3,3 triệu và tài trợ đối ứng 10 tỷ đồng từ sự nỗ lực của 52.136 vận động viên tham gia.

Năm 2025, Chiến dịch HiGreen mùa 3 “Trường Sa” với mục tiêu thu hút ủng hộ hơn 160 tỉ để trồng hơn 1 triệu cây xanh tại Trường Sa bằng vận động trực tiếp và thông qua nền tảng Thiện nguyện và các sản phẩm dịch vụ số.

KẾ HOẠCH CẢI TIẾN



Trong năm 2025, MB tiếp tục đầu tư, nâng cấp công nghệ và vận hành ổn định nền tảng Ứng dụng Thiện nguyện nhằm kết nối, gia tăng tính minh bạch và hiệu quả gây quỹ, thông qua phát triển các tính năng mới như tính năng **QR Thiện nguyện, Chiến dịch đồng hành** cho phép huy động người dùng tham gia vào việc vận động gây quỹ cho các tổ chức. Tính năng Chứng nhận thiện nguyện nhằm ghi nhận sự đóng góp của người dùng cho nỗ lực vận động. **Tích hợp AI chatbot** nhằm giúp người dùng tìm hiểu về nền tảng và tìm kiếm thao tác ủng hộ dễ dàng và cá nhân hoá hơn. Đặc biệt, hoàn thành việc **nâng cấp phiên bản app, web mới** với giao diện thân thiện, tốc độ xử lý nhanh hơn, thúc đẩy các bên gắn kết và xây dựng niềm tin; Ủng hộ phi tài chính (ngày công, kỹ năng, hiến máu).

Phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động, công tác an sinh xã hội và từ thiện do MB khởi xướng như HiGreen - Bình Minh Xanh, HiGreen - Trường Sa, HiSmile Góp nụ cười.

Trụ cột Quản trị

Thượng tôn Pháp luật



Là một doanh nghiệp có niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán quốc gia, MB luôn kiên định với việc quản trị điều hành minh bạch, kinh doanh có trách nhiệm, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ TẠI MB

Nguyên tắc đảm bảo lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông; các hoạt động tăng cường tính công khai, cung cấp thông tin cho cổ đông

- Đối với Hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ MB (theo quy định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.
- Đối với Hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký

Nguyên tắc trong bảo đảm lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông

Chính sách chi trả cổ tức

Các quy định liên quan bao gồm:

Điều lệ, Quy chế QTCT, Quy định tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát MB quy định cụ thể về các nguyên tắc đảm bảo sự công khai, minh bạch trong hoạt động, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan.

Các hợp đồng, giao dịch của MB với Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, Thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB theo Luật các Tổ chức tín dụng chỉ được ký kết nếu đảm bảo thực hiện đúng các quy định:

hợp đồng hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của MB hay của các công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

MB cam kết và nỗ lực ổn định cơ cấu cổ đông và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông (bao gồm cổ đông nhỏ lẻ), gắn bó và hợp tác chặt chẽ vì sự phát triển ổn định và bền vững; đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo công khai, minh bạch; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, nỗ lực không ngừng tạo ra giá trị, đảm bảo lợi ích trước mắt cũng như lâu dài cho đối tác, cổ đông và khách hàng.

Các phương án cổ tức của MB được xây dựng trên cơ sở hài hòa giữa tăng lợi ích cho cổ đông và cân đối, đảm bảo nguồn lực phát triển bền vững cho MB. MB áp dụng chính sách chi trả cổ tức linh hoạt, hài hòa giữa việc đảm bảo cổ tức tiền mặt và cổ tức bằng cổ phiếu hàng năm cho các cổ đông theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời tính đến đảm bảo khả năng tài chính để MB phát triển trong tương lai.

Về mức cổ tức chi trả cho cổ đông các năm gần đây, MB luôn xây dựng chính sách cổ tức ổn định, đảm bảo luôn cao hơn mức lãi suất tiết kiệm (mức cổ tức chi trả tối thiểu hàng năm là 11%).

- Các Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng) của MB với các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác của MB và/hoặc với người có liên quan của họ chỉ được ký kết khi có chấp thuận của Hội đồng Quản trị MB.

Đây là một nỗ lực của MB nhằm mang lại giá trị cho cổ đông khi đảm bảo mức chi trả cổ tức đều đặn hàng năm, trong bối cảnh kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng từ diễn biến thị trường.

MB thường xuyên tổ chức hoạt động trong năm để tăng cường tính công khai và uy tín đối với cộng đồng nhà đầu tư

MB thường xuyên tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc các nhà đầu tư tại trụ sở làm việc của ngân hàng, các công ty thành viên và các sự kiện lớn cho các nhà phân tích (analyst meeting) để qua đó truyền tải các thông điệp tới thị trường và cộng đồng nhà đầu tư.

Ngoài ra, MB thường xuyên trả lời các bảng câu hỏi của các quỹ đầu tư về kết quả kinh doanh và hoạt động MB qua nhiều hình thức khác nhau như email, điện thoại, trực tuyến; thực hiện bản trình bày phân tích kết quả hoạt động ngân hàng hàng quý bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt gửi đến các nhà đầu tư; Tham gia các cuộc khảo sát, cung cấp thông tin đánh giá cho các tổ chức xếp hạng tín nhiệm có uy tín trên thế giới như: Fitch ratings, Moody's, ADB. Tất cả các văn bản công bố bằng tiếng Việt đều được chuyển ngữ sang tiếng Anh và công bố kịp thời để đảm bảo truyền tải các thông tin kịp thời, đầy đủ đến các cổ đông/Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Xây dựng và thực hiện quy trình chuẩn trong thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Công bố trên đầy đủ tài liệu họp trên website phục vụ cho biểu quyết Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông có thể truy cập thông tin một cách thuận tiện để dàng bằng ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.

Công bố điều lệ, quy chế liên quan đến quản trị công ty...

Khuyến khích các cổ đông gửi ý kiến cho kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thông qua phiếu đóng góp ý kiến.

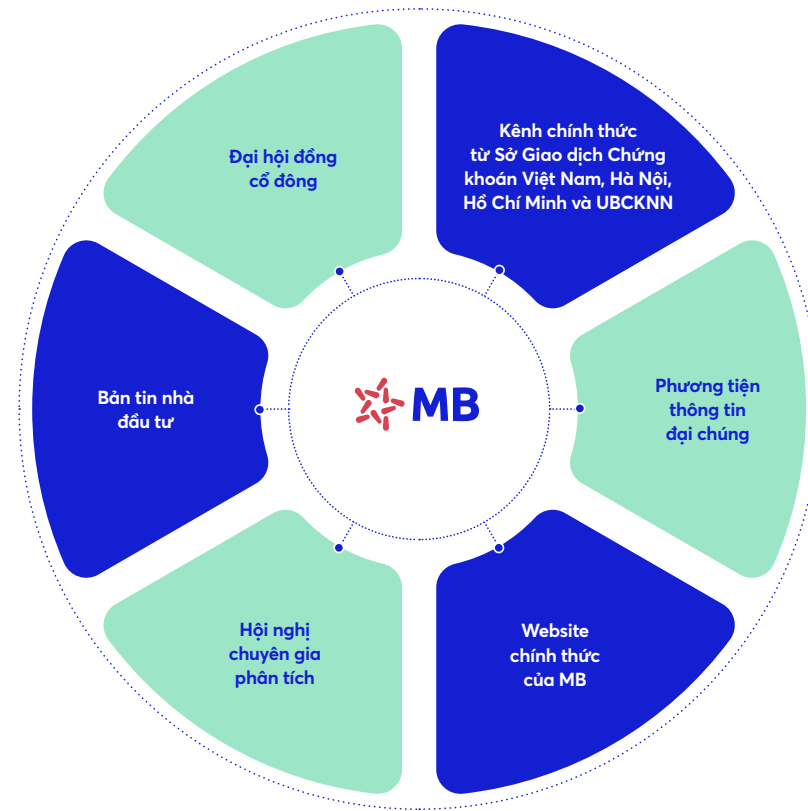
Xây dựng các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận nhất đến nhà đầu tư

Đặc biệt, từ 2023, MB chính thức áp dụng phương thức điện tử để gửi thông tin cho cổ đông, hướng đến việc cổ đông có thể tiếp cận thông tin qua các kênh khác nhau một cách thuận tiện.

Cổng thông tin giao tiếp với cổ đông

- Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: www.MBBank.com.vn

- Hoặc liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng Hội đồng Quản trị (Địa chỉ liên hệ: Tầng 24 - Tòa nhà MB số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 024.62661088 - Máy lẻ: 3687, 3688).



Thực hành kinh doanh có đạo đức



MB đã ban hành chính sách liên quan đến phòng, chống tham nhũng chi tiết: Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm tại MB và được lưu hành nội bộ.

Về quy tắc ứng xử MB đã ban hành: Quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của CBNV MB như sau:

Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp tại MB

Tinh thần hợp tác – Tính tuân thủ - Cần trọng – Sự liêm chính – Tận tâm – Chủ động sáng tạo thích ứng – Bảo mật thông tin

Phát triển bền vững tại MB không chỉ được thể hiện trong hoạt động kinh doanh mà còn hiện hữu chân thực trong mối quan hệ với các bên liên quan. Các quy tắc ứng xử của MB được quy định rõ ràng đối với từng đối tượng trong tổ chức, bao gồm:

Nội bộ MB

- Chân thành, cởi mở, hợp tác: MB khuyến khích sự giao tiếp thẳng thắn và hợp tác giữa các đồng nghiệp.
- Trung thực, tôn trọng, quan tâm lẫn nhau: Mỗi cá nhân tại MB luôn trung thực, tôn trọng và sẵn sàng quan tâm đến nhau.
- Khuyến khích học tập và sáng tạo: MB tạo môi trường thúc đẩy sự sáng tạo, học hỏi và tương trợ để tất cả cùng phát triển.
- Giao việc và định hướng rõ ràng: Mỗi nhiệm vụ, công việc được giao đi kèm với sự định hướng và chỉ dẫn rõ ràng.

Cổ đông/Đối tác

- Bảo vệ lợi ích cổ đông: MB luôn bảo vệ lợi ích lâu dài của các cổ đông.
- Minh bạch và lắng nghe: MB duy trì sự minh bạch trong thông tin và luôn lắng nghe mọi ý kiến đóng góp để phát triển.
- Hợp tác bền vững: MB xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác để đạt được sự phát triển ổn định và bền vững.

Khách hàng

- Hiểu rõ và nắm vững khách hàng: MB luôn chú trọng việc hiểu rõ nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Mối quan hệ lâu dài: MB không chỉ xây dựng mối quan hệ mà còn cam kết duy trì sự đồng hành lâu dài với khách hàng.
- Tôn trọng và học hỏi: MB tôn trọng khách hàng và luôn học hỏi từ họ để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Cam kết thực hiện: MB coi việc thực hiện cam kết với khách hàng là một yêu cầu bắt buộc.
- Hài hòa lợi ích: MB đảm bảo lợi ích của khách hàng và tổ chức luôn được hài hòa và phát triển song song.

Thế hệ đi trước

- Trân trọng truyền thống: MB luôn trân trọng thành quả và kế thừa những giá trị, truyền thống của các thế hệ đi trước.
- Chăm lo đời sống CBNV nghỉ hưu: MB cũng chú trọng đến đời sống của CBNV đã nghỉ hưu và hỗ trợ trong điều kiện, chế độ cho phép.

Cơ quan quản lý nhà nước

- Tuân thủ pháp luật: MB tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước như Ngân hàng Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước.
- Hợp tác trong kiểm toán và giám sát: MB hợp tác toàn diện trong các quá trình kiểm toán, kiểm tra và khắc phục các kiến nghị của các cơ quan quản lý và giám sát.

Cộng đồng

- Gắn bó với cộng đồng: MB hiểu rõ và gắn bó chặt chẽ với cộng đồng.
- Vì lợi ích cộng đồng: MB luôn hướng đến sự phát triển vì lợi ích chung của cộng đồng.
- Chia sẻ và hỗ trợ: MB sẵn sàng chia sẻ thuận lợi và gánh vác khó khăn cùng cộng đồng, vì một tương lai tốt đẹp.
- Bảo vệ môi trường: MB luôn giữ gìn và bảo vệ môi trường như một mái nhà chung cho toàn xã hội.



Hoạt động quản lý tuân thủ

Tại MB, việc kiểm tra, giám sát tuân thủ được thực hiện bởi các đơn vị thuộc ba vòng bảo vệ, việc kiểm tra giám sát được thống nhất đảm bảo không chồng chéo. Các đơn vị tại vòng một chủ động kiểm tra, rà soát đối với các hoạt động nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị nhằm phát hiện sớm và hạn chế các rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động. MB tiếp tục bám sát định hướng giám sát diện rộng, kiểm tra trọng tâm, trọng điểm, thực hiện giám sát tuân thủ thông qua hệ thống, áp dụng công nghệ mô hình, kịch bản nhằm cảnh báo sớm, phát hiện kịp thời rủi ro phù hợp chuyển dịch số của MB.

Năm 2024, hoạt động kiểm tra, giám sát được tổ chức và triển khai theo đúng kế hoạch phê duyệt. Kiểm tra, giám sát thực hiện dựa theo rủi ro và đảm bảo tính toàn diện đến các đơn vị, hoạt động, quy trình. Kết quả kiểm tra, giám sát cho thấy về cơ bản MB tuân thủ quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ. 100% các

phát hiện được chuyển đến đơn vị có liên quan để khắc phục tối đa các vi phạm. Toàn bộ CBNV vi phạm sẽ được xử lý theo quy định (nếu có).

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý tuân thủ, MB ban hành các bản tin, cảnh báo rủi ro tuân thủ tới các đơn vị trong MB, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo tuân thủ định kỳ để nâng cao nhận thức tuân thủ cho CBNV toàn hệ thống.

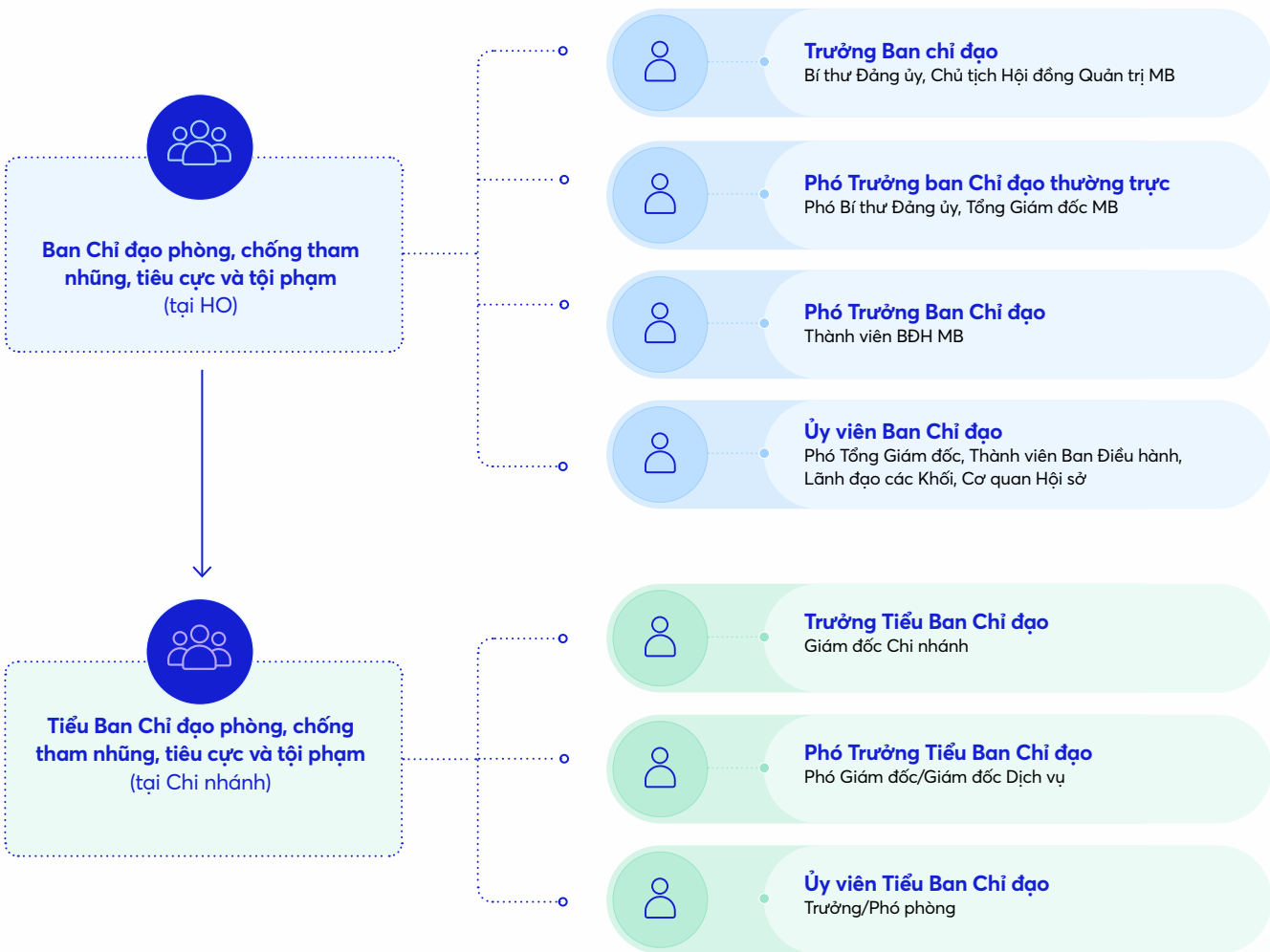
MB chuyển dịch mạnh mẽ nhằm cải tiến, nâng cao công tác quản lý tuân thủ hệ thống, tăng cường sự phối hợp giữa các tuyến bảo vệ, phát triển và hoàn thiện hệ thống giám sát và quản lý tuân thủ để nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro tuân thủ. Trong năm 2025, hoạt động quản lý tuân thủ tiếp tục được hoàn thiện. MB mở rộng phạm vi giám sát tuân thủ trên hệ thống, áp dụng tối đa mô hình, kịch bản nhằm cảnh báo sớm, phát hiện kịp thời rủi ro phù hợp chuyển dịch số trên thị trường và của MB.

Công tác quản trị, điều hành các phòng, chống tham nhũng tại MB

“**Thượng tôn pháp luật**” là tôn chỉ của HĐQT, Ban Điều hành của MB trong mọi công tác quản trị, điều hành Tập đoàn, tôn chỉ này được truyền thông đến toàn thể các cán bộ nhân viên ngân hàng và các công ty thành viên. MB xác định công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) trong hoạt động ngân hàng gắn liền với sự an toàn, phát triển bền vững của toàn hệ thống. MB luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, của Ngành liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm (PCTN, TC&TP).

MB thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tiêu cực và tội phạm và các tiểu ban phòng, chống tham nhũng tiêu cực và tội phạm tại các đơn vị kinh doanh, đồng thời định kỳ rà soát kiện toàn nhân sự của Ban, Tiểu Ban Chỉ đạo PCTN, TC&TP đạo đảm bảo hoạt động của các Ban, Tiểu Ban Chỉ đạo PCTNTC&TP tại MB được hiệu quả và thông suốt.

Cơ cấu tổ chức triển khai công tác Phòng, chống tham nhũng tại MB



MB đã ban hành Nội quy lao động, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên để quán triệt, triển khai thực hiện thống nhất trong toàn ngân hàng về quy tắc ứng xử, nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng.

Tham nhũng được Ban Lãnh đạo MB nhận định là một trong những hành vi vi phạm nghiêm trọng nội quy lao động và quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, nhân viên. Các trường hợp vi phạm liên quan đến tham nhũng, gian lận nội bộ

(nếu có) sẽ được Hội đồng xử lý kỷ luật của MB xử lý nghiêm theo đúng quy định của Nội quy lao động. Đồng thời MB luôn sẵn sàng chủ động báo cáo, cung cấp thông tin và phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền nhằm xác định mức độ vi phạm, thiệt hại và khắc phục thiệt hại.

MB thường xuyên truyền thông và quán triệt toàn bộ các văn bản chỉ đạo của các cơ quan chức năng và MB liên quan tới công tác PCTN, TC&TP tới cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống thông qua mạng nội bộ ngân hàng để cán bộ, nhân viên có thể nghiên cứu, cập nhật văn bản mới và

thực hiện nghiêm túc về công tác phòng, chống tham nhũng.

Trong năm 2024, MB không phát sinh trường hợp cán bộ, nhân viên có vi phạm liên quan đến tham nhũng; các cán bộ, nhân viên tại các phòng ban Hội sở và đơn vị kinh doanh nhận thức rõ được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng, chống tham nhũng và nghiêm túc chấp hành các quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên; tạo môi trường làm việc công khai, minh bạch.

Cơ chế khiếu nại, báo cáo sai phạm tại MB

MB đã xây dựng các kênh tiếp nhận khiếu nại, tố cáo (tại các điểm giao dịch, qua đường văn thư, email...) và quy chế, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo (tiếp nhận thông tin - kiểm tra, xử lý thông tin – giải quyết, phản hồi kết quả) đảm bảo phù hợp và thuận tiện nhất cho KH, đối tác và các bên liên quan, trong đó tại Quy chế giải quyết khiếu nại tố cáo, MB đã có quy định chi tiết về việc bảo đảm bí mật danh tính của người tố giác, chống trả thù.

Năm 2024, do chịu tác động tiêu cực từ các biến động của nền kinh tế xã hội, cũng như tính chất phức tạp của các giao dịch kinh tế, tài chính ngân hàng phát sinh, nên

số lượng đơn thư MB tiếp nhận và giải quyết tăng. Ban lãnh đạo MB rất chú trọng công tác giải quyết các vấn đề khiếu nại, phản ánh của khách hàng với mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng độ hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng. Các ý kiến của khách hàng chủ yếu về yêu cầu giải đáp thắc mắc, tư vấn sản phẩm dịch vụ của MB. Các nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo phát sinh do khách hàng chưa hiểu rõ về các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và MB (Quy định/thủ tục nhận và xử lý tài sản đảm bảo, thanh toán...). MB chấp hành đúng quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo,

xử lý nhanh và kịp thời các yêu cầu của khách hàng khi có phát sinh, đảm bảo:

- 100% đơn thư, phản ánh của Khách hàng đều được MB tiếp nhận và giải quyết đầy đủ, kịp thời. MB xử lý các đơn thư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng. Kết quả xử lý các đơn thư MB đều thực hiện báo cáo Cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định.
- 100% các vấn đề được phát hiện đều được MB cảnh báo rủi ro kịp thời đến toàn hệ thống và tới khách hàng.

MB có hotline 247 tiếp nhận ý kiến của khách hàng:

Hotline: 1900 545426

Quốc tế gọi về: (84-24)3767 4050

Email: mb247@MBBank.com.vn

Bảo mật thông tin khách hàng

Các vấn đề về bảo mật thông tin khách hàng thường xuyên được MB tuyên truyền, cảnh báo tới toàn hệ thống đảm bảo thông tin của khách hàng được bảo mật tuyệt đối theo quy định của pháp luật. Các sự cố, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo

mật dữ liệu, rò rỉ thông tin của khách hàng được các đơn vị nghiệp vụ tại MB phối hợp xử lý nhanh chóng, dứt điểm, nghiêm khắc đảm bảo tối đa lợi ích cho khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

6

Quản trị Công ty

210 Quản trị Công ty

230 Ban Kiểm soát

236 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

238 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị

HDQT là cơ quan quản lý của MB, được ĐHĐCĐ bầu ra; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. HDQT thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị và các quy định nội bộ có liên quan của MB, quy định pháp luật, thông lệ quản trị tiên tiến phù hợp tại MB. HDQT quyết định các vấn đề, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024					
STT	Ngày họp	Tính chất (Định kỳ /Bất thường)	Tỷ lệ thành viên tham dự	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2024	Định kỳ	100%	- Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết trong kỳ - Báo cáo tình hình hoạt động của ngân hàng trong kỳ và định hướng kế hoạch quý tiếp theo	Nghị quyết được thông qua
2	Quý I/2024	Định kỳ	100%	- Xem xét công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của MB - Kiểm tra/rà soát số liệu, tài liệu gửi báo cáo cơ quan quản lý nhà nước	Nghị quyết được thông qua
3	Quý II/2024	Định kỳ	100%	Phân công nhiệm vụ các thành viên HDQT sau khi đã bầu nhân sự HDQT cho nhiệm kỳ 2022 -2026	Nghị quyết được thông qua
4	Quý II/2024	Định kỳ	100%	Thông qua các quy chế: Quy chế tổ chức & hoạt động của HDQT; Quy chế quản trị nội bộ, Điều lệ...	Nghị quyết được thông qua
5	Quý III/2024	Định kỳ	100%	- Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết trong kỳ - Báo cáo tình hình hoạt động của ngân hàng trong kỳ và định hướng kế hoạch Quý tiếp theo	Nghị quyết được thông qua
6	Quý III/2024	Định kỳ	100%	Định hướng xây dựng kế hoạch năm 2025 của ngân hàng và các công ty thành viên	Nghị quyết được thông qua
7	Quý IV/2024	Định kỳ	100%	- Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết trong kỳ - Báo cáo tình hình hoạt động của ngân hàng trong kỳ	Nghị quyết được thông qua
8	Quý IV/2024	Định kỳ	100%	Phê duyệt định hướng kế hoạch năm 2025 của ngân hàng và các thông tin thành viên	Nghị quyết được thông qua

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
1	01/NQ-MB-HĐQT	11/01/2024	Về việc thông qua phương án tham gia đấu giá mua tài sản trên đất và nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Khu đất 16 đường Hà Nội, phường Phú Nhuận, TP. Huế (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
2	02/NQ-MB-HĐQT	27/01/2024	Về việc triển khai tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 57/MB-HĐQT ngày 29/01/2024 v/v Nghị quyết phát hành cổ phiếu riêng lẻ - Văn bản số 114 MB/HĐQT ngày 01/03/2024 v/v Thông qua hợp đồng mua bán cổ phiếu chào bán riêng lẻ giữa MB với Tập đoàn Viettel và Công ty SCIC
3	03/NQ-MB-HĐQT	27/01/2024	Về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	- Văn bản số 148.BC-MB-HĐQT ngày 15/03/2024 Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ - Văn bản số 149/MB-HS ngày 15/03/2024 công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành - Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của SICI ngày 15/03/2024 và của Viettel ngày 18/03/2024 - Văn bản số 287/MB-HĐQT ngày 03/05/2024 v/v Sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của MB (Quyết định số 811/QĐ-NHNN ngày 02/05/2024) - Văn bản số 328/MB-HĐQT ngày 22/05/2024 v/v Thông báo giao dịch chứng khoán thay đổi đăng ký niêm yết
4	05/NQ-MB-HĐQT	05/02/2024	Về việc thông qua danh sách nhân sự dự kiến thành viên HDQT, BKS MB nhiệm kỳ 2024 - 2029 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	Ngân hàng Nhà nước có các văn bản số: 3255/NHNN-TTGSNH ngày 17/04/2024 v/v chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu thành viên HDQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029 của MB 3256/NHNN-TTGSNH ngày 17/04/2024 v/v đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu thành viên HDQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 của MB

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
5	06/NQ-MB-HĐQT	29/02/2024	Về việc thông qua phương án trả nợ vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 117/MB-HĐQT ngày 29/02/2024 v/v thông qua hương án trả nợ vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024
6	07/NQ-MB-HĐQT	29/02/2024	Về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 118/MB-HĐQT ngày 29/02/2024 v/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 - Văn bản số 1180/MB-HĐQT ngày 31/12/2024 v/v quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội
7	8.1/NQ-MB-HĐQT	27/03/2024	Về việc thông qua các báo cáo kết quả năm 2023, kế hoạch 2024	
8	8.2/NQ-MB-HĐQT	27/03/2024	Về việc phương án phân phối cổ phiếu ưu đãi cho CBNV MB (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
9	8.3 & 8.3.1/NQ-MB-HĐQT	27/03/2024	Về việc triển khai các thủ tục liên quan cổ phiếu công đoàn (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Thông báo ngày 02/08/2024 về giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (27 trường hợp) - Báo cáo ngày 23/08/2024 về kết quả giao dịch người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (27 trường hợp) - Thông báo ngày 25/10/2024 về giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (26 trường hợp) - Báo cáo ngày 08/11/2024 về kết quả giao dịch người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (26 trường hợp)
10	9/NQ-MB-HĐQT	28/03/2024	Về việc bổ sung, cập nhật phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2023 - 2024 theo hình thức chào bán riêng lẻ đã được HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết 58/NQ-MB-HĐQT ngày 21/12/2023 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin Các văn bản số 2666/MB-HS ngày 01/04/2024, 2995/MB-HS ngày 04/04/2024, 3044/MB-HS ngày 08/04/2024, 3103/MB-HS ngày 09/04/2024, 3626/MB-HS ngày 24/04/2024, 4571/MB-HS ngày 28/05/2024, 5670/MB-HĐQT ngày 20/06/2024, 7157/MB-HS ngày 29/07/2024, 7159/MB-HS ngày 29/07/2024, 7161/MB-HS ngày 29/07/2024, 7162/MB-HS ngày 29/07/2024, 7164/MB-HS ngày 29/07/2024, 7433/MB-HS ngày 06/08/2024, 7436/MB-HS ngày 06/08/2024 công bố thông tin kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
11	10.1/NQ-MB-HĐQT	18/04/2024	Về việc thông qua phương án phân phối cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 262/MB-HĐQT ngày 19/04/2024 v/v Nghị quyết của HĐQT về phương án phân phối cổ phiếu theo chương tình lựa chọn cho người lao động (ESOP) 2024
12	18/NQ-MB-HĐQT	25/04/2024	Về việc thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	Ngân hàng Nhà nước có văn bản số: 4355/NHNN-TTGSNH ngày 24/05/2024 v/v chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 của MB
13	19/NQ-MB-HĐQT	25/04/2024	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 286/MB-HĐQT ngày 03/05/2024 v/v thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2024 - 2029 của MB - Văn bản số 332/TB-MB-HĐQT ngày 24/05/2024 thông báo mời họp ĐHĐCĐ (nhiệm kỳ 2024 - 2029) - Văn bản số 337/MB-HĐQT ngày 24/05/2024 v/v đường dẫn tài liệu ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2024 - 2029
14	20/NQ-MB-HĐQT	04/05/2024	Về việc Hợp đồng triển khai giải pháp Chatbot trên App MBBank giữa MB và Viettel	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 290/MB-HĐQT ngày 04/05/2024
15	21/NQ-MB-HĐQT	10/05/2024	Về việc triển khai phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 299/MB-HĐQT ngày 10/05/2024 v/v thông báo ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng tiền mặt - Văn bản số 331/TB-MB-HĐQT ngày 24/05/2024 v/v thông báo về việc trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông
16	22/NQ-MB-HĐQT	10/05/2024	Về việc thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ của MB sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 318/MB-HĐQT ngày 17/05/2024 v/v giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của MB thay đổi lần thứ 54 - Văn bản số 319/MB-HĐQT ngày 17/05/2024 v/v quyết định của HSX về việc thay đổi đăng ký niêm yết

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
17	23/NQ-MB-HĐQT	10/05/2024	Về việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 340/MB-HĐQT ngày 28/05/2024 v/v UBCK nhận tài liệu ESOP của MB - Văn bản số 340/TB-MB-HĐQT ngày 29/05/2024 v/v thông báo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong công ty - Thông báo và Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu ESOP của 16 trường hợp người nội bộ, người liên quan tại MB - Văn bản số 982/MB-HĐQT ngày 27/11/2024 v/v quyết định của NHNN về sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của MB - Văn bản số 1031/MB-HĐQT ngày 10/12/2024 v/v sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội - cập nhật mức vốn điều lệ sau khi hoàn thành phương án tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
18	24/NQ-MB-HĐQT	17/05/2024	Về việc Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông giữa MB và Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 320/MB-HĐQT ngày 17/05/2024 v/v nghị quyết của HĐQT thông qua Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông giữa MB và TCT Dịch vụ số Viettel
19	25/NQ-MB-HĐQT	30/05/2024	Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2024 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 345/MB-HĐQT ngày 31/05/2024 v/v nghị quyết thông qua phương án phát hành trái phiếu thường của MB
20	26/NQ-MB-HĐQT	13/06/2024	Về việc Hợp đồng nâng cao năng lực hệ thống lưu trữ khu vực trong core giữa MB và Viettel	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 393/MB-HĐQT ngày 13/06/2024 v/v nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng nâng cao năng lực hệ thống lưu trữ khu vực trong core giữa MB và Viettel
21	27/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Chi nhánh Hội An (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
22	27.1/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Chi nhánh Bắc Bình Dương (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
23	27.2/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Chi nhánh Bắc Nghệ An (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)/	
24	27.3/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Chi nhánh Nam Thanh Hóa (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
25	27.4/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Chi nhánh Cẩm Phả (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
26	27.5/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Phòng Giao dịch Thuận Thành - Chi nhánh Bắc Ninh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
27	27.6/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Phòng Giao dịch Vĩnh Tường - Chi nhánh Vĩnh Phúc (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
28	27.7/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Phòng Giao dịch Thống Nhất - Chi nhánh Long Khánh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
29	27.8/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Phòng Giao dịch Ba Đồn - Chi nhánh Quảng Bình (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
30	27.9/NQ-MB-HĐQT	14/06/2024	Về việc thành lập Phòng Giao dịch Hà Tiên - Chi nhánh Kiên Giang (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
31	29/NQ-MB-HĐQT	15/06/2024	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029	
32	30/NQ-MB-BKS	15/06/2024	Về việc bầu Trưởng BKS, Phó Trưởng BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 432/TB-MB-HĐQT ngày 15/06/2024 v/v Thông báo thay đổi nhân sự

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
33	31/NQ-MB-HĐQT	26/06/2024	Về việc ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 483/MB-HĐQT ngày 27/06/2024 v/v Ban hành Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị nội bộ
34	32/NQ-MB-HĐQT	27/06/2024	Về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2024 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 1117.1/MB-HĐQT ngày 25/12/2024 Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Văn bản số 32/TB-MB-HĐQT ngày 13/01/2025 công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành - Văn bản số 33/BC-MB-HĐQT ngày 13/01/2025 v/v Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của MB năm 2023 - Văn bản số 84/ MB-HĐQT ngày 21/01/2025 v/v Văn bản của UBCKNN về tài liệu Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MB
35	34/NQ-MB-BKS	27/06/2024	Nghị quyết của BKS v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 491/MB-HĐQT ngày 28/06/2024 v/v Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của BKS
36	35/NQ-MB-HĐQT	25/07/2024	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 632/TB-MB-HĐQT ngày 26/07/2024 Thông báo thay đổi nhân sự v.v Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty
37	37/NQ-MB-HĐQT	04/09/2024	Về việc thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động và cấp đổi Giấy phép	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 968/ MB-HĐQT ngày 19/11/2024 v/v Quyết định của SBV về bổ sung nội dung vào Giấy phép hoạt động của MB
38	38/NQ-MB-HĐQT	02/10/2024	Về việc thông qua phương án phát hành bổ sung Trái phiếu tăng vốn cấp 2 theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2024 - 2025 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 818/MB-HĐQT ngày 02/10/2024 v/v thông qua phát hành bổ sung Trái phiếu tăng vốn cấp 2 do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2024 - 2025

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA TRONG NĂM 2024				
STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
39	39/NQ-MB-HĐQT	09/10/2024	Về việc thông qua phương án tăng vốn góp của MB tại Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội (MIC)	MB thực hiện công bố thông tin - Văn bản số 1087/MB-HĐQT ngày 23/12/2024 v/v Phương án thực hiện quyền mua cổ phiếu đợt tăng vốn điều lệ MIC năm 2024 - Văn bản số 03/BC-MB-HĐQT ngày 03/01/2025 v/v Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu MIC của Ngân hàng TMCP Quân đội
40	43/NQ-MB-HĐQT	17/10/2024	Về việc phương án nhân sự tại Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Đại Dương sau khi có Quyết định chuyển giao bắt buộc	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 1037/MB-HĐQT ngày 10/12/2024 v/v Quyết định Bổ nhiệm cán bộ
41	44/NQ-MB-HĐQT	17/10/2024	Về việc Hợp đồng, giao dịch triển khai Hạ tầng phục vụ thiết kế và tích hợp hệ thống dịch vụ eKYC nâng cao (eKaaS) tại Việt Nam	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 874/MB-HĐQT ngày 17/10/2024 v/v Nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng giao dịch Hạ tầng phục vụ thiết kế và tích hợp eKYC nâng cao tại VN giữa MB và Viettel
42	46/NQ-MB-HĐQT	02/12/2024	Về việc Hợp đồng, giao dịch triển khai Giải pháp NFC đọc, xác thực CCCD gắn chip	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 9889/MB-HĐQT ngày 02/12/2024 v/v Nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng, giao dịch triển khai giải pháp NFC đọc, xác thực CCCD gắn chip giữa MB và Viettel
43	47/NQ-MB-HĐQT	10/12/2024	Về việc thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và các Công ty thành viên, Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn trong hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 1024/MB-HĐQT ngày 10/12/2024 v/v Nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và các CTTV, CĐ lớn, người có liên quan của CĐ lớn trong hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
44	48/NQ-MB-HĐQT	20/12/2024	Về việc thông qua Hợp đồng cung cấp sản phẩm bảo hiểm ký kết giữa MB và MBAL nhằm triển khai Chương trình tặng bảo hiểm tri ân cho Cán bộ chiến sĩ Hải quân	MB thực hiện công bố thông tin Văn bản số 1088/ MB-HĐQT ngày 23/12/2024 v/v Nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng cung cấp sản phẩm bảo hiểm giữa MB & MBAL
45	49/NQ-MB-HĐQT	31/12/2024	Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán MB năm 2025	

| KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MB NĂM 2024

Đánh giá HĐQT năm 2024

Năm 2024, với chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, HĐQT MB đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Hoạt động của HĐQT được đánh giá định kỳ 6 tháng một lần và hàng năm. Kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT được lưu trữ theo quy định của MB trong từng thời kỳ.

Phương thức đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, BKS, thành viên BDH và người quản lý khác:

- Tự nhận xét, đánh giá
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất
- Cách thức khác theo quy định của MB từng thời kỳ

Định hướng chỉ đạo triển khai chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2024

Chỉ đạo triển khai các giải pháp để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Kết quả hoàn thành các công việc được giao: mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị
- Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ MB, chủ trương, chính sách MB và quy định của pháp luật
- Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm
- Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, phòng, chống

HĐQT đã chỉ đạo tổ chức triển khai các sáng kiến và dự án đồng bộ theo Chiến lược 2022 - 2026 bước đầu hiện thực hóa tầm nhìn "Trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn Tài chính dẫn đầu". HĐQT thông qua phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu tới năm 2025 theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, phù hợp yêu cầu của NHNN và triển khai mạnh mẽ các thỏa thuận hợp tác với cổ đông, đối tác chiến lược; định hướng hoàn thiện các mô hình kinh doanh hiện đại và các nền tảng số đem lại nhiều tiện ích cho các đối tác, khách hàng.

Nâng cao năng lực CNTT và chuyển đổi số, hướng đến tối ưu trải nghiệm khách hàng, đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu của tập đoàn: HĐQT định hướng tiếp tục ưu tiên đầu tư hạ tầng CNTT để nâng cao năng lực các hệ thống lõi (core, dữ liệu & dự phòng), các dự án chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới cung cấp thêm các giải pháp cho người dùng (Chatbot trên App MB, AI...). Ủy ban công nghệ và chuyển đổi số xem xét đánh giá, rà soát các dự án CNTT trọng điểm giai đoạn 2024 - 2026, hiện trạng các hệ thống và theo lộ trình CNTT để tham mưu HĐQT đảm bảo các phương án đầu tư công

tham những, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với cán bộ nhân viên cấp dưới

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2024, các công tác chỉ đạo, triển khai các hoạt động chiến lược, nghị quyết ĐHĐCĐ của MB cũng như quy chế khen thưởng của MB trong từng thời kỳ, kết quả đánh giá cả các thành viên HĐQT của MB đều đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

nghe được triển khai phù hợp quy định, chiến lược hoạt động (trên tư vấn chuyên môn của các đối tác IBM và McKinsey), đáp ứng yêu cầu về quy mô phát triển khách hàng và triển khai hệ sinh thái tích hợp dựa trên dữ liệu. MB tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu về ứng dụng công nghệ mới, hoàn thiện các trải nghiệm dịch vụ đảm bảo an toàn trên các nền tảng số (các giải pháp định danh sử dụng OCR, video KYC, NFC, Digital OTP; đặc biệt giải pháp bảo vệ đa lớp (3 vòng bảo vệ) và App Protection giúp phát hiện và giảm thiểu rủi ro gian lận/lừa đảo qua kênh số...).



Nâng cao năng lực QTRR, kiểm soát rủi ro chặt chẽ: Công tác QTRR tại MB luôn được chú trọng, song hành cùng kinh doanh. HĐQT quản lý và giám sát theo các chỉ tiêu kế hoạch năm liên quan QTRR (NPL, CAR, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR...); chỉ đạo tổ chức hoạt động QLRR khoa học, chặt chẽ, phù hợp quy định và thông lệ quản trị tiên tiến, cụ thể hóa tại các quy định/chính sách/khung/hạn mức QLRR và hệ thống công cụ giám sát và báo cáo QLRR (ứng dụng dữ liệu, mô hình, các công cụ đo lường...). Ủy ban QLRR hỗ trợ/tham mưu HĐQT trong việc thực hiện

giám sát của quản lý cấp cao về hệ thống QTRR, Kiểm soát nội bộ và tuân thủ của MB; theo đó, văn hóa, khẩu vị rủi ro của HĐQT được quán triệt và thực thi. Năm 2024, MB tuân thủ đầy đủ các giới hạn an toàn theo quy định pháp luật, ngưỡng kiểm soát của NHNN, các chỉ số/giới hạn an toàn theo khẩu vị rủi ro được quản trị chặt chẽ theo định hướng của HĐQT.

Đầu tư các dự án trọng điểm giúp nâng cao hình ảnh và thương hiệu MB: HĐQT chỉ đạo quy hoạch hệ thống mạng lưới, đầu tư trụ sở theo hướng tối ưu; định hướng tìm kiếm phương án đầu tư trụ sở của MB tại các địa bàn tiềm năng để đảm bảo mục tiêu Chiến lược, thị phần, đáp ứng quy mô tăng trưởng kinh doanh MB. HĐQT tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp, giúp gia tăng hiệu quả, hình ảnh và thương hiệu MB trong giai đoạn tới (trụ sở MB tại khu vực TP. Hồ Chí Minh/Khu vực phía nam/Các địa bàn trọng điểm theo chiến lược).

**MB HOÀN THÀNH CHI TRẢ
CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU**

15%

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

43 TRIỆU CỔ PHIẾU

CHO ĐỐI TÁC VIETTEL

30 TRIỆU CỔ PHIẾU

CHO ĐỐI TÁC SCIC

Chỉ đạo triển khai các Phương án tăng vốn của MB đáp ứng nhu cầu hoạt động của Ngân hàng, hướng tới duy trì cơ cấu cổ đông ổn định

Năm 2024, MB đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%, chào bán cổ phiếu riêng lẻ (43 triệu cổ phiếu cho đối tác Viettel và 30 triệu cổ phiếu cho đối tác SCIC) và việc phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động (19,24 triệu cổ phiếu), vốn điều lệ được nâng lên mức 53.063,24 tỷ đồng. Cơ cấu cổ đông MB duy trì sự ổn định, thống nhất với việc tiếp tục duy trì sở hữu của một số cổ đông lớn, các cổ đông gần bó với MB trong thời gian dài.

Để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động, tận dụng cơ hội thị trường, thực hiện các mục tiêu chiến lược, HĐQT thông qua việc triển khai phương án phát hành mới và mua lại trái phiếu vốn cấp 2; các giải pháp tăng vốn, tối ưu tài sản có trọng số rủi ro..., kế hoạch vốn đảm bảo các chỉ tiêu quản trị phù hợp quy định, đáp ứng nhu cầu kinh doanh và đầu tư tăng năng lực trong thời gian tới.

HĐQT báo cáo ĐHCĐ việc tiếp tục triển khai phương án chào bán riêng lẻ tối đa 62 triệu cổ phiếu được ĐHCĐ 2023, 2024 thông qua cùng phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2025 (Tổng chi trả cổ tức là 35%, trong đó 32% bằng cổ phiếu và 3% bằng tiền mặt), phù hợp chấp thuận của các CQQLNN liên quan, đáp ứng nhu cầu vốn của ngân hàng theo chiến lược và hướng tới duy trì ổn định cơ cấu cổ đông (Theo Tờ trình số 354/TTr-MB-ĐHCĐ ngày 06/04/2025 v/v thông qua phương án tăng vốn điều lệ).

Việc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng MBCambodia, Chi nhánh MB Lào phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của các Cơ quan Nhà nước tại Campuchia, Lào và Việt Nam: chưa thể triển khai trong năm 2024 do điều kiện thị trường và các yếu tố liên quan thủ tục pháp lý. HĐQT báo cáo ĐHCĐ về việc MB sẽ tiếp tục triển khai chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng MBCambodia, Chi nhánh MB Lào thành hình thức ngân hàng 100% vốn do MB sở hữu, liên doanh, cổ phần hoặc hình thức hiện diện thương mại khác khi có cơ hội phù hợp, theo nhu cầu thực tế, trên cơ sở đảm bảo phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của các Cơ quan Nhà nước tại nước sở tại và Việt Nam.

Nhận chuyển giao bắt buộc (CGBB) một ngân hàng thương mại; định hướng tìm kiếm, tham gia, triển khai các cơ hội sáp nhập/hợp nhất phù hợp chủ trương của Nhà nước, nghị quyết ĐHCĐ: MB được Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc (PA CGBB) và NHNN quyết định chính thức việc nhận chuyển giao Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Đại dương (OceanBank) ngày 17/10/2024.

Kiến toàn, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức và quản trị tập đoàn phù hợp Chiến lược; phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng, tận tâm: HĐQT quyết định việc sắp xếp và điều chỉnh một số chức năng của các đơn vị cấp CEO để đáp ứng yêu cầu quản trị - điều hành, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn mới; tổ chức Trung tâm FDI với định hướng phát triển vào mảng thị trường/khách hàng FDI tiềm năng. Năm 2024, BDH MB được bổ sung thêm 02 Thành viên BDH là những nhân sự có nhiều kinh nghiệm quản trị đã tham gia HĐQT nhiệm kỳ trước; 01 Thành viên BDH được bổ nhiệm PTGD kiêm Giám đốc công nghệ thông tin tập đoàn để tăng cường tổ chức triển khai các định hướng chuyển đổi số, công nghệ của tập đoàn. Các công ty thành viên trong năm cũng có sự điều chỉnh về một số nhân sự cấp cao là người đại diện của MB trên cơ sở bổ sung và phát triển nhân tố mới, tăng năng lực quản trị - điều hành gắn với định hướng

chuyển đổi số, các mô hình kinh doanh mới của MB - Các công ty thành viên nhưng vẫn đảm bảo ổn định tổ chức công ty. HĐQT thông qua chế độ đãi ngộ dài hạn cho CBNV giai đoạn 2025 - 2028 - là một trong số các chính sách mới giúp khuyến khích và giữ chân nhân sự chủ chốt/nhân tài; định hướng công tác đào tạo tập trung theo các nội dung/phạm vi chuyên môn sâu/mới, giúp nâng cao chất lượng nguồn lực, bồi dưỡng và thu hút nhân tài, áp dụng sâu rộng phương pháp làm việc mới để tạo năng lực cho tổ chức¹.

Công tác phối hợp với BKS trong thực hiện giám sát các hoạt động của MB, BDH và người đại diện tại các công ty thành viên; chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý giám sát trong các đợt thanh tra pháp nhân và tổng kiểm toán, thông tin minh bạch...; lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập BCTC năm và soát xét BCTC bán niên (riêng lẻ và hợp nhất) trong nhóm Big 4 các đơn vị kiểm toán tại Việt Nam phù hợp nghị quyết ĐHCĐ.

Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành năm 2024: Công tác điều hành mọi mặt hoạt động của ngân hàng đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của HĐQT và phù hợp quy định pháp luật; năng lực kinh doanh và quản trị điều hành ngân hàng được nâng cao, góp phần triển khai các chuyển dịch chiến lược. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong hệ thống được tập trung đẩy mạnh, góp phần cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.

Tập trung hoàn thiện cơ chế quản trị công ty, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, hướng tới thông lệ tốt và là một trong những ngân hàng tiên phong ứng dụng công nghệ, số hóa trong một số quy trình triển khai hoạt động quản trị, thông tin cổ đông. Trong năm, HĐQT đã ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT cập nhật/sửa đổi theo Nghị quyết ĐHCĐ 2024, phù hợp quy định pháp luật mới; định hướng triển khai các quy định của Luật các TCTD 2024 và Điều lệ 2024 trong hoạt động ngân hàng và điều chỉnh/ban hành mới các quy chế quản trị của MB để triển khai tuân thủ các quy định mới của pháp luật; chỉ đạo kiện toàn Quy định.

Phân cấp thẩm quyền; phân công công tác HĐQT, các Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT phù hợp phân công HĐQT, Ban Điều hành sau ĐHCĐ 15/06/2024, phát huy năng lực, thế mạnh các thành viên.



¹ Chi tiết các chương trình được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm của MB (đăng tải công khai trên website MB: Mục Nhà Đầu tư)

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CHO NĂM 2025

ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA MB



TRIỂN KHAI SÁNG KIẾN
CHIẾN LƯỢC



TRIỂN KHAI ROADMAP
ĐẦU TƯ CNTT



HOÀN THIỆN CƠ CHẾ
PHỐI HỢP GIỮA MB VÀ
CÔNG TY THÀNH VIÊN



KIỆN TOÀN MÔ HÌNH
TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN

Năm 2025, Theo định hướng hoạt động của HĐQT đối với MB Group, MB xây dựng mục tiêu trọng tâm năm tới bám sát Chiến lược phát triển giai đoạn 2022 - 2026, định hướng kế hoạch hoạt động chung của tập đoàn, MB và các công ty thành viên năm 2025.

- MB triển khai quyết liệt, thực chất các sáng kiến chiến lược tập đoàn MB giai đoạn 2022 - 2026, hiệp lực tập đoàn, tích hợp ESG trong các mục tiêu dài hạn của tập đoàn. Năm 2025 tập trung tăng trưởng quy mô thị phần và mở rộng quy mô kinh doanh; Phát triển bền vững, an toàn, QTRR chặt chẽ, ưu tiên đầu tư chuyển đổi số, thu hút khách hàng có chất lượng (tỷ lệ khách hàng active >55%, sản phẩm dịch vụ đáp ứng trải nghiệm KH xuất sắc). Định hướng, chỉ đạo các công ty thành viên tổ chức triển khai chiến lược phù hợp với chiến lược của tập đoàn và định hướng của HĐQT.
- MB triển khai về lộ trình đầu tư CNTT MB giai đoạn 3 - 5 năm tiếp theo, phù hợp chiến lược MB, tăng trưởng kinh doanh, an ninh, an toàn.
- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế phối hợp giữa MB và các công ty thành viên (cơ chế chia sẻ lợi ích và trách nhiệm). KIỆN TOÀN các quy định, cơ chế của HĐQT về giao dịch giữa MB và các bên có liên quan.
- KIỆN TOÀN mô hình tổ chức tập đoàn, MB và các công ty thành viên phù hợp chiến lược; quản trị nhân sự hiệu quả (tối ưu nguồn lực - ưu tiên cho lực lượng kinh doanh tại chi nhánh, nhóm quản lý hệ thống, thẩm định, phê duyệt và quản lý kinh doanh tại hội sở; nâng cao năng suất lao động (nhân sự hiện hữu) - mục tiêu ~ Top đầu hệ thống; tăng chất lượng nhân sự thông qua đào tạo, luân chuyển, thu hút và giữ chân nhân tài).
- Triển khai các vấn đề pháp lý liên quan đến phương án nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm/đề xuất cấp HĐQT MB (nhân sự HĐQT, BKS, Người đại diện MB tại các công ty thành viên, nhân sự cán bộ quản lý thuộc cấp HĐQT bổ nhiệm/điều chuyển)
- KIỆN TOÀN các quy định quản trị nội bộ, quản lý tài chính thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước và các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra ...
- Hoạt động quản lý vốn và quản lý rủi ro thanh khoản tập đoàn phù hợp với định hướng Chiến lược, nhu cầu thực tế, chỉ đạo/định hướng của HĐQT



TRIỂN KHAI PHÁP LÝ LIÊN QUAN
PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ



KIỆN TOÀN QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ
NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VỐN VÀ
QUẢN LÝ RỦI RO

Bám sát các định hướng của Chính phủ, NHNN, MB thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, chọn lọc các phân khúc khách hàng, ngành sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ đồng hành cùng khách hàng khắc phục khó khăn và phát triển sản xuất kinh doanh; tiếp tục hỗ trợ vốn, tín dụng, miễn, giảm lãi suất theo đúng quy định của pháp luật.

MB tiếp tục chú trọng đầu tư xây dựng giá trị thương hiệu với quy mô tầm khu vực; đầu tư chiều sâu về con người, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ để tạo năng lực cạnh tranh bền vững; hoàn thiện và phát triển các hành trình tích hợp, hiệp lực tạo ra sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu, tối ưu hiệu quả chi phí... từ đó, gia tăng các giá trị của tập đoàn; tạo ra trải nghiệm khác biệt; tiếp tục mở rộng và phát triển hệ sinh thái số cùng các đối tác đa dạng, uy tín trong các lĩnh vực bao gồm: Thương mại điện tử, Viễn thông/Thanh toán, Vận tải hành khách, Y tế, Giáo dục,...

MB sẽ tiếp tục ổn định cơ cấu cổ đông và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, quản trị rủi ro chặt chẽ đảm bảo lợi ích tối đa cho đối tác, cổ đông và khách hàng; đồng thời luôn đồng hành trong công tác thiện nguyện để hỗ trợ cộng đồng vượt qua những khó khăn.

Trên cơ sở tổng kết và phát huy các kết quả của nhiệm kỳ 2019 - 2024, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng hoạt động cho nhiệm kỳ mới, báo cáo ĐHĐCĐ thông qua. Với sự tin tưởng của các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư, Hội đồng Quản trị cam kết lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao và đồng hành cùng Ban Điều hành, đưa MB vững bước tiến lên hoàn thành, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và kế hoạch được giao, đồng thời các công ty thành viên phấn đấu bám đuổi mục tiêu hiệu quả mà MB đang duy trì, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường công tác phối hợp/hợp tác với các đơn vị trong toàn hệ thống MB, góp phần cung cấp các giải pháp tiện ích tới khách hàng, giúp gia tăng giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông Hoàng Văn Sâm là thành viên độc lập HĐQT từ ngày 15/06/2024, đồng thời Ông là thành viên Ủy ban QLRR.

Trong năm, Ông Sâm đã tham gia 9/9 buổi họp của HĐQT, đồng thời thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành và hệ thống cơ chế, quy chế quản trị nội bộ MB.

Theo Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 số 32/2024/QH15 về thực hiện nhiệm vụ thành viên độc lập HĐQT, trong năm 2024 Thành viên độc lập HĐQT MB có nhiệm vụ:

VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giám sát và bảo vệ lợi ích của cổ đông

Ông Sâm có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra phù hợp với lợi ích của cổ đông và ngân hàng.

Đảm bảo tính minh bạch và trung thực

Ông Sâm có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các thông tin tài chính và hoạt động của ngân hàng được công bố một cách minh bạch và chính xác. Thành viên HĐQT độc lập có trách nhiệm kiểm tra các báo cáo tài chính và báo cáo khác để đảm bảo tính đúng đắn.

Đưa ra các khuyến nghị

Ông Sâm có thể đưa ra các khuyến nghị cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến quản lý, chiến lược và phát triển của công ty. Thành viên HĐQT độc lập cần đóng góp ý kiến từ một góc nhìn độc lập, giúp HĐQT đưa ra quyết định khách quan hơn.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT để báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

Ông Sâm hoàn thành các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT từng thời kỳ.

Về thực hiện nhiệm vụ là thành viên Ủy ban QLRR trực thuộc HĐQT

Đánh giá chung về hiệu quả hoạt động của Thành viên độc lập

Theo quy chế HĐQT MB về đánh giá Thành viên độc lập HĐQT, Ông Hoàng Văn Sâm đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2024. Ông Sâm đưa ý kiến đánh giá về hoạt động của HĐQT và các ủy ban trực tiếp tại các cuộc họp và thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ trong năm 2024; Triển khai thành công nhiệm vụ công tác báo cáo Cơ quan quản lý Nhà nước theo phân công; Triển khai thành công nhiệm vụ công tác báo cáo Cơ quan quản lý Nhà nước theo phân công;

Với tính chất độc lập khi tham gia HĐQT, Ông Sâm đã góp phần tích cực trong việc nâng cao tính khách quan, minh bạch, hiệu quả và chất lượng hoạt động của HĐQT Ngân hàng TMCP MB.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN QLRR

Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu cho Hội đồng Quản trị các vấn đề về hệ thống QLRR và tuân thủ của tập đoàn, MB, công ty thành viên; giúp việc Hội đồng quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống QLRR, tuân thủ và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn. Năm 2024, Ủy ban đã thực hiện hiệu quả các công việc thuộc thẩm quyền, gồm: thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban: xem xét, đánh giá về tình hình rủi ro và tuân thủ đến hết Quý I, II, III/2024 và báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Ủy ban; nghiên cứu, thảo luận theo các chuyên đề về QTRR (chất lượng tín dụng, đánh giá tác động Luật TCTD 2024 và phương án kiện toàn các văn bản liên quan của MB, Basel III, rủi ro công nghệ, ESG, định hướng xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ủy ban năm 2025).

Trong năm 2024, Ủy ban QLRR tổ chức 07 cuộc họp.

ỦY BAN CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số được thành lập sau khi tổ chức phân công lại nhiệm vụ nhân sự Thành viên Ủy ban theo HĐQT nhiệm kỳ mới. Ủy ban này có trách nhiệm xem xét các định hướng hoạt động của Ngân hàng và rà soát, đánh giá các dự án công nghệ đang triển khai.

Trong năm 2024, Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số đã tổ chức 01 cuộc họp.

ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, tư vấn Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị các vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự, đãi ngộ của MB và các công ty thành viên; trợ giúp Hội đồng quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về các vấn đề tổ chức, nhân sự, đãi ngộ... Trong năm, Ủy ban đã xem xét đánh giá thi đua khen thưởng cho năm 2023 và kỳ 01/2024; xem xét các đề xuất danh hiệu khen thưởng ngoài MB năm 2024, tổ chức Hội đồng phỏng vấn nhân sự để tham vấn Chủ tịch HĐQT (định hướng bổ nhiệm nhân sự một số Lãnh đạo Khối Hội sở, Giám đốc chi nhánh, Lãnh đạo cấp cao của các công ty thành viên.

Ủy ban Nhân sự đã tổ chức họp 05 cuộc trong năm 2024.

ỦY BAN QUẢN TRỊ CẤP CAO

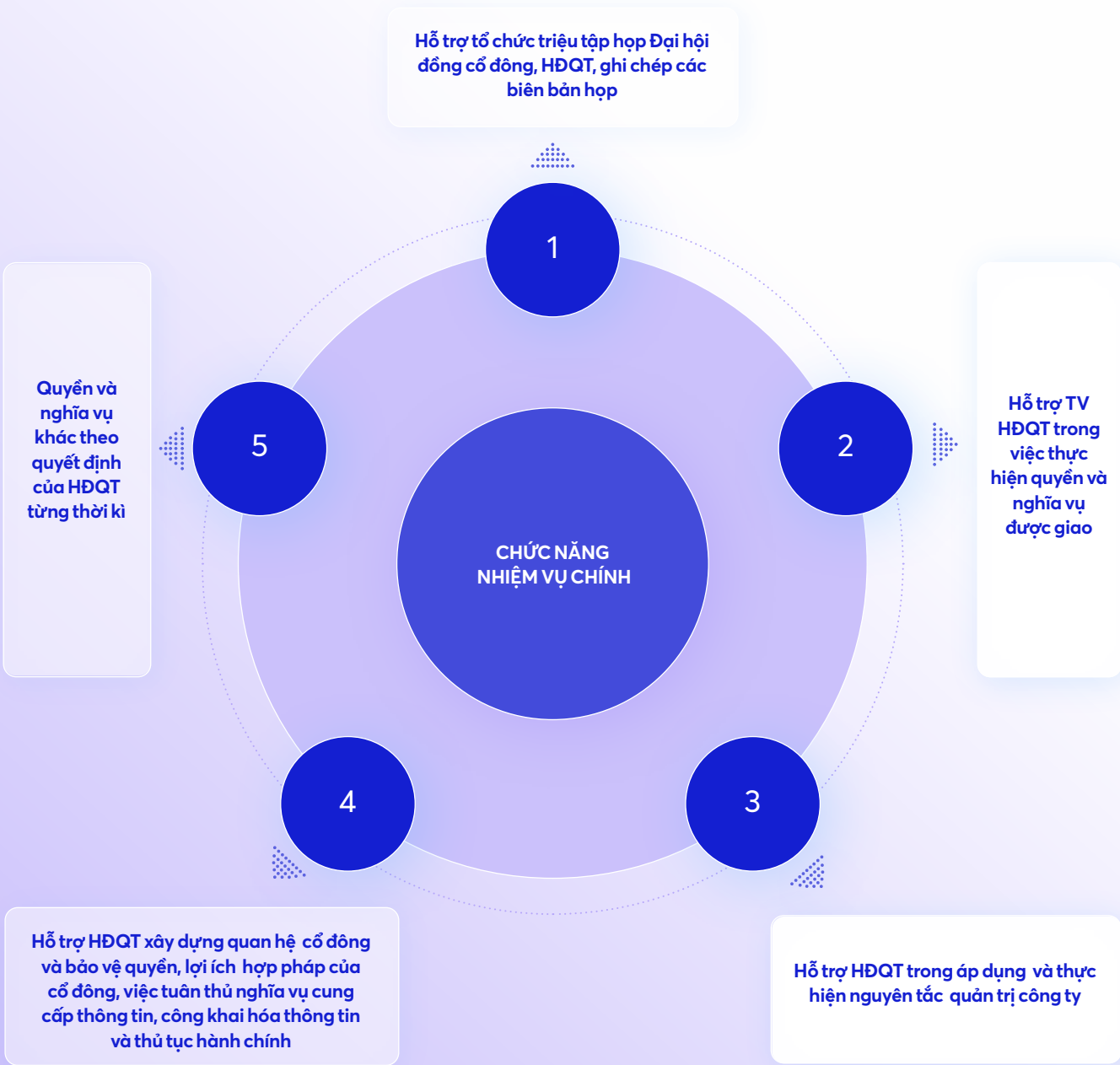
Ủy ban Quản trị cấp cao có vai trò tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị giải quyết kịp thời các công việc và giám sát của quản lý cấp cao. Năm 2024, ủy ban đã thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền, gồm: tham vấn ý kiến cho HĐQT/Chủ tịch HĐQT về công tác tổ chức ĐHCĐ 2024 của MB, các phương án đầu tư công nghệ và mua sắm khác theo quy định.

Năm 2024, Ủy ban đã tổ chức họp 01 cuộc và lấy ý kiến bằng văn bản 20 lần.

I HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ đầu năm 2024 đến 26/07/2024; Người phụ trách quản trị công ty của MB là Bà Đỗ Kim Loan – Chánh Văn phòng HĐQT MB.

Tại Văn bản số 632/TB-MB-HĐQT ngày 26/07/2024 Thông báo thay đổi nhân sự v.v Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty. Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ MB, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty (NPTQTCT) là Ông Nguyễn Ngọc Thành - Chánh văn phòng HĐQT theo quyết định của HĐQT qua từng thời kì là người tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong các hoạt động của HĐQT và trong công tác quản trị công ty.



Hoạt động của người phụ trách quản trị công ty trong năm 2024

- Chủ trì tổ chức hoạt động thư ký công ty, công tác trợ lý, tham mưu, giúp việc của văn phòng HĐQT
- Chủ trì công tác chiến lược và hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin, chủ trì thiết lập và giám sát triển khai thực hiện chế độ thông tin báo cáo/thực hiện nghị quyết với HĐQT, BKS
- Chủ trì tổ chức truyền thông định hướng và chính sách, hoạt động của HĐQT/BKS trong và ngoài MB
- Chủ trì giám sát công tác truyền thông tập đoàn và quan hệ công chúng theo đúng chủ trương chính sách, định hướng của HĐQT về tập đoàn
- Chỉ đạo và quản lý luồng giải quyết các hồ sơ trình HĐQT



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm phát triển, nâng cao năng lực của các thành viên HĐQT, Ban điều hành, các Ủy ban và cán bộ quản lý khác của ngân hàng, trong năm 2024, MB đã tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo về quản trị công ty cũng như các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn gồm có:

STT	Tên chương trình	Thời gian	Các thành viên tham gia
1	Hội nghị chuyên đề công tác thanh toán của NHNN	Tháng 1	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
2	Hội nghị chuyên đề về công tác điều chỉnh chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối, Thanh tra giám sát, tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và hoàn thiện thể chế của NHNN	Tháng 1	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
3	Hội nghị đẩy mạnh tín dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế do NHNN tổ chức	Tháng 2	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
4	Hội thảo trực tuyến “Giải pháp An ninh Mạng 2024”	Tháng 3	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
5	Tọa đàm với chủ đề “Một số quy định mới của Luật Đất đai 2024 và góp ý các dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai liên quan đến hoạt động ngân hàng	Tháng 3	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
6	Khóa đào tạo về xây dựng Hệ thống quản lý rủi ro môi trường, khí hậu và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD tại Hà Nội do NHNN tổ chức	Tháng 4	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
7	Hội thảo chuyên đề Ứng phó trước làn sóng tấn công mạng vào các tổ chức, công ty tài chính do Hiệp hội An ninh mạng Quốc gia tổ chức	Tháng 4	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
8	Hội thảo “Giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong tiếp cận vốn tín dụng đối với khu vực kinh tế tập thể do NHNN tổ chức	Tháng 4	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
9	Hội thảo Ứng dụng phương pháp và hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều trong công tác Kế toán quản trị tại các NHTM Việt Nam do Viện Chiến lược - NHNN tổ chức	Tháng 5	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
10	Hội thảo “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong Phòng chống tội phạm tài chính”	Tháng 5	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
11	Tọa đàm thực hành báo cáo phát triển bền vững do NHNN tổ chức	Tháng 6	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu

STT	Tên chương trình	Thời gian	Các thành viên tham gia
12	Hội thảo Khoa học của NHNN về Phát triển lành mạnh tín dụng tiêu dùng, đẩy lùi “tín dụng đen”	Tháng 7	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
13	Tọa đàm về “Xử lý nợ xấu - Thực trạng và giải pháp” do Hiệp hội Ngân hàng tổ chức	Tháng 8	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
14	Tọa đàm của NHNN về quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ	Tháng 8	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
15	Hội nghị trực tuyến chuyên đề của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số “Nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến”	Tháng 8	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
16	Hội thảo “Chiến thắng cuộc đua thanh toán số trong ngành Tài chính Ngân hàng” do Hiệp hội Ngân hàng tổ chức	Tháng 9	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
17	Hội nghị trực tuyến của NHNN về công tác kiểm soát, kiểm toán và kiểm tra nội bộ của các Tổ chức tín dụng năm 2024	Tháng 10	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
18	Hội thảo của NHNN về tín dụng cho nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	Tháng 11	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
19	Hội thảo ESG trên thị trường chứng khoán Việt Nam - Thực tiễn và giải pháp theo kế hoạch cụ thể do UBCK NN tổ chức	Tháng 11	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
20	Hội thảo “Phòng chống gian lận 2024: Đổi mới chiến lược phòng chống rủi ro gian lận với AI/ML” do Hiệp hội Ngân hàng tổ chức/	Tháng 11	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu
21	Hội thảo ESG (nội bộ)	Tháng 12	Thành viên HĐQT và các Ủy ban, Các thành viên khác theo yêu cầu

Ban Kiểm soát

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) đã triển khai hoàn thành kế hoạch năm 2024, thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành, thực thi chiến lược và các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ MB và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Công tác giám sát được triển khai toàn diện, kịp thời, các nội dung giám sát tập trung vào: (i) Giám sát hoạt động của MB và kết quả hoạt động theo quy định pháp luật (QĐPL)/quy định nội bộ (QĐNB)/Điều lệ/Nghị quyết của ĐHĐCĐ/Hội đồng quản trị (HDQT); (ii) Công tác giám sát của quản lý cấp cao; (iii) Giám sát tình hình triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh, các dự án trọng điểm, dự án đầu tư mua bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HDQT; (iv) Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC; (v) Giám sát hoạt động quản lý rủi ro, việc chấp hành quy định của Luật các TCTD về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng; (vi) Giám sát của quản lý cấp cao đối với KTNB trong triển khai chiến lược KTNB giai đoạn 2022-2026 và triển khai kế hoạch năm 2024. Kết quả giám sát cho thấy: Kết quả kinh doanh năm 2024 cơ bản đã hoàn thành tốt kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, các chỉ tiêu hiệu quả và quy mô có sự tăng trưởng tốt so với thị trường; BCTC của MB phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh; MB tuân thủ các quy định về chỉ tiêu giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật; Kiểm toán nội bộ MB hoàn thành vượt kế hoạch KTNB năm 2024; các đơn vị đã tiếp thu, tích cực chỉnh sửa các kiến nghị của Cơ quan quản lý, BKS và KTNB.

BKS đã tổ chức 10 phiên họp theo quy định và các cuộc họp/làm việc theo yêu cầu nhiệm vụ, tập trung vào: (i) Kịch bản hoạt động và phân công nhiệm vụ các Thành viên BKS; (ii) Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của BKS đối với hoạt động của MB, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) định kỳ 6 tháng/hàng năm theo quy định; (iii) Công tác kiện toàn tổ chức và hệ thống quy định nội bộ của BKS và kiểm toán nội bộ (KTNB); (iv) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS; (v) Công tác chỉ đạo/định hướng và giám sát cấp cao đối với KTNB; Các thành viên BKS tham gia đầy đủ/phù hợp và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo phân công.

STT	Thời gian họp	Tỷ lệ thành viên tham dự	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2024	100%	Họp thông qua kết quả hoạt động BKS năm 2023 và KH năm 2024	Biên bản họp được thông qua
2	Quý II/2024	100%	Họp thông qua kết quả hoạt động BKS/TV BKS quý I năm 2024 và nhiệm vụ quý II năm 2024	Biên bản họp được thông qua
3	Quý II/2024	100%	Họp về bầu chức danh BKS nhiệm kỳ 2024-2029 và các nội dung khác có liên quan	Nghị quyết và Biên bản họp được thông qua
4	Quý II/2024	100%	Họp thông qua kết quả hoạt động BKS/TV BKS quý II và nhiệm vụ quý III; ban hành quy định nội bộ của BKS; thông qua quyết định phân công nhiệm vụ BKS	Biên bản họp được thông qua
5	Quý III/2024	100%	Kết quả hoạt động quý II năm 2024, nhiệm vụ Quý III của Cơ quan Kiểm toán nội bộ	Biên bản họp được thông qua
6	Quý IV/2024	100%	Kết quả hoạt động quý III, nhiệm vụ quý IV của Cơ quan Kiểm toán nội bộ	Biên bản họp được thông qua
7	Quý IV/2024	100%	Thông qua báo cáo Thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2024	Biên bản họp được thông qua
8	Quý IV/2024	100%	Họp thông qua kết quả hoạt động BKS/TV BKS quý 3 năm 2024 và nhiệm vụ quý IV năm 2024	Biên bản họp được thông qua
9	Quý IV/2024	100%	Họp BKS với các đơn vị thuộc tuyến 2 về phối hợp triển khai kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 và kế hoạch tuyển bảo vệ số 2	Thông báo kết luận họp được thông qua
10	Quý IV/2024	100%	Họp BKS thông qua kế hoạch hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2025	Thông báo kế hoạch được thông qua

BKS tham gia/tổ chức các chương trình làm việc/thảo luận với đơn vị kiểm toán độc lập/các đối tác/chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi/chia sẻ về các thông lệ tốt trong quản trị, điều hành doanh nghiệp/chuyển đổi số/hoạt động kiểm soát/kiểm toán nội bộ;

Phối hợp hiệu quả với HDQT, Ban Điều hành (BDH) trong việc tổ chức, triển khai hoạt động/nhiệm vụ của BKS, KTNB.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, TGD/BĐH/CÁC ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

BKS đã phối hợp tốt với HĐQT/TGD/BĐH/các đơn vị/cá nhân có liên quan trong triển khai nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và quy định nội bộ với một số nội dung như sau:



BKS thống nhất cơ chế giám sát/phối hợp với HĐQT/TGD/BĐH/các đơn vị/cá nhân liên quan (bao gồm cổ đông) trong triển khai nhiệm vụ theo quy định. Trao đổi và làm việc với HĐQT/TGD/BĐH về kế hoạch kiểm soát, KTNB hàng năm. HĐQT/TGD/BĐH/các đơn vị liên quan đã phối hợp BKS trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển nhân sự Cơ quan KTNB, tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác.



BKS/Thành viên BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT, Chủ tịch HĐQT, BDH và đóng góp ý kiến độc lập khách quan các nội dung/giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Đồng thời, cho ý kiến/tư vấn đối với HĐQT trong phê duyệt các quyết định thuộc thẩm quyền; kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, triển khai chiến lược, nâng cao năng lực quản lý rủi ro; quản trị tài chính và hiệu quả hoạt động của MB. Các kiến nghị/tư vấn của BKS được HĐQT/TGD/BĐH tiếp thu và chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc triển khai.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Năm 2025, BKS MB tiếp tục nâng cao vị thế, vai trò của BKS, Kiểm toán nội bộ (KTNB) tại MB và Công ty thành viên (CTTV) góp phần vào sự phát triển bền vững và hiệu quả của MB và Tập đoàn. Cập nhật kịp thời, tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ và áp dụng các chuẩn mực/thông lệ ngành về kiểm soát, kiểm toán tại MB và CTTV.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025 tập trung vào các nhiệm vụ chính gồm: Kiến toàn tổ chức và hoạt động kiểm soát, KTNB tại CTTV; Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo QĐPL và QĐNB; Kiểm tra/chỉ đạo kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý điều hành

của MB; Rà soát giao dịch của MB với các bên liên quan theo quy định; Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 5 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, TGD của MB, cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên theo quy định pháp luật; Chỉ đạo, định hướng, giám sát của quản lý cấp cao hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại MB, công ty thành viên thông qua người đại diện của MB là Trưởng BKS/Kiểm soát viên/Chủ nhiệm Ủy ban kiểm toán tại công ty thành viên; Thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ.



HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ (KTNB)

Vị trí, chức năng

Cơ quan Kiểm toán nội bộ là đơn vị ngang Khối, được tổ chức tại Hội sở, trực thuộc Ban Kiểm soát và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, báo cáo trực tiếp lên Ban Kiểm soát theo đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ của MB.

Các chức năng của KTNB gồm: kiểm toán, tư vấn, giúp việc hoạt động của BKS, quản lý Tập đoàn về kiểm toán nội bộ.

Cơ quan Kiểm toán nội bộ là tuyến bảo vệ thứ ba trong mô hình 3 tuyến bảo vệ, thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách quy trình, quy định nội bộ của MB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm MB hoạt động an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật.

Nguyên tắc hoạt động

Kiểm toán nội bộ hoạt động trên nguyên tắc độc lập, khách quan, kiểm soát xung đột lợi ích và chuyên nghiệp.

Kiểm toán viên nội bộ không đồng thời đảm nhận các công việc, nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận thuộc đối tượng tuyển bảo vệ thứ nhất và tuyển bảo vệ thứ hai; không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ, báo cáo và đánh giá. Các ghi nhận kiểm toán trong báo cáo kiểm toán nội bộ được phân tích cẩn trọng và dựa trên

cơ sở các dữ liệu, thông tin thu thập được. Kiểm toán viên nội bộ đảm bảo trung thực khi thực hiện báo cáo, đánh giá trong quá trình kiểm toán nội bộ. Các kiểm toán viên nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, chuẩn mực về chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ; tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động KTNB trong phạm vi công việc được phân công.

Phương pháp kiểm toán

Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các hoạt động/đơn vị được đánh giá có mức trọng yếu/rủi ro cao. Ngoài ra, KTNB áp dụng các phương pháp kiểm toán mới theo quy định/chỉ đạo của MB từng thời kỳ.

Hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2024

Năm 2024, Cơ quan Kiểm toán nội bộ đã nỗ lực triển khai các chương trình kiểm toán/tư vấn vượt kế hoạch đề ra, đồng thời triển khai kịp thời các yêu cầu kiểm tra, rà soát của các cơ quan quản lý. Chất lượng tham mưu, tư vấn thông qua kết quả kiểm toán tiếp tục được duy trì và phát huy, kết quả kiểm toán giúp MB kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, các kiến nghị/tư vấn được Ban lãnh đạo, các đơn vị ghi nhận, đánh giá cao và tích cực chỉnh sửa, qua đó góp phần tăng doanh thu, tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành tại MB.

Hoạt động KTNB cung cấp dịch vụ đảm bảo và tư vấn tuân thủ theo quy định pháp luật và cập nhật theo thông lệ tốt, góp phần vào sự thành công của Chiến lược giai đoạn 2022-2026 và góp phần bảo vệ sự phát triển bền vững của MB.

Áp dụng các chuẩn mực và phương pháp kiểm toán mới theo thông lệ và xu hướng ngành KTNB. Triển khai hiệu quả và hoàn thành sớm các sáng kiến và giải pháp Chiến lược KTNB giai đoạn 2022-2026. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý kiểm toán nội bộ tập đoàn.

Định hướng hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2025

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

LỢI ÍCH NHẬN ĐƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

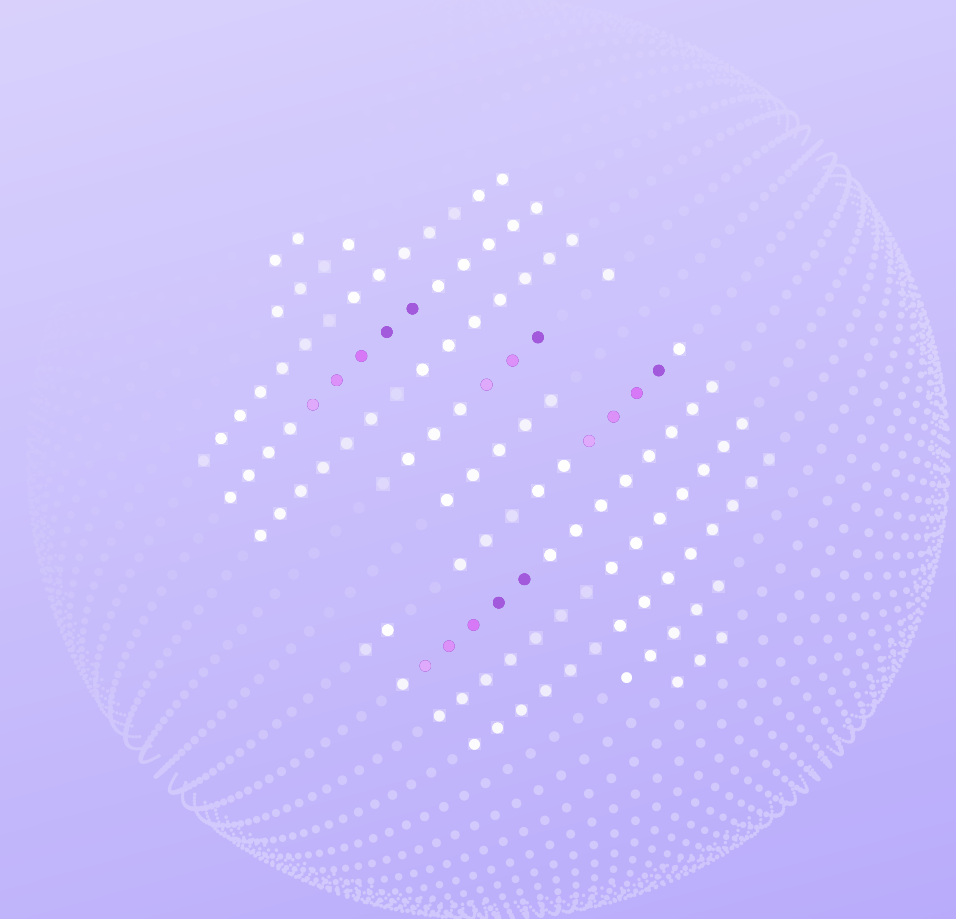
Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt hàng năm, phù hợp điều lệ MB, các quy định nội bộ của MB về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan. Thù lao của Thành viên HĐQT, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được báo cáo/công bố thông tin tại mục riêng trong Báo cáo tài chính năm kiểm toán của MB.

Năm 2024, Ngân hàng TMCP MB thực hiện chi trả thù lao của HĐQT và BKS căn cứ theo Nghị quyết số 12/NQ-MB-ĐHCD ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Đại hội Cổ đông. Theo đó, tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động là 1,2% lợi nhuận sau thuế. Tiền lương của BDH và người quản lý khác được chi trả theo Quy chế lương của MB.

Chi tiết về nội dung này được trình bày tại Phần 7 - Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của MB - Thuyết minh số 46 về giao dịch với các bên liên quan.

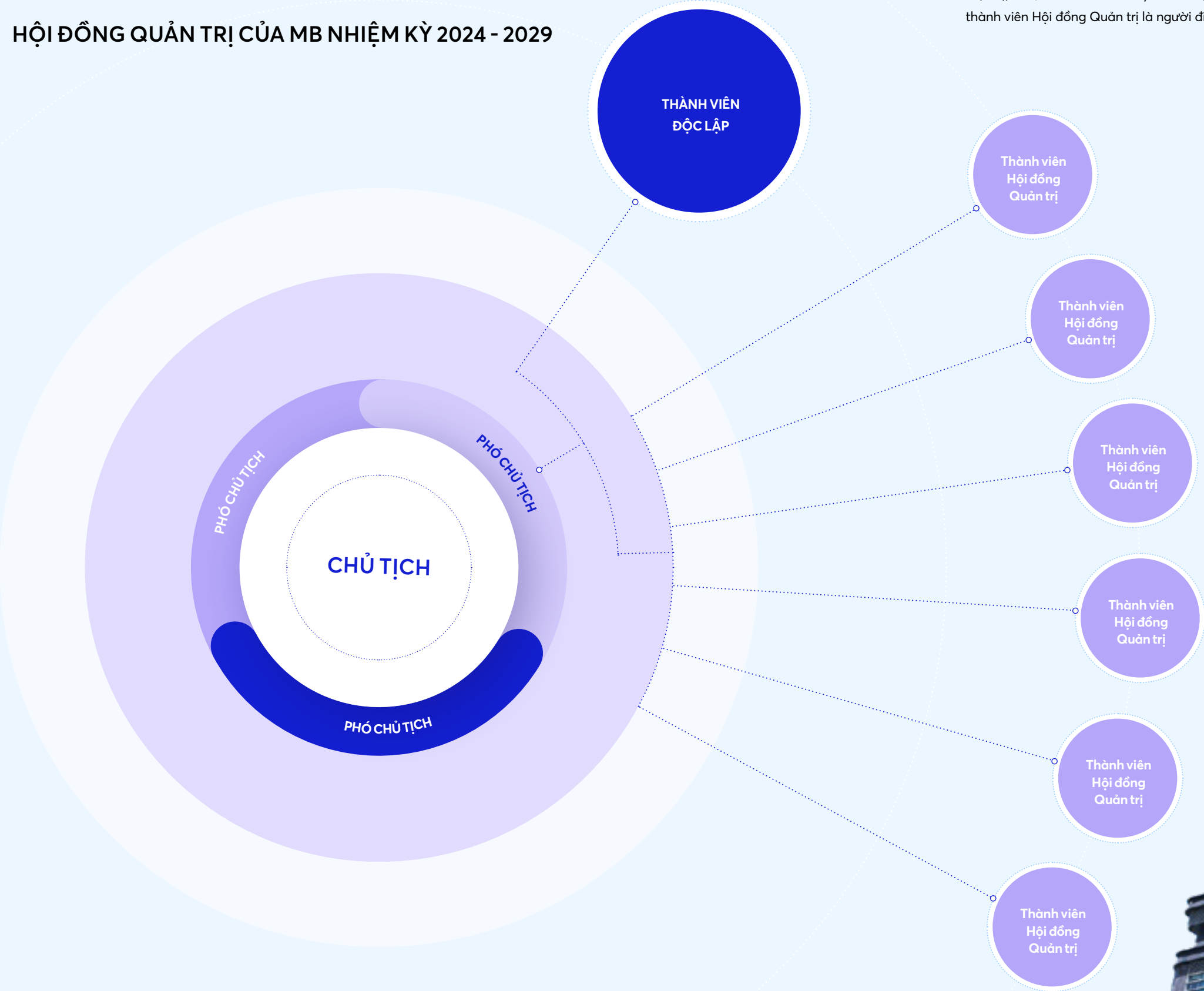
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

MB đã thực hiện công bố thông tin các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2024 tại đường dẫn: <https://www.mbbank.com.vn/Investor/nha-dau-tu>



Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA MB NHIỆM KỲ 2024 - 2029



Hội đồng Quản trị của MB nhiệm kỳ 2024 - 2029 (đến 31/12/2024) gồm 11 thành viên; bao gồm: 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch, 06 Thành viên Hội đồng Quản trị và 01 Thành viên độc lập.

Cơ cấu Hội đồng Quản trị có 4/11 thành viên là nữ (chiếm tỷ lệ ~ 36,4%); có 7/11 thành viên chuyên trách (chiếm tỷ lệ ~ 63,6%); 01 thành viên Hội đồng Quản trị là người điều hành của MB.

Hội đồng Quản trị có các nhân sự từ nhiệm kỳ trước và bổ sung một số nhân sự mới là đại diện của các cổ đông chiến lược (Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông quân đội - Viettel, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thép Việt Nam, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC). Chất lượng quản trị đạt tiêu chuẩn cao nhờ kinh nghiệm quản lý đa ngành từ các thành viên HĐQT chuyên trách và các thành viên Hội đồng Quản trị là lãnh đạo cấp cao của các Doanh nghiệp, Tập đoàn lớn - các cổ đông chiến lược của MB.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ VIỆC ÁP DỤNG QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI MB TRONG NĂM 2024

Năm 2024, HĐQT đã hoàn thành cơ bản các Chương trình trọng tâm và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể

Kiện toàn tổ chức hoạt động của HĐQT và các Ủy ban nhiệm kỳ mới; ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024; hoàn thiện hệ thống phân cấp, ủy quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định pháp luật.

Hoàn thành phương án phát hành ESOP & các phương án phân phối/thưởng cổ phiếu Công đoàn. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức 15% có ngày chốt quyền 08/01/2025 và hoàn thành ghi nhận mức vốn điều lệ mới tại giấy phép hoạt động trong tháng 2/2025.

MB được Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc (CGBB) và NHNN quyết định chính thức việc nhận chuyển giao Oceanbank (ngày 17/10/2024), công tác tiếp nhận CGBB và tổ chức hoạt động sau CGBB an toàn, phù hợp quy định và định hướng của Chính phủ.

MB vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất - ghi nhận những đóng góp của Ngân hàng trong quá trình phát triển 30 năm vừa qua. Trong năm, MB đã đạt giải thưởng "Corporate Excellence Award - Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á" - lần thứ 5 liên tiếp; đồng thời 2 giải thưởng "Top 3 Financial Large Cap có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất" & "Top 3 Financial Large Cap có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất.

Năm 2024, Hội đồng Quản trị MB đã thực hiện nhiệm vụ giám sát cấp cao về tình hình thực thi chiến lược, giải pháp kinh doanh; định hướng chỉ đạo công tác chuyển đổi số; chỉ đạo thực hiện quyết liệt các Quyết nghị của ĐHĐCĐ; triển khai hoạt động quản trị doanh nghiệp khác theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở quy định pháp luật và quy định nội bộ của MB, đảm bảo hoạt động Ngân hàng có sự tăng trưởng ổn định trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế.

Một số kết quả cụ thể:

Chỉ đạo triển khai Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2022 - 2026: định hướng triển khai đúng tiến độ, hiệu quả các Sáng kiến - dự án nhà máy số, dự án nền tảng đúng tiến độ; Chỉ đạo hoàn thành xây dựng cấu phần nội dung ESG tại Chiến lược chung; định hướng tổ chức triển khai, rà soát Chiến lược, hạ tầng/hệ thống CNTT của các Công ty thành viên.



Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 của MB ngày 19/04/2024, ĐHĐCĐ bất thường 2024 của MB ngày 15/06/2024 và ĐHĐCĐ thường niên các công ty thành viên (MBS, MBCapital, MIC). Theo đó, ĐHĐCĐ của MB và các công ty thành viên đã thông qua các nội dung quan trọng về kế hoạch kinh doanh, phương án tăng vốn, phương án sử dụng vốn chủ sở hữu, sửa đổi/bổ sung Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT và BKS phù hợp quy định pháp luật mới; bầu HĐQT và BKS MB nhiệm kỳ 2024 - 2029, bầu bổ sung/thay thế Thành viên HĐQT MBCapital.

Thông qua Kế hoạch năm 2024 của Tập đoàn, MB và các công ty thành viên bám sát các định hướng Chiến lược (mục tiêu "Top 3 về hiệu quả", phương châm "Tăng trưởng an toàn, bền vững") và nghị quyết ĐHĐCĐ 2024; định hướng/chỉ đạo tổ chức triển khai theo các Kịch bản kế hoạch phù hợp diễn biến thị trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh MB an toàn, hiệu quả; giám sát, đánh giá triển khai Kế hoạch hàng quý.

Định hướng Kế hoạch năm 2025 của Tập đoàn, MB và các công ty thành viên phù hợp Chiến lược (phương châm "Tăng tốc - Vững chắc - Hiệu quả"; kiên định mục tiêu Top 3 về hiệu quả; tăng trưởng quy mô thị phần; Phát triển bền vững, an toàn - tích hợp ESG trong các mục tiêu dài hạn của Tập đoàn; QTRR chặt chẽ; Nâng cao Hiệp lực Tập đoàn để khai thác toàn diện hệ sinh thái).

Kiện toàn cơ chế quản trị/
tổ chức vận hành của MB để
nâng cao hiệu quả quản lý,
tiệm cận các thông lệ quản
trị tốt

- HĐQT đã ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT cập nhật/sửa đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024, phù hợp quy định pháp luật mới; định hướng triển khai các quy định của Luật các TCTD 2024 và Điều lệ 2024 trong hoạt động ngân hàng và điều chỉnh/ban hành mới các quy chế quản trị của MB để triển khai tuân thủ các quy định mới của pháp luật; chỉ đạo kiện toàn Quy định Phân cấp thẩm quyền; phân công công tác HĐQT, các Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT phù hợp phân công HĐQT, Ban Điều hành sau ĐHĐCĐ 15/06/2024, phát huy năng lực, thế mạnh các Thành viên. Chủ tịch HĐQT phê duyệt nguyên tắc Kiến trúc sư trưởng Hệ thống văn bản nội bộ là PTGD/Thành viên BDH phụ trách Khối Pháp chế & Tuân thủ; định hướng nghiên cứu điều chỉnh thiết kế Khung Văn bản nội bộ và thiết kế chi tiết quy chế quản trị của MB phù hợp quyết nghị HĐQT; định hướng xây dựng các bộ chỉ tiêu QTRR của công ty thành viên.
- HĐQT thông qua việc tổ chức Ban Sản phẩm & Marketing, Văn phòng CEO, Văn phòng HĐQT và Mô hình tổ chức MB tương ứng, phù hợp định hướng phát triển MB theo Chiến lược, các trọng tâm và nguyên tắc triển khai giai đoạn 2025 – 2027.

Quản trị nhân sự cấp cao và nhân sự toàn hệ thống MB Group: thông qua cơ cấu, số lượng, danh sách nhân sự dự kiến bầu Thành viên HĐQT và Thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029 để báo cáo xin chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước và trình ĐHĐCĐ (bầu ngày 15/06/2024); thông qua cơ cấu số lượng nhân sự BDH và bổ nhiệm 02 Thành viên BDH (Bà Nguyễn Thị Ngọc và Bà Nguyễn Thị Thủy); bổ nhiệm lại PTGD Hà Trọng Khiêm; bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty của MB; điều chỉnh Người đại diện vốn của MB và đề cử chức danh Chủ tịch HĐQT MBCapital; các phương án nhân sự cấp cao/Người đại diện tại các công ty thành viên; định hướng tăng cường đào tạo chuyên môn nâng cao chất lượng nguồn lực, bồi dưỡng và thu hút nhân tài, áp dụng sâu rộng phương pháp làm việc mới để tạo năng lực cho tổ chức; thông qua chế độ đãi ngộ dài hạn cho cán bộ nhân viên giai đoạn 2025 - 2028 - là một trong số các chính sách mới giúp khuyến khích và giữ chân nhân sự chủ chốt, nhân tài.

Chỉ đạo các phương án đầu tư mua sắm, giúp nâng cao năng lực trong ngân sách đầu tư CNTT năm 2024 đã được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Tập đoàn và phù hợp định hướng Chiến lược MB giai đoạn 2022 - 2026: định hướng tiếp tục ưu tiên đầu tư cho hạ tầng CNTT, các dự án chuyển đổi số; thông qua Hợp đồng triển khai giải pháp Chatbot trên App MBBank và phương án mua sắm, kết quả lựa chọn nhà cung cấp hệ thống lưu trữ khu vực trong core giữa MB và Viettel; Nâng cấp hạ tầng AI; Mở rộng năng lực hạ tầng các hệ thống dữ liệu, dự phòng...

Chỉ đạo triển khai phương
án tăng vốn, chi trả cổ tức,
phân phối cổ phiếu theo
Nghị quyết ĐHĐCĐ

- MB đã hoàn thành phương án phát hành 73 triệu cổ phiếu cho Viettel và SCIC theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 (Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần 54 ngày 16/05/2024 để ghi nhận mức VDL mới); hoàn thành phương án ESOP (NHNN đã có Quyết định ngày 25/11/2024 v/v sửa đổi Giấy phép hoạt động ghi nhận mức vốn điều lệ sau khi hoàn thành phương án ESOP là 53.063.240.520.000 đồng).
- MB đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền mặt 5% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 (Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền là 24/05/2024 và thực hiện chi trả từ 14/06/2024); hoàn thành các thủ tục liên quan cổ phiếu Công đoàn MB căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Định hướng/chỉ đạo
triển khai một số Dự án/
Phương án

- Phương án chuyển giao bắt buộc (CGBB) 1 tổ chức tín dụng: ĐHĐCĐ thường niên 2024 của MB đã thông qua việc tiếp tục triển khai Phương án. Ngày 17/10/2024, NHNN có Quyết định chính thức về việc chuyển giao bắt buộc Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại Dương (OceanBank) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB). Ngay khi tiếp nhận chuyển giao, HĐQT định hướng công tác quản trị điều hành tại Ngân hàng nhận chuyển giao đảm bảo hoạt động thông suốt, liên tục, các quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền và khách hàng tại OceanBank được đảm bảo theo đúng thỏa thuận và quy định pháp luật. Trên cơ sở NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, HĐQT và Chủ tịch HĐQT MB đã quyết định cử người đại diện, bổ nhiệm nhân sự Thành viên HĐTV, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các chức danh Thành viên Ban điều hành của OceanBank theo quy định. OceanBank đã được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV) kể từ ngày 18/12/2024 và đến thời điểm báo cáo, hoạt động MBV ổn định, tăng trưởng cả tín dụng và huy động vốn.
- Dự án MB Cambodia: ĐHĐCĐ thường niên 2024 của MB đã thông qua việc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng MBCambodia (đang là ngân hàng 100% vốn do MB sở hữu) thành liên doanh hoặc hình thức hiện diện thương mại khác do HĐQT xem xét, quyết định cụ thể theo nhu cầu thực tế triển khai, phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước tại Campuchia.
- Định hướng/chỉ đạo phát triển mạng lưới và đầu tư trụ sở tối ưu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động; tìm kiếm phương án đầu tư trụ sở của MB tại các địa bàn tiềm năng; chỉ đạo nghiên cứu và bổ sung định hướng hoạt động - kinh doanh cho các chi nhánh tại tỉnh để đảm bảo mục tiêu Chiến lược, thị phần của MB; phê duyệt việc điều chỉnh Kế hoạch xin cấp phép chi nhánh/phòng giao dịch năm 2024, đáp ứng quy mô tăng trưởng kinh doanh MB.
- Bên cạnh việc phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát trong chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/đột xuất/chuyên đề trong MB Group, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi để kịp thời nắm bắt, hỗ trợ Ban Điều hành, Người đại diện MB tại các Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Trong năm, các cuộc họp Hội đồng Quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị được tổ chức định kỳ hàng quý; Hội đồng Quản quản trị vận hành cơ chế tổ chức lấy ý kiến thường xuyên để giải quyết kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định; các Ủy ban của Hội đồng quản trị (Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số) cũng tổ chức họp thường xuyên/đột xuất để kịp thời tham mưu/tư vấn cho Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với các nội dung liên quan. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị tích cực phát huy vai trò và dành nhiều thời gian làm việc trực tiếp với các đơn vị để đánh giá chính xác tình hình hoạt động và định hướng/chỉ đạo phù hợp với thực tế; phối hợp với Ban kiểm soát trong định hướng chiến lược kiểm toán nội bộ giai đoạn 2022 - 2026 và kế hoạch kiểm toán hàng năm đảm bảo phù hợp, phát huy hiệu quả các mô hình kiểm soát, giám sát rủi ro.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ THỐNG LỆ TỐT

Hiện nay, ngân hàng đang áp dụng các nguyên tắc Quản Trị Công Ty (“QTCT”) tốt của “Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất” do UBCKNN và Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019 dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm QTCT ASEAN và các thông lệ tốt nhất của các tập đoàn toàn cầu hàng đầu trong khu vực ASEAN

Cụ thể, MB áp dụng đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị công ty của Ngân hàng theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, dựa trên 05 khía cạnh chính:

QUYỀN VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG

Quyền và đối xử công bằng với Cổ đông được Ngân hàng quy định tại điều lệ công ty, được công bố tại các tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, trên Website của Ngân hàng, các Biên bản họp ĐHĐCĐ cũng như các tài liệu công bố thông tin khác của MB. Các thông tin bao gồm: quyền cơ bản của cổ đông, quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, các thông báo ĐHĐCĐ cũng như các thông tin liên quan đến giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao, bảo vệ cổ đông thiểu số...

VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

MB xây dựng cơ chế nhận diện và đánh giá mối quan tâm của các bên liên quan cũng như tích cực thực hiện các hoạt động gắn kết các bên liên quan trong năm 2024. Ngân hàng MB luôn chú trọng vào việc xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác bền vững với các bên liên quan, duy trì sự kết nối chặt chẽ, thấu hiểu và chia sẻ các giá trị chung. Ngân hàng coi việc lắng nghe nguyện vọng, tìm hiểu mối quan tâm của các bên liên quan là yếu tố then chốt, đồng thời các bộ phận chuyên trách chủ động triển khai các hoạt động tương tác thông qua nhiều kênh giao tiếp đa dạng. Trong năm 2024, MB đã triển khai nhiều chương trình gắn kết các bên liên quan, xây dựng những kế hoạch cụ thể, thiết thực phù hợp với từng nhóm đối tượng, từ đó củng cố mối quan hệ bền vững và tạo ra giá trị chung.

TÍNH BỀN VỮNG & KHẢ NĂNG PHỤC HỒI

Thông tin về tính bền vững và khả năng phục hồi được MB công bố tại báo cáo tích hợp hàng năm, chương riêng về Báo cáo Phát triển bền vững (PTBV). Các thông tin được công bố công khai trên website của ngân hàng, thể hiện định hướng, chiến lược của tập đoàn trên hành trình PTBV cũng như bộ máy quản trị, quản lý liên quan đến các vấn đề về PTBV. Ngân hàng cũng tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến QTRR ESG, xác định các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV, từ đó xem xét, giám sát và hướng dẫn việc thực hành các thông lệ quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các rủi ro chuyển đổi và vật chất liên quan đến khí hậu tại MB.

CÔNG BỐ THÔNG TIN MINH BẠCH

MB công bố công khai, minh bạch và định kì các thông tin liên quan đến tài chính và quản trị công ty tại website của ngân hàng cũng như các kênh truyền thông khác.

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MB thực hiện công bố đầy đủ cơ cấu, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, quy chế Quản trị Công ty và các văn bản khác liên quan trên website của Ngân hàng. Mô hình quản trị MB áp dụng là mô hình công ty cổ phần tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, tại Điều 137, khoản 1a và Luật các tổ chức tín dụng (2024). Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Ngoài ra, Ngân hàng có các ủy ban tham gia vào nhiệm vụ tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị trong các vấn đề của Ngân hàng như : Ủy Ban QLRR, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số.

Ngoài ra, MB cũng đang tiếp tục nghiên cứu các thực hành tốt về quản trị công ty cũng như các bài học kinh nghiệm từ các tổ chức, ngân hàng quốc tế, nhằm không ngừng kiện toàn, phát triển toàn diện hoạt động Quản trị công ty tại Ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ THÔNG LỆ TỐT

Hiện nay, ngân hàng đang áp dụng các nguyên tắc Quản Trị Công Ty (“QTCT”) tốt của “Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất” do UBCKNN và Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019 dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm QTCT ASEAN và các thông lệ tốt nhất của các tập đoàn toàn cầu hàng đầu trong khu vực ASEAN

Cụ thể, MB áp dụng đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị công ty của Ngân hàng theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, dựa trên 05 khía cạnh chính:

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Công bố thông tin minh bạch

MB công bố công khai, minh bạch và định kì các thông tin liên quan đến tài chính và quản trị công ty tại website của ngân hàng cũng như các kênh truyền thông khác.

Quyền và đối xử công bằng với Cổ đông

Quyền và đối xử công bằng với Cổ đông được Ngân hàng quy định tại điều lệ công ty, được công bố tại các tài liệu hợp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, trên Website của Ngân hàng, các Biên bản họp ĐHĐCĐ cũng như các tài liệu công bố thông tin khác của MB. Các thông tin bao gồm: quyền cơ bản của cổ đông, quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, các thông báo ĐHĐCĐ cũng như các thông tin liên quan đến giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao, bảo vệ cổ đông thiểu số...

Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan

MB xây dựng cơ chế nhận diện và đánh giá mối quan tâm của các bên liên quan cũng như tích cực thực hiện các hoạt động gắn kết các bên liên quan trong năm 2024. Ngân hàng MB luôn chú trọng vào việc xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác bền vững với các bên liên quan, duy trì sự kết nối chặt chẽ, thấu hiểu và chia sẻ các giá trị chung. Ngân hàng coi việc lắng nghe nguyện vọng, tìm hiểu mối quan tâm của các bên liên quan là yếu tố then chốt, đồng thời các bộ phận chuyên trách chủ động triển khai các hoạt động tương tác thông qua nhiều kênh giao tiếp đa dạng. Trong năm 2024, MB đã triển khai nhiều chương trình gắn kết các bên liên quan, xây dựng những kế hoạch cụ thể, thiết thực phù hợp với từng nhóm đối tượng, từ đó củng cố mối quan hệ bền vững và tạo ra giá trị chung.

Tính bền vững & khả năng phục hồi

Thông tin về tính bền vững và khả năng phục hồi được MB công bố tại báo cáo tích hợp hàng năm, chương riêng về Báo cáo Phát triển bền vững (PTBV). Các thông tin được công bố công khai trên website của ngân hàng, thể hiện định hướng, chiến lược của tập đoàn trên hành trình PTBV cũng như bộ máy quản trị, quản lí liên quan đến các vấn đề về PTBV. Ngân hàng cũng tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến QTRR ESG, xác định các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV, từ đó xem xét, giám sát và hướng dẫn việc thực hành các thông lệ quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các rủi ro chuyển đổi và vật chất liên quan đến khí hậu tại MB.

Vai trò, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

MB thực hiện công bố đầy đủ cơ cấu, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, quy chế Quản trị Công ty và các văn bản khác liên quan trên website của Ngân hàng. Mô hình quản trị MB áp dụng là mô hình công ty cổ phần tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, tại Điều 137, khoản 1a và Luật các tổ chức tín dụng (2024). Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Ngoài ra, Ngân hàng có các ủy ban tham gia vào nhiệm vụ tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị trong các vấn đề của Ngân hàng như : Ủy Ban QLRR, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số.

Ngoài ra, MB cũng đang tiếp tục nghiên cứu các thực hành tốt về quản trị công ty cũng như các bài học kinh nghiệm từ các tổ chức, ngân hàng quốc tế, nhằm không ngừng kiện toàn, phát triển toàn diện hoạt động Quản trị công ty tại Ngân hàng.

Hoạt động quan hệ với nhà đầu tư

Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) là một phần thiết yếu của các công ty niêm yết nhằm đảm bảo sự minh bạch và trao đổi thông tin không bị gián đoạn giữa công ty và cộng đồng đầu tư, cổ đông cũng như đối tác. Kể từ khi niêm yết và đặc biệt trong năm 2024, chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ Nhà đầu tư nhằm hướng tới các mục tiêu sau đây

Chủ động, minh bạch trong công bố thông tin	Tăng cường độ tin cậy của dữ liệu	Tăng cường trao đổi thông tin với nhà đầu tư
- Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC và hướng tới các chuẩn mực quốc tế cao hơn. - Luôn cập nhật và công bố thông tin bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. - Chủ động công bố thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư. - Đảm bảo thông tin chính xác, phản ánh đúng bản chất hoạt động kinh doanh.	- Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán của Việt Nam. - Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm. - Dữ liệu công bố ra bên ngoài được xem xét và kiểm soát bởi cấp có thẩm quyền của các bộ phận chức năng và bộ phận IR để đảm bảo tính nhất quán, chính xác và tương thích với các thông tin trên Báo cáo tài chính.	- Sử dụng nhiều kênh khác nhau như tham gia các hội nghị nhà đầu tư họp trực tuyến, họp trực tiếp, , v.v. để cung cấp thông tin cập nhật về môi trường kinh doanh, hiệu quả hoạt động, chiến lược kinh doanh của ngân hàng, đồng thời trả lời kịp thời các câu hỏi và giải quyết các mối quan tâm của của nhà đầu tư. - Cập nhật kết quả kinh doanh hàng quý nhằm nêu bật những thành tựu, những chương trình, chính sách mà các đơn vị trong Ngân hàng đang triển khai và sẽ triển khai trong các kỳ tới. - Tích cực tham dự các sự kiện nhà đầu tư/thị trường vốn trong và ngoài nước do các tổ chức tài chính uy tín tổ chức.

Hoạt động IR bắt buộc

Theo đó, đối với hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư bắt buộc, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư đã nghiêm túc thực hiện kịp thời và chính xác các yêu cầu về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư 96/2020-BTC của Bộ Tài chính.

Trong năm 2024, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư đã thực hiện công bố 140 văn bản thuộc dạng bắt buộc, không phát sinh trường hợp nào vi phạm quy định công bố thông tin của cơ quan chức năng. Các văn bản công bố thông tin bắt thường, định kỳ như Báo cáo tài chính quý, Báo

cáo thường niên, Điều lệ, các tài liệu Đại hội cổ đông,...đều được thực hiện đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh đảm bảo các cổ đông nước ngoài kịp thời nắm bắt thông tin nhằm đảm bảo công bằng quyền lợi giữa các cổ đông.

Hoạt động IR chủ động

Đối với hoạt động IR chủ động, trong năm 2024, chúng tôi không ngừng cải tiến nội dung, các kênh truyền thông, và thường xuyên tổ chức, nhằm cung cấp cho quý nhà đầu tư, cổ đông những thông tin chính xác và kịp thời về hoạt động ngân hàng.

Chúng tôi đã cải tiến mục Nhà đầu tư chuyên nghiệp trên website của MB, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư dễ dàng tìm kiếm thông tin, hình ảnh một cách nhanh chóng, thuận tiện. Đồng thời cải tiến và xây dựng các Báo cáo cập nhật phân tích kết quả kinh doanh của MB để gửi nhà đầu tư ngay sau khi báo cáo tài chính được công bố định kỳ hàng quý bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

IR MBBank cũng tích cực tham gia các sự kiện, hội thảo trong nước và ngoài nước như Sự kiện Vietnam Access Day 2024 do Vietcapital tổ chức, Vietnam C-Suit Forum 2024 do SSI & Godman Sachs chủ trì, Hội nghị Nhà đầu tư "Emerging Vietnam 2024" do HSC tổ chức, Sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư của UBS, Sự kiện Asean Corporate Day do Maybank Kim Eng tổ chức,...

Chúng tôi cũng tổ chức thành công các Hội nghị nhà đầu tư định kỳ trong năm 2024 dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến do Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc chủ trì. Sự kiện được nhà đầu tư đánh giá cao và truyền thông rộng rãi qua các kênh báo giới và mạng xã hội.

Ngoài ra, IR MBBank cũng tích cực phối hợp các công ty chứng khoán hàng đầu bao gồm Vietcapital, SSI, HSC, VnDirect,

MBS, UBS, MayBank KimEng... tiếp xúc với các nhà đầu tư trực tiếp, tổ chức các sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư theo nhóm lớn tại Trụ sở MBBank với sự tham gia của đại diện các khối chức năng trong ngân hàng như Khối Quản trị rủi ro, Khối đầu tư, Khối Tài chính kế toán,... nhằm cung cấp đến cổ đông, cộng đồng nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích thông tin sâu về các chương trình hành động và hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Trong năm 2024, IR MBBank cũng đã tổ chức gặp gỡ hàng trăm lượt đại diện của các quỹ đầu tư dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến và kịp thời giải đáp các giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư trong và ngoài nước qua các hình thức email, điện thoại và trực tuyến qua các nền tảng như Teams, Zoom,...

CÁC SỰ KIỆN IR NĂM 2024

Các sự kiện IR năm 2024				
STT	Ngày thực hiện	Địa điểm	Nội dung chính và mục tiêu của hoạt động	Kết quả đạt được
1	Q1 2024	Hà Nội	Vietnam C-Suit Forum	MB có cơ hội gặp gỡ tiếp xúc gần 300 nhà đầu tư tổ chức toàn cầu thông qua nhiều hình thức họp khác nhau. Đồng thời tương tác với các diễn giả nổi tiếng và những hiểu biết sâu sắc có giá trị về bối cảnh đầu tư năng động của Việt Nam vào năm 2024.
2	Q1 2024	Hồ Chí Minh	Vietnam Access Day 2024	MB tham dự hội nghị đầu tư lớn nhất Việt Nam, kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước và các nhà đầu tư toàn cầu để thảo luận về các xu hướng thị trường mới nhất và các cơ hội đầu tư tiềm năng. MB đã thuyết trình nhóm lớn và các cuộc họp nhóm nhỏ với các cổ đông cập nhật kết quả kinh doanh và triển vọng 2025
3	Q1 2024	Online	Hội nghị Nhà đầu tư MB	Nhà đầu tư được cập nhật kết quả kinh doanh và triển vọng của MB đồng thời tương tác đặt câu hỏi với Chủ Tịch HĐQT và các lãnh đạo cấp cao của ngân hàng
4	Q2 2024	Hà Nội	Đại hội Cổ đông Thường niên MB	Các cổ đông tham dự có quyền biểu quyết về các vấn đề của ngân hàng như thông qua BCTC, phương án về vốn điều lệ... đảm bảo quyền cổ đông
5	Q2 2024	Hồ Chí Minh	Emerging Vietnam 2024	MB tham dự sự kiện với cộng đồng đầu tư trong và ngoài nước nhằm nâng cao vị thế, hình ảnh của MB trên thị trường
6	Q2 2024	Malaysia	Asean Corporate Day	Tham dự hội nghị có quy mô trong khu vực, MB đã gặp gỡ các nhà đầu tư cập nhật về các chiến lược của MB và những mục tiêu mới trong ngắn hạn và trung hạn mở rộng với các nhà đầu tư tiềm năng.
7	Q2 2024	Online	Hội nghị Nhà đầu tư MB	Nhà đầu tư được cập nhật kết quả kinh doanh và triển vọng của MB đồng thời có thể tương tác đặt câu hỏi với Tổng giám đốc và các lãnh đạo cấp cao của MB
8	Q3 2024	Online	Vietnam Corporate Day 2024	MB tiếp cận, giới thiệu và quảng bá được hình ảnh của mình đối với các nhà đầu tư quốc tế, cũng như học hỏi được kinh nghiệm từ các doanh nghiệp khác

7

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

252 Thông tin chung

255 Báo cáo của Ban Điều hành

256 Báo cáo Kiểm toán độc lập

258 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

262 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

264 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

267 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin chung

Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp, thay thế Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53.063.241 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 52.140.841 triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch	
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Phạm Như Ánh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Lê Viết Hải	Thành viên	
Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên	
Ông Phạm Doãn Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Vũ Xuân Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên HĐQT độc lập	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Trần Trung Tín	Thành viên HĐQT độc lập	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)

BAN KIỂM SOÁT		
Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban	
Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Đỗ Văn Tiến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)

BAN ĐIỀU HÀNH		
Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 2/7/2024)
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên	
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên	(Thôi giữ chức vụ từ ngày 10/12/2024)
Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên	(Thôi giữ chức vụ từ ngày 10/12/2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phạm Như Ánh - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 367/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 5 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo.

Công bố của Ban Điều hành

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Phạm Như Ánh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Kính gửi: Các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "MB"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày XX tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 98.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00089-25-6



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Lê Nhật Vương

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Báo cáo tình hình Tài chính hợp nhất

B02/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	3.349.166	3.675.394
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	29.825.253	66.321.652
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	76.785.622	46.343.813
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		63.887.837	39.119.633
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		12.903.651	7.229.607
Dự phòng rủi ro		(5.866)	(5.427)
Chứng khoán kinh doanh	8	7.931.655	44.250.788
Chứng khoán kinh doanh		7.931.834	44.251.400
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(179)	(612)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	-	141.294
Cho vay khách hàng		765.047.985	599.579.267
Cho vay khách hàng	10	776.657.846	611.048.830
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(11.609.861)	(11.469.563)
Hoạt động mua nợ	12	951.509	1.789.868
Mua nợ		1.041.362	1.848.863
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(89.853)	(58.995)
Chứng khoán đầu tư	13	209.637.377	147.923.205
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	205.507.956	143.010.711
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	4.612.504	5.387.952
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	13.3	(483.083)	(475.458)

	Thuyết minh	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	609.477	615.785
Đầu tư dài hạn khác	14.1	775.670	779.587
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.2	(166.193)	(163.802)
Tài sản cố định		5.430.416	4.854.186
Tài sản cố định hữu hình	15	3.750.696	3.194.404
Nguyên giá		9.014.672	7.732.608
Hao mòn lũy kế		(5.263.976)	(4.538.204)
Tài sản cố định vô hình	16	1.679.720	1.659.782
Nguyên giá		4.976.669	4.196.144
Hao mòn lũy kế		(3.296.949)	(2.536.362)
Bất động sản đầu tư	17	234.115	240.294
Nguyên giá		260.415	260.415
Hao mòn lũy kế		(26.300)	(20.121)
Tài sản Có khác		28.998.487	29.218.094
Các khoản phải thu	18.1	14.360.628	14.289.084
Các khoản lãi, phí phải thu	18.2	8.918.622	8.668.557
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		38.912	28.710
Tài sản Có khác	18.3	5.873.749	6.406.669
Trong đó: Lợi thế thương mại	19	9.523	19.045
Dự phòng rủi ro cho các tài sản			
Có nội bảng khác	18.4	(193.424)	(174.926)
TỔNG TÀI SẢN		1.128.801.062	944.953.640

Báo cáo tình hình Tài chính hợp nhất

(TIẾP THEO)

B02/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	20	8.156.285	8.738
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		110.169.585	99.810.466
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	21.1	79.515.610	68.812.883
Vay các tổ chức tín dụng khác	21.2	30.653.975	30.997.583
Tiền gửi của khách hàng	22	714.154.479	567.532.577
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	191.545	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	23	2.793.453	2.799.863
Phát hành giấy tờ có giá	24	128.964.033	126.463.110
Các khoản nợ khác		47.312.101	51.627.727
Các khoản lãi, phí phải trả	25.1	9.899.902	13.390.191
Các khoản phải trả và công nợ khác	25.2	37.411.147	38.236.542
Dự phòng các khoản nợ khác		1.052	994
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.011.741.481	848.242.481
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của tổ chức tín dụng		56.295.833	54.938.426
Vốn điều lệ		53.063.241	52.140.841
Thặng dư vốn cổ phần		1.304.334	869.327
Vốn khác		1.928.258	1.928.258
Các quỹ của tổ chức tín dụng		14.996.847	12.193.931
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		137.797	45.939
Lợi nhuận chưa phân phối		40.718.224	25.559.753
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		4.910.880	3.973.110
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	27	117.059.581	96.711.159
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.128.801.062	944.953.640

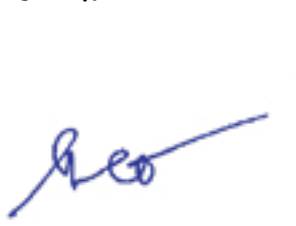
Chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Thuyết minh	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	42	238.395	154.358
Cam kết giao dịch hối đoái	42	263.133.210	394.715.794
Cam kết mua ngoại tệ		4.416.403	1.945.064
Cam kết bán ngoại tệ		4.492.239	1.423.038
Cam kết mua giao dịch hoán đổi ngoại tệ		127.747.604	195.798.455
Cam kết bán giao dịch hoán đổi ngoại tệ		126.476.964	195.549.237
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	42	29.138.440	23.214.316
Bảo lãnh khác	42	135.649.614	121.825.143
Các cam kết khác	42	72.142.229	81.444.111
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	43	9.244.457	6.878.001
Nợ khó đòi đã xử lý	44	43.977.154	35.252.892
Tài sản và chứng từ khác	45	302.861.111	285.945.759

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huyền Trang
Giám đốc Trung tâm
Kế toán

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Ông Phạm Như Ảnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

B03/TCTD-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

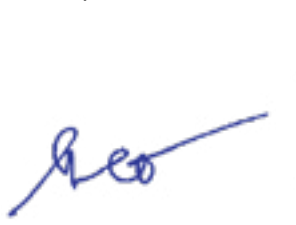
	Thuyết minh	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		69.061.893	69.143.043
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(27.909.674)	(30.459.195)
Thu nhập lãi thuần	28	41.152.219	38.683.848
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		14.602.602	13.137.624
Chi phí hoạt động dịch vụ		(10.234.353)	(9.052.399)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	4.368.249	4.085.225
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	2.000.164	1.209.825
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	1.756.022	541.566
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	32	2.803.105	300.404
Thu nhập từ hoạt động khác		4.658.444	3.457.702
Chi phí cho hoạt động khác		(1.377.624)	(1.029.591)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	3.280.820	2.428.111
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	52.643	57.083
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		55.413.222	47.306.062
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(17.007.250)	(14.912.941)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		38.405.972	32.393.121
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(9.576.644)	(6.087.032)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		28.829.328	26.306.089

	Thuyết minh	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	(5.888.266)	(5.269.869)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại		10.202	17.572
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.878.064)	(5.252.297)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		22.951.264	21.053.792
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		317.507	377.004
Lợi nhuận sau thuế thuộc về Ngân hàng mẹ		22.633.757	20.676.788
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	38	3.724	3.164

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huyền Trang
Giám đốc Trung tâm
Kế toán

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Ông Phạm Như Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

B03/TCTD-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		68.529.262	66.891.390
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(30.835.949)	(24.699.677)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		4.368.249	4.085.225
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		6.277.842	2.363.720
Thu nhập khác		822.333	713.381
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	33	2.451.560	1.711.016
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(15.627.426)	(14.652.520)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	26	(6.021.975)	(5.078.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		29.963.896	31.334.445
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(204.555.002)	(179.550.446)
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(5.674.464)	861.466
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(25.402.231)	(28.561.040)
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		141.294	(71.791)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(164.801.515)	(151.303.313)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(9.431.151)	(6.633.346)
Giảm khác về tài sản hoạt động		613.065	6.157.578
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		156.014.722	189.510.613

	Thuyết minh	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Tăng/(giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNNVN		8.147.547	(23.051)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		10.359.119	34.693.687
Tăng tiền gửi của khách hàng		146.621.902	123.926.939
(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(6.904.631)	26.435.985
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(6.410)	797.141
Tăng công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		191.545	-
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(2.046.061)	3.929.292
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	27.1	(348.289)	(249.380)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng từ hoạt động kinh doanh		(18.576.384)	41.294.612

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(TIẾP THEO)

B04/TCTD-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(2.301.696)	(1.655.386)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		6.927	3.714
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(37.651)	(45.500)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, các khoản đầu tư dài hạn khác		41.568	34.676
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		52.643	57.083
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng từ hoạt động đầu tư		(2.238.209)	(1.605.413)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		2.160.445	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		9.405.554	3.449.000
Cổ tức trả cho cổ đông		(2.806.251)	(2.266.993)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng từ hoạt động tài chính		8.759.748	1.182.007
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.054.845)	40.871.206
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		109.095.118	68.223.912
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	39	97.040.273	109.095.118

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Huyền Trang

Giám đốc Trung tâm

Kế toán

Bà Đặng Thúy Dung

Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Giám đốc Tài chính

Ông Phạm Như Ánh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B05/TCTD-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, thay thế Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53.063.241 triệu đồng (31/12/2023: 52.140.841 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm mười (110) chi nhánh (bao gồm Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào), hai trăm mười (210) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện tại Nga (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm linh năm (105) chi nhánh (bao gồm chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào), hai trăm linh hai (202) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện tại Nga).

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.639 người (31/12/2023: 16.324 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có các công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	31/12/2024 % sở hữu	31/12/2023 % sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")	0105281799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11 tháng 9 năm 2002, thay đổi lần thứ 20 ngày 25 tháng 12 năm 2018	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	76,35%	79,73%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Cap")	21/UBCK-GPĐCQLQ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 2 năm 2021 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%	90,77%
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit) (*)	27/GP-NHNN ngày 4 tháng 2 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	50,00%	50,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GP/KDBH ngày 8 tháng 10 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 43/GPDC37/KDBH ngày 18 tháng 6 năm 2021 do Bộ Tài Chính cấp	Bảo hiểm phi nhân thọ	68,37%	68,37%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas ("MBAL")	74/GP/KDBH ngày 21 tháng 7 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%	61,00%
Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia ("MB Cambodia")	MOC-00021616 do Bộ thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 2 tháng 1 năm 2023	Ngân hàng Thương mại	100,00%	100,00%
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") (**)	0048/QĐ – NH ngày 30 tháng 12 năm 1993 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp	Ngân hàng Thương mại	100,00%	-

(*) Theo hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng và Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản), Ngân hàng được quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

(**) Ngày 17 tháng 10 năm 2024, NHNNVN đã công bố quyết định chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương cho Ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc được NHNNVN phê duyệt ngày 17 tháng 10 năm 2024. Sau khi được chuyển giao bắt buộc, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương tiếp tục hoạt động dưới hình thức là một ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ.

Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương sau đó được đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") theo Quyết định số 741/QĐ-TTGSNH1 ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng chưa có khoản góp vốn nào vào MBV.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 185 của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng không phải hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. Theo đó báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Ngân hàng và các công ty con nhưng không bao gồm MBV (được gọi chung là "MB").

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của MB là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, trừ khi được thuyết minh khác, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng") trừ khi được thuyết minh khác. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của MB được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 ("Quyết định 479") về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNNVN về việc ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16"); và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479 và chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 185 của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng không phải hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. Do đó, Ngân hàng không hợp nhất báo cáo tài chính của Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, là ngân hàng thương mại được Ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc từ ngày 17 tháng 10 năm 2024.

Trừ trường hợp của MBV, các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi nhuận, và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho phần lợi ích không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, trừ các chính sách được mô tả sau đây.

Áp dụng Thông tư số 31/2024/TT-NHNN và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31"). Thông tư 31 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Nghị định 86 có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Theo quy định của Thông tư 31, Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11") hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư 31 có hiệu lực thi hành.

MB áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 kể từ ngày Thông tư 31 và Nghị định 86 có hiệu lực thi hành. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của MB và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày tại Thuyết minh 4.5.

Áp dụng Thông tư số 21/2024/TT-NHNN

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 21/2024/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng ("Thông tư 21"). Thông tư 21 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

MB áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 21 kể từ ngày Thông tư 21 có hiệu lực thi hành. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của MB và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày tại Thuyết minh 4.27.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, chứng khoán, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày phát sinh, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo giá gốc.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 31 và Nghị định 86. Theo đó, MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh 4.5.

Theo Nghị định 86, MB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được thực hiện Theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 như được trình bày trong Thuyết minh 4.5.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

Phân loại nợ

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi tại các TCTD khác (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNNVN về việc các TCTD nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội); mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (gọi chung là "trái phiếu chưa niêm yết"), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro; cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác (bao gồm các khoản cho vay, cho thuê tài chính, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bao thanh toán, cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng và trả thay cam kết ngoại bảng); ủy thác cấp tín dụng; các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ; các khoản nợ mua lại; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp theo quy định tại Thông tư 11.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi tại các TCTD khác (trừ tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNNVN về việc các TCTD nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội); mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (gọi chung là "trái phiếu chưa niêm yết"), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro; cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác (bao gồm các khoản cho vay, cho thuê tài chính, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bao thanh toán, cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng và trả thay cam kết ngoại bảng); ủy thác cấp tín dụng; các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ; các khoản nợ mua lại; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành; các khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng và mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phát hành (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

(Tiếp theo)

MB thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng theo Thông tư 31 với tỷ lệ trích lập dự phòng được quy định tại Nghị định 86 như sau:

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng		Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a)	Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc	0%
		(b)	Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	
		(c)	Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 31.	
2	Nợ cần chú ý	(a)	Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc	5%
		(b)	Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	
		(c)	Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31.	
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a)	Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc	20%
		(b)	Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc	
		(c)	Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc	
		(d)	Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng.	
		(e)	Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc	
		(f)	Nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc	
		(g)	Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
		(h)	Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.	

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng		Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	(a)	Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc	50%
		(b)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
		(c)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc	
		(d)	Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
		(e)	Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc	
		(f)	Nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc	
		(g)	Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi	
		(h)	Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.	
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a)	Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc	100%
		(b)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
		(c)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc	
		(d)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc	
		(e)	Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
		(f)	Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc	
		(g)	Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
		(h)	Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, MB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày MB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3, 4, 5.

Việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không trích lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi MB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo cam kết ngoại bảng, trong trường hợp đó, khoản trả thay này được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày như trên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MB phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

MB phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, MB điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo danh sách được CIC cung cấp.

Khi MB tham gia cho vay hợp vốn, MB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của các Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của MB.

MB đồng thời áp dụng các quy định sau:

- Các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng được yêu cầu của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ("Nghị định 55") ngày 9 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định 55.
- Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") do NHNNVN ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06") do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

(Tiếp theo)

- Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53") do NHNNVN ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2024 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, sạt lở đất sau bão số 3 và Quyết định số 1510/QĐ-TTg ("Quyết định 1510") của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2024 về việc phân loại tài sản có, mức trích lập rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được trích lập dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm tại ngày cuối cùng của tháng. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể bổ sung

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung đối với các các khoản nợ của khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 06; Thông tư 53 và Quyết định 1510 như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024): (A)
- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02 và Thông tư 06; Thông tư 53 và Quyết định 1510. Phần dư nợ còn lại của khách hàng được xác định theo quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (sau ngày 1 tháng 7 năm 2024): (B)
- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) – (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:

Đối với dư nợ của khách hàng được cơ cấu lại nợ theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 06

- Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Đối với dư nợ của khách hàng được cơ cấu lại nợ theo quy định của Thông tư 53 và Quyết định 1510

- Đến thời điểm 31/12/2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2025: Tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đến thời điểm 31/12/2026: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

(Tiếp theo)

Dự phòng chung

Theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi, cho vay, phải thu, hoạt động cấp tín dụng khác giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Xử lý nợ xấu

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. MB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

Hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 (“Thông tư 09”) do NHNNVN ban hành quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 (“Thông tư 18”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09. Theo đó:

- Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.
- Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Hoạt động mua nợ

Nợ đã mua được Ngân hàng hạch toán nội bảng tương ứng với giá mua theo hợp đồng mua nợ và thực hiện theo dõi gốc và lãi của các khoản nợ được mua tại tài khoản ngoại bảng. Trong trường hợp Ngân hàng thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng thực hiện phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

Hoạt động bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09 và Thông tư 18. Theo hướng dẫn tại Thông tư 09, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của MB.
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập chi phí trong năm, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của MB trong năm.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của MB.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán (trừ khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

4.7 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro (bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro tín dụng) trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”. Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo phương pháp như được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.8 Chứng khoán đầu tư

4.8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ được MB nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua, cộng với các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin... (nếu có). Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của MB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, MB không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn”.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

4.8.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được MB mua với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và MB có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang tài khoản phù hợp trước thời điểm bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh 4.8.1*.

4.9 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà MB có tối đa 11% quyền biểu quyết và chứng khoán của các đơn vị này không được niêm yết trên thị trường khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến MB có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của MB tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn” trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà MB phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định nếu các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

4.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất (*)	30 - 50 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 39 năm và tài sản gắn liền trên đất là 20 năm.

4.13 Các khoản phải thu

4.13.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản phải thu này theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

4.13.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí dự phòng" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán, dự phòng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

4.14 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.15 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.16 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán và giấy tờ có giá được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.17 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp MB là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp MB là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.18 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.19 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác tài trợ, cho vay vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu tại thời điểm ban đầu. MB thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào khoản mục “Chi phí lãi và các chi phí tương tự” theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo chính sách kế toán của MB, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của MB được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm, tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh 56). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MB được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài được hạch toán theo đồng tiền báo cáo khác được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm để hợp nhất. Doanh thu và chi phí của công ty con ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán năm.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi để hợp nhất công ty con ở nước ngoài nêu trên được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc MB đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas, hai công ty con, được thực hiện theo các phương pháp được quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 ("Nghị định 46") của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống và còn hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ lệ cụ thể như sau:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm thuộc năm của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ: dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng được theo phương pháp 1/8 hoặc 1/24 được quy định trong Cơ sở kỹ thuật của từng sản phẩm đã được phê duyệt.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phi nhân thọ có thời hạn từ trên 1 năm, dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học là khoản mục dự phòng của nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ được tính là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (1) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính. Lãi suất định giá tối đa được tính theo lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ theo công thức quy định tại Thông tư 67.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm;
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường ("IBNR"), MB trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ kế toán năm và được trích lập trên tỷ lệ phí bảo hiểm giữ lại theo quy định tại Thông tư 67.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo Nghị định 46, MB hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Là khoản dự phòng được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

4.23 Vốn và các quỹ

4.23.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.23.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.23.3 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

4.23.4 Các quỹ dự trữ của Tổ chức tín dụng

MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93") về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, hàng năm, Ngân hàng phải trích lập 5% lợi nhuận sau thuế (trước hợp nhất) vào quỹ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Theo Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 1 năm 2024 ("Luật các tổ chức tín dụng"), hàng năm, Ngân hàng phải trích 10% lợi nhuận sau thuế (trước hợp nhất) vào quỹ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

Quỹ dự phòng tài chính

Theo Nghị định 93 và Luật các tổ chức tín dụng, hàng năm, Ngân hàng phải trích 10% lợi nhuận sau thuế (trước hợp nhất) vào quỹ dự phòng tài chính.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này phải được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng phê duyệt.

(ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con

Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")

MB AMC thực hiện trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định của Ngân hàng mẹ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")

Các quỹ của MBS và MB Capital được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei ("MCredit")

MCredit phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng mẹ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC") và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas ("MB Ageas")

MIC và MB Ageas phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

4.24 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Thu nhập và chi phí lãi

Thu nhập và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 31 sau ngày 1 tháng 7 năm 2024) và khoản nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Thông tư 01, Thông tư 02, Nghị định 55, Thông tư 53 thì không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi phải thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi MB thực thu.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

- Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi:
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
 - Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
 - Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm; và
 - Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Thu nhập từ phí dịch vụ ngân hàng

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và không được ghi nhận là một khoản thu nhập của MB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024 do Quốc hội ban hành, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì MB hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, MB sẽ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm chi phí bồi thường và các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác. Chi phí bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi các công ty bảo hiểm chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas, hai công ty con, tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 67 và chỉ ghi nhận vào báo cáo kết quả hợp nhất cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các năm tiếp theo.

Chi phí hoạt động dịch vụ khác

Chi phí hoạt động dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng tại công ty tài chính tiêu dùng

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng bao gồm chi phí hoa hồng cho đại lý, các bên thứ ba và cộng tác viên kinh doanh được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 10 đến 31 tháng theo thời hạn trung bình của các sản phẩm cho vay.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

MB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi MB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và MB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi trước đây sẽ được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi trước đây sẽ được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.26 Các cam kết ngoại bảng

Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng ("UPAS LC")

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024, khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả là đã thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng. Ngân hàng ghi nhận khoản tiền phải trả cho ngân hàng hoàn trả là một khoản vay tổ chức tín dụng khác đồng thời ghi nhận khoản tiền phải thu từ khách hàng vào tài sản Có khác.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, khi ngân hàng hoàn trả thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng phải nhận nợ với ngân hàng hoàn trả, đồng thời khách hàng phải nhận nợ với Ngân hàng số tiền ngân hàng hoàn trả đã thanh toán cho bên thụ hưởng theo cam kết tại thư tín dụng. Khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả là đã thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng hàng ghi nhận khoản tiền đã nhận nợ với ngân hàng hoàn trả là một khoản vay tổ chức tín dụng khác, đồng thời ghi nhận khoản tiền mà khách hàng đã nhận nợ là một khoản cho vay khách hàng.

Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

4.27 Các công cụ tài chính phái sinh

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được ghi nhận theo giá trị cam kết trên hợp đồng tại ngày giao dịch, được định kỳ đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần quy đổi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch từ việc đánh giá lại tỷ giá được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng nếu ngày đáo hạn hợp đồng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

4.27 Các công cụ tài chính phái sinh (Tiếp theo)

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết để thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền được ghi nhận trên các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của MB (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, MB sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong các kỳ kế toán năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.29 Lợi ích của nhân viên

4.29.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên MB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. MB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, MB không có một nghĩa vụ nào khác. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

4.29.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, MB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Trợ cấp thôi việc được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi có khoản chi trả.

4.29.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, MB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Bảo hiểm thất nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

4.30 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.31 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.32 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi MB có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và MB dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.33 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB trong năm trước.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	2.985.508	3.315.033
Tiền mặt bằng ngoại tệ	358.551	351.266
Vàng tiền tệ	5.107	9.095
	3.349.166	3.675.394

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Tiền gửi tại NHNNVN (i)	27.776.974	64.940.204
• Bằng VND	27.209.475	55.547.807
• Bằng ngoại tệ	567.499	9.392.397
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	568.032	525.859
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	1.480.247	855.589
	29.825.253	66.321.652

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại ngày kết thúc năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%

	31/12/2024	31/12/2023
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
• Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
• Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%
Tổ chức tín dụng nước ngoài		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00%	1,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất 0,50%/năm và tiền gửi bằng ngoại tệ vượt dự trữ bắt buộc được hưởng lãi suất 0,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0,50%/năm và 0,00%/năm).

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng Kíp Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc tại ngày kết thúc năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	11,00%	10,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Khmer Riels ("KHR") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng con của Ngân hàng tại Nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR	12,50%	9,00%
Tiền gửi bằng KHR	7,00%	7,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia không được hưởng lãi suất.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	63.887.837	39.119.633
Tiền gửi không kỳ hạn	11.260.009	16.126.886
• Bằng VND	6.102.802	1.791.465
• Bằng ngoại tệ	5.157.207	14.335.421
Tiền gửi có kỳ hạn	52.627.828	22.992.747
• Bằng VND	50.971.254	17.177.006
• Bằng ngoại tệ	1.656.574	5.815.741
Cho vay các TCTD khác	12.903.651	7.229.607
• Bằng VND	12.523.482	6.504.630
• Bằng ngoại tệ	380.169	724.977
Dự phòng rủi ro	(5.866)	(5.427)
	76.785.622	46.343.813

Chi tiết chất lượng tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày kết thúc năm như sau:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	65.531.479	30.222.354

Mức lãi tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày kết thúc năm như sau:

	31/12/2024 %/năm	31/12/2023 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,70 – 6,00	2,30 – 6,20
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,43 – 4,50	4,40 – 5,50
Cho vay bằng VND	2,90 – 5,50	2,80 – 3,00
Cho vay bằng ngoại tệ	-	6,28

Biến động dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Số dư đầu năm	5.427	695
Trích lập trong năm (Thuyết minh 36)	150	4.632
Chênh lệch tỷ giá	289	100
Số dư cuối năm	5.866	5.427

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Chứng khoán nợ	7.719.682	44.095.180
Chứng khoán do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành (i)	999.786	1.554.118
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (ii)	6.621.719	42.243.021
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành (iii)	98.177	298.041
Chứng khoán vốn	212.152	156.220
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	128.830	91.167
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	83.322	65.053
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	7.931.834	44.251.400
Dự phòng chung	(179)	(612)
	7.931.655	44.250.788

(i) Trái phiếu Chính phủ phát hành có kỳ hạn từ 3 đến 20 năm (31/12/2023: từ 3 đến 20 năm), được hưởng lãi suất 2,00% - 8,10%/năm (31/12/2023: 1,10% - 9,10%/năm).

(ii) Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 2 năm (31/12/2023: từ 7 tháng đến 3 năm), được hưởng lãi suất 5% - 7,58%/năm (31/12/2023: 4,2% - 10,00%/năm).

(iii) Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 đến 5 năm (31/12/2023: kỳ hạn từ 1 đến 5 năm), được hưởng lãi suất 7,08% - 11,30%/năm (31/12/2023: 7,08% - 11,30%/năm).

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH (Tiếp theo)

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Chứng khoán nợ	7.719.682	44.095.180
Đã niêm yết	999.786	1.554.118
Chưa niêm yết	6.719.896	42.541.062
Chứng khoán vốn	212.152	156.220
Đã niêm yết	212.027	128.801
Chưa niêm yết	125	27.419
	7.931.834	44.251.400

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Số dư đầu năm	612	1.920
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	(433)	(1.308)
Số dư cuối năm	179	612

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(KHOẢN NỢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)		
		Tài sản triệu đồng	Công nợ triệu đồng	Giá trị thuần triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	29.002.492	29.129.292	(29.494.262)	(364.970)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	135.536.141	136.362.265	(136.188.840)	173.425
	164.538.633	165.491.557	(165.683.102)	(191.545)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	88.603.180	88.997.443	(89.061.891)	(64.448)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	182.248.612	182.535.319	(182.329.577)	205.742
	270.851.792	271.532.762	(271.391.468)	141.294

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	756.463.013	596.632.628
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.500.151	1.717.308
Các khoản trả thay khách hàng	62.439	42.785
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	44.166	63.587
Cho vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài	7.294.348	3.374.039
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán	10.293.729	9.218.483
	776.657.846	611.048.830

Mức lãi suất bình quân cho vay khách hàng trong năm như sau

	2024 %/năm	2023 %/năm
Cho vay bằng VND	3,50 – 13,00	3,00 – 12,50
Cho vay bằng ngoại tệ	3,50 – 8,00	3,50 – 8,00
Cho vay tiêu dùng cá nhân	4,85 – 76,00	4,58 – 76,00

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	741.581.903	578.107.822
Nợ cần chú ý	12.196.782	13.917.867
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.379.646	3.210.741
Nợ nghi ngờ	4.599.274	3.704.226
Nợ có khả năng mất vốn	4.606.512	2.889.691
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán – Nợ đủ tiêu chuẩn	10.293.729	9.218.483
	776.657.846	611.048.830

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	413.956.564	314.080.999
Nợ trung hạn	88.454.207	75.334.377
Nợ dài hạn	263.953.346	212.414.971
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán – ngắn hạn	10.293.729	9.218.483
	776.657.846	611.048.830

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2024		31/12/2023	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	30.754.076	3,96	23.475.539	3,84
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	10.458.752	1,35	6.704.263	1,10
Công ty TNHH MTV với vốn Nhà nước trên 50%	2.731.618	0,35	1.484.514	0,24
Công ty TNHH khác	130.491.477	16,80	96.980.688	15,87
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	3.480.485	0,45	4.285.698	0,70
Công ty Cổ phần khác	228.839.706	29,46	173.608.837	28,41
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	18.816.306	2,42	15.429.823	2,53
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	174.314	0,02	113.370	0,02
Hộ kinh doanh, cá nhân	331.346.264	42,66	275.696.767	45,12
Dịch vụ hành chính sự nghiệp, đoàn thể và hiệp hội	170.815	0,02	98.067	0,02
Thành phần kinh tế khác	1.805.956	0,23	586.512	0,10
Dư nợ tại chi nhánh và ngân hàng con nước ngoài	7.294.348	0,95	3.366.269	0,54
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	10.293.729	1,33	9.218.483	1,51
	776.657.846	100,00	611.048.830	100,00

10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2024		31/12/2023	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8.724.854	1,12	6.234.490	1,02
Khai khoáng	3.975.824	0,51	3.178.276	0,52
Công nghiệp chế biến, chế tạo	124.040.940	15,97	98.521.149	16,12
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	46.125.259	5,94	41.237.247	6,75
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1.267.073	0,16	1.075.745	0,18
Xây dựng	31.917.958	4,11	28.700.450	4,70
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	222.846.289	28,69	165.406.488	27,07
Vận tải kho bãi	25.762.468	3,32	16.132.904	2,64
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	16.057.822	2,07	11.570.229	1,89
Thông tin và truyền thông	7.100.447	0,91	3.309.515	0,54
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	7.697.847	0,99	1.499.841	0,25
Hoạt động kinh doanh bất động sản	64.141.215	8,26	43.268.446	7,09
Chuyên môn, khoa học và công nghệ	668.318	0,09	575.417	0,09
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.905.606	0,25	924.125	0,15
Giáo dục và đào tạo	1.791.148	0,23	1.307.008	0,21
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	5.535.906	0,71	4.607.913	0,75
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	2.395.960	0,31	2.659.628	0,44
Hoạt động dịch vụ khác	533.019	0,07	242.700	0,04
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	186.581.816	24,01	168.012.507	27,49
Dư nợ tại chi nhánh và ngân hàng con nước ngoài	7.294.348	0,95	3.366.269	0,55
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán	10.293.729	1,33	9.218.483	1,51
	776.657.846	100,00	611.048.830	100,00

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Dự phòng chung	5.795.573	4.551.746
Dự phòng cụ thể	5.814.288	6.917.817
	11.609.861	11.469.563

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.551.746	6.917.817	11.469.563
Trích lập trong năm (Thuyết minh 36)	1.241.877	8.292.891	9.534.768
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(9.396.915)	(9.396.915)
Chênh lệch tỷ giá	1.950	495	2.445
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.795.573	5.814.288	11.609.861

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.400.915	8.574.945	11.975.860
Trích lập trong năm (Thuyết minh 36)	1.150.455	4.964.448	6.114.903
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(6.622.439)	(6.622.439)
Biến động khác	76	382	458
Chênh lệch tỷ giá	300	481	781
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.551.746	6.917.817	11.469.563

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	1.041.362	1.848.863
Dự phòng rủi ro	(89.853)	(58.995)
	951.509	1.789.868

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản nợ đã mua của Ngân hàng như sau:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Nợ gốc đã mua	1.041.069	1.848.533
Lãi của khoản nợ đã mua	293	330
	1.041.362	1.848.863

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

13.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh	70.456.485	59.465.003
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	103.565.847	47.779.951
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	31.485.624	35.765.757
	205.507.956	143.010.711

Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh có kỳ hạn từ 3 năm đến 20 năm (31/12/2023: từ 3 năm đến 20 năm), được hưởng lãi suất 2,00% - 8,10%/năm (31/12/2023: 2,00% - 8,80%/năm).

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 7 năm (31/12/2023: từ 6 tháng đến 5 năm), được hưởng lãi suất 4,10% - 10,79%/năm (31/12/2023: 4,10% - 9,50%/năm).

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 16 năm (31/12/2023: từ 3 năm đến 16 năm), được hưởng lãi suất 5,00% - 12,20%/năm (31/12/2023: lãi suất 6,50% - 12,20%/năm).

13.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	269.654	270.211
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	2.385.376	2.435.307
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1.957.474	2.682.434
	4.612.504	5.387.952

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn 5 năm (31/12/2023: 5 năm) và có lãi suất 9,00%/năm (31/12/2023: 9,00%/năm).

Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 2 năm đến 15 năm (31/12/2023: từ 4 năm đến 10 năm) và có lãi suất từ 6,5% đến 12%/năm (31/12/2023: từ 8,70% đến 11,80%/năm).

13.3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	242.638	370.013
Dự phòng chung chứng khoán sẵn sàng để bán	232.291	257.512
Dự phòng cụ thể chứng khoán sẵn sàng để bán	-	112.501
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	10.347	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	240.445	105.445
Dự phòng chung	13.810	20.118
Dự phòng cụ thể	226.635	85.327
	483.083	475.458

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	370.013	105.445	475.458
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	(127.375)	135.000	7.625
Số dư cuối năm	242.638	240.445	483.083

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	326.840	74.685	401.525
Trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	43.173	30.760	73.933
Số dư cuối năm	370.013	105.445	475.458

14. GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác	775.670	779.587
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(166.193)	(163.802)
	609.477	615.785

14.1 Đầu tư dài hạn

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế, đầu tư vào các dự án dài hạn	687.266	713.681
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	88.404	65.906
	775.670	779.587

14.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Số dư đầu năm	163.802	143.496
Trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	28.807	20.306
Biến động khác	(26.416)	-
Số dư cuối năm	166.193	163.802

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc, thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn triệu đồng	Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.585.504	3.281.185	1.305.572	560.347	7.732.608
Tăng trong năm	16.222	793.162	258.812	409.694	1.477.890
Giảm trong năm	(700)	(102.869)	(68.250)	(26.761)	(198.580)
Tăng khác	-	126	-	-	126
Chênh lệch tỷ giá	1.043	990	373	222	2.628
Số dư cuối năm	2.602.069	3.972.594	1.496.507	943.502	9.014.672
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	631.015	2.450.058	1.074.312	382.819	4.538.204
Khấu hao trong năm	96.639	512.027	121.813	121.645	852.124
Giảm trong năm	-	(102.772)	(64.679)	(26.736)	(194.187)
Tăng khác	-	26.296	20.162	19.580	66.038
Chênh lệch tỷ giá	503	623	527	144	1.797
Số dư cuối năm	728.157	2.886.232	1.152.135	497.452	5.263.976
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.954.489	831.127	231.260	177.528	3.194.404
Số dư cuối năm	1.873.912	1.086.362	344.372	446.050	3.750.696

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc, thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn triệu đồng	Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.481.162	2.989.623	1.158.689	481.088	7.110.562
Tăng trong năm	104.117	340.926	168.388	82.011	695.442
Giảm trong năm	-	(49.127)	(21.254)	(2.756)	(73.137)
Tăng khác trong năm	-	229	-	-	229
Chênh lệch tỷ giá	225	(466)	(251)	4	(488)
Số dư cuối năm	2.585.504	3.281.185	1.305.572	560.347	7.732.608
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	523.559	1.940.228	916.406	272.808	3.653.001
Khấu hao trong năm	107.229	513.342	173.109	86.308	879.988
Giảm trong năm	-	(38.722)	(21.071)	(2.058)	(61.851)
Tăng khác trong năm	-	35.443	5.977	25.771	67.191
Chênh lệch tỷ giá	227	(233)	(109)	(10)	(125)
Số dư cuối năm	631.015	2.450.058	1.074.312	382.819	4.538.204
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.957.603	1.049.395	242.283	208.280	3.457.561
Số dư cuối năm	1.954.489	831.127	231.260	177.528	3.194.404

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	TSCĐ vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.153.177	3.020.072	22.895	4.196.144
Tăng trong năm	-	793.347	1.951	795.298
Giảm trong năm	-	(10.737)	-	(10.737)
Giảm khác	-	(4.332)	-	(4.332)
Chênh lệch tỷ giá	-	296	-	296
Số dư cuối năm	1.153.177	3.798.646	24.846	4.976.669
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	238.703	2.282.318	15.341	2.536.362
Khấu hao trong năm	20.677	742.947	2.062	765.686
Giảm trong năm	-	(10.710)	-	(10.710)
Tăng khác	-	5.329	-	5.329
Chênh lệch tỷ giá	-	282	-	282
Số dư cuối năm	259.380	3.020.166	17.403	3.296.949
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	914.474	737.754	7.554	1.659.782
Số dư cuối năm	893.797	778.480	7.443	1.679.720

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	TSCĐ vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.102.024	2.439.978	23.090	3.565.092
Tăng trong năm	51.153	585.625	195	636.973
Giảm trong năm	-	(32)	(390)	(422)
Giảm khác trong năm	-	(5.631)	-	(5.631)
Chênh lệch tỷ giá	-	132	-	132
Số dư cuối năm	1.153.177	3.020.072	22.895	4.196.144
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	218.797	1.719.202	11.146	1.949.145
Khấu hao trong năm	19.906	552.051	4.585	576.542
Giảm trong năm	-	(32)	(390)	(422)
Tăng khác trong năm	-	10.967	-	10.967
Chênh lệch tỷ giá	-	130	-	130
Số dư cuối năm	238.703	2.282.318	15.341	2.536.362
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	883.227	720.776	11.944	1.615.947
Số dư cuối năm	914.474	737.754	7.554	1.659.782

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	51.835	208.580	260.415
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.854	14.267	20.121
Khấu hao trong năm	1.069	5.110	6.179
Số dư cuối năm	6.923	19.377	26.300
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	45.981	194.313	240.294
Số dư cuối năm	44.912	189.203	234.115

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	50.835	199.320	250.155
Tăng trong năm	1.000	9.260	10.260
Số dư cuối năm	51.835	208.580	260.415
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.821	9.157	13.978
Khấu hao trong năm	1.033	5.110	6.143
Số dư cuối năm	5.854	14.267	20.121
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	46.014	190.163	236.177
Số dư cuối năm	45.981	194.313	240.294

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC

18.1 Các khoản phải thu

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	444.741	344.870
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	13.079.328	13.136.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, mua sắm TSCĐ	836.559	808.051
	14.360.628	14.289.084

(i) Các khoản phải thu bên ngoài:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	626.507	600.800
Phải thu liên quan đến tài trợ thương mại (*)	1.412.951	7.324.071
Phải thu liên quan đến dịch vụ thanh toán	241.946	618.276
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng	131.858	107.966
Phải thu trong hoạt động bảo hiểm của công ty con	368.414	856.289
Dự phòng phí và dự phòng bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	2.688.759	2.145.817
Các khoản phải thu từ bán nợ	5.852.543	-
Các khoản phải thu bên ngoài khác	1.756.350	1.482.944
	13.079.328	13.136.163

(*) Đây là các khoản phải thu khách hàng liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng được phát hành trước ngày 1 tháng 7 năm 2024.

18.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	30.863	236.143
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	4.009.194	3.558.409
Lãi, phí phải thu hoạt động tín dụng	4.684.338	4.397.212
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	194.227	476.793
	8.918.622	8.668.557

18.3 Tài sản Có khác

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 19)	9.523	19.045
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	3.066.449	4.204.567
Hàng hóa bất động sản	158.912	203.855
Phải thu về hoạt động ủy thác đầu tư	2.163.562	1.855.090
Tài sản Có khác	475.303	124.112
	5.873.749	6.406.669

18.4 Dự phòng tài sản Có khác

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác trong năm như sau:

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Số dư đầu năm	174.926	231.500
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	18.498	(56.715)
Điều chỉnh khác	-	141
Số dư cuối năm	193.424	174.926

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	94.261	94.261
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước ("KTNN")	965	965
Tổng giá trị LTTM	95.226	95.226
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	76.181	66.658
Giá trị LTTM chưa phân bổ	19.045	28.568
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	(9.522)	(9.523)
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.522)	(9.523)
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	9.523	19.045

20. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	8.156.285	8.738

21. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

21.1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	4.705.145	13.454.556
• Bằng VND	4.643.038	12.886.288
• Bằng ngoại tệ	62.107	568.268
Tiền gửi có kỳ hạn	74.810.465	55.358.327
• Bằng VND	65.290.000	43.555.000
• Bằng ngoại tệ	9.520.465	11.803.327
	79.515.610	68.812.883

21.2 Vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Bằng VND	21.220.438	15.589.545
Bằng ngoại tệ	9.433.537	15.408.038
	30.653.975	30.997.583

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024 %	31/12/2023 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,60 – 6,00	1,00 - 7,30
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,40 – 4,60	4,80 - 5,20
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng VND	4,10 – 7,60	0,65 - 7,72
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ	3,50 – 6,56	1,01 - 7,88

22. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	271.579.760	216.092.296
• Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	248.892.601	197.782.244
• Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	22.687.159	18.310.052
Tiền gửi có kỳ hạn	433.476.766	339.421.432
• Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	424.703.281	333.446.177
• Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.773.485	5.975.255
Tiền gửi vốn chuyên dùng	1.790.955	3.263.844
• Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	269.198	2.407.372
• Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	1.521.757	856.472
Tiền gửi ký quỹ	7.306.998	8.755.005
• Tiền gửi ký quỹ bằng VND	4.045.662	6.768.913
• Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	3.261.336	1.986.092
	714.154.479	567.532.577

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024 %	31/12/2023 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10 – 0,50	0,10 - 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 – 1,00	0,00 - 1,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10 – 6,00	0,10 - 6,20
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 – 2,00	0,00 - 2,00

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tổ chức kinh tế	293.633.827	41,12	238.813.451	42,08
Cá nhân	420.520.652	58,88	328.719.126	57,92
Tổng cộng	714.154.479	100,00	567.532.577	100,00

23. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	2.793.453	2.799.863

24. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Trái phiếu bằng VND	37.471.472	22.841.617
• Dưới 5 năm	20.836.457	13.604.220
• Trên 5 năm	16.635.015	9.237.397
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	91.492.561	103.621.493
• Dưới 12 tháng	66.520.415	84.069.091
• Trên 12 tháng	24.972.146	19.552.402
	128.964.033	126.463.110

Trái phiếu được hưởng mức lãi suất từ 3,80%/năm đến 8,80%/năm (31/12/2023: từ 3,80%/năm đến 8,80%/năm) và chứng chỉ tiền gửi được hưởng lãi suất từ 3,60%/năm đến 11,18%/năm (31/12/2023: từ 2,70%/năm đến 9,75%/năm).

25. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

25.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	2.750.668	3.053.747
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	3.749.625	5.069.886
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	3.048.876	4.313.867
Lãi phải trả vay các tổ chức tín dụng khác và vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	183.532	221.476
Lãi phải trả cho các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	167.201	731.215
	9.899.902	13.390.191

25.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	2.033.835	1.276.667
Các khoản phải trả bên ngoài (i)	33.536.723	34.704.632
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.840.589	1.728.337
Quỹ khoa học công nghệ	-	526.906
	37.411.147	38.236.542

(i) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 26)	3.574.209	3.539.461
Chuyển tiền phải trả	552.701	849.235
Doanh thu chờ phân bổ	2.011.525	1.756.710
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	15.767.153	12.693.761
Phải trả về dịch vụ thanh toán	7.268.673	12.619.012
Phải trả liên quan đến dịch vụ liên kết	316.900	454.278
Phải trả và ứng trước người bán	384.550	370.715
Các khoản chờ thanh toán khác	3.661.012	2.421.460
	33.536.723	34.704.632

26. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải trả triệu đồng	Phát sinh tăng triệu đồng	Phát sinh giảm triệu đồng	Phải trả triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	111.864	894.446	(887.781)	118.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.322.906	5.899.087	(6.021.975)	3.200.018
Các loại thuế khác	104.691	1.866.604	(1.715.633)	255.662
	3.539.461	8.660.137	(8.625.389)	3.574.209

27. VỐN VÀ CÁC QUỸ

27.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	52.140.841	869.327	1.928.258	7.299.936	4.076.438	817.557	45.939	25.559.753	3.973.110	96.711.159
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	22.633.757	317.507	22.951.264
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu trong năm	922.400	435.007	-	-	-	-	-	-	-	1.357.407
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	1.995.048	1.008.564	498.558	-	(3.502.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.663.858)	(20.960)	(1.684.818)
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	-	(348.289)	-	-	-	(348.289)
Chia cổ tức trong năm bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(2.643.542)	(162.709)	(2.806.251)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	(828)	-	(55)	-	(3.708)	807.629	803.038
Điều chỉnh quỹ trong năm theo nghị quyết HĐQT tại Công ty con	-	-	-	-	(350.000)	-	-	350.000	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(8.986)	(3.697)	(12.683)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(82)	91.858	(3.022)	-	88.754
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	53.063.241	1.304.334	1.928.258	9.294.156	4.735.002	967.689	137.797	40.718.224	4.910.880	117.059.581

27.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	45.339.861	869.327	1.387.521	5.678.339	2.952.327	657.952	-	19.063.767	3.664.125	79.613.219
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	20.676.788	377.004	21.053.792
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	1.678.989	1.202.817	410.122	-	(3.291.928)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.395.150)	(38.759)	(1.433.909)
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	-	(249.380)	-	-	-	(249.380)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.800.980	-	-	-	-	-	-	(6.800.980)	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(2.266.993)	(27.500)	(2.294.493)
Tăng vốn của công ty con		-	540.681	(57.392)	(78.610)	-	-	(404.679)	-	-
Biến động khác	-	-	56	-	(96)	-	-	(13.816)	(1.760)	(15.616)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(1.137)	45.939	(7.256)	-	37.546
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	52.140.841	869.327	1.928.258	7.299.936	4.076.438	817.557	45.939	25.559.753	3.973.110	96.711.159

27.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Cổ phiếu	triệu đồng	Cổ phiếu	triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.306.324.052	53.063.241	5.214.084.052	52.140.841
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
• Cổ phiếu phổ thông	5.306.324.052	53.063.241	5.214.084.052	52.140.841
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
• Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
• Cổ phiếu phổ thông	5.306.324.052	53.063.241	5.214.084.052	52.140.841

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

28. THU NHẬP LÃI THUẦN

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	69.061.893	69.143.043
Thu nhập lãi tiền gửi	1.942.451	1.123.493
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	54.446.408	53.081.097
Thu lãi từ chứng khoán nợ	10.116.084	12.509.992
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	119.924	174.326
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	1.511.556	1.500.202
Thu khác từ hoạt động tín dụng	925.470	753.933
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(27.909.674)	(30.459.195)
Chi phí lãi tiền gửi	(18.432.473)	(20.827.140)
Chi phí tiền vay	(1.988.997)	(2.114.207)
Chi phí phát hành giấy tờ có giá	(6.559.439)	(6.948.592)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(928.765)	(569.256)
Thu nhập lãi thuần	41.152.219	38.683.848

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14.602.602	13.137.624
Thu từ dịch vụ thanh toán	3.350.501	2.736.134
Thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	628.155	614.616
Thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	494.094	369.032
Thu từ kinh doanh, dịch vụ bảo hiểm và doanh thu phí bảo hiểm gốc	8.443.178	8.228.367
Thu từ dịch vụ tư vấn	280.325	177.958
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	27.002	23.764
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	8.520	8.281
Thu phí khác	1.370.827	979.472
Chi phí hoạt động dịch vụ	(10.234.353)	(9.052.399)
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.253.715)	(1.890.813)
Chi phí hoa hồng môi giới	(1.046.664)	(1.389.164)
Chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	(440.761)	(263.166)
Chi về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(6.174.019)	(5.164.963)
Chi về hoạt động môi giới chứng khoán	(146.539)	(124.391)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(18.063)	(15.091)
Chi về dịch vụ tư vấn	-	(23.486)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(31.790)	(16.027)
Chi khác	(122.802)	(165.298)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.368.249	4.085.225

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.057.250	6.158.524
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	3.996.204	3.105.170
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.061.046	3.053.354
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(5.057.086)	(4.948.699)
Chi về kinh doanh ngoại tệ và vàng	(1.309.588)	(542.920)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.747.498)	(4.405.779)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.000.164	1.209.825

31. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2.553.518	605.511
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(797.929)	(65.253)
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 8)	433	1.308
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.756.022	541.566

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.136.652	635.361
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(297.115)	(240.718)
Dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn trích lập trong năm (Thuyết minh 14.2)	(28.807)	(20.306)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trích lập trong năm (Thuyết minh 13.3)	(7.625)	(73.933)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	2.803.105	300.404

33. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	4.658.444	3.457.702
Thu từ nợ xấu đã được xử lý	2.451.560	1.711.016
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	1.331.187	1.531.530
Thu nhập khác	875.697	215.156
Chi phí cho hoạt động khác	(1.377.624)	(1.029.591)
Chi từ các công cụ phái sinh khác	(1.233.581)	(1.011.533)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(144.043)	(18.058)
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.280.820	2.428.111

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Cổ tức, lợi tức nhận được từ góp vốn mua cổ phần	52.643	57.083

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	156.767	157.503
Chi phí cho nhân viên	9.381.603	7.996.974
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	7.677.049	6.933.968
Chi về tài sản	3.156.134	2.843.585
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	1.623.989	1.462.673
Chi khác về tài sản	1.532.145	1.380.912

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.691.898	3.433.687
Trong đó:		
Công tác phí	194.239	178.483
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	35.448	17.013
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	9.522	9.523
Chi khác cho hoạt động quản lý	3.452.689	3.228.668
Chi dự phòng các khoản phải thu khó đòi	41.874	33.225
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	578.974	447.967
	17.007.250	14.912.941

36. CHI PHÍ DỰ PHÒNG

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trích lập trong năm (Thuyết minh 11)	9.534.768	6.114.903
Dự phòng rủi ro cho vay TCTD trích lập trong năm (Thuyết minh 7)	150	4.632
Trích lập dự phòng mua nợ	65.093	56.487
Trích lập dự phòng với các cam kết đưa ra	9	950
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các khoản rủi ro khác	(23.376)	(89.940)
	9.576.644	6.087.032

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ngân hàng mẹ và các công ty con ở Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với Ngân hàng con tại Campuchia, MB thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được.

Đối với chi nhánh Ngân hàng tại Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Luật Thuế số 67 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ 17 tháng 2 năm 2020, số thuế TNDN của chi nhánh Ngân hàng tại Lào được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của MB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ và tại từng quốc gia khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế nước sở tại.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của MB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của MB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Lợi nhuận kế toán hợp nhất	28.829.328	26.306.089
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Lợi nhuận kế toán của các công ty con	(2.134.540)	(2.045.725)
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế của Ngân hàng mẹ	446.806	14.931
- Lợi nhuận của các chi nhánh nước ngoài	(20.865)	(35.232)
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế của Ngân hàng mẹ	(19.149)	(32.736)
- Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	22.778	44.730
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm của Ngân hàng tại Việt Nam	27.124.358	24.252.057
Thuế TNDN của Ngân hàng tại Việt Nam	5.424.872	4.850.411
<i>Cộng:</i>		
Thuế TNDN của chi nhánh nước ngoài	4.172	7.049
Thuế TNDN của công ty con	444.314	412.409
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	14.908	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	5.888.266	5.269.869
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.322.906	3.127.484
Thuế TNDN đã trả trong năm	(6.021.975)	(5.078.090)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	10.852	4.019
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(31)	(376)
Thuế TNDN hợp nhất phải trả cuối năm	3.200.018	3.322.906

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2023
		(Trình bày lại)	(Theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	22.633.757	20.676.788	20.676.788
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.663.858)	-
Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.633.757	19.012.930	20.676.788
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (**)	6.077.883.807	6.010.032.659	5.214.084.052
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.724	3.164	3.966

(*) Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Ngân hàng. Ban Điều hành Ngân hàng chưa thực hiện ước tính số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2024.

(**) Thay đổi về số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2023
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu (Trình bày lại)	Số cổ phiếu (Theo báo cáo trước đây)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	5.214.084.052	4.533.986.133	4.533.986.133
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2023	-	680.097.919	680.097.919
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm	57.442.623	-	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm	10.408.525	-	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2025 (Thuyết minh 55)	795.948.607	795.948.607	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	6.077.883.807	6.010.032.659	5.214.084.052

Theo chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu, số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn. Ngân hàng thực hiện điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền từ ảnh hưởng của sự kiện trên.

39. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3.349.166	3.675.394
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	29.803.270	66.300.091
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD	11.260.009	16.126.886
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng	52.627.828	22.992.747
	97.040.273	109.095.118

40. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

40.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Bất động sản	772.485.557	630.518.715
Động sản	115.532.050	100.934.858
Giấy tờ có giá	83.407.616	65.280.072
Các khoản phải thu	153.599.499	246.597.588
Tài sản đảm bảo khác	356.603.539	327.912.303
	1.481.628.261	1.371.243.536

40.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Giấy tờ có giá	12.260.320	2.104.000

41. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Số lượng cán bộ, công nhân bình quân (người)	17.108	16.324
Tổng thu nhập của cán bộ, công nhân viên	7.677.049	6.933.968
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người/tháng)	37,40	35,40

42. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MB thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra chi tiết như sau:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	238.395	154.358
Cam kết giao dịch hối đoái	263.133.210	394.715.794
Cam kết mua ngoại tệ	4.416.403	1.945.064
Cam kết bán ngoại tệ	4.492.239	1.423.038
Cam kết mua giao dịch hoán đổi ngoại tệ	127.747.604	195.798.455
Cam kết bán giao dịch hoán đổi ngoại tệ	126.476.964	195.549.237
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	29.138.440	23.214.316
Bảo lãnh khác	135.649.614	121.825.143
Các cam kết khác	72.142.229	81.444.111

43. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	8.878.831	6.531.682
Lãi chứng khoán chưa thu được	186.922	182.011
Phí phải thu chưa thu được	178.704	164.308
	9.244.457	6.878.001

44. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	25.563.790	19.615.657
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	18.413.364	15.637.235
	43.977.154	35.252.892

45. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Kim loại, đá quý giữ hộ	48.518	21.756
Tài sản khác giữ hộ	129.049.077	108.366.629
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	173.763.516	177.557.374
	302.861.111	285.945.759

46. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, MB có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với MB nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi MB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào MB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới MB;
 - Có quyền đồng kiểm soát MB.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà MB là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của MB;
- (d) Bên liên quan là thành viên một thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm như sau:

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
	Phải thu/(Phải trả)	Phải thu/(Phải trả)
Công ty con chưa được hợp nhất		
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại		
• Các khoản phải thu bán nợ	5.852.543	-
Cổ đông lớn		
• Tiền gửi tại MB	(40.239.944)	(39.740.091)

Chi tiết giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Công ty con chưa được hợp nhất		
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại		
• Bán nợ trong năm	5.852.543	-
Cổ đông lớn		
• Chi phí lãi tiền gửi	(1.728.013)	(1.781.386)
• Chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong năm	(1.062.442)	(892.124)
• Tiền đã góp vốn trong năm	1.165.007	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 12/NQ-MB-ĐHCD ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Đại hội Cổ đông, theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động là 1,2% lợi nhuận sau thuế.

Tiền lương của Ban Điều hành và người quản lý khác được chi trả theo Quy chế lương của MB.

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác như sau :

		2024 triệu đồng	2023 triệu đồng
1. Thù lao Hội đồng Quản trị	Chức danh	13.618	15.153
Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	3.258	1.989
Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	958
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch HĐQT	2.575	2.576
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2024)	1.301	2.409
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2024)	1.301	2.409
Ông Lê Viết Hải	Thành viên HĐQT	2.089	2.018
Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2024)	152	-
Ông Trần Trung Tín	Thành viên HĐQT độc lập (đến ngày 15 tháng 6 năm 2024)	326	586
Thù lao trả cho thành viên Hội đồng Quản trị thông qua doanh nghiệp cử người đại diện (5 người)		2.616	2.208
2. Ban Kiểm soát		7.040	6.340

		2024 triệu đồng	2023 triệu đồng
3. Tiền lương của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, TV BDH		29.015	25.358
Ông Lưu Trung Thái	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	1.253
Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 5 năm 2023)	3.248	2.688
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	3.044	2.834
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	2.618	2.364
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	2.941	2.761
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	2.440	2.258
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	2.416	2.233
Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2024)	1.851	1.713
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên Ban Điều hành (Thôi giữ chức vụ từ ngày 10 tháng 12 năm 2024)	1.817	1.697
Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên Ban Điều hành	1.841	1.710
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên Ban Điều hành	1.931	1.792
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên Ban Điều hành (Từ ngày 15 tháng 6 năm 2024)	1.355	-
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Điều hành (Từ ngày 15 tháng 6 năm 2024)	1.339	-
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên Ban Điều hành (Thôi giữ chức vụ từ ngày 10 tháng 12 năm 2024)	2.174	2.055

47. BÁO CÁO BỘ PHẬN

47.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán – Quản lý quỹ	Bảo hiểm	Khai thác nợ - Quản lý tài sản	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	176.660.057	3.235.224	9.718.743	1.582.097	(90.073.119)	101.123.002
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	140.949.237	1.426.885	916.612	18.904	(74.249.745)	69.061.893
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.152.383	730.559	8.553.003	1.539.906	(2.373.249)	14.602.602
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	29.558.437	1.077.780	249.128	23.287	(13.450.125)	17.458.507
II. Chi phí	(131.864.413)	(2.233.199)	(9.324.409)	(933.426)	81.638.417	(62.717.030)
1. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(102.156.275)	(528.174)	(1.629)	-	74.776.404	(27.909.674)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.353.339)	(64.195)	(186.279)	(20.176)	-	(1.623.989)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(28.354.799)	(1.640.830)	(9.136.501)	(913.250)	6.862.013	(33.183.367)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	44.795.644	1.002.025	394.334	648.671	(8.434.702)	38.405.972
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(18.034.718)	-	23.598	(226)	8.434.702	(9.576.644)
Kết quả kinh doanh bộ phận	26.760.926	1.002.025	417.932	648.445	-	28.829.328

Tài sản và phải trả theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán – Quản lý quỹ	Bảo hiểm	Khai thác nợ - Quản lý tài sản	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
III. Tài sản	1.111.192.632	22.729.848	23.113.662	1.950.940	(30.186.020)	1.128.801.062
1. Tiền mặt	3.348.007	348	569	242	-	3.349.166
2. Tài sản cố định	4.858.928	166.443	353.749	51.296	-	5.430.416
3. Tài sản khác	1.102.985.697	22.563.057	22.759.344	1.899.402	(30.186.020)	1.120.021.480
IV. Nợ phải trả	998.651.487	15.235.258	18.999.635	797.055	(21.941.954)	1.011.741.481
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	981.581.568	14.207.082	(1.050)	-	(21.457.266)	974.330.334
2. Nợ phải trả nội bộ	1.889.521	12.797	119.395	105.049	(62.785)	2.063.977
3. Nợ phải trả khác	15.180.398	1.015.379	18.881.290	692.006	(421.903)	35.347.170

47.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán – Quản lý quỹ	Bảo hiểm	Khai thác nợ - Quản lý tài sản	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	173.430.359	1.886.673	9.313.473	1.201.031	(92.636.688)	93.194.848
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	68.017.459	1.028.466	871.417	31.612	(805.911)	69.143.043
2. Thu nhập hoạt động dịch vụ	5.572.987	691.748	8.337.209	1.145.090	(2.609.410)	13.137.624
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	99.839.913	166.459	104.847	24.329	(89.221.367)	10.914.181
II. Chi phí	(142.682.793)	(1.143.968)	(8.897.937)	(713.717)	92.636.688	(60.801.727)
1. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(31.511.869)	(363.940)	(1.309)	-	1.417.923	(30.459.195)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.217.864)	(61.430)	(167.951)	(15.428)	-	(1.462.673)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(109.953.060)	(718.598)	(8.728.677)	(698.289)	91.218.765	(28.879.859)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30.747.566	742.705	415.536	487.314	-	32.393.121
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.136.058)	(40.942)	90.849	(881)	-	(6.087.032)
Kết quả kinh doanh bộ phận	24.611.508	701.763	506.385	486.433	-	26.306.089

Tài sản và phải trả theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán – Quản lý quỹ	Bảo hiểm	Khai thác nợ - Quản lý tài sản	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
III. Tài sản	931.026.034	15.886.784	19.625.338	1.763.140	(23.347.656)	944.953.640
1. Tiền mặt	3.674.289	336	439	330	-	3.675.394
2. Tài sản cố định	4.177.476	214.079	413.874	48.757	-	4.854.186
3. Tài sản khác	923.174.269	15.672.369	19.211.025	1.714.053	(23.347.656)	936.424.060
IV. Nợ phải trả	837.492.036	10.300.789	15.658.457	720.036	(15.928.837)	848.242.481
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	815.863.548	10.047.508	1.400	-	(15.906.517)	810.005.939
2. Nợ phải trả nội bộ	1.082.071	13.953	125.264	55.382	-	1.276.670
3. Nợ phải trả khác	20.546.417	239.328	15.531.793	664.654	(22.320)	36.959.872

47.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	151.246.693	6.036.328	32.864.213	1.048.881	(90.073.113)	101.123.002
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	108.369.617	5.172.837	28.842.601	926.583	(74.249.745)	69.061.893
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	15.632.563	191.826	1.093.084	58.378	(2.373.249)	14.602.602
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	27.244.513	671.665	2.928.528	63.920	(13.450.119)	17.458.507
II. Chi phí	(118.675.262)	(3.879.291)	(20.845.471)	(955.417)	81.638.411	(62.717.030)
1. Chi phí lãi	(81.831.010)	(3.073.264)	(17.098.449)	(683.355)	74.776.404	(27.909.674)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.518.182)	(25.197)	(67.012)	(13.598)	-	(1.623.989)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(35.326.070)	(780.830)	(3.680.010)	(258.464)	6.862.007	(33.183.367)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32.571.431	2.157.037	12.018.742	93.464	(8.434.702)	38.405.972
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(9.431.852)	(695.981)	(7.815.982)	(67.531)	8.434.702	(9.576.644)
Kết quả kinh doanh bộ phận (trước thuế)	23.139.579	1.461.056	4.202.760	25.933	-	28.829.328

Tài sản và phải trả theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
III. Tài sản	790.548.293	55.154.822	302.676.568	10.607.399	(30.186.020)	1.128.801.062
1. Tiền mặt	1.557.600	464.875	1.237.218	89.473	-	3.349.166
2. Tài sản cố định	4.992.950	47.907	153.718	235.841	-	5.430.416
3. Tài sản khác	783.997.743	54.642.040	301.285.632	10.282.085	(30.186.020)	1.120.021.480
IV. Nợ phải trả	671.599.607	53.988.390	299.554.504	8.540.935	(21.941.955)	1.011.741.481
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	757.034.413	41.539.109	189.100.043	8.114.037	(21.457.268)	974.330.334
2. Nợ phải trả nội bộ	2.028.615	(11.386)	53.738	55.795	(62.785)	2.063.977
3. Nợ phải trả khác	(87.463.421)	12.460.667	110.400.723	371.103	(421.902)	35.347.170

47.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	147.470.124	6.961.415	30.889.777	510.220	(92.636.688)	93.194.848
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	35.004.543	5.949.326	28.627.483	367.602	(805.911)	69.143.043
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14.726.867	149.000	844.524	26.643	(2.609.410)	13.137.624
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	97.738.714	863.089	1.417.770	115.975	(89.221.367)	10.914.181
II. Chi phí	(127.482.803)	(4.212.443)	(21.287.446)	(455.723)	92.636.688	(60.801.727)
1. Chi phí lãi	(10.474.540)	(3.452.058)	(17.709.805)	(240.715)	1.417.923	(30.459.195)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.365.638)	(23.437)	(66.219)	(7.379)	-	(1.462.673)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(115.642.625)	(736.948)	(3.511.422)	(207.629)	91.218.765	(28.879.859)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	19.987.321	2.748.972	9.602.331	54.497	-	32.393.121
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.887.383)	(713.054)	(3.467.768)	(18.827)	-	(6.087.032)
Kết quả kinh doanh bộ phận (trước thuế)	18.099.938	2.035.918	6.134.563	35.670	-	26.306.089

Tài sản và công nợ theo bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
III. Tài sản	670.276.168	43.321.583	248.924.007	5.779.538	(23.347.656)	944.953.640
1. Tiền mặt	1.679.519	479.203	1.474.904	41.768	-	3.675.394
2. Tài sản cố định	4.652.222	51.306	125.335	25.323	-	4.854.186
3. Tài sản khác	663.944.427	42.791.074	247.323.768	5.712.447	(23.347.656)	936.424.060
IV. Nợ phải trả	575.079.553	41.523.478	244.025.615	3.542.672	(15.928.837)	848.242.481
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	655.825.780	30.719.414	136.135.877	3.231.385	(15.906.517)	810.005.939
2. Nợ phải trả nội bộ	1.277.859	-	240	(1.429)	-	1.276.670
3. Nợ phải trả khác	(82.024.086)	10.804.064	107.889.498	312.716	(22.320)	36.959.872

47.3 Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Tổng nợ cho vay khách hàng	Tổng tiền gửi, cho vay tại NHNN và các TCTD khác	Cam kết ngoại bảng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Trong nước	769.363.498	769.363.498	237.168.678	191.545	217.995.033
Nước ngoài	7.294.348	7.294.348	-	-	57.261
	776.657.846	776.657.846	237.168.678	191.545	218.052.294

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Tổng nợ cho vay khách hàng	Tổng tiền gửi, cho vay tại NHNN và các TCTD khác	Cam kết ngoại bảng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Trong nước	607.682.561	111.307.681	226.637.928	141.294	192.584.063
Nước ngoài	3.366.269	1.363.211	-	-	66.000
	611.048.830	112.670.892	226.637.928	141.294	192.650.063

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB cần duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu

tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. MB nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao để phòng ngừa rủi ro và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết kỳ hạn ngoại tệ, cam kết hoán đổi ngoại tệ, cam kết hoán đổi chéo tiền tệ lãi suất cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để

chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

49. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro vốn có trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;

50. RỦI RO LÃI SUẤT

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định lại lãi suất theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và một số tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất;

- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất được xếp loại đến một tháng;

- Thời hạn định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

- Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng, các khoản ủy thác và nhận ủy thác; nợ Chính phủ và NHNNVN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; các khoản

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

tiền gửi của khách hàng; các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

50. RỦI RO LÃI SUẤT

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Thời hạn định lại lãi suất									Tổng cộng
	Quá hạn	Không ảnh hưởng thay đổi lãi suất	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm		
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng		
Tài sản										
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	3.349.166	-	-	-	-	-	-	-	3.349.166
Tiền gửi tại NHNN	-	29.825.253	-	-	-	-	-	-	-	29.825.253
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	64.954.583	3.885.740	2.718.747	2.535.499	2.696.919	-	-	76.791.488
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	212.152	7.719.682	-	-	-	-	-	-	7.931.834
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	18.894.036	-	251.016.585	282.018.924	97.486.454	85.893.184	41.905.455	484.570	-	777.699.208
Chứng khoán đầu tư (*)	226.635	-	20.895.655	20.328.109	21.361.341	42.640.018	44.438.056	60.230.646	-	210.120.460
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	775.670	-	-	-	-	-	-	-	775.670
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	5.664.531	-	-	-	-	-	-	-	5.664.531
Tài sản Có khác (*)	291.790	28.900.121	-	-	-	-	-	-	-	29.191.911
Tổng tài sản (1)	19.412.461	68.726.893	344.586.505	306.232.773	121.566.542	131.068.701	89.040.430	60.715.216	-	1.141.349.521
Nợ phải trả										
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.156.285	-	-	-	-	-	-	8.156.285
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	89.519.309	8.597.611	3.590.615	8.462.050	-	-	-	110.169.585
Tiền gửi của khách hàng	-	-	386.473.392	120.624.054	114.310.515	80.948.040	11.778.306	20.172	-	714.154.479
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(193.425)	72.330	91.253	153.387	68.000	-	-	191.545
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	540.433	1.411.277	774.781	-	62.249	4.713	-	2.793.453
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.899.998	5.050.569	30.297.714	35.928.347	39.985.764	12.801.641	-	128.964.033
Các khoản nợ khác (*)	-	47.311.049	-	-	-	-	-	-	-	47.311.049
Tổng nợ phải trả (2)	-	47.311.049	489.395.992	135.755.841	149.064.878	125.491.824	51.894.319	12.826.526	-	1.011.740.429
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng (3) = (1) – (2)	19.412.461	21.415.844	(144.809.487)	170.476.932	(27.498.336)	5.576.877	37.146.111	47.888.690	-	129.609.092

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

50. RỦI RO LÃI SUẤT (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Thời hạn định lại lãi suất									Tổng cộng
	Quá hạn	Không ảnh hưởng thay đổi lãi suất	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm		
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng		
Tài sản										
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	3.675.394	-	-	-	-	-	-	-	3.675.394
Tiền gửi tại NHNN	-	66.321.652	-	-	-	-	-	-	-	66.321.652
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	20.204.609	19.723.605	2.625.536	1.712.513	2.082.977	-	-	46.349.240
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	156.220	44.095.180	-	-	-	-	-	-	44.251.400
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	22.776	113.886	76.643	(17.677)	(54.334)	-	-	141.294
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	20.529.823	-	191.791.810	188.804.735	100.268.536	71.592.654	38.984.461	925.674	-	612.897.693
Chứng khoán đầu tư (*)	226.635	-	22.516.957	32.073.897	15.286.240	6.857.251	23.441.844	47.995.839	-	148.398.663
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	779.587	-	-	-	-	-	-	-	779.587
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	5.094.480	-	-	-	-	-	-	-	5.094.480
Tài sản Có khác (*)	210.131	29.182.889	-	-	-	-	-	-	-	29.393.020
Tổng tài sản (1)	20.966.589	105.210.222	278.631.332	240.716.123	118.256.955	80.144.741	64.454.948	48.921.513	-	957.302.423
Nợ phải trả										
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.738	-	-	-	-	-	-	8.738
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	76.504.545	7.587.972	8.410.806	274.643	7.032.500	-	-	99.810.466
Tiền gửi của khách hàng	-	-	317.812.836	72.046.276	96.881.703	65.309.500	15.462.936	19.326	-	567.532.577
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	1.006.172	1.171.005	525.376	12.793	74.799	9.718	-	2.799.863
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.700.736	29.733.705	37.224.649	27.692.162	22.953.723	5.158.135	-	126.463.110
Các khoản nợ khác (*)	-	51.626.733	-	-	-	-	-	-	-	51.626.733
Tổng nợ phải trả (2)	-	51.626.733	399.033.027	110.538.958	143.042.534	93.289.098	45.523.958	5.187.179	-	848.241.487
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng (3) = (1) – (2)	20.966.589	53.583.489	(120.401.695)	130.177.165	(24.785.579)	(13.144.357)	18.930.990	43.734.334	-	109.060.936

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

51. RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt

Nam và Đô la Mỹ. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Ngoại tệ khác quy đổi	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	256.940	48.988	57.730	363.658
Tiền gửi tại NHNN	2.472.885	2.407	140.486	2.615.778
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	4.690.728	487.551	2.015.671	7.193.950
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	38.586.938	-	1.151.561	39.738.499
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	57.261	57.261
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.731	-	2.731
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	231.468	-	4.374	235.842
Tài sản Có khác (*)	2.251.403	107.619	42.294	2.401.316
Tổng tài sản (1)	48.490.362	649.296	3.469.377	52.609.035
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.085.016	127.196	803.897	19.016.109
Tiền gửi của khách hàng	30.145.358	5.030.936	1.067.443	36.243.737
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(2.001.169)	(3.142.023)	1.071.786	(4.071.406)
Các khoản nợ khác (*)	2.202.352	14.243	167.702	2.384.297
Tổng nợ phải trả (2)	48.431.557	2.030.352	3.110.828	53.572.737
Trạng thái tiền tệ nội bảng (3) = (1) – (2)	58.805	(1.381.056)	358.549	(963.702)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	(150.297)	26.715	47.747	(75.835)
Tổng trạng thái (5) = (3) + (4)	(91.492)	(1.354.341)	406.296	(1.039.537)

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Ngoại tệ khác quy đổi	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	244.947	48.448	66.966	360.361
Tiền gửi tại NHNN	10.617.840	166	155.839	10.773.845
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	18.858.148	334.220	1.683.771	20.876.139
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(18.774.932)	2.724.775	(414.759)	(16.464.916)
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	32.522.281	-	572.292	33.094.573
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	66.001	66.001
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.731	-	2.731
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	60.979	-	3.643	64.622
Tài sản Có khác (*)	5.700.775	72.584	63.175	5.836.534
Tổng tài sản (1)	49.230.038	3.182.924	2.196.928	54.609.890
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	27.439.205	78.680	261.748	27.779.633
Tiền gửi của khách hàng	21.027.511	5.310.758	789.602	27.127.871
Các khoản nợ khác (*)	2.481.312	9.372	213.049	2.703.733
Tổng nợ phải trả (2)	50.948.028	5.398.810	1.264.399	57.611.237
Trạng thái tiền tệ nội bảng (3) = (1) – (2)	(1.717.990)	(2.215.886)	932.529	(3.001.347)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	835.348	-	46.659	882.007
Tổng trạng thái (5) = (3) + (4)	(882.642)	(2.215.886)	979.188	(2.119.340)

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

52. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời.

MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phân quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của MB;

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	3.349.166	-	-	-	-	3.349.166
Tiền gửi tại NHNN	-	-	29.825.253	-	-	-	-	29.825.253
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	64.954.583	3.885.740	5.254.246	2.696.919	-	76.791.488
Chứng khoán kinh doanh		-	7.931.834	-	-	-	-	7.931.834
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	11.578.085	7.315.951	43.910.197	121.190.706	291.621.012	152.724.625	149.358.632	777.699.208
Chứng khoán đầu tư (*)	226.635	-	2.003.036	9.611.758	67.504.868	51.717.125	79.057.038	210.120.460
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	775.670	-	775.670
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	5.664.531	-	5.664.531
Tài sản Có khác (*)	291.790	-	26.208.728	524.101	1.905.589	254.222	7.481	29.191.911
Tổng tài sản (1)	12.096.510	7.315.951	178.182.797	135.212.305	366.285.715	213.833.092	228.423.151	1.141.349.521
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.156.285	-	-	-	-	8.156.285
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	89.519.309	8.597.611	12.052.665	-	-	110.169.585
Tiền gửi của khách hàng	-	-	386.473.392	120.624.054	195.258.555	11.778.306	20.172	714.154.479
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(220.132)	59.511	244.640	107.526	-	191.545
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	540.433	1.411.277	774.781	62.249	4.713	2.793.453
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.899.998	5.050.569	66.226.061	39.686.560	13.100.845	128.964.033
Các khoản nợ khác (*)	-	-	46.748.896	50.817	473.467	37.525	344	47.311.049
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	536.118.181	135.793.839	275.030.169	51.672.166	13.126.074	1.011.740.429
Mức chênh thanh khoản ròng (3) = (1) – (2)	12.096.510	7.315.951	(357.935.384)	(581.534)	91.255.546	162.160.926	215.297.077	129.609.092

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;

- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào loại kỳ hạn đến một tháng;

- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;

- Thời gian đến hạn của các khoản góp vốn mua cổ phần, chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn được coi là từ (1) năm đến (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;

- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu; và

- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được coi là từ một (1) đến năm (5) năm.

52. RỦI RO THANH KHOẢN (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	3.675.394	-	-	-	-	3.675.394
Tiền gửi tại NHNN	-	-	66.321.652	-	-	-	-	66.321.652
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	20.204.609	19.723.605	4.338.049	2.082.977	-	46.349.240
Chứng khoán kinh doanh	-	-	44.251.400	-	-	-	-	44.251.400
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	22.776	113.886	58.966	(54.334)	-	141.294
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	14.600.269	5.929.554	28.001.636	92.831.782	230.019.271	122.620.934	118.894.247	612.897.693
Chứng khoán đầu tư (*)	226.635	-	2.393.010	17.595.159	23.483.843	38.835.644	65.864.372	148.398.663
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	779.587	-	779.587
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	5.094.480	-	5.094.480
Tài sản Có khác (*)	210.131	-	25.632.441	372.089	2.924.561	249.251	4.547	29.393.020
Tổng tài sản (1)	15.037.035	5.929.554	190.502.918	130.636.521	260.824.690	169.608.539	184.763.166	957.302.423
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.738	-	-	-	-	8.738
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	76.504.545	7.587.972	8.685.449	7.032.500	-	99.810.466
Tiền gửi của khách hàng	-	-	317.812.836	72.046.276	162.191.203	15.462.936	19.326	567.532.577
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	1.006.172	1.171.005	538.169	74.799	9.718	2.799.863
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.700.736	29.733.705	64.916.811	22.953.723	5.158.135	126.463.110
Các khoản nợ khác (*)	-	-	51.289.391	56.127	223.464	57.751	-	51.626.733
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	450.322.418	110.595.085	236.555.096	45.581.709	5.187.179	848.241.487
Mức chênh thanh khoản ròng (3) = (1) – (2)	15.037.035	5.929.554	(259.819.500)	20.041.436	24.269.594	124.026.830	179.575.987	109.060.936

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

53. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2024 triệu đồng	31/12/2023 triệu đồng
Đến hạn trong 1 năm	77.697	43.870
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	1.187.143	1.027.892
Đến hạn sau 5 năm	473.524	387.020
	1.738.364	1.458.782

54. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế của MB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so với năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 tăng 1.897.472 triệu đồng, tương đương mức tăng 9,01% do các nguyên nhân sau:

Khoản mục biến động lớn	Giá trị triệu đồng
Tăng thu nhập lãi thuần	2.468.371
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	283.024
Tăng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	790.339
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.214.456
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.502.701
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	852.709
Giảm thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(4.440)
Tăng chi phí hoạt động	(2.094.309)
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.489.612)
Tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(625.767)
	1.897.472

55. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 33/BC-MB-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025 của Ngân hàng và Công văn số 371/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 1 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 795.948.607 cổ phiếu. Theo đó, tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 6.102.272.659 cổ phiếu. Ảnh hưởng của sự kiện này đối với lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày tại Thuyết minh 38.

Ngoài sự kiện nêu trên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

56. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ KẾ TOÁN NĂM

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
USD	25.450,00	24.250,00
EUR	26.715,00	27.079,00
GBP	32.025,00	30.901,00
JPY	163,92	172,16
CHF	28.340,50	28.942,00
AUD	15.915,50	16.559,00
CAD	17.841,50	18.385,00
SGD	18.808,00	18.454,00
THB	752,87	712,98
SEK	2.324,87	2.455,18

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:









Bà Lê Thị Huyền Trang
Giám đốc Trung tâm
Kế toán

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Ông Phạm Như Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Phụ lục

Mục lục GRI

Tuyên bố sử dụng	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) báo cáo các thông tin được trích dẫn trong mục lục GRI dưới đây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 tham chiếu đến Tiêu chuẩn GRI.
GRI đã sử dụng	GRI 1: Tiêu chuẩn nền tảng 2021

Tiêu chuẩn GRI	Chỉ số GRI	Trang
GRI 2: Thông tin chung 2021	2-1 Thông tin về tổ chức	18-19
	2-2 Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo PTBV	152
	2-3 Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	152
	2-4 Trình bày lại thông tin	
	2-5 Đảm bảo độc lập của bên thứ ba	
	2-6 Hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	24-25
	2-7 Nhân viên	90, 192-193
	2-8 Người lao động không phải là nhân viên	
	2-9 Cơ cấu quản trị	28-29, 170-171
	2-10 Đề cử và lựa chọn cấp quản trị cao nhất	
	2-11 Chủ tịch của cấp quản trị cao nhất	30-31
	2-12 Vai trò của cấp quản trị cao nhất trong việc giám sát việc quản lý các tác động	171
	2-13 Phân cấp trách nhiệm trong việc quản lý các tác động	171
	2-14 Vai trò của cấp quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	171
	2-15 Xung đột lợi ích	202
	2-16 Truyền thông về các mối quan tâm trọng yếu	
	2-17 Kiến thức tổng hợp của tất cả các thành viên trong cấp quản trị cao nhất	

Tiêu chuẩn GRI	Chỉ số GRI	Trang
	2-18 Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản trị cao nhất	218-221
	2-19 Chính sách thù lao	236
	2-20 Quy trình xác định thù lao	236
	2-21 Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	344-345
	2-22 Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	154-155
	2-23 Các cam kết chính sách	154-155
	2-24 Tích hợp các cam kết chính sách	158-163
	2-25 Quy trình khắc phục các tác động tiêu cực	207
	2-26 Cơ chế tìm kiếm sự tư vấn và báo cáo các vấn đề quan tâm	207
	2-27 Tuân thủ pháp luật và các quy định	204
	2-28 Thành viên của các Hiệp hội	18-19
	2-29 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	164-165
	2-30 Thỏa ước thương lượng tập thể	199
GRI 3: Lĩnh vực trọng yếu 2021	3-1 Quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu	166
	3-2 Danh sách các lĩnh vực trọng yếu	168
	3-3 Quản trị các lĩnh vực trọng yếu	168
GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế 2016	201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	200
	201-2 Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	191
	201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	197-199
	201-4 Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ	

Tiêu chuẩn GRI	Chỉ số GRI	Trang
GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016	202-1 Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	
	202-2 Tỷ lệ thành viên ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	
GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp 2016	203-1 Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	200
	203-2 Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	200
GRI 204: Thông lệ mua sắm 2016	204-1 Tỷ lệ chỉ tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	
GRI 205: Chống tham nhũng 2016	205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	206-207
	205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	206-207
	205-3 Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	206-207
GRI 206: Hành vi cản trở cạnh tranh 2016	206-1 Các chế tài đối với hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	
GRI 207: Thuế 2019	207-1 Phương pháp tiếp cận thuế	
	207-2 Quản lý thuế, kiểm soát và quản lý rủi ro	
	207-3 Sự tham gia của các bên liên quan và quản lý các mối quan tâm liên quan đến thuế	
	207-4 Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia	
GRI 301: Vật liệu 2016	301-1 Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	187-188
	301-2 Vật liệu tái chế đã được sử dụng	187-188
	301-3 Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	
GRI 302: Năng lượng 2016	302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	190
	302-2 Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	190
	302-3 Cường độ sử dụng Năng lượng	190
	302-4 Giảm tiêu hao năng lượng	190
	302-5 Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	

Tiêu chuẩn GRI	Chỉ số GRI	Trang
GRI 303: Nước và nước thải 2018	303-1 Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên chung	188-189
	303-2 Quản lý các tác động liên quan đến xả nước	
	303-3 Nước đầu vào	188-189
	303-4 Nước thải	189
	303-5 Nước tiêu thụ	188-189
GRI 304: Đa dạng sinh học 2016	304-1 Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	
	304-2 Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	
	304-3 Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	
	304-4 Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	
GRI 305: Phát thải 2016	305-1 Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	
	305-2 Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	186
	305-3 Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	
	305-4 Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	
	305-5 Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	186
	305-6 Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	
	305-7 Nitrogen oxides (NOx), sulfur oxides (SOx) và các phát thải khí đáng kể khác	
GRI 306: Nước thải và chất thải 2016	306-3 Sự cố tràn đáng kể	
GRI 306: Chất thải 2020	306-1 Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	
	306-2 Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	
	306-3 Chất thải phát sinh	187
	306-4 Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	
	306-5 Chất thải được xử lý	187

Tiêu chuẩn GRI	Chỉ số GRI	Trang
GRI 308: Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường 2016	308-1 Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	
	308-2 Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	
GRI 401: Việc làm 2016	401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	198-199
	401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	198-199
	401-3 Nghỉ thai sản	198-199
GRI 402: Mối quan hệ Lao động/ Quản lý 2016	402-1 Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	
GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp 2018	403-1 Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
	403-2 Nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	
	403-3 Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	196-197
	403-4 Sự tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
	403-5 Huấn luyện nhân viên sức khỏe và an toàn lao động	
	403-6 Nâng cao sức khỏe người lao động	196-197
	403-7 Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp được liên kết trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh	
	403-8 Người lao động được bảo đảm bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
	403-9 Thương tật liên quan đến công việc	199
	403-10 Sức khỏe kém liên quan đến công việc	199
GRI 404: Giáo dục và đào tạo 2016	404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	196-197
	404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	194-196
	404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	
GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng 2016	405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	192-193, 198
	405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	

Tiêu chuẩn GRI	Chỉ số GRI	Trang
GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016	406-1 Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	199
GRI 407: Tự do lập hội / Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể 2016	407-1 Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/ quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	199
GRI 408: Lao động trẻ em 2016	408-1 Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	199
GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc 2016	409-1 Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	199
GRI 410: Thông lệ về an ninh 2016	410-1 Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	
GRI 411: Quyền của Người Bản địa 2016	411-1 Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	
GRI 413: Cộng đồng địa phương 2016	413-1 Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	200-201
	413-2 Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương	
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về mặt Xã hội 2016	414-1 Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về mặt xã hội	
	414-2 Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	
GRI 415: Chính sách công 2016	415-1 Đóng góp chính trị	
GRI 416: Sức khỏe và An toàn của Khách hàng 2016	416-1 Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ	
	416-2 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	
GRI 417: Tiếp thị và Nhãn hiệu 2016	417-1 Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
	417-2 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	
	417-3 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418: Quyền bảo mật thông tin khách hàng 2016	418-1 Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	206

